

Số: /ĐA-UBND

Đồng Nai, ngày ... tháng 3 năm 2026

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG TRÊN CƠ SỞ NGUYÊN TRẠNG CÁC
XÃ: LONG THÀNH, NHƠN TRẠCH, TRẮNG BOM, XUÂN LỘC, DẦU
GIẤY, TÂN PHÚ, TRỊ AN, ĐỒNG PHÚ, TÂN KHAI, LỘC NINH
THUỘC TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Tỉnh Đồng Nai có dân số 4.491.408 người; diện tích tự nhiên 12.737,2 km²; quy mô kinh tế năm 2025 (GRDP) đạt 677.932 tỷ đồng. Sau sáp nhập, Đồng Nai là tỉnh có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước nếu chỉ xét trong khối các tỉnh; GRDP của tỉnh đứng thứ 4 toàn quốc, sau 03 thành phố trực thuộc Trung ương là Hải Phòng, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Từ lâu, Đồng Nai được xác định là cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam - vùng kinh tế phát triển năng động nhất cả nước. Tỉnh có hệ thống hạ tầng giao thông tương đối đồng bộ, hội đủ các phương thức vận tải gồm đường bộ, hàng không, đường sắt và đường thủy nội địa. Nổi bật là Cảng hàng không quốc tế Long Thành dự kiến đưa vào vận hành thương mại từ quý II/2026, Cảng biển Phước An và 10 tuyến đường cao tốc đã, đang và sẽ được triển khai. Đồng Nai đồng thời có đường biên giới tiếp giáp Campuchia, gần với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư. Đặc biệt, sự hình thành đô thị sân bay Long Thành và hành lang sông Đồng Nai sẽ tạo dư địa phát triển mới, thúc đẩy mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực kinh tế của tỉnh trong thời gian tới. Không chỉ là một trong những địa phương phát triển công nghiệp hàng đầu cả nước với 82 khu công nghiệp được quy hoạch, Đồng Nai còn là trung tâm chăn nuôi lớn, có nhiều sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu và tiềm năng đáng kể về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Với dư địa phát triển lớn và những nền tảng quan trọng nêu trên, Tỉnh ủy Đồng Nai đã xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 cơ bản đạt các tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương.

Đồng Nai giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong kết nối liên quốc gia, liên vùng và liên tỉnh. Thứ nhất, Đồng Nai là một trong những địa phương có đường biên giới trên bộ với Vương quốc Campuchia, với Cửa khẩu quốc tế Hoa Lư là đầu mối giao thương quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại song phương. Trong bối cảnh hợp tác phát triển theo

các hành lang kinh tế giữa hai quốc gia ngày càng được thúc đẩy, Đồng Nai có điều kiện thuận lợi để tham gia sâu hơn vào không gian hợp tác khu vực. Thứ hai, Đồng Nai là cửa ngõ kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh với vùng Đông Nam Bộ. Thứ ba, với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Đồng Nai là cửa ngõ giao lưu quốc tế quan trọng của cả vùng và cả nước.

Đồng Nai là một trong những địa phương có hệ thống hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, hiện đại và có tính đột phá của cả nước. Trong những năm qua, tỉnh đã ưu tiên đầu tư các công trình giao thông trọng điểm, qua đó tạo lợi thế kết nối liên vùng mạnh mẽ, mở rộng không gian phát triển và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Hạ tầng đường bộ giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong cấu trúc phát triển của tỉnh. Nằm kề Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp giáp nhiều tỉnh thuộc Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long và có trên 258,9 km đường biên giới, Đồng Nai không chỉ giữ vị trí trọng yếu về quốc phòng - an ninh mà còn là cửa ngõ mở rộng giao thương xuyên biên giới. Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư được kỳ vọng trở thành điểm trung chuyển quan trọng, gắn kết thương mại nội địa với thị trường quốc tế. Trong nhiều năm qua, hệ thống giao thông của tỉnh từng bước được đầu tư, hình thành mạng lưới gồm đường bộ, đường thủy, hàng hải và hàng không. Nhiều công trình giao thông quan trọng đã đưa vào khai thác như cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, cầu Nhơn Trạch, cầu Bạch Đằng 2; đồng thời, các dự án lớn như cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Bến Lức - Long Thành, đường Vành đai 3 và đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đang được triển khai, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển đô thị và liên kết vùng.

Hạ tầng hàng không mang tầm quốc gia và quốc tế là lợi thế nổi bật của Đồng Nai. Cảng hàng không quốc tế Long Thành là dự án hạ tầng đặc biệt quan trọng, có tổng diện tích 5.000 ha, tổng mức đầu tư hơn 16 tỷ USD, được quy hoạch đạt cấp 4F. Khi hoàn thành toàn bộ các giai đoạn, sân bay dự kiến đạt công suất 100 triệu hành khách/năm và 5 triệu tấn hàng hóa/năm. Đây sẽ là động lực quan trọng để phát triển logistics, dịch vụ, thương mại, du lịch chất lượng cao và nâng cao vị thế cạnh tranh của Đồng Nai cũng như Vùng Đông Nam Bộ.

Những yếu tố nêu trên tạo cho Đồng Nai lợi thế cạnh tranh nổi trội, là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Nam Bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

Để tạo điều kiện cho tỉnh Đồng Nai thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn, phù hợp với nguyện vọng của Nhân dân và yêu cầu xây dựng tỉnh phát triển

xứng tầm thành phố trực thuộc Trung ương, việc thành lập thêm các phường là cần thiết. Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có 95 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 23 phường và 72 xã. Theo quy định, để bảo đảm một trong những điều kiện cần thiết đối với tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã phải đạt từ 30% trở lên. Từ yêu cầu đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xây dựng Đề án thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Xuân Lộc, Dầu Giây, Tân Phú, Trị An, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Về cơ sở chính trị, việc xây dựng Đề án quán triệt ý kiến của Bộ Chính trị tại Công văn số 1184-CV/VPTW ngày 22/3/2026 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án xây dựng và phát triển Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065; đồng thời bám sát chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng chính quyền đô thị, phát triển hệ thống đô thị quốc gia và yêu cầu phát triển tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn mới.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: LONG THÀNH, NHƠN TRẠCH, TRẢNG BOM, XUÂN LỘC, DẦU GIÂY, TÂN PHÚ, TRỊ AN, ĐỒNG PHÚ, TÂN KHAI, LỘC NINH THUỘC TỈNH ĐỒNG NAI

Việc thành lập các phường phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu phát triển thực tiễn của địa phương; nhằm cụ thể hóa chủ trương sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền phù hợp với quá trình đô thị hóa; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị, mở rộng phạm vi quản lý đô thị và nâng cao chất lượng quản trị địa phương theo hướng văn minh, hiện đại. Việc thành lập

phường cũng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, dân cư, trật tự đô thị, môi trường, hạ tầng kỹ thuật; tăng cường năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chỉnh trang đô thị, cải cách hành chính, chuyển đổi số; tạo điều kiện thuận lợi hơn trong cung cấp dịch vụ công, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

1. Đối với xã Trảng Bom

Xã Trảng Bom được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ thị trấn Trảng Bom và các xã Giang Điền, Quảng Tiến, Sông Trầu, có diện tích tự nhiên 68,77 km² và quy mô dân số 95.502 người. Với vị trí địa lý thuận lợi, gần các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A, cao tốc Long Thành - Dầu Giây và các tuyến đường liên tỉnh; có quỹ đất phát triển, địa hình phù hợp, các khu công nghiệp lớn như Giang Điền, Bàu Xéo; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, nguồn nhân lực dồi dào; đồng thời nằm trong định hướng quy hoạch phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Đồng Nai, Trảng Bom có đầy đủ điều kiện, tiền đề thuận lợi để tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Việc thành lập phường Trảng Bom nhằm cụ thể hóa chủ trương sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền phù hợp với quá trình đô thị hóa; đồng thời đáp ứng yêu cầu mở rộng phạm vi quản lý đô thị và nâng cao chất lượng quản trị địa phương theo hướng văn minh, hiện đại. Trong những năm qua, Trảng Bom có tốc độ đô thị hóa nhanh; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ giữ vai trò chủ đạo; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp cao; mật độ dân cư tập trung; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngày càng được đầu tư đồng bộ. Những yếu tố này cho thấy tính chất địa bàn đã và đang chuyển mạnh từ nông thôn sang đô thị, đòi hỏi phải tổ chức mô hình đơn vị hành chính cấp phường để phù hợp với yêu cầu quản lý và định hướng phát triển.

2. Đối với xã Long Thành

Xã Long Thành được sáp nhập từ 04 đơn vị gồm xã Bình Sơn, xã Lộc An, xã Long An và thị trấn Long Thành; có diện tích tự nhiên 130,12 km², dân số 95.992 người; phía Bắc giáp xã Bình An, phía Nam giáp xã Phước Thái, phía Đông giáp xã Long Phước, phía Tây giáp xã An Phước. Long Thành có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, nằm ở trung tâm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 40 km về phía Đông và liền kề các khu vực công nghiệp năng động như Nhơn Trạch và khu vực công nghiệp - cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Vị trí này tạo điều kiện thuận lợi để Long Thành phát huy vai trò cửa ngõ, trung tâm kết nối và phát triển đô thị trong khu vực.

Vai trò, vị trí của đô thị Long Thành được xác định là đô thị gắn kết chặt chẽ với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, giữ vai trò cửa ngõ quốc gia trong giao lưu quốc tế; là trung tâm dịch vụ hậu cần hỗ trợ sân bay, trung tâm logistics, kho vận, công nghiệp đa ngành, công nghiệp công nghệ cao của vùng Đông Nam Bộ; là đầu mối giao thông, vận tải đa phương thức có ý nghĩa đối với quốc gia, vùng Đông Nam Bộ và tỉnh Đồng Nai; đồng thời là khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng và cả nước.

3. Đối với xã Trị An

Xã Trị An chính thức được hình thành trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị gồm thị trấn Vĩnh An, xã Mã Đà và xã Trị An cũ; xã Trị An hiện có diện tích 660,47 km²; trong đó có 45.515 ha đất lâm nghiệp và 12.988,6 ha diện tích mặt nước thuộc hồ Trị An - những lợi thế rất lớn cho phát triển kinh tế rừng, nông nghiệp sinh thái, thủy sản và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với bảo tồn thiên nhiên. Với quy mô dân số 51.757 người và tốc độ đô thị hóa diễn ra ngày càng rõ, Trị An cần được tổ chức bộ máy quản lý theo hướng đô thị để bảo đảm phát triển đúng định hướng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

Xã Trị An có tiềm năng lớn về du lịch sinh thái, khi hồ Trị An được định hướng là khu du lịch quốc gia; đồng thời có lợi thế về sản xuất năng lượng sạch với Thủy điện Trị An và các dự án điện mặt trời. Đây là khu vực có vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và cung cấp nước sạch cho khu vực đô thị Biên Hòa và vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn tới, Trị An là khu vực kết nối các địa phương lân cận thông qua các tuyến giao thông lớn như Quốc lộ 56B kết nối với cầu Hiếu Liêm, đường tỉnh ĐT.761, cầu Mã Đà, đường Vành đai 4, cầu Hiếu Liêm 2 kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng với đó, hạ tầng đô thị, nhất là hệ thống giao thông, đang từng bước được đầu tư; quỹ đất phát triển còn khá lớn; cảnh quan, môi trường có nhiều đặc sắc, tạo điều kiện để hình thành đô thị xanh, thông minh, bền vững, gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao và chuỗi dịch vụ hỗ trợ liên quan.

4. Đối với xã Tân Phú

Xã Tân Phú chính thức được hình thành trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 05 đơn vị gồm: thị trấn Tân Phú và các xã Phú Lộc, Trà Cỏ, Phú Thanh, Phú Xuân.

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa của địa phương diễn ra nhanh, mô hình tổ chức chính quyền nông thôn hiện nay đã bộc lộ những hạn chế nhất định và không còn phù hợp đầy đủ với yêu cầu phát triển. Việc thành lập phường Tân Phú là bước đi cần thiết nhằm xác lập mô hình quản lý nhà nước phù hợp hơn,

bảo đảm năng động, hiện đại, tinh gọn; đồng thời tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để địa phương tiếp tục phát huy vai trò là khu vực phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ quan trọng của vùng.

Hiện nay, khu công nghiệp trên địa bàn có tỷ lệ lấp đầy 94%, cho thấy khả năng thu hút đầu tư khá cao. Kế hoạch mở rộng thêm 246 ha sẽ tạo thêm dư địa để thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ có giá trị gia tăng lớn. Khi trở thành phường, Tân Phú sẽ có điều kiện thuận lợi hơn trong công tác xúc tiến đầu tư, kết nối liên vùng, quản lý quy hoạch kiến trúc, cảnh quan đô thị và trật tự xây dựng theo các quy chuẩn đô thị. Đồng thời, việc thành lập phường cũng tạo tiền đề để tiếp tục đầu tư hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, các không gian công cộng và thiết chế văn hóa - thể thao, qua đó nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

5. Đối với xã Lộc Ninh

Xã Lộc Ninh được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Lộc Ninh, xã Lộc Thái và xã Lộc Thuận thành xã mới có tên gọi là xã Lộc Ninh, với diện tích tự nhiên 67,51 km² và dân số 31.484 người. Việc sắp xếp các đơn vị hành chính thành xã Lộc Ninh mới bảo đảm các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các đơn vị được sáp nhập có vị trí liên kề, liên kết chặt chẽ về lịch sử, văn hóa, xã hội và kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức bộ máy quản lý nhà nước. Khu vực có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ, đặc biệt là trục Quốc lộ 13 đi qua trung tâm, bảo đảm tính liên thông, hỗ trợ hiệu quả cho điều hành, phát triển thương mại, dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân sau sáp nhập; qua đó hình thành không gian phát triển mới với quy mô lớn hơn và kế thừa các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các đơn vị trước khi sáp nhập.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa trên địa bàn và định hướng phát triển của tỉnh Đồng Nai, việc thành lập phường Lộc Ninh trên cơ sở nguyên trạng xã Lộc Ninh là cần thiết, thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau:

Trước hết, về quy mô và đặc điểm phát triển, xã Lộc Ninh hiện nay đã có những yếu tố cơ bản của một đơn vị hành chính đô thị. Theo số liệu thống kê, mật độ dân số ngày càng tăng, phân bố dân cư có xu hướng tập trung tại các khu vực phát triển công nghiệp, thương mại và dọc các trục giao thông chính. Quy mô dân số lớn cùng với sự gia tăng dân số cơ học do thu hút lao động từ các địa phương khác đến làm việc đã tạo áp lực ngày càng lớn đối với công tác quản lý hành chính, quản lý dân cư và cung ứng dịch vụ công.

Về phát triển kinh tế, trong những năm gần đây, kinh tế của xã Lộc Ninh duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã Lộc Ninh năm 2025 đạt trên 4.600 tỷ đồng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Trên địa bàn đã hình thành và phát triển các khu công nghiệp, thu hút nhiều dự án đầu tư, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy quá trình đô thị hóa. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển đa dạng với hàng trăm cơ sở sản xuất, kinh doanh, hệ thống phân phối hàng hóa từng bước được mở rộng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và giao thương trên địa bàn.

Về kết cấu hạ tầng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn đã từng bước được đầu tư, nâng cấp, đặc biệt là hệ thống giao thông, điện, thông tin liên lạc, các công trình giáo dục, y tế, văn hóa. Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh cũng bộc lộ những hạn chế như hạ tầng chưa đồng bộ, một số khu vực phát triển còn mang tính tự phát, công tác quản lý xây dựng, quản lý đất đai, bảo vệ môi trường còn gặp nhiều khó khăn. Trong điều kiện đó, việc tổ chức lại đơn vị hành chính theo mô hình phường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Về xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, trên địa bàn không còn hộ nghèo, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt mức cao. Hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa từng bước được củng cố, đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân. Tuy nhiên, cùng với quá trình đô thị hóa, nhu cầu về dịch vụ công, về môi trường sống, về chất lượng hạ tầng xã hội ngày càng cao, đòi hỏi phải có phương thức quản lý phù hợp với đặc thù đô thị.

Mặt khác, theo quy hoạch phát triển của tỉnh Đồng Nai, khu vực Lộc Ninh được xác định là đô thị mới, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và hệ thống hạ tầng đồng bộ. Do đó, việc thành lập phường Lộc Ninh không chỉ xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của địa phương mà còn nhằm cụ thể hóa các định hướng quy hoạch, tạo cơ sở pháp lý để triển khai các dự án đầu tư, phát triển đô thị trong thời gian tới.

Xã Lộc Ninh hiện đã hội tụ nhiều yếu tố cơ bản của một đơn vị hành chính đô thị; đồng thời, những hạn chế về cơ cấu kinh tế, hạ tầng và phương thức quản lý cũng đặt ra yêu cầu phải tổ chức lại đơn vị hành chính theo hướng phù hợp hơn. Vì vậy, việc thành lập phường Lộc Ninh trên cơ sở nguyên trạng xã Lộc Ninh là yêu cầu khách quan, cấp thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và định hướng phát triển của tỉnh Đồng Nai.

6. Đối với xã Nhơn Trạch

Xã Nhơn Trạch được hình thành từ việc sáp nhập 05 đơn vị hành chính gồm thị trấn Hiệp Phước, xã Long Tân, xã Phú Thạnh, xã Phú Hội và xã Phước Thiện, thuộc địa bàn huyện Nhơn Trạch trước đây. Sau sắp xếp, xã Nhơn Trạch trở thành đơn vị hành chính có quy mô lớn, giữ vị trí quan trọng trong tổ chức không gian phát triển mới của tỉnh Đồng Nai.

Việc thành lập phường Nhơn Trạch trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nhơn Trạch là yêu cầu khách quan, cấp thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và định hướng phát triển chung của tỉnh Đồng Nai. Đây là bước chuyển quan trọng về mô hình quản lý, tạo cơ sở để hình thành không gian đô thị thống nhất, hiện đại, phát huy vai trò đô thị động lực, trung tâm công nghiệp - dịch vụ và đô thị vệ tinh quan trọng của Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Nhơn Trạch nằm ở vị trí cửa ngõ phía Đông của Thành phố Hồ Chí Minh, có ranh giới tự nhiên là sông Đồng Nai, đồng thời là đầu mối kết nối trực tiếp với Cảng hàng không quốc tế Long Thành - công trình trọng điểm quốc gia. Với hệ thống hạ tầng giao thông hiện đại gồm cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, đường Vành đai 3, đường Tôn Đức Thắng (25B) và đường Nguyễn Ái Quốc (25C), Nhơn Trạch có điều kiện thuận lợi để phát triển thành trung tâm giao thương, logistics và dịch vụ hỗ trợ hàng không trong thời gian tới.

Hiện nay, địa bàn có quy mô dân số 156.798 người; trong đó lực lượng lao động nhập cư chiếm tỷ trọng lớn, thể hiện sức hút mạnh về dân cư và lao động. Tuy nhiên, với quy mô không gian đô thị lớn và tính chất phát triển phức tạp, mô hình quản lý hành chính cấp xã không còn đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý. Việc thành lập phường sẽ tạo cơ sở pháp lý, hành chính để Nhơn Trạch phát huy tốt hơn lợi thế vị trí chiến lược, đảm nhận vai trò đô thị vệ tinh sân bay và trở thành động lực phát triển quan trọng của vùng Đông Nam Bộ.

7. Đối với xã Xuân Lộc

Xã Xuân Lộc được thành lập trên cơ sở sáp nhập 05 đơn vị hành chính gồm xã Xuân Trường, xã Xuân Thọ, xã Suối Cát, xã Xuân Hiệp và thị trấn Gia Ray; có diện tích 140,5 km², dân số 101.485 người, gồm 31 ấp, khu phố, 452 tổ nhân dân, với 21.779 hộ, mật độ khoảng 722 người/km². Đây là địa bàn có quy mô lớn, dân số đông, dân cư phân bố theo hướng tập trung, đã hình thành nhiều khu dân cư mang tính chất đô thị rõ nét. Đặc biệt, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 78,64%, phản ánh xu hướng chuyển dịch mạnh từ nông thôn sang đô thị. Những yếu tố này cho thấy Xuân Lộc đã cơ bản hội tụ điều kiện của đơn vị hành chính đô thị, việc tiếp tục duy trì mô hình xã không còn phù hợp với yêu cầu phát triển.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của Xuân Lộc đã được đầu tư tương đối đồng bộ, với mạng lưới giao thông, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa - thể thao ngày càng hoàn thiện. Đặc biệt, hệ thống đường giao thông, trường học và thiết chế văn hóa - thể thao được đầu tư khá đầy đủ, gồm các tuyến cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, đường trục chính đô thị, các trường học, quảng trường, trung tâm hội nghị, trung tâm văn hóa - thể thao, nhà văn hóa các ấp và nhiều công trình thể thao, đáp ứng khá tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và rèn luyện của Nhân dân. Tuy nhiên, việc quản lý, khai thác và phát triển hạ tầng theo định hướng đô thị cần có mô hình quản lý phù hợp hơn. Thành lập phường sẽ giúp tổ chức không gian đô thị thống nhất, triển khai hiệu quả các quy hoạch, huy động nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng hạ tầng và dịch vụ công.

Việc thành lập phường Xuân Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số hiện có là yêu cầu khách quan, cấp thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển đô thị và sắp xếp đơn vị hành chính trong giai đoạn mới. Đây là bước chuyển từ mô hình quản lý nông thôn sang quản lý đô thị, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; hoàn thiện hệ thống hạ tầng; nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương trong giai đoạn tới.

8. Đối với xã Tân Khai

Xã Tân Khai được thành lập trên cơ sở sáp nhập thị trấn Tân Khai, xã Tân Hiệp và xã Đồng Nơ, mở ra giai đoạn phát triển mới với quy mô lớn và định hướng đô thị rõ nét. Sau khi được thành lập, xã Tân Khai có diện tích tự nhiên khoảng 161,79 km², quy mô dân số tính đến ngày 22/3/2026 là 39.147 người, mật độ dân số khoảng 242 người/km². Với quy mô diện tích rộng, dân số đông, không gian phát triển lớn và vị trí địa lý thuận lợi, Tân Khai có nhiều điều kiện để phát triển theo định hướng đô thị trong thời gian tới.

Việc thành lập phường trên cơ sở nguyên trạng xã Tân Khai là bước cụ thể hóa định hướng quy hoạch, tạo cơ sở pháp lý để triển khai đồng bộ các chương trình, dự án đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng và hình thành không gian đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

Trong những năm gần đây, xã Tân Khai có tốc độ đô thị hóa khá nhanh, quy mô dân số lớn, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư.

Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 50%; các khu dân cư tập trung, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát triển đa dạng, thể hiện ngày càng rõ đặc trưng

của khu vực đô thị. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để chuyển đổi mô hình đơn vị hành chính từ xã sang phường.

9. Đối với xã Dầu Giây

Xã Dầu Giây được thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ thị trấn Dầu Giây và các xã Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Lộ 25, có diện tích tự nhiên 98,87 km² và quy mô dân số 70.264 người. Với vị trí địa lý thuận lợi, gần các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A, cao tốc Long Thành - Dầu Giây và các tuyến đường liên tỉnh; có quỹ đất phát triển, địa hình phù hợp, Khu công nghiệp Dầu Giây; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, nguồn nhân lực dồi dào; đồng thời nằm trong định hướng quy hoạch phát triển hệ thống đô thị của tỉnh, Dầu Giây có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh trong thời gian tới.

Xã Dầu Giây nằm ở phía Nam tỉnh Đồng Nai. Động lực phát triển của địa phương đến từ vị trí tiếp giáp các vùng đô thị lớn của tỉnh và của thành phố Hồ Chí Minh, cùng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông gồm cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đô thị, công nghiệp đa ngành, công nghiệp phụ trợ, vận chuyển và các dịch vụ hỗ trợ chuỗi cung ứng hàng hóa. Đây là địa bàn có tiềm năng phát triển thành đô thị công nghiệp, dịch vụ đầu mối quan trọng của tỉnh, thể hiện ở các khía cạnh sau:

Xã Dầu Giây có vị trí thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển theo định hướng đô thị với các yếu tố:

- + Cách Cảng hàng không quốc tế Long Thành khoảng 25 km về phía Bắc.
- + Nằm trên hành lang các tuyến giao thông lớn của quốc gia như Quốc lộ 20 (kết nối Đồng Nai - Lâm Đồng) và Quốc lộ 1 (trục kinh tế Bắc - Nam, kết nối các đô thị trọng điểm với vùng Thành phố Hồ Chí Minh).
- + Tiếp giáp và tiếp cận trực tiếp với các đô thị động lực của tỉnh như Biên Hòa, Long Khánh; đồng thời tiếp cận thuận tiện với các khu vực động lực của vùng và quốc gia như Cảng hàng không quốc tế Long Thành và Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Khu vực đã được quản lý, đầu tư một phần theo định hướng đô thị; trong đó thị trấn Dầu Giây trước đây là đô thị loại V, là trung tâm hành chính, chính trị, trung tâm tổng hợp của huyện Thống Nhất cũ.
- + Kết cấu hạ tầng khung đã được đầu tư cơ bản cả về số lượng và chất lượng, gồm hạ tầng xã hội như văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục; hạ tầng kinh tế với Khu công nghiệp Dầu Giây đã hình thành, hoạt động; hạ tầng kỹ thuật như giao thông đô thị, cấp điện, cấp nước...

Theo phương án phát triển hệ thống đô thị tỉnh Đồng Nai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Phụ lục 1 Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2025, đô thị Dầu Giây cũ là đô thị loại V với quy mô diện tích 14,14 km²; giai đoạn đến năm 2030 định hướng phát triển thành đô thị loại IV. Đối với 03 xã còn lại gồm Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Lộ 25, đều đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo các quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai; riêng xã Hưng Lộc theo Quyết định số 586/QĐ-TTg cũng được định hướng phát triển thành đô thị loại V. Hiện nay, xã Dầu Giây cơ bản đạt các tiêu chí thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2025.

Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, khu vực thị trấn Dầu Giây (cũ) được xác định là đô thị loại III. Bên cạnh đó, phương án phát triển hệ thống đô thị trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và phương án điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được dự thảo đều xác định xã Dầu Giây phát triển theo tiêu chí đô thị và nằm trong vùng phát triển đô thị tập trung của tỉnh Đồng Nai.

10. Đối với xã Đồng Phú

Xã Đồng Phú được thành lập trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng 03 đơn vị hành chính gồm thị trấn Tân Phú, xã Tân Lập và xã Đồng Phú, có tổng diện tích 138,66 km² và dân số 39.213 người.

Việc thành lập phường Đồng Phú là yêu cầu khách quan, cấp thiết trong bối cảnh Đồng Nai đang tăng tốc phát triển để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ đã làm thay đổi rõ nét diện mạo kinh tế - xã hội của Đồng Phú: dân số cơ học tăng nhanh, hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển, nhu cầu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và quản lý đô thị ngày càng cao. Trong khi đó, mô hình chính quyền cấp xã hiện nay không còn phù hợp để đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại, nhất là trong các lĩnh vực quy hoạch, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, môi trường và cung ứng dịch vụ công.

Việc thành lập phường Đồng Phú sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm vận hành theo mô hình chính quyền đô thị phù hợp hơn; đồng thời là điều kiện quan trọng để thu hút đầu tư, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Qua đó, góp phần xây dựng Đồng Phú phát triển nhanh, bền vững, đồng bộ với tiến trình đô thị hóa của tỉnh trong giai đoạn mới.

III. VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Xuân Lộc, Dầu Giây, Tân Phú, Trị An, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh. Việc thành lập 10 phường thuộc tỉnh Đồng Nai bảo đảm các điều kiện theo quy định, cụ thể:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các văn bản: Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh Đồng Nai nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng Đồng Nai trở thành tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào năm 2030. Đồng thời, tạo điều kiện đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp chiều rộng với chiều sâu, tạo nền tảng cho phát triển dựa nhiều hơn vào tri thức, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Bảo đảm yêu cầu quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Việc thành lập 10 phường không làm giảm vai trò, vị trí chiến lược của các địa bàn mà còn tạo điều kiện củng cố tốt hơn quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

4. Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương; tạo thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn. Việc thành lập các phường sẽ tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; tạo điều kiện đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa; qua đó giúp Nhân dân được tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Quá trình xây dựng đề án thành lập 10 phường đã nhận được sự đồng thuận cao của Nhân dân.

5. Việc thành lập 10 phường thuộc tỉnh Đồng Nai được thực hiện trên cơ sở bảo đảm các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 5 Nghị

quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ: LONG THÀNH, NHƠN TRẠCH, TRẮNG BOM, XUÂN LỘC, DẦU GIÂY, TÂN PHÚ, TRỊ AN, ĐỒNG PHÚ, TÂN KHAI, LỘC NINH THUỘC TỈNH ĐỒNG NAI

A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN

I. Đối với xã Trảng Bom

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Trảng Bom được hình thành trên cơ sở hợp nhất 04 đơn vị hành chính gồm: thị trấn Trảng Bom, xã Sông Trầu, xã Quảng Tiến và xã Giang Điền. Xã Trảng Bom là một xã Trung tâm có vị trí chiến lược, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, có hệ thống giao thông kết nối vùng thuận lợi, trong thời gian vừa qua có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội. Xã Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 6.877,40 ha, chiếm 0,54 % tổng diện tích của tỉnh, có ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: giáp xã Bàu Hàm, xã Hưng Thịnh và xã An Viễn;
- Phía Bắc: giáp xã Tân An và xã Bàu Hàm;
- Phía Tây: giáp xã Bình Minh;
- Phía Nam: giáp xã An Viễn và phường Tam Phước.

1.2. Vai trò chức năng

Xã Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai, có vị trí địa lý thuận lợi, là địa bàn có vai trò quan trọng trong kết nối giao thông, giao thương và phát triển công nghiệp - dịch vụ của khu vực. Địa bàn có lợi thế trong liên kết vùng, tiếp giáp các khu vực phát triển năng động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội, khu vực trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của đô thị Trảng Bom. Là địa bàn tập trung phát triển công nghiệp và dịch vụ, xã đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Đồng thời, xã Trảng Bom có vị trí thuận lợi trong kết nối giao thông liên vùng, gần với các đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa và khu vực Long Thành. Xã giữ vai trò là khu vực trung chuyển, phát triển logistics và kho vận phục vụ sản xuất công nghiệp. Bên cạnh đó, đây là khu vực hạt nhân phát triển không gian đô thị, góp phần giãn dân và hình thành các khu dân cư tập trung. Đồng thời, xã là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ phục vụ nhu cầu dân sinh và sản xuất. Với các lợi thế nêu trên, xã Trảng Bom giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đô thị và định hướng thành lập phường trong thời gian tới.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên: Tổng diện tích tự nhiên của xã Trảng Bom là 6.877,40 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 4.763,12 ha, chiếm 69,26%; diện tích đất phi nông nghiệp 1.957,45 ha, chiếm 28,46% và diện tích đất chưa sử dụng 156,82 ha chiếm 2,28%

2.2. Cơ cấu các loại đất:

Nhóm đất nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp là 4.763,12 ha, chiếm 69,26% diện tích tự nhiên, gồm: đất trồng cây hằng năm 1.110,72 ha (23,32%), đất trồng cây lâu năm 3.211,50 ha (67,42%), đất lâm nghiệp 6,88 ha (0,14%), đất nuôi trồng thủy sản 321,33 ha (6,75%), đất nông nghiệp khác 112,69 ha (2,37%). Trên địa bàn không có đất chăn nuôi tập trung và đất làm muối.

Nhóm đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp là 1.957,45 ha, chiếm 28,46% diện tích tự nhiên, gồm: đất ở 643,95 ha (32,90%), đất xây dựng trụ sở cơ quan 9,68 ha (0,49%), đất quốc phòng, an ninh 23,79 ha (1,22%), đất xây dựng công trình sự nghiệp 228,31 ha (11,66%), đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 519,54 ha (26,54%), đất công cộng 427,60 ha (21,84%), đất tôn giáo 20,28 ha (1,04%), đất tín ngưỡng 0,15 ha (0,01%), đất nghĩa trang 8,77 ha (0,45%) và đất có mặt nước chuyên dùng 75,39 ha.

Đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng là 156,82 ha, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên; toàn bộ là diện tích đất do Nhà nước thu hồi nhưng chưa giao, chưa cho thuê.

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Dân số: 95.502 người

3.2. Cơ cấu lao động: Cơ cấu lao động trên địa bàn xã Trảng Bom chuyển dịch theo hướng đô thị hóa, trong đó lao động phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng chủ yếu, ước khoảng 75% tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn; lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản còn khoảng 25%. Trong khu vực lao động phi

nông nghiệp, lao động công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng lớn, tiếp đến là thương mại - dịch vụ. Cơ cấu lao động này phù hợp với đặc điểm địa bàn có tốc độ đô thị hóa cao, tập trung nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các khu công nghiệp, tạo nền tảng thuận lợi để phát triển xã Trảng Bom trở thành phường trong thời gian tới.

3.3. Thành phần dân cư (thành thị/nông thôn): dân số có đặc điểm dân cư thành thị trên địa bàn xã Trảng Bom là 47.978 người, chiếm 50,24% tổng dân số toàn xã (47.978 người/95.502 người). Phần dân số còn lại là 47.524 người, chiếm 49,76%, mang đặc điểm dân cư nông thôn.

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế gồm:

Kinh tế trên địa bàn xã Trảng Bom phát triển theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế địa phương ước đạt từ **75% trở lên**, phù hợp với xu thế đô thị hóa và yêu cầu phát triển đơn vị hành chính đô thị. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế trên địa bàn duy trì tăng trưởng ổn định qua các năm; trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ giữ vai trò chủ đạo, đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Thu nhập bình quân đầu người: Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã hằng năm được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng nâng cao; mức thu nhập bình quân đầu người cơ bản cao hơn mức bình quân chung của tỉnh trong những năm gần đây.

Tỷ lệ hộ nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn xã duy trì ở mức thấp, giảm qua từng năm và thấp hơn mức bình quân của tỉnh, phản ánh hiệu quả của công tác giảm nghèo và phát triển an sinh xã hội tại địa phương. Tổng số hộ nghèo cuối năm 2025: 73/28.614 hộ, chiếm 0,26% được UBND xã công nhận tại Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 về việc Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2025 trên địa bàn xã Trảng Bom (*Theo Quyết định 806/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ trưởng BNNMT tỷ lệ nghèo đa chiều ở Đồng Nai là 0,41%*).

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của địa phương hiện đạt **75%**.

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Công nghiệp - xây dựng là động lực tăng trưởng chính của địa phương. Trên địa bàn có 351,93 ha đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, 42,53 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và 89,12 ha đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng và đầu tư kết cấu hạ tầng. Đây là lĩnh vực có vai trò thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa.

- Về thương mại - dịch vụ:

Thương mại - dịch vụ phát triển khá, với quỹ đất thương mại, dịch vụ 35,96 ha, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của Nhân dân và góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 1.703 hộ kinh doanh đang được cơ quan thuế lập bộ quản lý, trong đó có 1.280 hộ kinh doanh thuộc diện nộp thuế và 423 hộ kinh doanh có thu nhập thấp, không thuộc diện nộp thuế theo quy định. Bên cạnh đó, trên địa bàn có 15 hợp tác xã và 06 tổ hợp tác đang hoạt động.

Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển tương đối đa dạng với các loại hình kinh doanh như mua bán hàng hóa, dịch vụ ăn uống, vận tải, vật liệu xây dựng, sửa chữa cơ khí, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh. Hệ thống hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã góp phần tích cực trong việc tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, mở rộng dịch vụ dân sinh, đồng thời tạo nền tảng quan trọng để địa phương tiếp tục phát triển theo hướng thương mại - dịch vụ gắn với đô thị hóa trong thời gian tới.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tiếp tục được duy trì theo hướng ổn định, hiệu quả, bền vững, đồng thời giảm dần tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế, phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động và định hướng phát triển địa phương theo hướng đô thị.

Diện tích đất nông nghiệp hiện có 4.763,12 ha, chiếm khoảng 69,26% diện tích tự nhiên; trong đó đất trồng cây lâu năm 3.211,50 ha, đất trồng cây hàng năm 1.110,72 ha, đất nuôi trồng thủy sản 321,33 ha. Tổng diện tích đất canh tác nông nghiệp khoảng 1.104,5 ha, gồm 469,5 ha cây công nghiệp (chiếm 42,5%) và 635 ha cây ăn quả (chiếm 57,5%). Cơ cấu sản xuất đang từng bước chuyển dịch phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị, ưu tiên nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế.

Công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật, phòng trừ sâu bệnh, hướng dẫn sản xuất đúng thời vụ được địa phương thường xuyên quan tâm thực

hiện. Đồng thời, địa phương tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, từng bước nâng cao chất lượng sản xuất và mở rộng khả năng tham gia thị trường xuất khẩu chính ngạch.

Hoạt động chăn nuôi tiếp tục phát triển với 61 trang trại và 506 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ; tổng đàn vật nuôi cơ bản ổn định, trong đó đàn heo, gia cầm và chim cút chiếm tỷ trọng lớn. Công tác thú y, phòng chống dịch bệnh, tiêu độc khử trùng được triển khai thường xuyên, góp phần bảo đảm an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi.

Diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn là 6,88 ha; công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được chú trọng thực hiện, không để xảy ra cháy rừng. Hệ thống công trình thủy lợi hiện có được vận hành ổn định, phục vụ hiệu quả nhu cầu tưới tiêu sản xuất và điều tiết nước trên địa bàn.

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Trảng Bom tiếp tục được quan tâm đầu tư, mạng lưới trường lớp được bố trí tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân và phù hợp với quy mô dân số, tốc độ đô thị hóa của địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 27 trường học, gồm 20 trường công lập và 07 trường ngoài công lập. Trong đó, khối công lập gồm: 06 trường mầm non, 06 trường tiểu học, 04 trường trung học cơ sở, 01 trường tiểu học – trung học cơ sở và 03 trường trung học phổ thông; khối ngoài công lập gồm: 05 trường mầm non, 01 trường tiểu học – trung học cơ sở và 01 trường liên cấp tiểu học – trung học cơ sở – trung học phổ thông. Mạng lưới trường học được phân bố trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường.

Tổng quy mô học sinh các cấp học trên địa bàn là 26.470 học sinh. Trong đó: bậc mầm non có 2.598 học sinh/87 lớp (công lập 1.567 học sinh/55 lớp, ngoài công lập 1.031 học sinh/32 lớp); bậc tiểu học có 10.021 học sinh/250 lớp (công lập 9.105 học sinh/219 lớp, ngoài công lập 916 học sinh/31 lớp); bậc trung học cơ sở có 8.465 học sinh/186 lớp (công lập 6.982 học sinh/148 lớp, ngoài công lập 1.483 học sinh/38 lớp); bậc trung học phổ thông có 5.386 học sinh, trong đó công lập 4.307 học sinh/99 lớp, ngoài công lập 1.079 học sinh/28 lớp. Quy mô học sinh tương đối lớn, phản ánh rõ đặc điểm dân cư tập trung và nhu cầu học tập cao của địa phương trong quá trình phát triển theo hướng đô thị.

Cơ sở vật chất trường lớp tiếp tục được đầu tư, từng bước chuẩn hóa. Hiện toàn xã có 11/17 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 64,7%, trong đó có 02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Đây là cơ sở quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong điều kiện đô thị hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.

Công tác huy động học sinh ra lớp được duy trì ổn định. Tỷ lệ huy động học sinh vào lớp 1 và lớp 6 đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình trung học cơ sở tiếp tục theo học trung học phổ thông đạt khoảng 65%. Điều này cho thấy công tác phổ cập giáo dục và duy trì sĩ số học sinh trên địa bàn được thực hiện tốt, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực cho địa phương.

Việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày từng bước được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế. Hiện nay, 100% trường mầm non tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; ở cấp tiểu học có 02 trường và 01 trường tiểu học – trung học cơ sở tổ chức dạy học 2 buổi/ngày với 100% số lớp; ở cấp trung học phổ thông có 01 trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% số lớp, đồng thời có 02 trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với một số lớp cuối cấp. Việc mở rộng mô hình học 2 buổi/ngày góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của học sinh và phụ huynh trên địa bàn.

Nhìn chung, hệ thống giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Trảng Bom được đầu tư tương đối đồng bộ, quy mô trường lớp và học sinh lớn, tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt cao, chất lượng cơ sở vật chất từng bước được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập của Nhân dân

5.2. Y tế

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Trảng Bom tiếp tục được quan tâm. Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bom, 01 Trạm Y tế xã và 03 điểm Trạm Y tế. Trong đó, Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bom có quy mô 250 giường bệnh, gồm 04 phòng và 11 khoa, với 222 nhân viên y tế, đồng thời có 01 cơ sở điều trị Methadone số 5. Trạm Y tế xã hiện có 37 nhân viên y tế, gồm 04 bác sĩ, 01 kỹ sư, 05 y sĩ, 10 điều dưỡng, 06 dược sĩ, 04 nữ hộ sinh, 05 nhân viên dân số và 02 nhân viên khác.

Mạng lưới y tế cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng, chống dịch bệnh và thực hiện các chương trình y tế cộng đồng. Nhìn chung, hệ thống y tế trên địa bàn được bố trí tương đối đồng bộ, đáp ứng cơ bản nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, phù hợp với quy mô dân số

5.3. Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn xã Trảng Bom luôn được quan tâm chỉ đạo và ưu tiên phát triển, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của địa phương.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tiếp tục được đầu tư, củng cố và phát huy hiệu quả. Hiện nay, toàn xã có 22/22 nhà văn hóa ấp, khu phố, đạt tỷ lệ 100%, bảo đảm phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, tổ chức hội họp, tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở cơ sở. Bên cạnh đó, xã có 01 Trung tâm Văn hóa, Thể thao đạt chuẩn theo quy định, là nơi tổ chức các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và sinh hoạt cộng đồng của địa phương.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục được duy trì và phát triển; các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được tổ chức thường xuyên, nhất là vào các dịp lễ, tết, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương. Hằng năm, địa phương thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội diễn và các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan, góp phần nâng cao nhận thức, tạo không khí phấn khởi trong Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng ngày càng phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo người dân tham gia. Tỷ lệ người dân tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thường xuyên đạt trên 50%. Các giải thi đấu thể thao quần chúng, các hoạt động giao lưu thể thao được tổ chức thường xuyên với nhiều nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng, qua đó góp phần rèn luyện sức khỏe, tăng cường đoàn kết cộng đồng và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của Nhân dân.

Công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai thường xuyên, kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, thương binh và xã hội, nhất là việc thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng trên địa bàn xã Trảng Bom luôn được quan tâm chỉ đạo, triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và giữ vững ổn định chính trị - xã hội tại địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 336 người có công và thân nhân người có công

với cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng, với tổng kinh phí chi trả khoảng 1,08 tỷ đồng/tháng. Ngoài ra, có 177 đối tượng đang hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hằng năm; khoảng 1.000 đối tượng là người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, làm nghĩa vụ quốc tế và người có công giúp đỡ cách mạng đã được công nhận và hưởng chế độ trợ cấp một lần theo quy định.

Địa phương hiện có 01 Nghĩa trang Liệt sĩ và 01 Nhà bia ghi tên liệt sĩ, là nơi thực hiện công tác quản lý, chăm sóc, tổ chức các hoạt động tri ân, tưởng niệm, giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn.

Trong thời gian qua, dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, công tác “Đền ơn đáp nghĩa” và chăm lo gia đình chính sách được triển khai thường xuyên, hiệu quả. Các chế độ, chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng, đúng quy định; đồng thời địa phương tích cực huy động các nguồn lực xã hội, phát huy vai trò của cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng.

5.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Công tác tôn giáo, tín ngưỡng và dân tộc trên địa bàn xã Trảng Bom luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo được triển khai kịp thời, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn.

Về công tác dân tộc, trên địa bàn xã hiện có 916 hộ với 5.707 khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 6,1% dân số toàn xã; chủ yếu là các dân tộc Hoa, Nùng, Tày, Mường..., tập trung chủ yếu tại ấp 2, ấp 6, ấp 7, ấp 8 và ấp 11, các hộ còn lại sinh sống đan xen với hộ dân tộc Kinh trên địa bàn xã. Nguồn thu nhập chính của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, lao động làm thuê và kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện; các chính sách dân tộc, an sinh xã hội, hỗ trợ sản xuất, giáo dục, y tế được địa phương quan tâm thực hiện.

Về tôn giáo, tín ngưỡng, trên địa bàn xã có nhiều tôn giáo đang hoạt động, trong đó Công giáo và Phật giáo là hai tôn giáo có số lượng tín đồ lớn; ngoài ra còn có Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Hồi giáo. Tổng số tín đồ của 02 tôn giáo lớn trên địa bàn khoảng 40.356 người, chiếm khoảng 43,52% dân số toàn xã; trong đó Công giáo có 25.749 tín đồ, chiếm khoảng 27,73% dân số toàn xã, và Phật giáo có 14.080 tín đồ, chiếm khoảng 15,1% dân số toàn xã.

Đối với Công giáo, trên địa bàn có 04 giáo xứ, 04 nhà thờ xứ, 25 giáo họ,

04 nhà nguyện và 02 dòng tu; có 05 chức sắc và khoảng 400 chức việc. Đối với Phật giáo, trên địa bàn có 08 cơ sở Phật giáo, 08 chức sắc; ngoài ra có 01 cơ sở trực thuộc Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh với 01 chức sắc. Bên cạnh đó, Tin lành có 263 tín đồ, có 01 nhà thờ, 01 điểm nhóm sinh hoạt, 01 chức sắc và 05 chức việc; Cao Đài có 236 tín đồ; Phật giáo Hòa Hảo có 145 tín đồ; Hồi giáo có 01 tín đồ là người dân tộc thiểu số.

Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn cơ bản diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật; các cơ sở tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động nhân đạo, từ thiện và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở

Trong những năm qua, hệ thống nhà ở trên địa bàn xã Trảng Bom phát triển tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh sống, cư trú của Nhân dân. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng dân số cơ học, mở rộng không gian dân cư và đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, chất lượng nhà ở của người dân từng bước được nâng lên, từng bước hình thành các khu dân cư tập trung, tạo diện mạo ngày càng khang trang, văn minh, phù hợp với xu hướng phát triển đô thị.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất ở trên địa bàn xã hiện có 643,95 ha, chiếm khoảng 32,90% diện tích đất phi nông nghiệp. Quỹ đất ở hiện nay chủ yếu là đất ở tại nông thôn, phân bố tập trung tại khu vực trung tâm xã, các khu dân cư hiện hữu, dọc các tuyến giao thông chính và các trục liên xã, liên ấp. Cùng với sự phát triển của hệ thống giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc và các công trình hạ tầng xã hội, xu hướng phân bố dân cư ngày càng tập trung hơn, giảm dần tình trạng cư trú phân tán, từng bước hình thành cấu trúc không gian cư trú mang đặc điểm của khu vực đô thị.

Hiện nay, tỷ lệ nhà ở kiên cố trên địa bàn xã đạt 100% với tổng diện tích sàn khoảng 2,384 triệu m², không còn nhà tạm, nhà dột nát. Đây là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng đời sống dân cư, mức độ ổn định về chỗ ở và điều kiện hạ tầng xã hội của địa phương, đồng thời thể hiện rõ mức độ đáp ứng yêu cầu về phát triển nhà ở trong quá trình xây dựng đơn vị hành chính đô thị.

6.2. Công trình cơ quan hành chính

Hệ thống công trình cơ quan hành chính trên địa bàn xã Trảng Bom cơ bản được đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành

của cấp ủy, chính quyền và phục vụ nhu cầu giao dịch hành chính của tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Với vị trí là địa bàn trung tâm, xã Trảng Bom không chỉ có trụ sở làm việc của chính quyền cấp xã mà còn tập trung nhiều cơ quan khu vực đóng trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công cho người dân.

Đặc biệt, trên địa bàn xã hiện có nhiều cơ quan, đơn vị quan trọng đóng chân như: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Tòa án nhân dân khu vực 3, Trung tâm Phát triển quỹ đất – Chi nhánh Trảng Bom, Ban Quản lý dự án khu vực 3, Trung tâm y tế khu vực, Thuế cơ sở 6 và một số cơ quan, đơn vị khu vực khác. Việc tập trung các cơ quan này trên địa bàn đã góp phần khẳng định vai trò trung tâm hành chính - dịch vụ của địa phương, đồng thời tạo lợi thế rõ nét trong việc hình thành và phát triển không gian đô thị trung tâm của khu vực.

Trong thời gian qua, việc đầu tư, cải tạo, chỉnh trang các công trình hành chính từng bước được quan tâm, cơ bản bảo đảm về mặt bằng làm việc, điều kiện tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính và tổ chức các hoạt động chính trị - xã hội tại địa phương. Hệ thống công trình hành chính hiện có không chỉ đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở cấp xã mà còn thể hiện vai trò là khu vực tập trung các cơ quan công quyền

6.3. Công trình giáo dục

Giáo dục và đào tạo là lĩnh vực được địa phương quan tâm đầu tư, với hệ thống cơ sở giáo dục tương đối đồng bộ, phân bố phù hợp theo nhu cầu dân cư, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn. Trong những năm qua, mạng lưới trường lớp từng bước được củng cố, cơ sở vật chất được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa của địa phương.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn là 55,57 ha. Trên địa bàn hiện có hệ thống các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, gồm các trường công lập và ngoài công lập đang hoạt động, phục vụ nhu cầu học tập của con em Nhân dân trong và ngoài địa bàn như Trường THCS Lý Tự Trọng, Trường THPT Trịnh Hoài Đức, Trường TH Quảng Biên, Trường Mầm non Quảng Tiến, Trường THCS Võ Thị Sáu, Trường TH Lê Văn Tám, Trường Mầm non Tân lập, Trường Mầm non Hoa Lan, Trường cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật VINATEX, Trường tiểu học Cao Bá Quát, trường đại học Lâm Nghiệp cơ sở 2, trường mầm non Ánh Dương, trường tiểu học Trảng Bom...

Việc duy trì và phát triển hệ thống giáo dục với quy mô tương đối đầy đủ ở các cấp học là điều kiện quan trọng để bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và đáp ứng yêu cầu phát triển dân cư đô thị trong tương lai. Đây cũng là một trong những tiêu chí phản ánh mức độ hoàn thiện của hạ tầng xã hội, phù hợp với định hướng xây dựng xã Trảng Bom trở thành phường.

6.4. Công trình y tế

Hệ thống cơ sở y tế trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Trong những năm qua, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh ban đầu và thực hiện các chương trình y tế quốc gia luôn được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế trên địa bàn là 4,07 ha, bao gồm trung tâm y tế, trạm y tế và các cơ sở khám, chữa bệnh khác đang hoạt động trên địa bàn. Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bom, 01 Trạm Y tế xã và 03 điểm Trạm Y tế. Trong đó, Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bom có quy mô 250 giường bệnh, gồm 04 phòng và 11 khoa, với 222 nhân viên y tế, đồng thời có 01 cơ sở điều trị Methadone số 5. Trạm Y tế xã hiện có 37 nhân viên y tế, gồm 04 bác sĩ, 01 kỹ sư, 05 y sĩ, 10 điều dưỡng, 06 dược sĩ, 04 nữ hộ sinh, 05 nhân viên dân số và 02 nhân viên khác.

Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu hiện tại, hệ thống y tế của địa phương còn có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm điều kiện hạ tầng xã hội khi dân số tiếp tục tăng và quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh hơn trong thời gian tới. Do đó, đây là một trong những lĩnh vực cần tiếp tục được đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực phục vụ để phù hợp với yêu cầu quản lý và phục vụ dân cư đô thị khi thành lập phường.

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hạ tầng văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn xã Trảng Bom được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí, rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Các công trình, cơ sở văn hóa - thể thao không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt thường xuyên của người dân mà còn là nơi tổ chức các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao làm thiết chế văn hóa, thể thao cơ bản của địa phương, phục vụ tổ chức các hoạt động hội họp, sinh hoạt cộng đồng, văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao và các phong

trào quần chúng. Bên cạnh đó, trên địa bàn còn có các cơ sở thể thao phục vụ môn bóng đá, bóng bàn, cầu lông, tennis và pickleball v.v... đáp ứng nhu cầu luyện tập, giao lưu, thi đấu thể thao của Nhân dân, nhất là thanh thiếu niên và người lao động.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 28,63 ha; diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao là 140,03 ha; diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng là 15,19 ha. Quỹ đất này là cơ sở quan trọng để tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí và nâng cao chất lượng sống của người dân trong quá trình phát triển đô thị.

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã phát triển tương đối ổn định, từng bước mở rộng về quy mô và đa dạng về loại hình, góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, sản xuất, giao thương hàng hóa và phục vụ đời sống dân cư. Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông thuận lợi, dân cư tập trung ngày càng đông và sự phát triển của công nghiệp - xây dựng trên địa bàn, lĩnh vực thương mại - dịch vụ có điều kiện phát triển mạnh, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất thương mại, dịch vụ trên địa bàn là 35,96 ha, là quỹ đất dành cho các công trình thương mại, dịch vụ như trạm xăng dầu, cửa hàng kinh doanh, dịch vụ phục vụ dân sinh, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và các hoạt động kinh doanh khác. Bên cạnh đó, diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối là 1,37 ha, góp phần bảo đảm nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của Nhân dân trên địa bàn và khu vực lân cận.

Ngoài quỹ đất theo hiện trạng, trên thực tế mạng lưới thương mại - dịch vụ còn bao gồm hệ thống cửa hàng bán lẻ, cơ sở kinh doanh tổng hợp, dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, logistics nhỏ lẻ và các dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu dùng khác phân bố tương đối tập trung dọc các tuyến đường chính và các khu vực đông dân cư. Sự phát triển của lĩnh vực này không chỉ phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân mà còn tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ.

Đối với lĩnh vực du lịch, hiện nay trên địa bàn xã chưa hình thành rõ nét các khu, điểm du lịch tập trung có quy mô lớn. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển chung của hạ tầng giao thông, thương mại - dịch vụ và quá trình đô thị hóa, địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình dịch vụ gắn với thương

mại, ẩm thực, nghỉ ngơi, lưu trú và các hoạt động phục vụ nhu cầu dân sinh, từng bước tạo nền tảng cho phát triển dịch vụ chất lượng cao trong tương lai.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Trảng Bom trong những năm qua được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, kết nối sản xuất và phục vụ đời sống dân cư. Mạng lưới giao thông được hình thành tương đối đồng bộ, bảo đảm kết nối giữa trung tâm xã với các khu dân cư, các ấp, các khu vực sản xuất, cơ sở giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và các khu công nghiệp trên địa bàn. Trên địa bàn có tuyến đường Quốc lộ 1A dài khoảng 3.5km bắt đầu từ Ấp 9 và điểm cuối tại ấp Quảng Hòa, tuyến đường sắt Bắc Nam, đường liên xã như: Trảng Bom - An Viễn, Trảng Bom – Bàu Hàm, đường Bình Minh - Giang Điền, hệ thống giao thông nông thôn từ xã xuống ấp cơ bản được nhựa hóa và khép kín.

- Đường bộ: Tổng chiều dài hệ thống đường bộ trên địa bàn khoảng 121 km, bao gồm các tuyến đường trục chính, đường liên xã, liên ấp, đường khu dân cư và các tuyến đường phục vụ sản xuất. Các tuyến đường đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng nhựa hóa hoặc bê tông hóa, góp phần nâng cao năng lực lưu thông, bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các khu vực dân cư và các vùng phát triển kinh tế trên địa bàn.

- Đường thủy nội địa (nếu có): Trên địa bàn xã không có tuyến đường thủy nội địa có vai trò vận tải chính phục vụ phát triển đô thị; hoạt động giao thông chủ yếu được thực hiện bằng đường bộ.

7.2. Thủy lợi: Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thoát nước và hỗ trợ điều tiết nước tại một số khu vực dân cư, khu vực sản xuất. Các công trình thủy lợi hiện có chủ yếu gồm hệ thống kênh, mương, tuyến dẫn nước, các công trình điều tiết và trạm bơm phục vụ tưới tiêu cho diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất công trình thủy lợi là 8,79 ha, bao gồm các tuyến kênh, mương, công trình dẫn nước và các hạng mục liên quan. Hệ thống này có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là đối với các khu vực trồng cây hằng năm, cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản; đồng thời hỗ trợ tiêu thoát nước cục bộ trong mùa mưa, góp phần giảm nguy cơ ngập úng tại một số khu vực trũng thấp.

Trên địa bàn xã Trảng Bom hiện có 01 công trình thủy lợi là Đập Gia Tôn, chiều dài khoảng 800 m, tọa lạc tại ấp 11. Công trình được đưa vào sử dụng từ

năm 2006, hiện đang hoạt động ổn định, phục vụ tưới tiêu và điều tiết nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn. Tổng diện tích phục vụ tưới tiêu khoảng 102,24 ha, trong đó chủ yếu phục vụ diện tích lúa, rau màu, cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày và nuôi trồng thủy sản. Công tác quản lý, bảo vệ công trình được địa phương quan tâm thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm an toàn công trình, phục vụ hiệu quả sản xuất và đời sống Nhân dân.

7.3. Cấp điện: Hệ thống điện trên địa bàn xã Trảng Bom cơ bản được đầu tư phủ kín, bảo đảm cung cấp điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động của cơ quan, đơn vị, trường học, cơ sở y tế trên địa bàn. Mạng lưới điện được đấu nối từ hệ thống điện quốc gia, từng bước được đầu tư nâng cấp, cải tạo, bảo đảm an toàn, ổn định và đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng của Nhân dân.

Hiện nay, 100% hộ dân trên địa bàn được sử dụng điện từ lưới điện quốc gia. Đây là tỷ lệ rất quan trọng, phản ánh mức độ hoàn thiện của hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng đời sống dân cư, phục vụ phát triển sản xuất, thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và các hoạt động sinh hoạt cộng đồng.

Bên cạnh việc phục vụ nhu cầu dân sinh, hệ thống điện còn bảo đảm cung cấp điện cho các khu vực sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ, trường học, cơ sở y tế, trụ sở cơ quan và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Việc bảo đảm 100% hộ dân được cấp điện từ lưới điện quốc gia là một trong những chỉ tiêu quan trọng thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và phục vụ dân cư tập trung.

7.4. Cấp nước: Hệ thống cấp nước trên địa bàn xã từng bước được đầu tư, góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân. Bên cạnh hệ thống cấp nước tập trung, hiện nay người dân trên địa bàn vẫn còn sử dụng kết hợp nhiều nguồn nước khác nhau như nước giếng khoan, giếng đào, bồn chứa hoặc các hình thức cấp nước phân tán khác để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày.

Theo số liệu hiện trạng, 29% dân số trên địa bàn được cung cấp nước sạch thông qua hệ thống cấp nước tập trung. Đây là tỷ lệ thể hiện hệ thống cấp nước tập trung đã được hình thành nhưng chưa phủ kín toàn bộ địa bàn, nhất là tại một số khu vực dân cư phân tán hoặc các khu vực xa mạng lưới cấp nước chính. Việc tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước sạch tập trung là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo đảm tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

Mặc dù tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch từ hệ thống tập trung chưa cao, song đây cũng là cơ sở để địa phương xây dựng lộ trình đầu tư, mở rộng mạng lưới cấp nước, từng bước nâng tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch, bảo đảm phù hợp với tốc độ gia tăng dân số, nhu cầu phát triển dân cư tập trung

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt: Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải sinh hoạt trên địa bàn xã đang từng bước được đầu tư, chủ yếu gắn với các tuyến giao thông chính, khu dân cư tập trung, khu vực trung tâm và các công trình công cộng. Hiện nay, việc thoát nước mưa được thực hiện thông qua hệ thống rãnh, mương thoát nước, cống dọc đường, các tuyến tiêu thoát nước tự nhiên và hệ thống thủy lợi hiện có.

Đối với nước thải sinh hoạt, phần lớn hiện nay được thu gom, xử lý theo hình thức phân tán tại hộ gia đình thông qua bể tự hoại, hố ga hoặc các công trình xử lý sơ bộ trước khi thoát ra hệ thống tiêu thoát chung. Hệ thống thoát nước sinh hoạt tập trung chưa được đầu tư đồng bộ trên toàn địa bàn; tuy nhiên, tại các khu vực dân cư tập trung và dọc các trục giao thông chính, điều kiện tiêu thoát nước cơ bản đáp ứng yêu cầu sinh hoạt và hạn chế tình trạng ứ đọng cục bộ.

Trong thời gian tới, cùng với quá trình đô thị hóa và nhu cầu nâng cao chất lượng môi trường sống, địa phương cần tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt theo hướng tách riêng, bảo đảm khả năng thu gom, tiêu thoát và xử lý phù hợp với tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Thoát nước thải công nghiệp: Hoạt động thoát nước thải công nghiệp trên địa bàn được quản lý tương đối chặt chẽ, nhất là tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các cụm công nghiệp có phát sinh nước thải. Theo số liệu hiện trạng, tỷ lệ xử lý nước thải công nghiệp đạt 100%.

Đây là chỉ tiêu quan trọng, thể hiện việc các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn đã thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải theo quy định, góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường, bảo đảm yêu cầu phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường.

- Xử lý chất thải rắn: Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được thực hiện thường xuyên; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý đạt khoảng 95%, góp phần bảo đảm vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương trên địa bàn xã Trảng Bom được duy trì thường xuyên, nền nếp, bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Lực lượng quân sự xã thực hiện nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; công tác quản lý quân số, vũ khí, trang bị kỹ thuật được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh trên địa bàn.

Địa phương thường xuyên phối hợp với lực lượng Công an và các ngành chức năng trong công tác nắm tình hình, nhất là các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, khiếu kiện đất đai, tôn giáo, dân tộc, qua đó kịp thời tham mưu xử lý, không để phát sinh điểm nóng, vụ việc phức tạp kéo dài. Công tác tuần tra, kiểm soát địa bàn được duy trì thường xuyên, đặc biệt phối hợp tổ chức tuần tra sau 21 giờ hằng đêm, góp phần giữ vững ổn định địa bàn, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân tiếp tục được quan tâm thực hiện; địa phương chủ động nắm chắc tình hình, dự báo, phòng ngừa và xử lý kịp thời các tình huống có thể ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Đồng thời, bảo đảm tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương, góp phần củng cố khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã Trảng Bom cơ bản ổn định, được giữ vững; các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc, nông thôn, kinh tế được theo dõi, nắm chắc và xử lý kịp thời, không để phát sinh vụ việc phức tạp.

Trên địa bàn xã có nhiều tôn giáo đang hoạt động, trong đó Công giáo và Phật giáo là hai tôn giáo có số lượng tín đồ lớn; ngoài ra còn có Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Hồi giáo. Tổng số tín đồ của 02 tôn giáo lớn trên địa bàn khoảng 40.356 người, chiếm khoảng 43,52% dân số toàn xã; trong đó Công giáo có 25.749 tín đồ, chiếm khoảng 27,73% dân số toàn xã, và Phật giáo có 14.080 tín đồ, chiếm khoảng 15,1% dân số toàn xã.

Trên địa bàn xã có nhiều thành phần dân tộc thiểu số cùng sinh sống; tình hình liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định, đời sống vật chất và tinh thần từng bước được nâng lên, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố.

Tình hình an ninh, trật tự khu vực nông thôn trên địa bàn cơ bản ổn định; các vụ việc phát sinh được địa phương quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời, không để hình thành điểm nóng.

Trên địa bàn xã hiện có 02 khu công nghiệp tập trung là Giang Điền và Bàu Xéo, thu hút khoảng 16.000 công nhân lao động; số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 19,4%. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân cơ bản ổn định, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được triển khai thường xuyên; lực lượng chức năng chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp quản lý địa bàn, quản lý đối tượng, tăng cường tuần tra, kiểm soát, phòng ngừa và xử lý vi phạm. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định địa bàn.

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị Trảng Bom.

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Về bộ máy HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Về bộ máy UBND xã có 03 phòng chuyên môn: Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa-Xã hội và Trung tâm phục vụ Hành chính công; 20 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã (Trung tâm Dịch vụ Công ích và Trung tâm Văn hóa -Thể thao xã, Trạm Y tế xã và 17 đơn vị trường học).

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

- Về bộ máy Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách

- Cơ quan Ủy ban MTTQ xã là bộ phận nòng cốt, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động của Mặt trận; phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên trong việc triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng

khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, đoàn thể hiện đang bố trí 36 người. Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 07 người (tỷ lệ 19,44%); Đại học: 29 người (tỷ lệ 80,56%). Về lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 11 người (tỷ lệ 30,56%); Trung cấp: 25 người (tỷ lệ 69,44%).

- Tổng số cán bộ công chức của UBND xã hiện đang bố trí 75 người, trong đó: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã bố trí 25 người; Phòng Văn hóa - Xã hội: 16 người; Phòng Kinh tế: 26 người; Trung tâm phục vụ hành chính công: 08 người. Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 17 người (tỷ lệ 22,67%); Đại học: 58 người (tỷ lệ 77,33%). Về lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 14 người (tỷ lệ 18,67%); Trung cấp: 42 người (tỷ lệ 56%), Sơ cấp và chưa qua đào tạo: 19 người (tỷ lệ 25,33%).

II. Đối với xã Long Thành

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Long Thành được sáp nhập từ 04 đơn vị gồm: xã Bình Sơn, Lộc An, Long An, và thị trấn Long Thành có diện tích đạt 130,12 km², dân số có 95.992 người, phía Bắc giáp xã Bình An, phía Nam giáp xã Phước Thái, phía Đông giáp xã Long Phước, phía Tây giáp xã An Phước. Long Thành sở hữu vị trí địa lý đặc biệt quan trọng, nằm ở trung tâm của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 40km về phía đông và liền kề với các khu vực công nghiệp năng động như Nhơn Trạch (Đồng Nai) và khu vực công nghiệp cảng biển Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ). Vị trí này không chỉ thuận lợi về giao thông mà còn đặt Long Thành vào một “chuỗi đô thị Đông Nam” quan trọng.

1.2. Vai trò chức năng

Vai trò, vị trí của đô thị Long Thành được xác định là đô thị gắn kết với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, trở thành khu vực cửa ngõ của quốc gia đối với quốc tế. Là trung tâm dịch vụ hậu cần hỗ trợ Cảng hàng không quốc tế Long Thành; trung tâm logistics, kho vận, công nghiệp đa ngành, công nghiệp công nghệ cao của vùng Đông Nam Bộ; Là trung tâm liên kết, đầu mối giao thông, vận tải đa phương thức đối với quốc gia, cực phát triển trọng điểm phía Nam, vùng Đông Nam Bộ và tỉnh Đồng Nai; Là khu vực quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên: 130,12 km²

2.2. Cơ cấu các loại đất

Tổng diện tích tự nhiên của xã Long Thành là 13.011,53 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 5.553,04 ha, chiếm 42,68 %; diện tích đất phi nông nghiệp 7.419,63 ha, chiếm 57,02 % và diện tích đất chưa sử dụng là 38,86 ha, chiếm 0,30%.

Bảng 01: Thống kê diện tích theo mục đích sử dụng

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	TTN	13.011,53	100
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	5.553,04	42,68
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	938,80	16,91
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.470,92	80,51
3	Đất lâm nghiệp	LNP	86,41	1,56
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	47,25	0,85
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-
6	Đất làm muối	LMU	-	-
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,66	0,17
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	7.419,63	57,02
1	Đất ở	OTC	660,65	8,90
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,59	0,17
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	9,92	0,13
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	75,19	1,01
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	680,52	9,17

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	5.790,71	78,05
7	Đất tôn giáo	TON	26,32	0,35
8	Đất tín ngưỡng	TIN	8,04	0,11
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	32,48	0,44
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	123,20	1,66
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	38,86	0,30
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	38,86	100,00
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-

- Nhóm đất nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp 5.553,04 ha, chiếm 42,68 % tổng diện tích tự nhiên. Cơ cấu như sau:

+ Đất trồng cây hằng năm: Diện tích 938,80 ha, chiếm 16,91 % diện tích đất nông nghiệp

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 4.470,92 ha, chiếm 80,51 % diện tích đất nông nghiệp.

+ Đất lâm nghiệp: Diện tích 86,41 ha, chiếm 1,56 % diện tích đất nông nghiệp.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 47,25 ha, chiếm 0,85 % diện tích đất nông nghiệp, chủ yếu là diện tích nuôi cá nước ngọt.

+ Đất chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã không có loại đất này.

+ Đất làm muối: trên địa bàn xã không có loại đất này.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích 9,66 ha, chiếm 0,17 % diện tích đất nông nghiệp.

- Nhóm đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích 7.419,63 ha, chiếm 57,02 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất ở: Diện tích 660,65 ha, chiếm 8,90 % diện tích đất phi nông nghiệp. Toàn bộ là đất ở tại nông thôn tập trung chủ yếu ở các trục đường chính trong xã, ngoài ra còn một số hộ sống rải rác trong nương rẫy để thuận tiện cho việc sản xuất nông nghiệp.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích 12,59 ha, chiếm 0,17 % diện tích đất phi nông nghiệp, là diện tích xây dựng các công trình: Trụ sở UBND và văn phòng làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã.

+ Đất quốc phòng, an ninh: diện tích 9,92 ha, chiếm 0,13 % diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: diện tích 75,19 ha, chiếm 1,01 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: diện tích 7,19 ha là diện tích của Trung tâm Văn hóa xã nhằm phục vụ nhu cầu về đời sống tinh thần của người dân.

- Đất xây dựng cơ sở xã hội: không có đất này trên địa bàn xã.

- Đất xây dựng cơ sở y tế: diện tích 6,51 ha, là diện tích trạm y tế xã, là bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế...

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: diện tích 53,31 ha, là diện tích các cơ sở giáo dục có trên địa bàn thị trấn như: các cấp học mầm non, tiểu học trung học cơ sở, trường nghề, trường cấp 3 Bình Sơn, các cấp học mầm non, tiểu học trung học cơ sở...

- Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao: diện tích 8,17 ha, là diện tích các sân vận động trên địa bàn xã.

- Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: diện tích 0,01 ha.

- Đất xây dựng cơ sở môi trường: không có đất này trên địa bàn xã.

- Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn: không có đất này trên địa bàn xã.

- Đất xây dựng cơ sở ngoại giao: không có đất này trên địa bàn xã.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: không có đất này trên địa bàn xã.

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: diện tích 680,52 ha, chiếm 9,17 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể:

- Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp: diện tích 550,39 ha, là diện tích khu công nghiệp...

- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích 29,39 ha, là diện tích của các trạm xăng dầu và các công trình thương mại dịch vụ khác trên địa bàn xã...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích 100,75 ha, là diện tích các cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh, nhà xưởng, kho bãi và lò gạch trên địa bàn xã.

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: diện tích 5.790,71 ha, chiếm 78,05 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể:

- Đất công trình giao thông: diện tích 5.671,41 ha, đây là diện tích cảng hàng không quốc tế Long Thành và toàn bộ diện tích của các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã.

- Đất công trình thủy lợi: diện tích 11,29 ha, bao gồm các trạm bơm, kênh, mương rải rác trên địa bàn xã.

- Đất công trình cấp nước, thoát nước: diện tích 18,59 ha là các trạm bơm, trạm cấp nước sinh hoạt nhỏ lẻ rải rác trên địa bàn xã như trạm cấp nước áp suối đực, trạm cấp nước Sông Nhạn, trạm cấp nước.

- Đất công trình phòng, chống thiên tai: không có đất này trên địa bàn xã.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: diện tích 6,57 ha.

- Đất công trình xử lý chất thải: diện tích 2,70 ha.

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: diện tích 17,31 ha là diện tích các công trình truyền tải điện như: Trụ điện đường điện 500kV

- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: diện tích 0,89 ha, là diện tích bưu điện xã.

- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: diện tích 3,68 ha là diện tích trên địa bàn xã

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: diện tích 58,27 ha là diện tích các công trình dành cho các hoạt động vui chơi công cộng như công viên, cây xanh, nhà văn hóa các ấp,...

+ Đất tôn giáo: diện tích 26,32 ha, chiếm 0,35 % đất phi nông nghiệp, với các công trình tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động trên địa bàn.

+ Đất tín ngưỡng: diện tích 8,04 ha, chiếm 0.11 % đất phi nông nghiệp, là diện tích của các miếu trên địa bàn xã phục vụ các mục đích tín ngưỡng dân gian, do cộng đồng dân cư quản lý và sử dụng.

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: diện tích 32,48 ha, chiếm 0,44 % đất phi nông nghiệp, là diện tích của các khu nghĩa trang trên địa bàn xã...

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: diện tích 123,20 ha, chiếm 1,66 % đất phi nông nghiệp. Cụ thể:

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: diện tích 53,32 ha

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: diện tích 69,88 ha, toàn bộ là đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

+ Đất phi nông nghiệp khác: trên địa bàn xã không có loại đất này.

- Đất chưa sử dụng:

Tổng diện tích: 38,86 ha, chiếm 0,30% diện tích tự nhiên. Bao gồm:

- Đất chưa sử dụng: Diện tích 38,86 ha đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê...

- Các loại đất đồi núi chưa sử dụng (DCS), đất bằng chưa sử dụng (BCS) và đất có mặt nước chưa sử dụng (MCS): không có.

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Dân số 95.992 người.

3.2. Thành phần dân cư (thành thị/nông thôn): 48.202/95.992 đạt 50,21%.

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế gồm: GRDP, cơ cấu ngành, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo, lao động phi nông nghiệp...

- Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn: 37.789.626 triệu đồng.

- Giá trị sản phẩm công nghiệp – xây dựng: 27.615.169 triệu đồng, chiếm 73,07% tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn.

- Thu nhập bình quân đầu người của xã trong 3 năm gần đây.

+ Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2023: 79,65 triệu đồng.

+ Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2024: 86,45 triệu đồng.

+ Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2025: 93,05 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của huyện (cũ) năm 2023: 0,25%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của huyện (cũ) năm 2024: 0,25%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của xã năm 2025: 0,07%.

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

+ Trên địa bàn xã hiện có các khu công nghiệp như: Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn đang hoạt động ổn định, duy trì mức tăng trưởng, thu hút khoảng 54 doanh nghiệp đầu tư nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động; Khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành hiện đang được triển khai đầu tư xây dựng, song song với việc thực hiện kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy, chuẩn bị hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Ngành xây dựng dự kiến tăng mạnh do trên địa bàn xã đang triển khai thi công xây dựng các công trình trọng điểm như: Cảng hàng không Quốc tế Long Thành; các tuyến đường giao thông T1, T2, Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành.

- Về thương mại - dịch vụ:

+ Hoạt động thương mại - dịch vụ của các doanh nghiệp, hộ tiểu thương tiếp tục phát triển. Hiện nay trên địa bàn xã có các doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động, kinh doanh các loại hình dịch vụ như: vận tải, sửa chữa cơ khí, điện máy, xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, dịch vụ ăn uống.

+ Trên địa bàn xã Long Thành hiện có 03 chợ đang hoạt động (01 Chợ hạng I chợ mới Long Thành, 02 chợ hạng III chợ Long An, chợ Bình Sơn). Nhìn chung, các chợ đã hoạt động ổn định đảm bảo sức mua của người dân trên địa bàn, lượng hàng hóa cung ứng cho thị trường dồi dào; giá cả các mặt hàng thiết yếu ổn định, không có tình trạng hàng hóa bị đẩy giá tăng cao bất thường. Hàng hóa phong phú, kênh phân phối đa dạng đáp ứng nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản

+ Tình hình sản xuất nông lâm nghiệp ổn định. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát tốt. Sản lượng lương thực đạt 4.624,34 tấn, năng suất đạt 357,06 tấn/ha.

+ Tổng đàn gia súc, gia cầm toàn xã là 210.000 con, có 5 trang trại chăn

nuôi (2 trang trại gà, 3 trang trại heo).

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 5,74%.

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và Đào tạo

- Về quy mô mạng lưới trường lớp: Trên địa bàn xã có 4 cấp học gồm: Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non. Trong đó: 01 trường Trung học phổ thông và 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên – Giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

UBND xã quản lý 19 trường công lập (gồm: 06 trường Mầm non, 07 trường Tiểu học, 06 trường Trung học cơ sở); 02 trường Mầm non ngoài công lập và 04 nhóm trẻ. Tổng số lớp: 369 lớp, trong đó: Mầm non 102 lớp, Tiểu học 163 lớp, Trung học cơ sở 104 lớp. Có 16/19 trường học được công nhận chuẩn quốc gia Mức độ 1, và 03/19 trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2. Nhìn chung, mạng lưới trường lớp đã được quy hoạch và bố trí cơ bản phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tất cả các trường học đều có đủ phòng học kiên cố.

- Quy mô học sinh: Tính đến hết học kỳ I năm học 2025-2026, tổng số học sinh trên địa bàn là 12.502 học sinh. Trong đó: bậc Mầm non 2.826 học sinh; bậc Tiểu học 5.308 học sinh; bậc Trung học cơ sở 4.368 học sinh. Quy mô học sinh các cấp học có xu hướng tăng, chủ yếu tập trung ở bậc tiểu học và THCS.

- Tình hình đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên ngành giáo dục: Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hiện có 763 người, trong đó: Cán bộ quản lý 46 người, giáo viên 580 người, nhân viên 137 người. Các trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng và trình độ đào tạo theo quy định. Hầu hết giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, giáo viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy 02 buổi/ngày, các trường chủ động phân công giáo viên giảng dạy phù hợp với năng lực, sở trường, đảm bảo thực hiện đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục.

- Công tác Phổ cập giáo dục: Năm 2025, xã Tân Phú đạt chuẩn phổ cập giáo dục, trong đó xóa mù chữ đạt mức 2; tiểu học mức độ 3; phổ cập THCS đạt mức 3; THPT đạt theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp; tuy nhiên, kinh phí chi hỗ trợ cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ còn hạn chế và không có biên chế thực hiện công tác Phổ cập giáo dục.

5.2. Y tế và Công tác Bảo trợ xã hội

- Hệ thống cơ sở y tế: Hiện nay, mạng lưới y tế trên địa bàn xã Tân Phú bao gồm 01 Trung tâm Y tế và 01 Trạm Y tế xã, 02 phòng khám tư nhân (Việt Hương và Vạn Thành) đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe toàn diện cho nhân dân.

+ Trung tâm Y tế: Được thành lập từ năm 1991, đóng vai trò là đơn vị điều trị trọng điểm của khu vực. Tổng số định biên là 206 cán bộ, nhân viên y tế. Trong đó bao gồm: 02 Bác sĩ Chuyên khoa II, 09 Bác sĩ Chuyên khoa I, 31 Bác sĩ, 18 Y sĩ, 67 Điều dưỡng, 12 Dược sĩ, 13 Kỹ thuật viên và các chức danh chuyên môn khác. Quy mô 200 giường bệnh nội trú. Hiệu suất hoạt động đạt bình quân 529 lượt khám ngoại trú/ngày và 130 lượt điều trị nội trú/ngày.

+ Trạm Y tế xã Tân Phú: Được hình thành trên cơ sở hợp nhất 05 Trạm Y tế của các đơn vị hành chính cũ (Trà Cỏ, Phú Lộc, Phú Thanh, Phú Xuân và Thị trấn Tân Phú). Đây là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc sự quản lý nhà nước của UBND xã Tân Phú. Với đội ngũ viên chức y tế gồm 32 người (03 Bác sĩ, 11 Điều dưỡng, 06 Nữ hộ sinh, 09 Y sĩ, 02 Dược sĩ, 01 Kỹ sư). Hệ thống y tế cơ sở được củng cố bởi 29 cộng tác viên y tế ấp và 66 cộng tác viên dân số. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn đạt trên 95%. Duy trì hoạt động tại 05 điểm trạm với quy mô 25 giường bệnh; tiếp nhận khám và điều trị bình quân trên 20 lượt bệnh nhân/ngày.

- Công tác An toàn thực phẩm: Địa phương triển khai quyết liệt các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm; chủ động phối hợp điều tra, truy xuất và giám sát chặt chẽ các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn. Trong thời gian qua, công tác kiểm tra chuyên ngành được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định pháp luật; không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm hay sự cố về an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn.

- Công tác Bảo trợ xã hội: UBND xã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội cho 3.424 đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó, thực hiện chi trả chế độ hưu trí xã hội cho 1.689 người và trợ cấp khuyết tật cho 1.735 người. Công tác chi trả được hiện đại hóa thông qua hệ thống tài khoản ngân hàng, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và đúng thời gian quy định của Nhà nước.

5.3. Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

- Về phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”: Phong trào ngày càng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả thực chất. Tính đến năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt 98%; 100% ấp giữ vững danh hiệu “Ấp văn hóa”. Công tác xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có chuyển biến tích cực; các hủ tục lạc hậu

dần được bãi bỏ, tinh thần đoàn kết cộng đồng được củng cố vững chắc thông qua các mô hình “Gia đình văn hóa tiêu biểu”, “Ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo”.

- Về công tác quản lý và thực hiện Hương ước, Quy ước: Thực hiện Nghị định số 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ, 100% các ấp đã hoàn thành việc rà soát, sửa đổi và áp dụng Hương ước, Quy ước phù hợp với thực tiễn địa phương. Các bản Hương ước hiện nay đóng vai trò là công cụ quản lý xã hội tự quản hiệu quả, giúp điều chỉnh hành vi cộng đồng và phát huy dân chủ cơ sở một cách thực chất.

- Về bảo tồn văn hóa và hoạt động văn nghệ quần chúng: Công tác bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể được chú trọng, tiêu biểu là việc duy trì và tổ chức định kỳ Lễ hội Tả Tài Phán của đồng bào dân tộc Hoa. Hệ thống các câu lạc bộ (CLB) văn nghệ quần chúng phát triển mạnh mẽ với các loại hình đa dạng như: Đờn ca tài tử, CLB Thơ ca và Nhạc cổ truyền, CLB Văn nghệ Người cao tuổi. Hằng năm, địa phương tổ chức chuỗi hoạt động văn hóa chào mừng các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị, đặc biệt là chương trình “Mừng Đảng - Mừng Xuân” với các hội diễn văn nghệ, liên hoan Lân - Sư - Rồng và Hội chợ hoa Xuân quy mô lớn (255 gian hàng), tạo không gian sinh hoạt văn hóa sôi nổi cho nhân dân.

- Về phong trào Thể dục thể thao (TDTT): Phong trào TDTT quần chúng phát triển rộng khắp với gần 34 CLB hoạt động thường xuyên ở các bộ môn: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, võ thuật, cờ tướng... Địa phương thường xuyên tổ chức các giải thi đấu quy mô mở rộng, thu hút đông đảo vận động viên trong và ngoài tỉnh tham gia, tiêu biểu như: Giải Bida Poll 8 Ball, Giải Cầu lông và Bóng bàn, Giải Bóng chuyền hơi nữ kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3. Các hoạt động này không chỉ nâng cao sức khỏe cộng đồng mà còn tạo khí thế thi đua sôi nổi trong mọi tầng lớp nhân dân.

- Công tác bảo vệ cảnh quan, môi trường: Gắn liền với tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao và đô thị văn minh, công tác bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp” luôn được ưu tiên hàng đầu. Môi trường văn hóa cơ sở được cải thiện rõ rệt, góp phần quan trọng vào việc thay đổi diện mạo địa phương theo hướng hiện đại nhưng vẫn giữ gìn được các giá trị truyền thống.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Công tác quản lý và thực hiện chính sách người có công: Tổng số đối tượng người có công đang quản lý 612 người. Công tác chăm lo và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, Tết và kỷ niệm Ngày Thương

binh - Liệt sĩ (27/7) đảm bảo tính trang trọng, thiết thực. Công tác hỗ trợ cải thiện nhà ở (xây mới, sửa chữa nhà tình nghĩa), cấp đổi thẻ BHYT và thực hiện chế độ mai táng phí được triển khai đồng bộ. Đời sống của các gia đình chính sách trên địa bàn cơ bản ổn định, mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư tại địa bàn. Việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ gắn với phong trào "Uống nước nhớ nguồn" được thực hiện thường xuyên, huy động tốt các nguồn lực xã hội hóa để chăm lo cho người có công.

- Công tác gia đình trẻ em: Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng gia đình, góp phần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác gia đình. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai các chương trình, đề án về gia đình ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn. Thông qua việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, công tác xây dựng gia đình đã từng bước đi vào nền nếp, tạo chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động của cả hệ thống chính trị; vai trò của gia đình trong việc giáo dục đạo đức, lối sống, hình thành nhân cách con người, phòng ngừa các tệ nạn xã hội ngày càng được đề cao, góp phần củng cố nền tảng gia đình Việt Nam trong tình hình mới.

5.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc: Tình hình tôn giáo - tín ngưỡng và dân tộc trên địa bàn xã Tân Phú cơ bản ổn định, có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Về Dân tộc: Trên địa bàn có 15 thành phần dân tộc thiểu số với 1.173 hộ (6.358 nhân khẩu). Trong đó, dân tộc Hoa chiếm đa số (88% tổng số người dân tộc thiểu số với 993 hộ/5.740 khẩu), còn lại là các dân tộc: Tày, Chăm, Nùng, Khome, Mường, K'ho, Ba Na, Mán, Sán Dìu, Gia Rai, Chơ Ro, Thái, Châu Mạ và Dao. Có 01 vị đại diện người có uy tín trong đồng bào dân tộc tham gia Ủy viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Ban chấp hành các đoàn thể xã.

Đồng bào các dân tộc sinh sống đan xen, đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia lao động sản xuất và các phong trào tại địa phương. Đời sống vật chất, tinh thần từng bước được cải thiện, các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, y tế, giáo dục được triển khai tương đối đầy đủ.

- Về Tôn giáo - tín ngưỡng, toàn xã có 05 tôn giáo chính gồm: Công giáo, Phật giáo, Hòa hảo, Cao Đài và Tin Lành, có tổng cộng 15 cơ sở thờ tự. Tổng số tín đồ tôn giáo trên địa bàn xã là 41.565 tín đồ (Phật giáo 12.355; Công giáo 27.769; Cao đài: 976; Phật giáo Hòa hảo 254, Tin lành: 211); có 44 vị chức sắc, chức việc và tín đồ tiêu biểu tham gia Ủy viên MTTQ và Ban Chấp hành các

đoàn thể xã. Các hoạt động tôn giáo diễn ra thuần túy, tuân thủ quy định pháp luật. Chức sắc và tín đồ tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, đóng góp quan trọng vào công tác từ thiện và an sinh xã hội tại địa phương.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở: Trong thời gian gần đây, tốc độ phát triển kinh tế của xã Tân Phú tăng nhanh, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Nhu cầu nhà ở của người dân cũng như nhu cầu đầu tư các công trình công cộng, phúc lợi xã hội trên địa bàn xã phát triển mạnh và tập trung, từng bước hình thành nên một diện mạo đô thị ngày càng khang trang, hiện đại. Tổng số nhà ở trên địa bàn: 16.903 căn, trong đó: Nhà kiến cố và bán kiên cố là 16.877 căn chiếm tỷ lệ 99,85%; Nhà ở thiếu kiên cố, Nhà tạm, nhà đơn sơ 26 căn chiếm tỷ lệ 0,15%.

6.2. Công trình cơ quan hành chính: Trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã đã được xây dựng kiên cố cao từ 2-3 tầng, có đủ diện tích các phòng làm việc và trang thiết bị hiện đại đáp ứng điều kiện xây dựng chính quyền điện tử.

6.3. Công trình giáo dục: Trên địa bàn hiện có 19 trường công lập, 02 trường Mầm non dân lập và 04 nhóm trẻ thuộc quản lý của UBND xã Tân Phú. Các công trình giáo dục cơ sở công cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em trên địa bàn xã. Tuy nhiên, quỹ đất dành cho giáo dục còn hạn chế, 06/07 trường THCS chưa đảm bảo số phòng học để tổ chức dạy học 02 buổi/ngày cho 100% số lớp/ trường. Một số công trình đã xuống cấp, không còn sử dụng được (điểm cơ sở 2-trường TH Nguyễn Thị Định) đang gây khó khăn cho công tác dạy học của nhà trường.

6.4. Công trình y tế: Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm y tế, 01 trạm y tế, 02 phòng khám tư nhân (Việt Hương và Vạn Thành). Cơ sở bán thuốc được phẩm: 51 cơ sở, trong đó có 46 quầy thuốc và 05 nhà thuốc

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hạ tầng văn hóa - thể thao được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn đô thị: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã có quy mô 74.000m² (bao gồm: Trụ sở Trung tâm Văn hóa, Thư viện, Đài truyền thanh và Nhà thi đấu đa năng sức chứa 800 chỗ ngồi). Đặc biệt, sân vận động trung tâm có khán đài 1.050 chỗ ngồi (khánh thành năm 2022) được trang bị đường chạy đường Pitch (đường chạy điền kinh) hiện đại, hệ thống chiếu sáng công suất lớn và các hạng mục kỹ thuật đạt chuẩn thi đấu. 100% ấp (29/29 ấp) có Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hệ thống thiết chế này được quản lý chặt chẽ, khai thác hiệu quả, là địa điểm sinh hoạt cộng đồng, hội họp và tổ chức các hoạt động văn hóa, TDTT thường xuyên của cư dân cơ sở.

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch: Trên địa bàn xã có 2 chợ (Chợ Tân Phú và chợ Phú Lộc) Chợ Tân Phú có diện tích 9.168m² giá trị đầu tư hơn 79 tỷ đồng, chợ Phú lộc có diện tích 2.187m² giá trên 4 tỷ đồng có 4 cửa hàng bách hoá xanh tổng hợp phân bố đều trên địa bàn xã, 01 cửa hàng WINMART tổng hợp, 02 cửa hàng tiện lợi (siêu thị mini), 01 siêu thị điện máy xanh và nhiều cửa hàng thương mại của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được hình thành và chủ yếu tập trung ở 2 bên đường quốc lộ, 20 và các đường trung tâm xã.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông

- Đường bộ: Hiện nay Xã Long Thành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông cụ thể:

- + Công trình đường huyện trước đây: 22,63km
- + Công trình đường trong đô thị: 34,68km
- + Công trình giao thông nông thôn tại các xã trước đây: 44km.
- Đường thủy nội địa (nếu có): Không có.

7.2. Thủy lợi

- Trên địa bàn xã có 02 công trình đang hoạt động gồm: Hồ chứa nước chống lũ Lộc An và đập Long An. Các công trình này do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai quản lý, khai thác.

- Công tác kiểm tra các công trình trước, trong và sau mùa lũ: các công trình vận hành hiệu quả, đảm bảo nhiệm vụ sản xuất và thoát lũ trong mùa mưa bão. Đập Long An phục vụ tưới cho 210,23 ha; diện tích tiêu thoát nước của hồ Lộc An là 317 ha.

7.3. Cấp điện: Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định; được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia qua tuyến 22kV từ trạm TBA 110kV Định Quán và TBA 110kV Tân Phú dẫn tới. Các tuyến trung thế từ trạm 110/22/15kV – 25MVA đi vào trung tâm xã cấp điện cho các phụ tải, tất cả đều là đường dây trên không, sử dụng dây nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12m.

- Hệ thống đèn chiếu sáng được đảm bảo chiếu sáng trong toàn bộ các khu công viên, vườn hoa tập trung, khu công viên thể dục thể thao, các tuyến đường Quốc lộ 20, đường tỉnh 774B, các tuyến đường Phú Xuân – Núi Tượng, Phú Xuân -Thanh Sơn, Phú Lộc – Phú Xuân, Phú Lộc – Phú Tân, Be 129,...các tuyến

đường nội thị thuộc thị trấn Tân Phú cũ và các tuyến đường trục xã, trục ấp, ngõ, xóm,... tạo điều kiện đi lại thuận tiện cho người dân.

7.4. Cấp nước: Trên địa bàn xã hiện nay có 03 công trình cấp nước tập trung do Phân xưởng nước Tân Phú chi nhánh Xuân Lộc với công suất $Q = 2.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$, công trình cấp nước tập trung xã Phú Điền, Phú Lộc do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh quản lý cung cấp nước sạch cho 2.488 hộ dân. Hộ dân sử dụng nước sạch từ các nguồn trên địa bàn xã đạt tỷ lệ 90% (15.068 hộ/16.742 hộ).

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt: Hệ thống thoát nước mưa được làm 2 lưu vực thoát nước chính với đường phân thủy chạy qua trung tâm xã từ Bắc xuống Nam. Cụ thể: Lưu vực 1 (Suối Tre): Lưu vực nằm phía Tây, nước mưa trong lưu vực này sẽ thoát tuyến cống hộp hiện hữu dọc tuyến đường Nguyễn Thị Định và đường Trương Công Định sau đó theo mương hở về Suối Tre trước khu dẫn về Đập Đức; Lưu vực 2 (Suối Tranh): Lưu vực nằm phía Đông, nước mưa trong lưu vực này sẽ theo cống hộp dọc đường Nguyễn Chí Thanh, sau đó theo đường Lý Thường Kiệt phía Nam Quốc lộ 20 sau đó tuyến mương hở để thoát về Suối Tranh. Nước thải trong khu dân cư được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại.

- Thoát nước thải công nghiệp: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCN đã được thu gom và đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường. Trạm xử lý nước thải trong khu công nghiệp Tân Phú đã được đầu tư và đưa vào hoạt động, hệ thống cống thoát nước thải sau xử lý nổi từ khu công nghiệp ra Quốc lộ 20 sau đó theo đường Nguyễn Thị Định, đầu vào hệ thống thoát nước ra Đập Suối Đức. Hiện nay, trên địa bàn xã Tân Phú 100% nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại đúng quy chuẩn kỹ thuật trước khi đầu nối vào mạng lưới thoát nước chung của khu vực. Hệ thống này thường xuyên được nạo vét, duy tu, đảm bảo năng lực thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị.

- Xử lý chất thải rắn: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khoảng 45 tấn/ngày; tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý đạt 100%. Toàn bộ chất thải sau thu gom được vận chuyển đến khu xử lý tập trung tại xã Thống Nhất để xử lý theo quy định. Công tác quản lý chất thải được thực hiện theo chu trình khép kín từ phát sinh – thu gom – vận chuyển – xử lý. Hệ thống thu gom chất thải nguy hại hộ gia đình được duy trì với 05 điểm thu gom tạm thời. Việc

phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đã được triển khai thí điểm, từng bước nhân rộng.

- Vệ sinh môi trường và kiểm soát ô nhiễm: Chất lượng môi trường trên địa bàn cơ bản được kiểm soát, chưa phát sinh điểm nóng ô nhiễm; các thành phần môi trường (nước, không khí, đất) chịu tác động chủ yếu từ sinh hoạt dân cư, chăn nuôi nhỏ lẻ và hoạt động xây dựng. UBND xã đã triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý như: tăng cường kiểm tra, giám sát, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường định kỳ; duy trì phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”. Công tác kiểm soát nguồn thải được thực hiện thường xuyên; các cơ sở sản xuất, kinh doanh cơ bản chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; các phản ánh của người dân được tiếp nhận, xử lý kịp thời, đạt tỷ lệ 100%.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng: Lực lượng vũ trang xã được tổ chức chặt chẽ, đủ thành phần; thường xuyên được huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu. Phát huy tốt vai trò nòng cốt trong bảo vệ địa bàn, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, tham gia xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế – xã hội. Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức, xây dựng bảo đảm tỷ lệ theo quy định đúng quy định. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ đúng kế hoạch, nội dung. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng xử lý kịp thời các tình huống phát sinh. Xây dựng phương án phòng thủ phù hợp với đặc điểm địa bàn.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội: Trong năm qua, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn luôn giữ vững ổn định, không xảy ra đột xuất, bất ngờ, các mục tiêu trọng điểm được đảm bảo an toàn; tội phạm, TNXH, cháy nổ, tai nạn giao thông được kiểm chế và làm giảm qua các năm... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đảm bảo, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT tiếp tục có những chuyển biến tích cực, thu hút nhiều quần chúng nhân dân tham gia; lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được củng cố, kiện toàn; có một số mô hình phát huy được vai trò tự quản, tự phòng của nhân dân ngay tại cộng đồng dân cư (tổ liên gia PCCC, nhóm Zalo kết nối bình yên...). Triển khai thực hiện tốt các kế hoạch chuyên đề đấu tranh tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy và tệ nạn xã hội, kế hoạch chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội, xây dựng xã hội an toàn giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; công tác tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, điều tra, xử lý tội phạm đã đạt được kết quả cao, không để xảy ra oan

sai, bức cung, nhục hình; việc thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số trong công tác đảm bảo an ninh trật tự được thực hiện mạnh mẽ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân. Lực lượng Công an xã đã bám sát cơ sở, gắn bó mật thiết với nhân dân, giữ gìn bình yên ngay từ địa bàn dân cư, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nhà nước và lực lượng Công an nhân dân. Bên cạnh đó, tình hình tội phạm, tai nạn giao thông, cháy nổ tuy được kiểm chế và làm giảm nhưng chưa bền vững, còn tiềm ẩn những yếu tố diễn biến phức tạp, nhất là trên không gian mạng, tội phạm lợi dụng công nghệ cao.

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.1. Đảng ủy

- Tổng số cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy: 03 cơ quan, đơn vị, bao gồm: Văn phòng Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đảng ủy xã: 01 đơn vị (Trung tâm Chính trị xã)

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, tham mưu giúp việc của Đảng ủy và Trung tâm Chính trị là 25 người (Thường trực Đảng ủy: 02 người, Văn phòng Đảng ủy: 08 người, Ban Xây dựng Đảng: 08 người, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: 05 người và Trung tâm Chính trị: 02 người). Hiện nay còn thiếu 02 biên chế (01 biên chế của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã và 01 biên chế của Trung tâm Chính trị xã).

- Về cơ cấu:

+ Cơ cấu theo giới tính: 12 nam, 13 nữ;

+ Cơ cấu theo độ tuổi: từ 31-35 tuổi: 03 người; từ 36-40 tuổi: 11 người; từ 41-45 tuổi: 06 người; từ 46-50 tuổi: 03 người; từ 51-55 tuổi: 01 người và từ 56-60 tuổi: 01 người.

+ Cơ cấu theo trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 05 người, Đại học: 20 người.

+ Cơ cấu theo trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị: 07 người, Trung cấp chính trị: 18 người.

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

- HĐND xã gồm thường trực HĐND và 02 ban HĐND; trong đó Lãnh đạo HĐND: 03 biên chế, gồm 01 Phó Chủ tịch HĐND và 02 Phó Trưởng ban HĐND; các biên chế kiêm nhiệm gồm: Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND, Trưởng ban HĐND do Chủ tịch UBND xã và Chủ nhiệm UBKT đảng. Tổng số đại biểu HĐND xã khóa II nhiệm kỳ 2026-2031 là 29 đại biểu.

Về cơ cấu:

- + Cơ cấu theo giới tính: 03 nam.
- + Cơ cấu theo độ tuổi: từ 41- 45 tuổi: 02 người, từ 46-50 tuổi: 01 người.
- + Cơ cấu theo trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01 người, Đại học: 02 người.
- + Cơ cấu theo trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị: 01 người, Trung cấp chính trị: 02 người.

- UBND xã gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch và thành lập 03 cơ quan chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế và Phòng Văn hóa – Xã hội) và 01 cơ quan hành chính (Trung tâm Phục vụ hành chính công). Lãnh đạo UBND: 03 biên chế gồm: 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch UBND xã.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

- Tổng số cán bộ, công chức của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã: 13 người (gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Thường trực đồng thời là Chủ tịch Hội Nông dân xã, 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Bí thư Đoàn Thanh niên xã, 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh xã và 08 chuyên viên).

- Về cơ cấu:

- + Cơ cấu theo giới tính: 04 nam, 09 nữ.
- + Cơ cấu theo độ tuổi: từ 31-35 tuổi: 03 người, từ 36 – 40 tuổi: 03 người, từ 41- 45 tuổi: 05 người, từ 46-50 tuổi: 01 người và từ 51-55 tuổi: 01 người.
- + Cơ cấu theo trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01 người, Đại học: 12 người.
- + Cơ cấu theo trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị: 03 người, Trung cấp chính trị: 10 người.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã: Tổng số biên chế được giao 54 biên chế (bao gồm 04 biên chế của Ban Chỉ huy Quân sự), trong đó 03 biên chế HĐND và 03 biên chế lãnh đạo UBND; còn lại 48 biên chế tại, cụ thể như sau:

- Văn phòng HĐND và UBND: Hiện tại đã bố trí 12/12 biên chế, gồm: 01 Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng và 10 công chức).

- Phòng Văn hoá – Xã hội: Hiện tại đã bố trí 13/13 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 10 công chức.

- Phòng Kinh tế: Hiện tại đã bố trí 13/14 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 11 công chức.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: Hiện tại đã bố trí 04/05 biên chế, gồm: 02 Phó Giám đốc và 03 công chức.

- Ban chỉ huy Quân sự xã: 04/04 biên chế gồm: 01 Chỉ huy trưởng, 02 Chỉ huy phó và 01 Trợ lý. Ngoài ra, UBND thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp hiện tại đã bố trí 19/21 biên chế gồm: 01 Phó giám đốc và 18 viên chức.

III. Đối với xã Trị An

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Trị An nằm ở phía Tây của tỉnh Đồng Nai. Phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025, được xác định như sau:

Phía Bắc và Đông Bắc: Giáp xã Tân Lợi và xã Phú Lý;

Phía Đông và Đông Nam: Giáp xã Thanh Sơn và xã La Ngà;

Phía Tây: Giáp thành phố Hồ Chí Minh;

Phía Nam: Giáp xã Tân An và xã Bàu Hàm

1.2. Vai trò chức năng

Xã Trị An với vị trí nằm sát hồ Trị An, một trong những hồ nước lớn nhất khu vực Đông Nam Bộ, không chỉ cung cấp nguồn nước dồi dào mà còn tạo điều kiện cho phát triển du lịch sinh thái và nông nghiệp. Vị trí này cũng thuận lợi cho kết nối giao thông với thành phố Hồ Chí Minh và vùng lân cận. Là một trong những địa phương có diện tích lớn hướng đến phát triển mạnh mẽ đô thị dịch vụ du lịch của vùng, đặc biệt là cửa ngõ vào khu Bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa – Đồng Nai, nơi đã được UNESCO công nhận là vùng sinh quyển của thế giới. Là không gian đô thị mở rộng, hỗ trợ và dung nạp, giảm áp lực cho khu vực đô thị hiện hữu. tạo tiền đề phát triển các mô hình đô thị xanh, đô thị sinh thái. Là hạt nhân kết nối trong chuỗi đô thị - công nghiệp - dịch vụ góp phần tạo hành lang phát triển liên tục, cân bằng và bền vững.

Với chức năng phát triển đô thị mới - đô thị sinh thái, giảm tải nhu cầu nhà ở cho khu vực đô thị trung tâm. Cung cấp các sản phẩm du lịch, nghỉ dưỡng khai thác cảnh quan hồ Trị An và cảnh quan khu bảo tồn thiên nhiên và văn hóa Đồng Nai; Có điều kiện để hình thành các trung tâm về nghiên cứu đa dạng sinh học và chăm sóc sức khỏe.

Nhờ trở thành vị trí trung tâm trong quãng đường kết nối giữa khu vực phía bắc tỉnh Đồng Nai (khu vực Bình Phước cũ) và khu vực phía nam tỉnh Đồng Nai để kết nối với Sân bay Long Thành; Càng nước sâu Cái Mép – Thị Vải, là

vị trí lý tưởng đáp ứng cho chức năng trung chuyển cho khu vực nhờ vị trí kết nối thuận lợi với các tuyến Quốc lộ, Vành đai.

Chức năng về bảo tồn tài nguyên và an ninh nguồn nước là nơi cân bằng, hài hòa, khai thác tối đa về vị thế, vị trí kết nối đường bộ, đường thủy sông Đồng Nai, cùng với các giá trị nổi bật gắn với hồ thủy điện Trị An, Khu bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai... để Trị An phát huy được thế mạnh của mình trở thành đô thị xanh, sinh thái, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên của xã Trị An là 66.047,06 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 51.173,34 ha, chiếm 77,48%; diện tích đất phi nông nghiệp 14.849,38 ha, chiếm 22,48 % và diện tích đất chưa sử dụng 24,34 ha, chiếm 0,04%.

2.2. Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	TTN	66.047,06	100
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	51.173,34	77,48
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	518,55	1,01
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.769,40	9,32
3	Đất lâm nghiệp	LNP	45.512,88	88,94
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	237,36	0,46
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	55,38	0,11
6	Đất làm muối	LMU	-	-
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	79,77	0,16
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	14.849,38	22,48

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	OTC	292,78	1,97
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,42	0,13
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	100,06	0,67
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	40,29	0,27
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	66,16	0,45
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	565,20	3,81
7	Đất tôn giáo	TON	6,08	0,04
8	Đất tín ngưỡng	TIN	1,95	0,01
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	24,29	0,16
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	13.733,15	92,48
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	24,34	0,04
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	24,34	100,00
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Dân số:

Tính đến ngày 22/3/2026, xã Trị An có 11.455 hộ với 51.757 người; trong đó dân số thường trú là 50.003 người, dân số tạm trú là 1.754 người; đồng bào dân tộc thiểu số có 2.217 người, chiếm khoảng 4,3% dân số.

+ Dân số trong độ tuổi lao động là 30.365 người, chiếm 58,6% (tính theo độ tuổi từ 18 đến 61).

+ Tỷ lệ dân số thành thị/ nông thôn: 32.479/ 51.757 người, chiếm 62,75% (dân số thành thị tính theo số dân khu vực thị trấn Vĩnh An cũ).

3.2. Cơ cấu lao động: chủ yếu trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp và dịch vụ

Cơ cấu lao động của xã Trị An đang chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động nông nghiệp, tăng dần lao động phi nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển đô thị sinh thái, du lịch, dịch vụ và năng lượng. Địa phương đã chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tăng cường kết nối cung - cầu lao động và hỗ trợ chuyển đổi việc làm, qua đó tạo nền tảng nhân lực cho quá trình phát triển đô thị trong giai đoạn tới.

Xã Trị An có khoảng 16 dân tộc sinh sống (Kinh, Hoa, Chơ ro, Tày, Khmer, Mường, Nùng, Sán Dìu, Thái, Cao Lan, Thổ, Dao,...). Trong đó, dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ chủ yếu với khoảng trên 48.000 người; người Hoa khoảng 900 người; người Tày khoảng 200 người; người Nùng khoảng 190 người; người Khmer khoảng 140 người; các dân tộc thiểu số còn lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong cơ cấu thành phần dân tộc.

Xã Trị An có khoảng 16 dân tộc sinh sống (Kinh, Hoa, Chơ ro, Tày, Khmer, Mường, Nùng, Sán Dìu, Thái, Cao Lan, Thổ, Dao,...). Trong đó dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ chính với khoảng trên 48.000 người, người Hoa khoảng 900 người, người Tày khoảng 200 người, người Nùng khoảng 190 người, người Khmer khoảng 140 người,... các dân tộc thiểu số còn lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong cơ cấu thành phần dân tộc (khoảng 200 người).

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế gồm:

- Chỉ tiêu phát triển kinh tế của xã Trị An được xem xét thông qua tốc độ tăng giá trị sản xuất, cơ cấu kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và tỷ lệ hộ nghèo. Qua rà soát cho thấy cơ cấu kinh tế của địa phương đang chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng,

thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; đời sống Nhân dân từng bước được cải thiện, tạo nền tảng để tổ chức quản lý theo mô hình phường.

Nhìn chung, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu cho thấy xã Trị An có dư địa phát triển, khả năng huy động nguồn lực và điều kiện tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị trong lộ trình phù hợp sau khi thành lập phường.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều):

Số hộ nghèo đầu năm 2025 (theo chuẩn nghèo đa chiều): 07 hộ, chiếm tỷ lệ 0,06% so với tổng số hộ dân; Số hộ thoát nghèo trong năm: 07 hộ; số hộ nghèo chết, chuyển đi: 00 hộ; số hộ nghèo phát sinh mới: 00 hộ; số hộ nghèo thực giảm: 07 hộ, cụ thể như sau:

+ Hộ nghèo A: 00 hộ, chiếm 0% so tổng số hộ dân (là hộ nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ còn khả năng lao động, thuộc mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo);

+ Hộ nghèo B: 07 hộ, chiếm 0,06% so tổng số hộ dân (là hộ nghèo không có thành viên nào trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động, không có khả năng thoát nghèo).

Đến cuối năm 2025, trên địa bàn không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

+ Trong thời gian qua, lĩnh vực công nghiệp – xây dựng trên địa bàn xã Trị An có bước phát triển nhất định, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng phi nông nghiệp, cụ thể năm 2023 đạt 7,2%, năm 2024 đạt 14,9%, năm 2025 đạt 13,41%, tốc độ bình quân giai đoạn 2026-2030 dự kiến đạt 11-12%. Hoạt động xây dựng trên địa bàn xã diễn ra khá sôi động, chủ yếu là: Xây dựng nhà ở dân dụng, công trình hạ tầng nông thôn (đường giao thông, kênh mương, điện, nước) và các công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từng bước được quan tâm, góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ Ngành công nghiệp – xây dựng có xu hướng phát triển, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân trên địa bàn xã như: Dự án nhà máy Thủy điện Trị An mở rộng, dự án Cầu Hiếu Liêm, dự án đê Dân cư số 6, dự án mở rộng Trường TH Cây Gáo B, dự án Cầu Mã Đà và các dự án đường giao thông trọng điểm trên địa bàn xã.. nhằm cải thiện kết

nổi và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn xã và đóng góp chung vào ngành xây dựng của tỉnh Đồng Nai tăng trưởng đáng kể vào năm 2025, với tốc độ khoảng 21,7% so với năm trước, đóng góp cho phát triển kinh tế chung của tỉnh.

Nhìn chung, ngành công nghiệp – xây dựng của xã Trị An đang trong giai đoạn phát triển ban đầu, có tiềm năng nhưng cần được định hướng và đầu tư bài bản hơn để trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

- Về công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Hoạt động công nghiệp trên địa bàn xã chủ yếu là quy mô nhỏ và hộ gia đình với số lượng lao động dưới 10 người, tập trung vào các ngành nghề như may mặc, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ, mộc dân dụng và một số ngành nghề truyền thống. Các cơ sở sản xuất phân bố rải rác trong khu dân cư, chưa hình thành khu, cụm công nghiệp tập trung như may mặc, sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Quy mô sản xuất còn hạn chế, công nghệ chưa hiện đại, chủ yếu sử dụng lao động thủ công, năng suất và giá trị gia tăng chưa cao. Tuy nhiên, lĩnh vực này đã góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương, tăng thu nhập cho người dân, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại chỗ.

- Về thương mại - dịch vụ: Trong những năm gần đây, lĩnh vực thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã Trị An có bước phát triển tích cực, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ.

+ Hoạt động thương mại trên địa bàn xã chủ yếu là mua bán nhỏ lẻ, tập trung tại chợ truyền thống như chợ Vĩnh An (chợ ấp 2-Vĩnh An), chợ Hiếu Liêm, chợ ấp 1, chợ Mã Đà và các cửa hàng tạp hóa và điểm kinh doanh hộ gia đình như hộ kinh doanh Liên Phương, Cường Bảo, cửa hàng Cô Nga, cửa hàng Cẩm Hường.... Hệ thống phân phối hàng hóa, thiết bị công nghệ, hàng tiêu dùng như Bách hóa xanh, Con Cưng, Thế giới di động, Điện máy xanh, cửa hàng Viettel... cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của người dân; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ trên địa bàn xã.

+ Hoạt động dịch vụ: Các loại hình dịch vụ trên địa bàn xã Trị An ngày càng đa dạng, bao gồm: Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa (Giao hàng tiết kiệm (GHTK), Viettel Post – chuyển phát nhanh, đa dạng loại hình bưu kiện và VNPost Express – bưu chính và giao hàng nhanh. Dịch vụ sửa chữa cơ khí, xe máy, dịch vụ ăn uống, giải khát... Nhìn chung, dịch vụ phát triển theo hướng phục vụ nhu cầu tại chỗ, quy mô hộ gia đình là chủ yếu. Một số loại hình dịch vụ mới bước đầu hình thành nhưng chưa phát triển mạnh. Tỷ lệ đạt được cụ thể

năm 2023 đạt 14,28%, năm 2024 đạt 17,53%, năm 2025 đạt 17,08%, tốc độ bình quân giai đoạn 2026-2030 dự kiến đạt 11-12%.

Đánh giá chung: Lĩnh vực thương mại – dịch vụ của xã Trị An có tiềm năng phát triển, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng. Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sinh hoạt của người dân, góp phần tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đáp ứng tiêu chuẩn trở thành phường vào năm 2026

- Sản xuất nông nghiệp ổn định, công tác tổ chức sản xuất được triển khai thực hiện hiệu quả. Công tác phòng trừ dịch sâu, bệnh hại trên cây trồng và công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được thực hiện đầy đủ, kịp thời, không để bùng phát dịch bệnh;

+ Trồng trọt: Cây trồng sinh trưởng, phát triển ổn định, năng suất duy trì, không xảy ra dịch bệnh lớn. Diện tích các loại cây trồng trên địa bàn: Xoài: 1.444,9 ha; bưởi: 300 ha; cam: 290,9 ha; quýt: 125,2 ha; chuối: 282,3 ha; điều: 515 ha; cao su: 496 ha; lúa: 77,6 ha; bắp: 149,75 ha; rau màu các loại: 36,55 ha.

+ Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc trên địa bàn xã là 13.369 con (đàn heo 12.218 con, trâu bò 1.151 con); tổng đàn gia cầm trên địa bàn là 690.950 con (gà 394.500 con, vịt 44.450 con, cút 252.000 con). Tình hình chăn nuôi ổn định, công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được các chủ trại và hộ chăn nuôi nhỏ lẻ triển khai thực hiện tốt, không để bùng phát dịch bệnh.

+ Thủy sản:

Tổng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng trên địa bàn xã là 12.988,6 ha, ngoài nguồn lợi thủy sản tự nhiên trên hồ được các ngư dân đánh bắt, khai thác, đánh bắt còn có 03 vùng nuôi cá bè (chủ yếu nuôi cá lăng, cá chép, cá trắm...); hiện nay, Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai đang triển khai thực hiện dự án Sắp xếp lại vùng nuôi cá lồng bè, di dời và giải tỏa lồng bè dôi dư trên hồ Trị An.

Diện tích ao nuôi thủy sản của các hộ dân trên địa bàn xã: 264,9 ha (chủ yếu nuôi các loại cá truyền thống như cá chép, rô phi, cá trắm)

Trong nhiều năm qua, tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã có nhiều thuận lợi, công tác hỗ trợ kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản được quan tâm thực hiện, công tác quản lý về lồng bè, công tác phối hợp xử lý các trường hợp sử dụng chất nổ, xung điện, ngư cụ cấm trong khai thác thủy sản trên hồ Trị An giữa Ủy ban nhân dân xã, Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai và Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản được thực hiện tốt góp phần thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn xã.

+ Lâm nghiệp:

Tổng diện tích có rừng trên địa bàn xã là 44.422,46 ha (rừng tự nhiên là 39.136,74 ha và rừng trồng là 5.285,72 ha) thuộc lâm phần quản lý của 02 đơn vị chủ rừng là Khu bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai và Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai chi nhánh Đông Nam Bộ; tỷ lệ che phủ rừng là 67,26%.

Ngoài diện tích thuộc 02 đơn vị chủ rừng quản lý, trên địa bàn xã có khoảng 700 ha rừng trồng cây keo lai nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng, là diện tích rừng tự trồng tự hưởng của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã.

Rừng tự nhiên phần lớn là rừng gỗ lá rộng, đặc trưng bởi nhiều loài cây thuộc họ Dầu, một phần diện tích rừng hỗn giao Gỗ - Lồ ô và thuần Lồ ô, tre nứa.

Rừng trồng chủ yếu là keo lai phân bố không tập trung mà phân bố theo cụm. Một số lô rừng trồng một mặt tiếp giáp với diện tích rừng tự nhiên, một mặt giáp với các lô đất sản xuất nông nghiệp hoặc đường giao thông có nhiều người, phương tiện qua lại.

Công tác phòng cháy chữa cháy và quản lý bảo vệ rừng được triển khai kịp thời, hiệu quả không để xảy ra cháy rừng và các hành vi liên quan đến quản lý bảo vệ rừng; công tác tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, nhất là săn bắt, buôn bán động vật rừng (không có trường hợp vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, quản lý lâm sản).

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo

- Về quy mô trường lớp: Hệ thống mạng lưới trường, lớp trên địa bàn xã được bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện dân cư và định hướng phát triển địa phương.

+ Xã Trị An có 14 cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân xã (Mầm non: 05; Tiểu học: 04; THCS: 05). Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%. Tổng số phòng học là 272 phòng (Mầm non: 73; Tiểu học: 123, THCS: 76); đảm bảo 1 lớp/ phòng học. Các phòng học được đầu tư, bố trí cơ bản đảm bảo các điều kiện tối thiểu, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo quy định. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục còn được trang bị tương đối đầy đủ các phòng học bộ môn, phòng chức năng, phòng hỗ trợ học tập,... Tuy nhiên, hiện tại các cơ sở giáo dục cấp tiểu học, cấp THCS còn thiếu 169 bộ thiết bị dạy học theo Chương trình GDPT 2018 (từ lớp 2 đến lớp 9).

+ Hiện 100% các cơ sở giáo dục trực thuộc xã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 03/14 trường, tỉ lệ 21,4%.

+ Số lượng nhân sự tại các cơ sở giáo dục trực thuộc khoảng 578 người; tỷ lệ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đạt 98%. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đảm bảo về số lượng, cơ cấu hợp lý; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

** Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 02 trường THPT (01 công lập, 01 tư thục) và 01 Trung tâm GDNN & GDTX. Tổng số nhân sự khoảng 126 người (THPT công lập: 75; THPT tư thục: 35, Trung tâm GDNN & GDTX: 16). Tổng số phòng học bậc THPT là 55 phòng học (công lập: 33 phòng; tư thục: 22 phòng), Trung tâm GDNN & GDTX: 13 phòng. Hiện tại trường THPT công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.*

- Về chất lượng dạy và học

+ Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định và từng bước nâng cao: Tỷ lệ trẻ em mầm non huy động ra lớp đạt 90.1%, tỷ lệ trẻ em 06 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%; tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp đạt trên 95%.

+ Toàn xã đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3, chất lượng giáo dục xóa mù chữ đạt mức độ 2.

5.2. Y tế

- Xã có 01 Trạm Y tế và 02 điểm y tế đạt chuẩn quốc gia, thực hiện chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn.

+ Tổng số cán bộ y tế: 39 người (trong đó: 04 bác sĩ, 02 y sĩ, 14 điều dưỡng, 03 hộ sinh, 06 dược sĩ, 06 dân số viên, 04 khác).

+ Trạm Y tế phối hợp với các ngành, đoàn thể thực hiện các chương trình y tế chủ động phòng, chống dịch bệnh, tăng cường giám sát công tác Y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Thực hiện tốt các chương trình Y tế, phòng, chống các bệnh xã hội. Phòng, chống HIV/AIDS, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh thực hiện tốt quy chế chuyên môn, hoàn thành các chỉ tiêu về các chương trình Y tế Quốc gia và chuẩn quốc gia nâng cao. Tăng cường quản lý công tác An toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động trên địa bàn thị trấn, công tác Y tế học đường, bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Chủ động thực hiện tốt các công tác chuyên môn tại Trạm Y tế.

+ Công tác khám, chữa bệnh được duy trì thường xuyên, với: Số lượt khám chữa bệnh trung bình: khoảng 20.000 lượt/năm (khám ngoại trú). Công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai đầy đủ, đạt kết quả: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ: đạt trên 95 %. Công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện chủ động: Tổ chức giám sát, xử lý kịp thời các bệnh như sốt xuất huyết, tay chân miệng....100% ổ dịch nhỏ được khoanh vùng và xử lý kịp thời. Không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Các chương trình Y tế quốc gia được triển khai đầy đủ, hiệu quả: như: Chương trình tiêm chủng mở rộng, Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, Chương trình phòng chống bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, đái tháo đường...), Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi giảm còn khoảng 6.3%. Công tác An toàn thực phẩm trên địa bàn xã được đảm bảo, không có trường hợp nào xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 01 trung tâm y tế khu vực Vĩnh Cửu. Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Y tế là chăm sóc bảo vệ nâng cao sức khỏe cán bộ nhân dân trên địa bàn, tổ chức triển khai thực hiện, tổ chức công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Cửu và các Trạm Y tế xã (trong đó có Trạm y tế xã Trị An). Tổng số các Khoa/Phòng gồm 04 phòng, 12 khoa, 1 Cơ sở sơ điều trị Methadone.

Tổng số cán bộ CC, VC người lao động 190. Trong đó: Đại học và sau đại học: 114; Cụ thể: Bác sỹ CKI: 09; Bác sỹ: 33; Điều dưỡng CKI: 01; Cử nhân điều dưỡng: 37; CN YTCC: 02; Cử nhân hộ sinh: 01; Dược sỹ 11; KTV Y đại học: 04; Ths: 02, Cử nhân tin học: 02; Cử nhân luật 02; CN QTKD: 01; Kế toán: 08; Kỹ sư Môi trường: 01; Cao đẳng: 43 gồm: KTV y cao đẳng: 09; điều dưỡng 20; Hộ sinh 04; Dược: 08; Kế toán 02; Trung học: 8 gồm: Y Sỹ: 05; Điều Dưỡng: 01; Văn thư viên TC: 01; Điện 01; Sơ học 25 gồm: hộ lý 14; Lái xe: 4; Bảo vệ 5; Nhân viên phục vụ: 02.

5.3. Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

- Về đời sống văn hóa: Lãnh đạo xã luôn quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo các ấp tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích, tác dụng của việc xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng khu dân cư văn hóa góp phần hạn chế và đẩy lùi các tệ nạn xã hội; thường xuyên tuyên truyền rộng rãi về 03 nội dung tiêu chuẩn gia đình văn hóa, gắn với tuyên truyền giáo dục các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; thực hiện tốt các quy định về bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh. Năm 2025, có 10.432/10.492 hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 99,4%; Có 38 gia đình văn hóa tiêu biểu được xét đề nghị UBND xã khen thưởng.

+ Hàng năm, xã đều tổ chức tốt các hoạt động lĩnh vực công tác gia đình như: Tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Gia đình hạnh phúc (20/3); Tổ chức Ngày hội gia đình nhân kỷ niệm Ngày gia đình Việt Nam (28/6); Thành lập đoàn gia đình của xã tham dự Liên hoan các Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững do cấp trên tổ chức; Hiện nay, xã đang tiếp tục duy trì hoạt động của 19 CLB, nhóm phòng chống bạo lực gia đình và 70 địa chỉ tin cậy đang hoạt động trên địa bàn xã, đồng thời hướng dẫn các ấp rà soát, báo cáo tình hình nhân sự nếu để thực hiện công tác kiện toàn các CLB, nhóm phòng chống bạo lực gia đình và địa chỉ tin cậy trên địa bàn xã để tiếp tục hoạt động hiệu quả trong tình hình mới. Bên cạnh đó, xã còn triển khai Thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch (gia đình 5 có 3 sạch)” trong các tổ, hội phụ nữ trên địa bàn xã.

+ Chương trình xây dựng ấp văn hóa từ khi được triển khai đã được sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền xã, sự đồng tình hưởng ứng tích cực của nhân dân trên địa bàn xã, do đó chương trình ngày càng phát triển, gặt hái được nhiều kết quả khả quan. Với phương châm lấy khu dân cư làm trung tâm để tổ chức các hoạt động, Ban Chủ nhiệm chương trình 1 thường xuyên đa dạng hóa các hình thức thu hút, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc như: phong trào “Vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau”, phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Về thiết chế văn hóa:

+ Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, 15/19 nhà văn hoá ấp đạt tỷ lệ 78,94% (riêng 04 ấp: cây Sung, Suối Tượng, Bà Hào, Suối Trau thuộc diện di dời dân cư nên không xây dựng Nhà Văn hóa). Các thiết chế Thể dục, thể thao được quan tâm xây dựng, đến nay, toàn xã có 7 sân bóng đá, 6 hồ bơi, 12 sân bóng chuyền, 12 điểm vui chơi giải trí cho trẻ em, 12 điểm vui chơi giải trí cho người già, 230 dụng cụ thể thao ngoài trời, 73 Câu lạc bộ, Tổ, Đội, Nhóm Thể dục, thể thao, tỷ lệ số người tham gia tập luyện Thể dục, thể thao đạt 27.450/51028 đạt 53,79%. Các thiết chế thể thao hàng năm đều được cải tạo, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu tập luyện của người dân.

+ Tại các thiết chế văn hóa, thể thao, các địa điểm sinh hoạt cộng đồng, khu đông dân cư được trang bị 210 dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và 150 thiết bị trò chơi dành cho trẻ em đã góp phần tạo thuận lợi cho người dân trong việc tập luyện Thể dục, thể thao thường xuyên, nâng cao thể lực và sức khỏe.

Đồng thời, duy trì hiệu quả các hoạt động tại các Trung tâm VH TT-HTCĐ; Nhà Văn hóa ấp nhằm phục vụ Nhân dân như: giao lưu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, cờ vua, bóng bàn, các môn võ, các nhóm nhảy hiện đại, aerobic,...

+ Công tác xã hội hóa lĩnh vực thể thao được triển khai, nhiều cơ sở thể thao tư nhân được thành lập, đến nay, toàn xã có 7 sân bóng đá (trong đó sân bóng đá 11 người; Sân bóng đá mini cỏ tự nhiên; Sân bóng đá mini cỏ nhân tạo), 6 hồ bơi, 24 sân cầu lông, đá cầu, 12 sân bóng chuyền, 2 sân tennis, 16 bàn bóng bàn, 6 cơ sở bida (56 bàn) do tư nhân đầu tư.

+ Ngoài ra, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao luôn chào mừng các sự kiện của đất nước, địa phương luôn được quan tâm với đông đảo các cơ quan, đơn vị và Nhân dân tham gia hưởng ứng như giải bóng đá, bơi lội, cầu lông, pickleball, bóng chuyền... Các lớp năng khiếu, ngành nghề được tổ chức thường xuyên như võ cổ truyền, Taekwondo...

- Về thông tin truyền thông: UBND xã Trị An có hệ thống Đài truyền thanh thông minh với 171 cụm loa trên địa bàn các ấp, điều này đã hỗ trợ rất nhiều trong công tác thông tin tuyên truyền. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt đến Nhân dân trên địa bàn về chủ trương của Đảng, chính sách, Pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Qua đó, toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân nắm bắt các hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương, tạo sự thống nhất từ nhận thức đến hành động để cùng chung tay xây xã Trị An ngày càng phát triển. Bên cạnh đó, Trang Thông tin điện tử xã Trị An đã đăng tải 1.156 tin, bài, hình ảnh về các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa của xã, góp phần quảng bá sâu rộng về hình ảnh, con người, kinh tế của xã nhà.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội

Trong những năm qua, công tác Lao động – Thương binh và Xã hội trên địa bàn xã Trị An luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định xã hội và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

+ Công tác chăm lo đối với người có công với cách mạng luôn được địa phương quan tâm thực hiện. Hiện nay, trên địa bàn xã có 232 đối tượng người có công và thân nhân người có công, trong đó gồm:

+ Người có công với cách mạng: (đang hưởng trợ cấp hàng tháng): Anh hùng LLVT: 01 đối tượng; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh: 82 đối tượng; Bệnh binh: 30 đối tượng; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 41 đối tượng; Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày: 04 đối tượng; Người có công giúp đỡ cách mạng: 02 đối tượng.

+ Thân nhân của người có công với cách mạng (thân nhân hưởng tuất liệt sỹ; tuất thương bệnh binh, tuất chất độc hóa học; con người tham gia kháng chiến nhiệm CĐHH, người phục vụ): Tuất Liệt sỹ: 20 đối tượng; Tuất Thương, bệnh binh, CĐHH, người hoạt động cách mạng trước 01/01/1945: 26 đối tượng; Con người tham gia kháng chiến nhiệm CĐHH: 19 người; Người phục vụ thương binh, bệnh binh, CĐHH trên 81%: 04 đối tượng.

+ Ngoài ra, còn có 03 đối tượng là quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 142 và 116 thân nhân đang hưởng thờ cúng liệt sỹ.

+ Các chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Chi trả trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng cho đối tượng người có công khoảng 232 đối tượng, tương ứng với 263 chế độ, với số tiền 834.519.000 đồng. Thực hiện hỗ trợ Tết Nguyên đán 2026 theo Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND cho 416 đối tượng người có công và thân nhân người có công với số tiền 449.200.000 đồng; hỗ trợ theo Quyết định số 01/QĐ-CTN của Chủ tịch nước cho 289 đối tượng với số tiền 88.800.000 đồng. Bên cạnh đó, địa phương thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách, đặc biệt vào các dịp lễ, Tết và Ngày Thương binh – Liệt sỹ (27/7). Vào dịp Tết Nguyên đán năm 2026, UBND xã đã vận động và tổ chức thăm tặng quà cho 45 gia đình chính sách, mỗi suất trị giá 1.000.000 đồng. Công tác vận động xã hội hóa trong chăm lo gia đình chính sách được đẩy mạnh, góp phần nâng cao đời sống và thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

- Công tác bảo trợ xã hội

+ Trong thời gian qua, việc triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn xã luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo sát sao. Các ban, ngành, đoàn thể đã phối hợp chặt chẽ trong tổ chức thực hiện, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

+ Công tác thực hiện chính sách được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định. Các trường hợp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh được

xem xét, hỗ trợ kịp thời. Đồng thời, địa phương chú trọng tăng cường công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng yếu thế trong xã hội.

+ Hiện nay, trên địa bàn xã có tổng số 1.925 đối tượng đang hưởng trợ giúp xã hội, hưu trí xã hội cụ thể gồm: Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng: 09 đối tượng; Đơn thân nghèo đang nuôi con: 01 đối tượng; Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo: 06 đối tượng; Hưu trí xã hội: 894 đối tượng; Người khuyết tật đặc biệt nặng: 203 đối tượng; Người khuyết tật nặng: 578 đối tượng; Hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người khuyết tật đặc biệt nặng: 210 đối tượng; Đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai: 24 đối tượng.

Trong tháng 03 năm 2025, xã đã thực hiện chi trả trợ cấp cho 1.925 đối tượng với + tổng số tiền 1,32 tỷ đồng. Trong đó, tỷ lệ chi trả không dùng tiền mặt (qua ATM/ví điện tử) đạt 1.824/1.925 đối tượng, tương đương 94,75%. Ngoài ra, đã hỗ trợ chi phí mai táng cho 05 trường hợp thân nhân đối tượng với tổng số tiền 50 triệu đồng.

+ Hỗ trợ tết Nguyên đán năm 2026 cho 1.558 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội, hưu trí xã hội theo Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND với số tiền 1,122 tỷ đồng.

+ Nhìn chung, các chính sách trợ giúp xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn xã được triển khai đồng bộ, kịp thời, đúng quy định; góp phần ổn định đời sống Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

+ Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn xã được cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo thường xuyên; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. 100% đối tượng được lập hồ sơ theo dõi, quản lý. Các hành vi vi phạm pháp luật được xử lý kịp thời theo quy định.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới

+ Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được triển khai đồng bộ, đảm bảo quyền trẻ em theo quy định 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế; Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%.

+ Công tác bình đẳng giới trên địa bàn xã được quan tâm triển khai thông qua các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và lồng ghép trong hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể: Tổ chức tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; Lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào các cuộc họp dân, sinh hoạt chi hội, đoàn thể; Tuyên truyền phòng, chống bạo lực gia đình, nâng cao vai trò của phụ nữ trong gia đình

và xã hội. Vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội được cải thiện rõ rệt.

- Công tác lao động việc làm

+ Phối hợp với các cơ quan cấp trên tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Lao động tham gia làm việc tại các khu, cụm công nghiệp ngày càng tăng.

+ Công tác tuyên truyền pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động cho các cơ sở và người lao động được thực hiện thường xuyên. Các cơ sở sản xuất kinh doanh chấp hành tương đối tốt quy định về an toàn lao động. Không có vụ tai nạn lao động nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn.

5.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

- Về tôn giáo: Trên địa bàn có 10 cơ sở tôn giáo thuộc 05 tôn giáo đang hoạt động gồm Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo:

+ Phật giáo: Có 05 cơ sở, 01 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung (Đạo tràng Thiền Lâm, ấp Suối Tượng). Chức sắc 06 người, chức việc 05 người, tín đồ 7.149 người.

+ Công giáo: Có 03 cơ sở, 04 điểm sinh hoạt ngoài cơ sở tôn giáo. Chức sắc 04 người, chức việc 12 người, tín đồ khoảng 10.815 người.

+ Tin Lành: Có 02 Chi hội Tin Lành thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền nam), 01 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung Baptit Nam Phương. Chức sắc 03 người, chức việc 11 người, tín đồ 456 người.

+ Riêng đối với đạo Cao Đài tín đồ có 21 người và Phật giáo Hòa Hảo tín đồ có 15 người không có cơ sở tôn giáo.

- Về tín ngưỡng: Trên địa bàn có 08 cơ sở tín ngưỡng thuộc các loại hình Đình 06; Đền 01; Miếu 01. Không có cơ sở tín ngưỡng được xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt, cơ sở tín ngưỡng được xếp hạng di tích quốc gia và cơ sở tín ngưỡng được xếp hạng di tích cấp tỉnh. Hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn xã chủ yếu là cầu an, cầu mùa, cầu mưa thuận gió hòa, cầu cho quốc thái dân an, lễ giỗ các vị thần, tổ tiên, vía bà tại các miếu, đền. Nhìn chung, các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn xã đều thực hiện việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng theo quy định. Đối với các hoạt động tín ngưỡng phát sinh đều có đăng ký bằng văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc tổ chức các hoạt động tín ngưỡng luôn được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và thuần phong mỹ tục của địa phương, góp phần giữ vững truyền thống và bản sắc văn hóa của dân tộc. Các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn xã đều có người đại diện hoặc Ban quý tế quản lý do cộng đồng dân cư bầu ra.

- Về Dân tộc: Trên địa bàn xã Trị An hiện nay có 16 thành phần dân tộc, trong đó dân tộc thiểu số có 425 hộ; 1663 nhân khẩu, chiếm 3.31% dân số toàn xã. Có 02 người có uy tín tại địa bàn, là cầu nối giữa chính quyền đến với bà con dân tộc thiểu số.

Xã có 01ấp thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Ấp Vĩnh An 7) theo Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 10/2/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 – 2030. UBND xã đã thực hiện tốt các chính sách dân tộc, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh, nhất là liên quan đến an ninh trật tự, thiên tai, dịch bệnh, môi trường; chú trọng công tác chăm lo đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào theo các tôn giáo đảm bảo đúng quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở

- Hiện trạng nhà ở trên địa bàn xã phân bố không đều, cơ bản tập trung cao tại khu vực thị trấn Vĩnh An cũ; trên các tuyến đường liên tỉnh ĐT.767, ĐT.768, ĐT.762; khu vực chợ và bến xe và các tuyến đường xã và nội ấp, các trung tâm xã cũ. Ngoài ra còn một bộ phận dân cư đang sinh sống trong khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai. Nhà ở chủ yếu là các dãy nhà phố liên kế thấp tầng, từ (1 - 3) tầng tập trung xung quanh các công trình hành chính trên trục đường ĐT.767. Nhà ở riêng lẻ cơ bản có kết cấu bền vững (đạt 3 cứng);

- Hiện nay, tất cả nhà ở trên địa bàn xã đều đạt chuẩn Bộ Xây dựng và không còn nhà tạm và nhà dột nát, đa số là nhà ở kiên cố và bán kiên cố chiếm tỷ lệ 100%.

- Hiện trạng trên địa bàn xã không có nhà ở xã hội. Tuy nhiên, xã có bố trí quy hoạch quỹ đất phát triển nhà ở xã hội khoảng 11ha nằm gần vị trí quy hoạch Cụm công nghiệp Vĩnh An;

- Về nhà ở công vụ: Trên địa bàn có 04 căn nhà ở công vụ đang sử dụng nằm trong khuôn viên trụ sở Đảng ủy.

6.2. Công trình cơ quan hành chính

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Trị An đã tiến hành rà soát, bố trí lại hệ thống trụ sở cơ quan hành chính theo hướng tập trung, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới. Hiện nay, trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND và các tổ chức chính trị - xã hội được bố trí tại các công trình

kiên cố, có quy mô phù hợp, bảo đảm điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức và phục vụ nhân dân.

Trụ sở UBND xã và các phòng, ban chuyên môn được đặt tại vị trí trung tâm, thuận lợi cho giao dịch hành chính; Trung tâm Phục vụ hành chính công được tổ chức riêng biệt, bảo đảm thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Bên cạnh đó, các cơ quan như Ban Chỉ huy Quân sự, Công an, Trung tâm Chính trị, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã đều được bố trí trụ sở làm việc ổn định, phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

Hệ thống trụ sở sau sáp nhập cơ bản được tận dụng từ cơ sở vật chất hiện có của cấp huyện và các đơn vị cũ, bảo đảm tiêu chuẩn về diện tích, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, công nghệ thông tin), đáp ứng yêu cầu hoạt động thường xuyên và lâu dài. Các trụ sở dôi dư được bố trí sử dụng hợp lý vào mục đích công cộng hoặc giao đơn vị quản lý, khai thác theo đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

Hiện nay, hệ thống trụ sở cơ quan hành chính trên địa bàn xã được bố trí, sắp xếp lại theo hướng tập trung, hợp lý, cụ thể như sau:

- Trụ sở Đảng ủy và các tổ chức chính trị - xã hội được bố trí tại trụ sở Huyện ủy cũ;
- Trụ sở UBND xã và các phòng, ban chuyên môn được bố trí tại trụ sở UBND huyện cũ;
- Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã được bố trí tại trụ sở Ủy ban MTTQ huyện cũ và trụ sở Đội Thanh tra giao thông số 5;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công được đặt tại Nhà một cửa UBND huyện cũ, thực hiện chức năng tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân;
- Trung tâm Chính trị xã Trị An được bố trí tại trụ sở Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Vĩnh Cửu cũ;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã được tổ chức trên cơ sở sử dụng trụ sở Trung tâm Văn hóa - Thể thao và trụ sở Đài Truyền thanh huyện cũ.

Đối với các trụ sở UBND xã Trị An và xã Mã Đà trước đây, định hướng sử dụng làm địa điểm sinh hoạt cộng đồng, phục vụ các thiết chế văn hóa, thể thao, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

Các trụ sở dôi dư sau sắp xếp được giao Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã quản lý, khai thác theo quy định của Nghị định số 108/2004/NĐ-CP ngày

23/8/2004 của Chính phủ, gồm: trụ sở UBND thị trấn Vĩnh An, trụ sở Phòng Tư pháp và trụ sở Phòng Tài chính – Kế hoạch cũ.

Nhìn chung, tiêu chí về trụ sở cơ quan hành chính của xã Trị An cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định đối với đơn vị hành chính cấp phường, bảo đảm điều kiện tổ chức bộ máy, phục vụ người dân và doanh nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển đô thị trong giai đoạn tới.

6.3. Công trình giáo dục

- Hệ thống công trình giáo dục của Trị An đầy đủ cả 3 cấp, ngoài ra xã còn có có sở đào tạo nghề góp phần không nhỏ trong đào tạo lực lượng lao động có tay nghề cho xã.

TT	Tên trường	Diện tích	Đạt chuẩn mức độ
		(m ²)	
A	Mầm non		
1	Trường mầm non ấp 2	5.191	1
2	Trường mầm non đường vào nhà máy đường Trị An	2.325	1
3	Trường Mầm non Hiếu Liêm	2.728	1
4	Trường Mầm non Mã Đà	9.773,30	1
4.1	Điểm Suối boon	1.502,40	1
4.2	Điểm Suối trau	273,20	1
4.3	Điểm Cây Sung	807,00	1
4.4	Điểm C3	522,00	1
4.5	Điểm Bà hào	793,00	1
5	Trường Mầm Non Sơn Ca	19.857	2
6	Trường Mầm non Phong Lan	12.298	

B	Tiểu học		
1	Trường tiểu học Trị An Đường 768	14.333	1
2	Trường tiểu học Trị An Đường dẫn cầu Hiếu Liêm	9.521	1
3	Trường Tiểu học Hiếu Liêm	16.133	1
4	Trường Tiểu học Cây Gáo B ấp VA 4	6.236	2
5	Trường Tiểu học Cây Gáo B ấp VA 3	2.132	2
6	Trường TH Kim Đồng DT 762	15.002	1
7	Trường TH Kim Đồng đường Lê Đại Hành	63.357	1
8	Trường TH Cây Gáo A	7.445,7	1
9	Trường TH Cây Gáo A Cơ sở 2	2527,3	1
C	Trung học cơ sở		
1	Trường TH-THCS Trị An	17.094	1
2	Trường THCS Hiếu Liêm	9.612	1
3	Trường THCS Lê Quý Đôn	10.500	2
4	Trường THCS Vĩnh An	15.002,80	1
5	Trường TH&THCS Mã Đà		1
5.1	Điểm chính:	16.650	
5.2	Bà Hào:	3.150	
5.3	Cây Sung: 2.670	2.670	
5.4	C3	1.642	
5.5	Suối Tượng	714	
D	Phổ thông trung học		
1	Trường cấp 3 Trị An	16.746	

2	Trường THCS THPT Hùng Vương	27.665	
E	Cơ sở đào tạo nghề		
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên	9.173	

Lĩnh vực giáo dục tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học. Các dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được triển khai thực hiện với quy mô lớn. Hệ thống trường, lớp các cấp học được rà soát, sắp xếp lại đảm bảo hợp lý, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đến trường của con em trên địa bàn. Đến nay, toàn xã có tỷ lệ trường chuẩn quốc gia mức độ 1 là 14/14 trường đạt 100%; Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia mức độ 2 là 3/14 trường, đạt 21,4%. Công tác giảng dạy và học tập được thực hiện theo đúng chương trình quốc gia, chất lượng giáo dục được nâng lên với kết quả tốt nghiệp các cấp học hàng năm đều đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được chuẩn hóa, 100% đạt chuẩn và trên chuẩn. Nhìn chung, hệ thống giáo dục cơ sở đầy đủ, chất lượng; quy mô trường lớp được giữ vững, cơ sở vật chất, các trang thiết bị phục vụ dạy và học được quan tâm đầu tư mới đảm bảo cho hoạt động giáo dục và đào tạo của các nhà trường.)

6.4. Công trình y tế

- Trên địa bàn xã Trị An gồm có 01 Trạm y tế xã Trị An tại ấp 5 Vĩnh An với 02 điểm y tế: điểm y tế Mã Đà và điểm y tế Trị An và 01 trung tâm y tế khu vực Vĩnh Cửu với quy mô 200 giường bệnh.

STT	Tên công trình	Quy mô diện tích (m ²)	Đạt chuẩn quốc gia
1	Điểm y tế Mã Đà	673	Đạt
2	Điểm y tế Trị An tại ấp 1 xã trị An	1.625	Đạt
3	Trạm y tế xã Trị An tại ấp Vĩnh An 5, xã Trị An	773.09	Đạt
4	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Cửu	25.484	Đạt

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

- Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao đầy đủ và đảm bảo cho các hoạt động:

Bảng thống kê các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã

TT	Tên công trình	Diện tích
		(m ²)
A	Văn hóa	
	Thư viện	5.373,80
	Nhà văn hóa 19 ấp	10.232,60
	Trung tâm văn hóa TDTT ấp Vĩnh An 8	
	Trung tâm văn hóa TDTT ấp Hiếu Liêm	10.130,49
	Trung tâm văn hóa TDTT ấp 1	10.154,00
B	Thể thao	
	Nhà thi đấu ấp Vĩnh An 8	5.777
	Sân bóng đá ấp Hiếu Liêm	7.475,60
	Sân bóng đá ấp 01	26.585
C	Công viên	
	Công viên trung tâm xã ấp Vĩnh An 8	14.089
	Công viên ấp Hiếu Liêm	10.330,93

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tiếp tục được triển khai và thực hiện có hiệu quả mang lại nhiều đổi thay cả về nhận thức lẫn hành động của người dân. Nhiều phong trào, hoạt động xây dựng mô hình văn hóa ở cơ sở tiếp tục được triển khai đạt kết quả tốt. Hoạt động lễ hội truyền thống được duy trì, tiếp tục bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa truyền thống, khơi dậy những phong tục tập quán tốt đẹp. Xã thường xuyên Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ nhân dân mang lại không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân. Công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực văn hóa và thông tin được chú trọng, công tác kiểm tra

được tăng cường, góp phần làm cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông ổn định, trật tự hơn.

- Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao, sân chơi, bãi tập, dụng cụ luyện tập, nhà tập luyện, thi đấu các môn thể thao được quan tâm, tu sửa, nâng cấp, xây dựng mới và chuẩn hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe nâng cao thể chất, xây dựng nếp sống lành mạnh của người dân theo hướng hiện đại và năng động. Xã có 01 công viên thể thao trên địa bàn, có trên 25 dụng cụ tập thể dục thể thao ngoài trời đáp ứng nhu cầu luyện tập của người dân trên địa bàn; số gia đình luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 54.69%. Một số công trình văn hóa, thể dục thể thao gồm: Thư viện, Trung tâm văn hóa TDTT ấp Vĩnh An 8, Trung tâm văn hóa TDTT ấp Hiếu Liêm, Trung tâm văn hóa TDTT ấp 1, Nhà thi đấu ấp Vĩnh An 8, Sân bóng đá ấp Hiếu Liêm, Sân bóng đá ấp 01, Công viên trung tâm xã ấp Vĩnh An 8, Công viên ấp Hiếu Liêm

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

- Mạng lưới thương mại - dịch vụ thời gian qua được chú trọng đầu tư và phát triển. Hệ thống chợ truyền thống như: chợ Vĩnh An, chợ Mã Đà, chợ Hiếu Liêm, chợ Khu phố 1 thị trấn Vĩnh An,... với cơ sở vật chất được xây dựng kiên cố, từng bước hiện đại hóa, đã và đang đáp ứng tốt nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa, kinh doanh phục vụ đời sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn. Việc quản lý, hoạt động buôn bán, kinh doanh có hiệu quả đảm bảo trật tự an toàn, văn minh thương mại, hàng hóa đa dạng phong phú đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh, buôn bán phục vụ đời sống sinh hoạt người dân trên địa bàn.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông

- Đường bộ: Xã Trị An có vị trí giao thông thuận lợi với 04 tuyến đường tỉnh lộ quan trọng (ĐT.761, ĐT.762, ĐT.767, ĐT.768) đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, thu hút đầu tư phát triển kinh tế – xã hội.

- Trong đó, tuyến đường ĐT.767 là tuyến đường giao thông trục chính huyết mạch của địa phương, kết nối từ trung tâm hành chính xã ra tới Quốc lộ 1A, phục vụ nhu cầu đi lại, lao động của người dân đến Khu công nghiệp Sông Mã và các vùng lân cận như khu vực Trảng Bom, Biên Hòa của tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyến đường ĐT.768 dọc theo Sông Đồng Nai kết nối với đường ĐT.762 hình thành tuyến liên vùng quan trọng từ Quốc lộ 1K (khu vực Thành phố Hồ Chí Minh kết nối ra Quốc lộ 20, khu vực xã Dầu Giây,

tỉnh Đồng Nai); Tuyến đường ĐT 761 kết nối với xã Phú Lý, là tuyến chỉ dẫn đến Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, Di tích Chiến khu Đ, Trung ương Cục Miền Nam, thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái Hồ Trị An gắn với du lịch về nguồn. Tất cả các ấp trên địa bàn xã đều có đường ô tô kết nối từ trung tâm hành chính các xã đến ấp, các khu dân cư đảm bảo đi lại quanh năm, 100% tuyến đường trục chính được nhựa hóa, 98% đường liên ấp được bê tông hóa, tạo thuận lợi cho đi lại và sản xuất. Các công trình hạ tầng kỹ thuật kèm theo hạ tầng giao thông như hệ thống chiếu sáng, hệ thống cây xanh cũng từng bước được thực hiện đầu tư nhằm đảm bảo an toàn giao thông và tạo cảnh quan môi trường, diện mạo đô thị hóa ngày càng diễn ra rõ nét, khang trang, hiện đại hơn.

- Khu vực trung tâm của xã (khu vực thị trấn Vĩnh An cũ). Có 04 tuyến phố chính đô thị đều có vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh, cây bóng mát, bao gồm như sau:

+ Tuyến phố chính tỉnh lộ 767: Hiện trạng là tuyến đường Nguyễn Tất Thành: Tuyến đường đã được thực hiện đầu tư với quy mô: Bề rộng mặt đường 18m, vỉa hè mỗi bên: 6,5m; dải phân cách giữa 2m, lộ giới 33m. Trên tuyến đã được bố trí đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh theo quy định.

+ Tuyến phố chính đường ĐT.762: Đường Lê Đại Hành: Tuyến đường thuộc trong dự án: đường Quang Trung và đường Lê Đại Hành đầu nối ra đường ĐT.768 nối dài và đường ĐT.762, huyện Vĩnh Cửu đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 02/02/2023. Hiện nay dự án đang được Ban Quản lý Dự án khu vực 09 đang triển khai thực hiện công tác Bồi thường giải phóng mặt bằng.

+ Tuyến phố chính đường ĐT.768 (tuyến phố đường Phan Chu Trinh): Hiện trạng đoạn tuyến từ TTGDNN-GDTX đến giáp đường ĐT.762 đã được thực hiện đầu tư hoàn thành hệ thống vỉa hè, chiếu sáng, cây xanh đô thị. Đảm bảo yêu cầu của tiêu chí đô thị văn minh.

+ Tuyến phố đường N6: (đường Quang Trung) Hiện trạng đoạn tuyến từ giáp đường Lê Quý Đôn đến ngã tư giao với đường ĐT.768 (đường Phan Chu Trinh) đã được thực hiện đầu tư hoàn thiện theo quy hoạch với quy mô lộ giới 22m, bề rộng mặt đường 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 05m.

- Trong tương lai cầu Mã Đà hình thành với đường ĐT.761 kết nối từ Phường Đồng Xoài về đường Vành đai 4 mở ra nhiều cơ hội phát triển cho địa phương, Trị An sẽ là điểm trung tâm trên trục tuyến kết nối giữa khu vực phía bắc tỉnh Đồng Nai (khu vực tỉnh Bình Phước cũ), khu vực Tây nguyên với khu vực phía nam tỉnh Đồng Nai để kết nối vào tuyến đường Vành đai 4 đi Sân bay

Long Thành và cảng Phước An, cảng Cái mép – Thị Vải. Việc hình thành tuyến đường sẽ càng nâng cao vị thế và tầm quan trọng trong việc liên kết, kết nối vùng với các địa phương khác của khu vực xã Trị An

- Đường thủy nội địa (nếu có): Với diện tích mặt nước Hồ Trị An 13 ngàn ha/32 ngàn ha với 40 đảo lớn nhỏ, chiều dài tiếp giáp mặt nước Hồ Trị an khoảng 50Km, hệ thống vận tải đường thủy chủ yếu đáp ứng nhu cầu nuôi trồng thủy hải sản của nhân dân trong khu vực lòng hồ Trị An.

7.2. Thủy lợi

Xã Trị An có 03 công trình thủy lợi, trong đó có 02 công trình phục vụ tưới (Trạm bơm Trị An 1, Trạm bơm Hiếu Liêm) phục vụ tưới nước cho cây ăn trái và cây công nghiệp dài ngày với quy mô khoảng 446,67 ha/ năm và 01 công trình phục vụ tiêu nước (Công trình Suối Sâu) phục vụ tiêu nước trên diện tích 467,64ha. Hiện nay, 03 công trình thủy lợi trên địa bàn xã đang được Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp khu vực 1 quản lý, vận hành.

7.3. Cấp điện

Nguồn cấp điện: Xã Trị An được cấp điện từ lưới điện quốc gia, thông qua hệ thống điện của tỉnh Đồng Nai. Nguồn điện tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân trên toàn xã. Khu vực gần hồ Trị An và nhà máy thủy điện Trị An có lợi thế về nguồn điện, tuy nhiên việc phân phối vẫn phụ thuộc vào hệ thống lưới chung.

Mạng lưới truyền tải và phân phối điện: Hiện nay, trên địa bàn xã Trị An, mạng lưới điện gồm hệ thống đường dây trung thế 22kV và lưới điện hạ thế 0,4kV đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh. Tổng chiều dài lưới điện ước tính khoảng 95 km, trong đó đường dây trung thế khoảng 25 km và lưới điện hạ thế khoảng 70 km, đảm bảo cung cấp điện đến hầu hết các khu dân cư trên địa bàn xã. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt gần 100%, điện phục vụ sinh hoạt hộ gia đình, điện phục vụ sản xuất nông nghiệp và điện phục vụ tiểu thủ công nghiệp. Một số khu vực dân cư phân tán, vùng xa trung tâm như các ấp Cây Sung, Suối Tượng, Suối Rộp đường dây kéo dài, gây sụt áp cuối nguồn, chất lượng điện chưa ổn định vào giờ cao điểm. Tuy nhiên, đến nay hệ thống trạm biến áp phân phối phục vụ từng khu vực dân cư thuộc các ấp Cây Sung, Suối Tượng, Suối Rộp đã được nâng công suất để đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Hạ tầng điện tại xã Trị An đã đáp ứng tiêu chí cấp điện không chỉ bảo đảm nhu cầu sinh hoạt và sản xuất mà còn là nền tảng quan trọng để xã Trị An phát triển kinh tế – xã hội và đủ điều kiện nâng cấp lên phường vào năm 2026.

7.4. Cấp nước

Trên địa bàn toàn xã có 04 nhà máy cấp nước sạch tập trung với tổng công suất lên tới 5.240m³/ngày đêm (bao gồm: Nhà máy nước sạch Vĩnh An công suất 4.000m³/ngày đêm; Trạm nước cấp nước tập trung Mã Đà 420m³/ngày đêm; Trạm nước cấp nước tập trung Hiếu Liêm 580m³/ngày đêm; Trạm cấp nước tập trung Trị An 240m³/ngày đêm) với tổng chiều dài các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã là 120,36 Km, trong đó Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đang quản lý vận hành là 68,088 Km, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh quản lý vận hành là 52,278 Km, tỷ lệ hộ dân trên địa bàn xã sử dụng nước sạch tập trung tính đến hết năm 2025 đạt 83%.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt

Tổng khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã khoảng 3.739 m³/ ngày đêm; hầu hết lượng nước thải sinh hoạt được đưa vào bể tự hoại, thấm thấu hoặc qua bể lắng trước khi chảy ra mương thoát nước ra môi trường tự nhiên;

Đối với nước mưa được chảy vào hệ thống mương thoát nước trên các tuyến đường giao thông và chảy tràn theo địa hình tự nhiên;

Thực tế trên địa bàn xã chưa được đầu tư nhà máy thu gom, xử lý nước thải đảm bảo theo quy định (trừ Khu tái định cư tại điểm dân cư số 6, ấp Hiếu Liêm, xã Trị An).

- Thoát nước thải công nghiệp

Trên địa bàn xã Trị An không có các khu, cụm công nghiệp nên chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; đối với các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã hầu hết đáp ứng các yêu cầu thực hiện về bảo vệ môi trường đối với nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khoảng 8.500 tấn/ năm; chất thải rắn sinh hoạt sau khi được thu gom, vận chuyển về Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi (địa bàn xã Tân An) để xử lý theo hợp đồng đã ký đảm bảo xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp sản xuất mùn hữu cơ (compost) đảm bảo tỷ lệ chôn lấp dưới 15%.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trên địa bàn 707,23 tấn/ năm, được thu gom, xử lý theo quy định.

Chất thải nguy hại: Các cơ sở/doanh nghiệp trên địa bàn xã đã thực hiện hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định; thu gom, xử lý 100% chất thải nguy hại, trong đó:

- Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn xã khoảng 2.200 kg/năm.
- Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn xã khoảng 1.100 kg/năm.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng

Qua các giai đoạn phát triển, lực lượng vũ trang xã không ngừng lớn mạnh, từ lực lượng ban đầu còn đơn giản, đến nay đã được tổ chức chặt chẽ, đủ thành phần, thường xuyên được huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu. Phát huy tốt vai trò nòng cốt trong bảo vệ địa bàn, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, tham gia xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế – xã hội.

Trong thời gian qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế – xã hội, tình hình quốc phòng – an ninh trên địa bàn cơ bản được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đề án thành lập phường.

Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức, xây dựng bảo đảm tỷ lệ theo quy định đúng quy định. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ đúng kế hoạch, nội dung. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng xử lý kịp thời các tình huống phát sinh. Xây dựng phương án phòng thủ phù hợp với đặc điểm địa bàn. Chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt trong mùa mưa lũ tại khu vực Hồ Trị An.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

Trong năm qua, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn luôn giữ vững ổn định, không xảy ra đột xuất, bất ngờ, các mục tiêu trọng điểm được đảm bảo an toàn; tội phạm, TNXH, cháy nổ, tai nạn giao thông được kiềm chế và làm giảm qua các năm... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đảm bảo, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ tiếp tục có những chuyển biến tích cực, thu hút nhiều quần chúng nhân dân tham gia; lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được củng cố, kiên toàn; có một số mô hình phát huy được vai trò tự quản, tự phòng của nhân dân ngay tại cộng

đồng dân cư (tổ liên gia PCCC, tổ tự quản về ANTT, nhóm Zalo kết nối bình yên...). Triển khai thực hiện tốt các kế hoạch chuyên đề đấu tranh tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy và tệ nạn xã hội, kế hoạch chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội, xây dựng xã hội an toàn giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; công tác tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, điều tra, xử lý tội phạm đã đạt được kết quả cao, không để xảy ra oan sai, bức cung, nhục hình; việc thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số trong công tác đảm bảo an ninh trật tự được thực hiện mạnh mẽ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân. Lực lượng Công an xã đã bám sát cơ sở, gắn bó mật thiết với nhân dân, giữ gìn bình yên ngay từ địa bàn dân cư, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nhà nước và lực lượng Công an nhân dân. Bên cạnh đó, tình hình tội phạm, tai nạn giao thông, cháy nổ tuy được kiểm chế và làm giảm nhưng chưa bền vững, còn tiềm ẩn những yếu tố diễn biến phức tạp, nhất là trên không gian mạng, tội phạm lợi dụng công nghệ cao

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.1. Đảng ủy

Đảng bộ xã Trị An được thành lập theo Quyết định số 2329-QĐ/TU ngày 16/6/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị hành chính cũ gồm: thị trấn Vĩnh An, xã Trị An, xã Mã Đà.

Toàn Đảng bộ có 40 tổ chức đảng gồm: 10 đảng bộ cơ sở; 11 chi bộ cơ sở và 19 chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã với 1.512 đảng viên (trong đó, số lượng trường học, Trạm Y tế xã, doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn mà có tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy xã là 17 chi bộ, đảng bộ cơ sở).

Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã hiện có 25/28 đồng chí (khuyết 03 đồng chí); Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã có 09/09 đồng chí; Thường trực Đảng ủy xã có 03/03 đồng chí (bao gồm: Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch Hội Đồng nhân dân xã, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã, Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã có 04 đồng chí (trong đó có 01 đồng chí là chuyên viên cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã).

Đảng ủy xã có 03 cơ quan tham mưu, giúp việc (gồm: Văn phòng Đảng ủy xã, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã) và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đảng ủy xã (Trung tâm chính trị Trị An).

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Căn cứ Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh về việc chỉ định đại biểu HĐND huyện Vĩnh Cửu nhiệm kỳ 2021 - 2026 làm đại biểu HĐND xã Trị An khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh về

việc chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng các Ban của HĐND xã Trị An khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Căn cứ việc sáp nhập đơn vị hành chính 3 xã Mã Đà, Trị An, thị trấn Vĩnh An;

HĐND xã Trị An có 98 đại biểu trong đó: Chủ tịch HĐND xã là Bí thư Đảng ủy xã, 1 Phó Chủ tịch, 1 Trưởng Ban Văn hóa-Xã hội là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã, 1 Trưởng ban Kinh tế-Ngân sách là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; mỗi Ban có 1 Phó Ban chuyên trách và 3 ủy viên.

Ủy ban nhân dân xã gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân. Hiện UBND xã Trị An có 03 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức hành chính, 16 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Vị trí việc làm: Hiện nay, 19 cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ tổ chức thực hiện. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm được triển khai trên cơ sở bám sát các quy định của cấp trên, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, đơn vị; qua đó làm cơ sở quan trọng cho công tác quản lý, sử dụng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Sau khi được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc; bước đầu phát huy hiệu quả trong việc phân công nhiệm vụ, nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Quy chế làm việc: Các cơ quan, đơn vị đã xây dựng, ban hành quy chế làm việc theo đúng quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, đơn vị. Nội dung quy chế làm việc cơ bản bảo đảm đầy đủ các nguyên tắc làm việc, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu, mối quan hệ công tác, chế độ hội họp, thông tin báo cáo và quy trình giải quyết công việc.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể: gồm cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và 04 tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh).

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã gồm 1 Chủ tịch và 4 phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đồng thời là Chủ tịch phụ nữ, hội nông dân, cựu chiến binh và đoàn Thanh niên. Cán bộ công chức là 11 người.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã là 102 người,

trong đó Đảng ủy xã 24 (trong đó: có 01 hợp đồng 111), cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội 17 (trong đó: có 01 hợp đồng 111), cơ quan hành chính là 61.

Đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay cơ bản bảo đảm theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm.

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 14, Đại học: 96, Hợp đồng 111: 02.

+ Trình độ chính trị: Cao cấp: 18, Trung cấp: 68, Sơ cấp: 02.

Cán bộ không chuyên trách xã là 11, cán bộ không chuyên trách ở ấp 39.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm, thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, bậc và yêu cầu vị trí việc làm.

IV. Đối với xã Tân Phú

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính: Xã Tân Phú tiếp giáp với các đơn vị hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp xã Tà Lài và xã Nam Cát Tiên.
- Phía Tây giáp xã Phú Vinh và xã Phú Hòa.
- Phía Đông giáp xã Phú Lâm.
- Phía Nam giáp xã Phú Hòa và tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Vai trò chức năng

Xã Tân Phú được xác định là xã Trung tâm của khu vực phía Đông của tỉnh Đồng Nai, có vị trí tiếp giáp các xã: Tà Tài, Nam Cát Tiên, Phú Lâm, Phú Hòa, Phú Vinh và một phần tiếp giáp tỉnh Lâm Đồng (khu vực sông La Ngà).

Cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm trên địa bàn xã cơ bản đã được đầu tư, xây dựng; dân số lớn, nguồn nhân lực dồi dào; trên địa bàn có 01 bến xe khách, 02 chợ, 01 khu công nghiệp hoạt động hiệu quả, có Quốc lộ 20 chạy qua địa bàn với chiều dài khoảng 10 km, nằm trên tuyến du lịch quan trọng thành phố Hồ Chí Minh - Đà Lạt (Lâm Đồng) đóng vai trò cửa ngõ giao thông, kết nối kinh tế giữa tỉnh Đồng Nai với các khu vực lân cận với đồng thời có diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn phù hợp cho xây dựng, phát triển trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trồng các loại cây ăn trái có giá trị cao như: Sầu riêng, Mít, Bưởi, chôm chôm... thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội, công nghiệp và thương mại, dịch vụ trên địa bàn.

Trong những năm qua, xã Tân Phú luôn là một trong những địa phương có

tốc độ phát triển kinh tế mạnh và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Cơ cấu kinh tế giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng thương mại dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Địa phương đã phát huy lợi thế trong phát triển thương mại - dịch vụ đa dạng, cùng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, tạo nếp sống đô thị thay đổi theo hướng văn minh - hiện đại. Hệ thống các khu thương mại dịch vụ lớn như: Chợ Trung tâm xã Tân Phú, bến xe Tân Phú, các cửa hàng điện máy máy xanh, Thế giới di động, Bách Hóa xanh... Diện mạo Tân Phú còn có sự thay đổi đáng kể với các dự án Khu tái định cư 9,7ha, Khu Tái định cư 15 ha, Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ 55ha, Khu Công nghiệp Tân Phú, Khu công viên thể dục thể thao, Trung Tâm y tế Tân Phú,... đây là một trong những khu vực được xây dựng đồng bộ, hiện đại, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như thu hút đầu tư từ các nguồn bên ngoài vào xã Tân Phú nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung.

Với lợi thế về vị trí cùng sự phát triển về kinh tế - xã hội, xã Tân Phú đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển mới trên lộ trình trở thành phường trong giai đoạn tới. Đây vừa là sự phản ánh thực tiễn phát triển, vừa là tâm huyết của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân xã sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên: Tổng diện tích tự nhiên là 105,8 km².

2.2. Cơ cấu các loại đất: Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2024 và số liệu Thống kê đất đai năm 2025, cơ cấu các loại đất nhóm đất nông nghiệp là 9.242,12 ha (chiếm tỷ lệ 87,35%) chủ yếu là đất trồng cây lâu năm (6.515,62 ha) và cây hàng năm (1.649,81 ha); nhóm đất phi nông nghiệp: 1.337,96 ha (chiếm tỷ lệ 12,65%), trong đó đất ở là 478,33 ha; nhóm đất chưa sử dụng: 0,26 ha (0,002%).

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Dân số: Tổng dân số trên địa bàn xã có 77.025 người (trong đó: Dân số thường trú 74. 982 người, dân số tạm trú: 2.043 người) thể hiện chi tiết theo Bảng Dân số toàn xã Tân Phú phân theo ấp năm 2026 như sau:

STT	ẤP	HỌ THƯỜNG TRÚ	NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ	HỌ TẠM TRÚ	NHÂN KHẨU TẠM TRÚ
1	Tân Phú 1	361	2071	16	35
2	Tân Phú 2	443	2045	37	77
3	Tân Phú 3	359	1960	44	85

4	Tân Phú 4	538	2426	20	40
5	Tân Phú 5	698	3219	23	55
6	Tân Phú 6	946	5183	58	106
7	Tân Phú 7	468	2056	50	103
8	Tân Phú 8	529	2265	29	57
9	Tân Phú 9	686	3181	41	75
10	Trà Cổ 10	626	2694	41	73
11	Trà Cổ 11	630	2872	9	60
12	Trà Cổ 12	440	1903	32	45
13	Trà Cổ 13	360	1674	16	35
14	Phú Lộc 14	467	2021	32	75
15	Phú Lộc 15	364	1548	18	39
16	Phú Lộc 16	666	3164	67	177
17	Phú Lộc 17	339	1369	17	50
18	Phú Lộc 18	217	1127	20	37
19	Thanh Thọ	419	2090	30	44
20	Thọ Lâm	554	2329	8	12
21	Ngọc Lâm 1	772	3576	47	201
22	Ngọc Lâm 2	832	4140	53	181
23	Ngọc Lâm 3	484	2266	38	76
24	Bàu Chim	398	1828	18	61
25	Thọ Lâm 1	787	3862	20	52
26	Thọ Lâm 2	664	3281	24	65
27	Ngọc Lâm 4	615	3054	23	11
28	Ngọc Lâm 5	530	2635	36	1
29	Bàu Mây	628	3143	42	115
TỔNG		15820	74982	909	2043

3.2. Cơ cấu lao động: Trong năm 2025 xã Tân Phú có 38.426 lao động trong độ tuổi lao động; số lao động trong độ tuổi đang làm việc là 29.758 lao động, trong đó số lao động nông nghiệp là 8.279 người chiếm 27,8% và tổng số lao động phi nông nghiệp là 21.479 người, chiếm 72,18% (bao gồm các ngành như: công nghiệp, xây dựng, chế tạo, thương nghiệp, vận tải, kinh doanh).

4. Hiện trạng phát triển kinh tế.

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế gồm: cơ cấu ngành, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo, lao động phi nông nghiệp...

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng: Tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm công nghiệp của cả vùng (huyện Tân Phú cũ); đã có những đóng góp đáng kể trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của xã, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp. Với 01 khu công nghiệp Tân Phú hiện hữu với quy mô 54ha, và đang triển khai mở rộng khu công nghiệp Tân Phú giai đoạn 2 với quy mô tổng khu công nghiệp Tân Phú khoảng 300ha. Khu công nghiệp đã thu hút nhiều vốn đầu tư của các thành phần kinh tế và giải quyết việc làm cho nhiều lao động trên địa bàn. Nhiều doanh nghiệp đã mở rộng sản xuất và đạt mức tăng trưởng cao, góp phần đáng kể vào tốc độ tăng trưởng công nghiệp trên địa bàn thành phố, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương.

- Về thương mại - dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 2.331.618 triệu đồng, tăng 114,21% so với năm 2024.

Các cơ sở thương mại trên địa bàn xã thời gian qua tăng nhanh về số lượng và chất lượng, cùng với đó là sự phát triển phong phú, đa dạng về ngành nghề, mở rộng về qui mô, với 4.069 hộ sản xuất kinh doanh cá thể, chủ yếu tập trung vào các ngành thương mại dịch vụ, VLXD, dịch vụ vận tải, sửa chữa. Toàn xã có 2 chợ (01 chợ hạng 1 và 01 chợ hạng 2), 04 cửa hàng bách hoá xanh tổng hợp, 01 cửa hàng WINMART tổng hợp, 02 cửa hàng tiện lợi (siêu thị mini) và nhiều cửa hàng thương mại của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được hình thành (tập trung chủ yếu ở 2 bên trục đường Quốc lộ 20 và các tuyến đường trung tâm xã) đáp ứng đủ nhu cầu mua sắm hàng hoá của Nhân dân trên địa bàn và phục vụ cung cấp cho các xã vùng lân cận.

Hoạt động của các loại hình dịch vụ phát triển mạnh trên các lĩnh vực như: bưu chính viễn thông, tài chính - tín dụng, vận chuyển hành khách, hàng hoá... Riêng dịch vụ ngân hàng trên địa bàn xã có 02 Chi nhánh ngân hàng đang hoạt động, 05 điểm ATM và 01 Quỹ tín dụng nhân dân.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản: Trong những năm gần đây, ngành nông nghiệp tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, phát triển đáp ứng được nhu cầu thị trường tiêu thụ; các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất được chuyển giao và ứng dụng hiệu quả góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản; các vùng trồng, vùng nuôi tập trung, chuyên canh đã hình thành ổn định và tiếp tục mở rộng; hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp ngày càng cao (giá trị sản phẩm trồng trọt đạt bình quân 220 triệu đồng/ha); cơ cấu cây trồng, vật nuôi được đưa vào sản xuất phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, năng suất, chất lượng từng bước đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; một số đối tượng nông sản chủ lực có giá trị kinh tế cao phát triển ổn định (sầu riêng, chuối cây mô, tôm càng xanh; trang trại heo, gà vịt công nghệ cao).

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và Đào tạo

- Về quy mô mạng lưới trường lớp: Trên địa bàn xã có 4 cấp học gồm: Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non. Trong đó: 01 trường Trung học phổ thông và 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên – Giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

UBND xã quản lý 19 trường công lập (gồm: 06 trường Mầm non, 07 trường Tiểu học, 06 trường Trung học cơ sở); 02 trường Mầm non ngoài công lập và 04 nhóm trẻ. Tổng số lớp: 369 lớp, trong đó: Mầm non 102 lớp, Tiểu học 163 lớp, Trung học cơ sở 104 lớp. Có 16/19 trường học được công nhận chuẩn quốc gia Mức độ 1, và 03/19 trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2. Nhìn chung, mạng lưới trường lớp đã được quy hoạch và bố trí cơ bản phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tất cả các trường học đều có đủ phòng học kiên cố.

- Quy mô học sinh: Tính đến hết học kỳ I năm học 2025-2026, tổng số học sinh trên địa bàn là 12.502 học sinh. Trong đó: bậc Mầm non 2.826 học sinh; bậc Tiểu học 5.308 học sinh; bậc Trung học cơ sở 4.368 học sinh. Quy mô học sinh các cấp học có xu hướng tăng, chủ yếu tập trung ở bậc tiểu học và THCS.

- Tình hình đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên ngành giáo dục: Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hiện có 763 người, trong đó: Cán bộ quản lý 46 người, giáo viên 580 người, nhân viên 137 người. Các trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng và trình độ đào tạo theo quy định. Hầu hết giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, giáo viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy 02 buổi/ngày, các trường chủ động phân công giáo viên giảng dạy phù hợp với năng lực, sở trường, đảm bảo thực hiện đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục.

- Công tác Phổ cập giáo dục: Năm 2025, xã Tân Phú đạt chuẩn phổ cập giáo dục, trong đó xóa mù chữ đạt mức 2; tiểu học mức độ 3; phổ cập THCS đạt mức 3; THPT đạt theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp; tuy nhiên, kinh phí chi hỗ trợ cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ còn hạn chế và không có biên chế thực hiện công tác Phổ cập giáo dục.

5.2. Y tế và Công tác Bảo trợ xã hội

- Hệ thống cơ sở y tế: Hiện nay, mạng lưới y tế trên địa bàn xã Tân Phú bao gồm 01 Trung tâm Y tế và 01 Trạm Y tế xã, 02 phòng khám tư nhân (Việt

Hương và Vạn Thành) đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe toàn diện cho nhân dân.

+ Trung tâm Y tế: Được thành lập từ năm 1991, đóng vai trò là đơn vị điều trị trọng điểm của khu vực. Tổng số định biên là 206 cán bộ, nhân viên y tế. Trong đó bao gồm: 02 Bác sĩ Chuyên khoa II, 09 Bác sĩ Chuyên khoa I, 31 Bác sĩ, 18 Y sĩ, 67 Điều dưỡng, 12 Dược sĩ, 13 Kỹ thuật viên và các chức danh chuyên môn khác. Quy mô 200 giường bệnh nội trú. Hiệu suất hoạt động đạt bình quân 529 lượt khám ngoại trú/ngày và 130 lượt điều trị nội trú/ngày.

+ Trạm Y tế xã Tân Phú: Được hình thành trên cơ sở hợp nhất 05 Trạm Y tế của các đơn vị hành chính cũ (Trà Cỏ, Phú Lộc, Phú Thanh, Phú Xuân và Thị trấn Tân Phú). Đây là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc sự quản lý nhà nước của UBND xã Tân Phú. Với đội ngũ viên chức y tế gồm 32 người (03 Bác sĩ, 11 Điều dưỡng, 06 Nữ hộ sinh, 09 Y sĩ, 02 Dược sĩ, 01 Kỹ sư). Hệ thống y tế cơ sở được củng cố bởi 29 cộng tác viên y tế ấp và 66 cộng tác viên dân số. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn đạt trên 95%. Duy trì hoạt động tại 05 điểm trạm với quy mô 25 giường bệnh; tiếp nhận khám và điều trị bình quân trên 20 lượt bệnh nhân/ngày.

- Công tác An toàn thực phẩm: Địa phương triển khai quyết liệt các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm; chủ động phối hợp điều tra, truy xuất và giám sát chặt chẽ các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn. Trong thời gian qua, công tác kiểm tra chuyên ngành được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định pháp luật; không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm hay sự cố về an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn.

- Công tác Bảo trợ xã hội: UBND xã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội cho 3.424 đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó, thực hiện chi trả chế độ hưu trí xã hội cho 1.689 người và trợ cấp khuyết tật cho 1.735 người. Công tác chi trả được hiện đại hóa thông qua hệ thống tài khoản ngân hàng, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và đúng thời gian quy định của Nhà nước.

5.3. Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

- Về phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”: Phong trào ngày càng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả thực chất. Tính đến năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt 98%; 100% ấp giữ vững danh hiệu “Ấp văn hóa”. Công tác xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có chuyển biến tích cực; các hủ tục lạc hậu dần được bãi bỏ, tinh thần đoàn kết cộng đồng được củng cố vững chắc thông

qua các mô hình “Gia đình văn hóa tiêu biểu”, “Ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo”.

- Về công tác quản lý và thực hiện Hương ước, Quy ước: Thực hiện Nghị định số 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ, 100% các ấp đã hoàn thành việc rà soát, sửa đổi và áp dụng Hương ước, Quy ước phù hợp với thực tiễn địa phương. Các bản Hương ước hiện nay đóng vai trò là công cụ quản lý xã hội tự quản hiệu quả, giúp điều chỉnh hành vi cộng đồng và phát huy dân chủ cơ sở một cách thực chất.

- Về bảo tồn văn hóa và hoạt động văn nghệ quần chúng: Công tác bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể được chú trọng, tiêu biểu là việc duy trì và tổ chức định kỳ Lễ hội Tả Tài Phán của đồng bào dân tộc Hoa. Hệ thống các câu lạc bộ (CLB) văn nghệ quần chúng phát triển mạnh mẽ với các loại hình đa dạng như: Đờn ca tài tử, CLB Thơ ca và Nhạc cổ truyền, CLB Văn nghệ Người cao tuổi. Hằng năm, địa phương tổ chức chuỗi hoạt động văn hóa chào mừng các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị, đặc biệt là chương trình “Mừng Đảng - Mừng Xuân” với các hội diễn văn nghệ, liên hoan Lân - Sư - Rồng và Hội chợ hoa Xuân quy mô lớn (255 gian hàng), tạo không gian sinh hoạt văn hóa sôi nổi cho nhân dân.

- Về phong trào Thể dục thể thao (TDTT): Phong trào TDTT quần chúng phát triển rộng khắp với gần 34 CLB hoạt động thường xuyên ở các bộ môn: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, võ thuật, cờ tướng... Địa phương thường xuyên tổ chức các giải thi đấu quy mô mở rộng, thu hút đông đảo vận động viên trong và ngoài tỉnh tham gia, tiêu biểu như: Giải Bida Pool 8 Ball, Giải Cầu lông và Bóng bàn, Giải Bóng chuyền hơi nữ kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3. Các hoạt động này không chỉ nâng cao sức khỏe cộng đồng mà còn tạo khí thế thi đua sôi nổi trong mọi tầng lớp nhân dân.

- Công tác bảo vệ cảnh quan, môi trường: Gắn liền với tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao và đô thị văn minh, công tác bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp” luôn được ưu tiên hàng đầu. Môi trường văn hóa cơ sở được cải thiện rõ rệt, góp phần quan trọng vào việc thay đổi diện mạo địa phương theo hướng hiện đại nhưng vẫn giữ gìn được các giá trị truyền thống.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Công tác quản lý và thực hiện chính sách người có công: Tổng số đối tượng người có công đang quản lý 612 người. Công tác chăm lo và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, Tết và kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) đảm bảo tính trang trọng, thiết thực. Công tác hỗ trợ cải

thiện nhà ở (xây mới, sửa chữa nhà tình nghĩa), cấp đổi thẻ BHYT và thực hiện chế độ mai táng phí được triển khai đồng bộ. Đời sống của các gia đình chính sách trên địa bàn cơ bản ổn định, mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư tại địa bàn. Việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ gắn với phong trào "Uống nước nhớ nguồn" được thực hiện thường xuyên, huy động tốt các nguồn lực xã hội hóa để chăm lo cho người có công.

- Công tác gia đình trẻ em: Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng gia đình, góp phần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác gia đình. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai các chương trình, đề án về gia đình ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn. Thông qua việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, công tác xây dựng gia đình đã từng bước đi vào nền nếp, tạo chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động của cả hệ thống chính trị; vai trò của gia đình trong việc giáo dục đạo đức, lối sống, hình thành nhân cách con người, phòng ngừa các tệ nạn xã hội ngày càng được đề cao, góp phần củng cố nền tảng gia đình Việt Nam trong tình hình mới.

5.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc: Tình hình tôn giáo - tín ngưỡng và dân tộc trên địa bàn xã Tân Phú cơ bản ổn định, có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Về Dân tộc: Trên địa bàn có 15 thành phần dân tộc thiểu số với 1.173 hộ (6.358 nhân khẩu). Trong đó, dân tộc Hoa chiếm đa số (88% tổng số người dân tộc thiểu số với 993 hộ/5.740 khẩu), còn lại là các dân tộc: Tày, Chăm, Nùng, Khome, Mường, K'ho, Ba Na, Mán, Sán Dìu, Gia Rai, Chơ Ro, Thái, Châu Mạ và Dao. Có 01 vị đại diện người có uy tín trong đồng bào dân tộc tham gia Ủy viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Ban chấp hành các đoàn thể xã.

Đồng bào các dân tộc sinh sống đan xen, đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia lao động sản xuất và các phong trào tại địa phương. Đời sống vật chất, tinh thần từng bước được cải thiện, các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, y tế, giáo dục được triển khai tương đối đầy đủ.

- Về Tôn giáo - tín ngưỡng, toàn xã có 05 tôn giáo chính gồm: Công giáo, Phật giáo, Hòa hảo, Cao Đài và Tin Lành, có tổng cộng 15 cơ sở thờ tự. Tổng số tín đồ tôn giáo trên địa bàn xã là 41.565 tín đồ (Phật giáo 12.355; Công giáo 27.769; Cao đài: 976; Phật giáo Hòa hảo 254, Tin lành: 211); có 44 vị chức sắc, chức việc và tín đồ tiêu biểu tham gia Ủy viên MTTQ và Ban Chấp hành các đoàn thể xã. Các hoạt động tôn giáo diễn ra thuận túy, tuân thủ quy định pháp

luật. Chức sắc và tín đồ tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, đóng góp quan trọng vào công tác từ thiện và an sinh xã hội tại địa phương.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở: Trong thời gian gần đây, tốc độ phát triển kinh tế của xã Tân Phú tăng nhanh, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Nhu cầu nhà ở của người dân cũng như nhu cầu đầu tư các công trình công cộng, phúc lợi xã hội trên địa bàn xã phát triển mạnh và tập trung, từng bước hình thành nên một diện mạo đô thị ngày càng khang trang, hiện đại. Tổng số nhà ở trên địa bàn: 16.903 căn, trong đó: Nhà kiến cố và bán kiên cố là 16.877 căn chiếm tỷ lệ 99,85%; Nhà ở thiếu kiên cố, Nhà tạm, nhà đơn sơ 26 căn chiếm tỷ lệ 0,15%.

6.2. Công trình cơ quan hành chính: Trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã đã được xây dựng kiên cố cao từ 2-3 tầng, có đủ diện tích các phòng làm việc và trang thiết bị hiện đại đáp ứng điều kiện xây dựng chính quyền điện tử.

6.3. Công trình giáo dục: Trên địa bàn hiện có 19 trường công lập, 02 trường Mầm non dân lập và 04 nhóm trẻ thuộc quản lý của UBND xã Tân Phú. Các công trình giáo dục cơ sở công cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em trên địa bàn xã. Tuy nhiên, quỹ đất dành cho giáo dục còn hạn chế, 06/07 trường THCS chưa đảm bảo số phòng học để tổ chức dạy học 02 buổi/ngày cho 100% số lớp/ trường. Một số công trình đã xuống cấp, không còn sử dụng được (điểm cơ sở 2-trường TH Nguyễn Thị Định) đang gây khó khăn cho công tác dạy học của nhà trường.

6.4. Công trình y tế: Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm y tế, 01 trạm y tế, 02 phòng khám tư nhân (Việt Hương và Vạn Thành). Cơ sở bán thuốc được phẩm: 51 cơ sở, trong đó có 46 quầy thuốc và 05 nhà thuốc

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hạ tầng văn hóa - thể thao được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn đô thị: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã có quy mô 74.000m² (bao gồm: Trụ sở Trung tâm Văn hóa, Thư viện, Đài truyền thanh và Nhà thi đấu đa năng sức chứa 800 chỗ ngồi). Đặc biệt, sân vận động trung tâm có khán đài 1.050 chỗ ngồi (khánh thành năm 2022) được trang bị đường chạy đường Pitch (đường chạy điền kinh) hiện đại, hệ thống chiếu sáng công suất lớn và các hạng mục kỹ thuật đạt chuẩn thi đấu. 100% ấp (29/29 ấp) có Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hệ thống thiết chế này được quản lý chặt chẽ, khai thác hiệu quả, là địa điểm sinh hoạt cộng đồng, hội họp và tổ chức các hoạt động văn hóa, TDTT thường xuyên của cư dân cơ sở.

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch: Trên địa bàn xã có 2 chợ (Chợ Tân Phú và chợ Phú Lộc) Chợ Tân Phú có diện tích 9.168m² giá trị đầu tư hơn 79 tỷ đồng, chợ Phú lộc có diện tích 2.187m² giá trên 4 tỷ đồng có 4 cửa hàng bách hoá xanh tổng hợp phân bố đều trên địa bàn xã, 01 cửa hàng WINMART tổng hợp, 02 cửa hàng tiện lợi (siêu thị mini), 01 siêu thị điện máy xanh và nhiều cửa hàng thương mại của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được hình thành và chủ yếu tập trung ở 2 bên đường quốc lộ, 20 và các đường trung tâm xã.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông: Đáp ứng tốt nhu cầu vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách và nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn.

- Hạ tầng giao thông trên địa bàn xã có tổng chiều dài 301,2 km, gồm: đường Cao tốc dài 4,6km (đang triển khai thực hiện); đường Quốc lộ dài 9,1km; tỷ lệ nhựa hoá đạt 100%; đường tỉnh 01 tuyến dài 14km, tỷ lệ nhựa hóa đạt 100%, hiện UBND tỉnh đang triển khai nâng cấp mở rộng tuyến đường này; đường xã quản lý 220 tuyến chiều dài 273,5km. Trong đó đường trục xã 62 tuyến chiều dài 135,5km, đường trục thôn 39 tuyến chiều dài 32,84km, đường ngõ xóm 100 tuyến chiều dài 79,07km, đường trục chính nội đồng 20 tuyến chiều dài 26,17km.

- Hệ thống giao thông nội thị gồm:

+ Đường trục chính đô thị có lộ giới 29-30 mét gồm: Đường Nguyễn Văn Cừ (hiện đang thi công xây dựng); Đường Nguyễn Tri Phương (hiện đang thi công đoạn nằm trong Khu tái định cư 15ha); Đường Trịnh Hoài Đức đã đầu tư và đưa vào sử dụng.

+ Đường chính đô thị có lộ giới từ 19-25m đã được đầu tư gồm: Đường Nguyễn Văn Linh, Hùng Vương, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Du, Lý Thường Kiệt (đoạn từ Lê Đại Hành đến Hùng Vương), Lê Đại Hành (đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến Lý Thường Kiệt), đường Trương Công Định.

+ Đường nội bộ có lộ giới từ 12-19 mét đã được đầu tư gồm: Đường Nguyễn Văn Trỗi, Võ Thị Sáu, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Thượng Hiền.

- Trên địa bàn xã có 01 bến xe khách liên tỉnh loại 3, quy mô diện tích 0,59ha, là đầu mối giao thông đường bộ đối ngoại phục vụ các xã phía Đông của

tỉnh Đồng Nai. Hiện bến xe Tân Phú đang đối lưu với các xã trong tỉnh và liên tỉnh.

7.2. Thủy lợi: Trên địa bàn xã có 04 công trình thủy lợi: 03 công trình thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai khu vực số VII quản lý (gồm: công trình trạm bơm Giang Điền với diện tích phục vụ 390ha/vụ, chiều dài kênh mương 8.173m; công trình đập suối đứt phục vụ cho 24,46ha vùng nuôi tôm càng xanh và công trình suối Trà Cỏ - Phú Thanh có nhiệm vụ tiêu nước cho 114ha đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn); 01 công trình thuộc hạng mục công trình hồ chứa nước Đa Tôn (suối Đa Tôn) cùng 6.500m kênh mương do Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Đồng Nai quản lý phục vụ 320ha đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

7.3. Cấp điện: Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định; được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia qua tuyến 22kV từ trạm TBA 110kV Định Quán và TBA 110kV Tân Phú dẫn tới. Các tuyến trung thế từ trạm 110/22/15kV – 25MVA đi vào trung tâm xã cấp điện cho các phụ tải, tất cả đều là đường dây trên không, sử dụng dây nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12m.

- Hệ thống đèn chiếu sáng được đảm bảo chiếu sáng trong toàn bộ các khu công viên, vườn hoa tập trung, khu công viên thể dục thể thao, các tuyến đường Quốc lộ 20, đường tỉnh 774B, các tuyến đường Phú Xuân – Núi Tượng, Phú Xuân - Thanh Sơn, Phú Lộc – Phú Xuân, Phú Lộc – Phú Tân, Be 129,...các tuyến đường nội thị thuộc thị trấn Tân Phú cũ và các tuyến đường trục xã, trục ấp, ngõ, xóm,... tạo điều kiện đi lại thuận tiện cho người dân.

7.4. Cấp nước: Trên địa bàn xã hiện nay có 03 công trình cấp nước tập trung do Phân xưởng nước Tân Phú chi nhánh Xuân Lộc với công suất $Q = 2.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$, công trình cấp nước tập trung xã Phú Điền, Phú Lộc do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh quản lý cung cấp nước sạch cho 2.488 hộ dân. Hộ dân sử dụng nước sạch từ các nguồn trên địa bàn xã đạt tỷ lệ 90% (15.068 hộ/16.742 hộ).

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt: Hệ thống thoát nước mưa được làm 2 lưu vực thoát nước chính với đường phân thủy chạy qua trung tâm xã từ Bắc xuống Nam. Cụ thể: Lưu vực 1 (Suối Tre): Lưu vực nằm phía Tây, nước mưa trong lưu vực này sẽ thoát tuyến cống hộp hiện hữu dọc tuyến đường Nguyễn Thị Định và đường Trương Công Định sau đó theo mương hở về Suối Tre trước khu dẫn về Đập Đức; Lưu vực 2 (Suối Tranh): Lưu vực nằm phía Đông, nước mưa trong lưu vực này sẽ theo cống hộp dọc đường Nguyễn Chí Thanh, sau đó

theo đường Lý Thường Kiệt phía Nam Quốc lộ 20 sau đó tuyến mương hở để thoát về Suối Tranh. Nước thải trong khu dân cư được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại.

- Thoát nước thải công nghiệp: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCN đã được thu gom và đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường. Trạm xử lý nước thải trong khu công nghiệp Tân Phú đã được đầu tư và đưa vào hoạt động, hệ thống cống thoát nước thải sau xử lý nối từ khu công nghiệp ra Quốc lộ 20 sau đó theo đường Nguyễn Thị Định, đấu vào hệ thống thoát nước ra Đập Suối Đức. Hiện nay, trên địa bàn xã Tân Phú 100% nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại đúng quy chuẩn kỹ thuật trước khi đấu nối vào mạng lưới thoát nước chung của khu vực. Hệ thống này thường xuyên được nạo vét, duy tu, đảm bảo năng lực thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị.

- Xử lý chất thải rắn: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khoảng 45 tấn/ngày; tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý đạt 100%. Toàn bộ chất thải sau thu gom được vận chuyển đến khu xử lý tập trung tại xã Thống Nhất để xử lý theo quy định. Công tác quản lý chất thải được thực hiện theo chu trình khép kín từ phát sinh – thu gom – vận chuyển – xử lý. Hệ thống thu gom chất thải nguy hại hộ gia đình được duy trì với 05 điểm thu gom tạm thời. Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đã được triển khai thí điểm, từng bước nhân rộng.

- Vệ sinh môi trường và kiểm soát ô nhiễm: Chất lượng môi trường trên địa bàn cơ bản được kiểm soát, chưa phát sinh điểm nóng ô nhiễm; các thành phần môi trường (nước, không khí, đất) chịu tác động chủ yếu từ sinh hoạt dân cư, chăn nuôi nhỏ lẻ và hoạt động xây dựng. UBND xã đã triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý như: tăng cường kiểm tra, giám sát, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường định kỳ; duy trì phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”. Công tác kiểm soát nguồn thải được thực hiện thường xuyên; các cơ sở sản xuất, kinh doanh cơ bản chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; các phản ánh của người dân được tiếp nhận, xử lý kịp thời, đạt tỷ lệ 100%.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng: Lực lượng vũ trang xã được tổ chức chặt chẽ, đủ thành phần; thường xuyên được huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu. Phát huy tốt vai trò nòng cốt trong bảo vệ địa bàn, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, tham gia xây dựng nông thôn mới và phát triển

kinh tế – xã hội. Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức, xây dựng bảo đảm tỷ lệ theo quy định đúng quy định. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ đúng kế hoạch, nội dung. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng xử lý kịp thời các tình huống phát sinh. Xây dựng phương án phòng thủ phù hợp với đặc điểm địa bàn.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội: Trong năm qua, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn luôn giữ vững ổn định, không xảy ra đột xuất, bất ngờ, các mục tiêu trọng điểm được đảm bảo an toàn; tội phạm, TNXH, cháy nổ, tai nạn giao thông được kiểm chế và làm giảm qua các năm... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đảm bảo, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT tiếp tục có những chuyển biến tích cực, thu hút nhiều quần chúng nhân dân tham gia; lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được củng cố, kiện toàn; có một số mô hình phát huy được vai trò tự quản, tự phòng của nhân dân ngay tại cộng đồng dân cư (tổ liên gia PCCC, nhóm Zalo kết nối bình yên...). Triển khai thực hiện tốt các kế hoạch chuyên đề đấu tranh tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy và tệ nạn xã hội, kế hoạch chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội, xây dựng xã hội an toàn giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; công tác tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, điều tra, xử lý tội phạm đã đạt được kết quả cao, không để xảy ra oan sai, bức cung, nhục hình; việc thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số trong công tác đảm bảo an ninh trật tự được thực hiện mạnh mẽ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân. Lực lượng Công an xã đã bám sát cơ sở, gần bó mật thiết với nhân dân, giữ gìn bình yên ngay từ địa bàn dân cư, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nhà nước và lực lượng Công an nhân dân. Bên cạnh đó, tình hình tội phạm, tai nạn giao thông, cháy nổ tuy được kiểm chế và làm giảm nhưng chưa bền vững, còn tiềm ẩn những yếu tố diễn biến phức tạp, nhất là trên không gian mạng, tội phạm lợi dụng công nghệ cao.

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.1. Đảng ủy

- Tổng số cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy: 03 cơ quan, đơn vị, bao gồm: Văn phòng Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đảng ủy xã: 01 đơn vị (Trung tâm Chính trị xã)

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, tham mưu giúp việc của Đảng ủy và Trung tâm Chính trị là 25 người (Thường trực Đảng ủy: 02

người, Văn phòng Đảng ủy: 08 người, Ban Xây dựng Đảng: 08 người, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: 05 người và Trung tâm Chính trị: 02 người). Hiện nay còn thiếu 02 biên chế (01 biên chế của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã và 01 biên chế của Trung tâm Chính trị xã).

- Về cơ cấu:

+ Cơ cấu theo giới tính: 12 nam, 13 nữ;

+ Cơ cấu theo độ tuổi: từ 31-35 tuổi: 03 người; từ 36-40 tuổi: 11 người; từ 41-45 tuổi: 06 người; từ 46-50 tuổi: 03 người; từ 51-55 tuổi: 01 người và từ 56-60 tuổi: 01 người.

+ Cơ cấu theo trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 05 người, Đại học: 20 người.

+ Cơ cấu theo trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị: 07 người, Trung cấp chính trị: 18 người.

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

- HĐND xã gồm thường trực HĐND và 02 ban HĐND; trong đó Lãnh đạo HĐND: 03 biên chế, gồm 01 Phó Chủ tịch HĐND và 02 Phó Trưởng ban HĐND; các biên chế kiêm nhiệm gồm: Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND, Trưởng ban HĐND do Chủ tịch UBNDTTQVN và Chủ nhiệm UBKT đảng. Tổng số đại biểu HĐND xã khóa II nhiệm kỳ 2026-2031 là 29 đại biểu.

Về cơ cấu:

+ Cơ cấu theo giới tính: 03 nam.

+ Cơ cấu theo độ tuổi: từ 41- 45 tuổi: 02 người, từ 46-50 tuổi: 01 người.

+ Cơ cấu theo trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01 người, Đại học: 02 người.

+ Cơ cấu theo trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị: 01 người, Trung cấp chính trị: 02 người.

- UBND xã gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch và thành lập 03 cơ quan chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế và Phòng Văn hóa – Xã hội) và 01 cơ quan hành chính (Trung tâm Phục vụ hành chính công). Lãnh đạo UBND: 03 biên chế gồm: 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch UBND xã.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

- Tổng số cán bộ, công chức của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã: 13 người (gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Thường trực đồng thời là Chủ tịch Hội Nông dân xã, 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Bí thư Đoàn Thanh niên xã, 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh xã và 08 chuyên viên).

- Về cơ cấu:

+ Cơ cấu theo giới tính: 04 nam, 09 nữ.

+ Cơ cấu theo độ tuổi: từ 31-35 tuổi: 03 người, từ 36 – 40 tuổi: 03 người, từ 41- 45 tuổi: 05 người, từ 46-50 tuổi: 01 người và từ 51-55 tuổi: 01 người.

+ Cơ cấu theo trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01 người, Đại học: 12 người.

+ Cơ cấu theo trình độ lý luận chính trị: Cao cấp chính trị: 03 người, Trung cấp chính trị: 10 người.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã: Tổng số biên chế được giao 54 biên chế (bao gồm 04 biên chế của Ban Chỉ huy Quân sự), trong đó 03 biên chế HĐND và 03 biên chế lãnh đạo UBND; còn lại 48 biên chế tại, cụ thể như sau:

- Văn phòng HĐND và UBND: Hiện tại đã bố trí 12/12 biên chế, gồm: 01 Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng và 10 công chức).

- Phòng Văn hoá – Xã hội: Hiện tại đã bố trí 13/13 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 10 công chức.

- Phòng Kinh tế: Hiện tại đã bố trí 13/14 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 11 công chức.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: Hiện tại đã bố trí 04/05 biên chế, gồm: 02 Phó Giám đốc và 03 công chức.

- Ban chỉ huy Quân sự xã: 04/04 biên chế gồm: 01 Chỉ huy trưởng, 02 Chỉ huy phó và 01 Trợ lý. Ngoài ra, UBND thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp hiện tại đã bố trí 19/21 biên chế gồm: 01 Phó giám đốc và 18 viên chức.

V. Đối với xã Lộc Ninh

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Lộc Ninh nằm ở khu vực phía Nam của tỉnh Đồng Nai, cách trung tâm tỉnh khoảng 100km về hướng Nam và cách cửa khẩu Hoa Lư 15km về hướng Bắc, theo đó tuyến Quốc lộ 13 là tuyến giao thông kết nối chính của đô thị Lộc Ninh với khu vực lân cận và tứ cận được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: Xã Lộc Tấn và Lộc Quang;

- Phía Nam giáp: Xã Lộc Hưng;

- Phía Tây giáp: Xã Lộc Tấn, Lộc Hưng và Lộc Thành;

- Phía Đông giáp: Xã Lộc Quang.

Xã Lộc Ninh là địa bàn có vị trí tương đối thuận lợi trong kết nối giao thông và liên kết phát triển vùng. Địa bàn xã có các tuyến giao thông quan trọng đi qua, trong đó có các trục đường chính kết nối với các khu vực lân cận và các trung tâm kinh tế trong vùng, cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư và Khu công nghiệp cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, thương mại và thu hút đầu tư. Lộc Ninh là vùng hậu cần tiểu thủ công nghiệp các sản phẩm nông - lâm nghiệp, vật liệu xây dựng đối với các đô thị liên phường Bình Long - An Lộc, đô thị Minh Hưng - Chơn Thành - Nha Bích về phía Bắc vốn phát triển mạnh về lĩnh vực dân cư và công nghiệp và cửa ngõ Hoa Lư về phía Nam, mặt khác đồng thời là trung gian liên kết vùng với Khu kinh tế Cửa khẩu Hoa Lư. Theo đó, việc phát triển đô thị Lộc Ninh định hình rõ ràng vai trò của đô thị Lộc Ninh trong hệ thống chuỗi các đô thị phía Bắc của tỉnh, góp phần xây dựng trục phát triển xuyên suốt, bền vững và đồng bộ của khu vực nói riêng và không gian tỉnh nói chung.

Xã Lộc Ninh tiếp giáp với các đơn vị hành chính trong và ngoài tỉnh, tạo nên không gian phát triển mở, có khả năng kết nối đa chiều. Vị trí địa lý này không chỉ thuận lợi trong phát triển kinh tế mà còn có ý nghĩa quan trọng trong tổ chức không gian đô thị, phân bố dân cư và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Vị trí địa lý và địa giới hành chính của xã Lộc Ninh có nhiều thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh đẩy mạnh liên kết vùng và phát triển đô thị theo quy hoạch của tỉnh Đồng Nai.

1.2. Vai trò chức năng

Theo định hướng quy hoạch phát triển của tỉnh Đồng Nai, khu vực Lộc Ninh được xác định là khu vực phát triển đô thị mới, gắn với phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ và hệ thống hạ tầng đồng bộ. Trên địa bàn xã đã thu hút nhiều dự án đầu tư, đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, xã Lộc Ninh còn là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, với sự gia tăng dân số cơ học, sự phát triển của các khu dân cư tập trung và các hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng đa dạng. Vai trò của xã không chỉ dừng lại ở một đơn vị hành chính nông thôn mà đã từng bước chuyển sang đảm nhận chức năng của một đơn vị hành chính đô thị, với yêu cầu cao hơn về quản lý, điều hành và cung ứng dịch vụ công.

Trong tổng thể không gian phát triển của tỉnh, Lộc Ninh có vai trò là khu vực động lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Nam, đồng thời là đầu mối kết nối giữa các khu vực phát triển công nghiệp, dịch vụ và khu dân cư. Vai trò này ngày càng được khẳng định thông qua sự gia tăng

về quy mô kinh tế, sự phát triển của hệ thống hạ tầng và mức độ tập trung dân cư trên địa bàn.

Từ những đặc điểm nêu trên có thể khẳng định, xã Lộc Ninh đã và đang đảm nhận vai trò, chức năng của một đơn vị hành chính có tính chất đô thị; do đó, việc tổ chức lại đơn vị hành chính theo mô hình phường là phù hợp với vị trí, vai trò và định hướng phát triển của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên

Xã Lộc Ninh có tổng diện tích tự nhiên 6.751,05 ha (tương đương khoảng 67,51km²), diện tích tự nhiên của xã phân bố trên không gian rộng, bao gồm các khu vực dân cư hiện hữu, khu vực sản xuất nông nghiệp, khu vực phát triển công nghiệp và các khu đất quy hoạch cho phát triển đô thị trong thời gian tới. Phạm vi quản lý rộng gắn với nhiều loại hình sử dụng đất khác nhau, đặt ra yêu cầu tổ chức quản lý thống nhất, đồng bộ theo quy hoạch. Theo định hướng quy hoạch chung đô thị mới Lộc Ninh đến năm 2050, toàn bộ diện tích tự nhiên của xã được xác định là không gian phát triển đô thị, bao gồm các khu chức năng như khu trung tâm hành chính, khu dân cư, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Việc xác định toàn bộ địa bàn trong phạm vi quy hoạch đô thị là cơ sở quan trọng để tổ chức lại đơn vị hành chính theo mô hình phường.

2.2. Cơ cấu các loại đất

Cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn xã Lộc Ninh hiện nay phản ánh đặc điểm của một đơn vị hành chính đang trong quá trình chuyển dịch từ khu vực nông thôn sang đô thị, với tỷ trọng đất nông nghiệp còn chiếm ưu thế nhưng quỹ đất phi nông nghiệp đang từng bước được mở rộng. Địa chất xã Lộc Ninh chủ yếu là đất phù sa, đất xám, đất đen, đất đỏ vàng, đất dốc tụ và một số đất sông hồ... quỹ đất của xã Lộc Ninh rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đất đỏ bazan rất phù hợp cho phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm như: cao su, cà phê, tiêu... đây là những cây công nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao.

TT	Nhóm chức năng/ loại chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
	Khu đất dân dụng	803,20	11,90	
	Nhóm nhà ở	491,96	7,29	
	Hỗ trợ nhóm nhà ở và dịch vụ	0,00	0,00	
	Giáo dục (trường THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non)	25,95	0,38	

	Dịch vụ - công cộng khác (y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại,...)	45,64	0,68	
	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	9,67	0,14	
	Cây xanh sử dụng công cộng	0,00	0,00	
	Giao thông đô thị	181,65	2,69	
	Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	48,33	0,72	
I	Khu đất ngoài dân dụng	153,56	2,27	
	Sản xuất công nghiệp, kho tàng	0,00	0,00	
0	Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	0,00	0,00	
1	Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	0,00	0,00	
2	Dịch vụ, du lịch	0,00	0,00	
3	Trung tâm y tế	0,00	0,00	
4	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	0,00	0,00	
5	Cây xanh sử dụng hạn chế	0,00	0,00	
6	Cây xanh chuyên dụng (nếu có)	0,00	0,00	
7	Di tích, tôn giáo	4,52	0,07	
8	An ninh	6,75	0,10	
9	Quốc phòng	121,15	1,79	
0	Giao thông đối ngoại	19,80	0,29	
1	Hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	0,00	
2	Đất danh lam thắng cảnh	1,35	0,02	
II	Khu nông nghiệp và chức năng khác	5.794,28	85,83	

3	Sản xuất nông nghiệp	5.600,08	82,95	
4	Lâm nghiệp (rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng)	0,00	0,00	
5	Nuôi trồng thủy sản	7,54	0,11	
6	Chưa sử dụng (đất bằng và đồi núi chưa sử dụng)	0,14	0,00	
7	Hồ, ao, đầm	116,47	1,73	
8	Sông, suối, kênh, rạch	70,06	1,04	
9	Mặt nước ven biển	0,00	0,00	
	TỔNG	6.751,05	100,00	

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Quy mô và mật độ dân số

Theo số liệu của dữ liệu dân cư, dân số của xã Lộc Ninh hiện nay là 31.484 người. Mật độ dân số trung bình đạt khoảng 266 người/km², phân bố trên toàn bộ diện tích tự nhiên của xã. Dân số của xã Lộc Ninh có quy mô tương đối lớn so với các đơn vị hành chính cấp xã, gắn với phạm vi diện tích rộng và sự phát triển của các khu công nghiệp, khu dân cư và các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Quy mô dân số này là một trong những yếu tố quan trọng trong việc xác định tính chất và tổ chức đơn vị hành chính phù hợp.

3.2. Biến động dân số

Dân số trên địa bàn xã Lộc Ninh có sự biến động theo xu hướng tăng, bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học. Trong đó, tăng cơ học chiếm tỷ trọng đáng kể do quá trình phát triển các khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, thu hút lao động từ các địa phương khác đến làm việc và sinh sống. Sự gia tăng dân số cơ học tập trung chủ yếu tại các khu vực gần khu vực trung tâm và dọc theo các tuyến giao thông chính, hình thành các khu dân cư tập trung với mật độ dân số cao hơn so với các khu vực khác. Việc gia tăng dân số gắn với quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế đã làm thay đổi đặc điểm dân cư trên địa bàn, từ phân tán sang tập trung hơn, đồng thời làm tăng nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các dịch vụ công.

3.3. Phân bố dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Lộc Ninh phân bố trải dài tại 29 thôn, với đặc điểm phân bố không đồng đều giữa các khu vực, các khu dân cư hiện hữu tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm xã, dọc theo các tuyến giao thông chính và các khu vực phát triển đô thị. Các khu vực gần trung tâm xã có mật độ dân cư cao hơn do thu hút lao động đến làm việc và sinh sống. Trong khi đó, các khu vực sản xuất nông nghiệp có mật độ dân cư thấp hơn, phân bố theo mô hình truyền thống của khu vực nông thôn. Sự phân bố dân cư hiện nay phản ánh quá trình chuyển dịch từ mô hình dân cư phân tán sang mô hình tập trung, gắn với các trục phát triển kinh tế và hạ tầng giao thông trên địa bàn.

3.4. Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động trên địa bàn xã Lộc Ninh chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Dân số trong độ tuổi lao động: 18.750 (chiếm 78.738%); trong đó: Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế: 18.540 người; Lao động chưa có việc làm: 210 (tỷ lệ thất nghiệp: 1,12%).

Cơ cấu lao động theo trình độ: Lao động chưa qua đào tạo: 3.440 người (18,6 %); Lao động qua đào tạo: 15.100 người (81.4%), gồm: Sơ cấp, đào tạo nghề: 6245 người, Trung cấp, cao đẳng: 4023 người, Đại học trở lên: 4832 người, thể hiện sự chuyển biến về chất lượng nguồn nhân lực. Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng công nghiệp và dịch vụ: Công nghiệp – xây dựng: Số lao động: 6850 người; Tỷ lệ: 36,9%. Thương mại – dịch vụ: Số lao động: 8250 người; Tỷ lệ: 44,4%. Nông, lâm, ngư nghiệp: Số lao động 3440 người; Tỷ lệ: 18,6%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại các đô thị trung tâm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, gắn với diện tích đất nông nghiệp còn lớn trên địa bàn. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa, đồng thời chịu tác động của việc thu hút đầu tư và mở rộng các khu công nghiệp trên địa bàn.

3.5. Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Lộc Ninh bao gồm dân cư tại chỗ và dân cư đến từ các địa phương khác. Thành phần dân cư đa dạng, bao gồm người lao động trong các khu công nghiệp, người sản xuất nông nghiệp và các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 4,35% tổng dân số. Các nhóm dân cư sinh sống xen kẽ tại các khu vực dân cư, tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa đã làm thay đổi cơ cấu dân cư, với sự gia tăng dân cư làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, đồng thời hình thành các khu dân cư tập trung gần với khu vực trung tâm.

3.6. Xu hướng phát triển dân số và lao động

Theo định hướng quy hoạch và tình hình phát triển thực tế, dân số của xã Lộc Ninh tiếp tục tăng trong thời gian tới, gắn với quá trình phát triển công nghiệp và đô thị. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của địa phương. Việc gia tăng dân số và chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với yêu cầu phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nâng cao chất lượng dịch vụ công trên địa bàn.

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế gồm: GRDP, cơ cấu ngành, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo, lao động phi nông nghiệp...

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Trong những năm qua, mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới được địa phương hưởng ứng và phấn đấu, theo đó các tiêu chí nông thôn mới đã được đạt 19/19 tiêu chí tại khu vực xã Lộc Thuận (cũ), các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt 20/20 tiêu chí tại khu vực xã Lộc Thái (cũ) với các dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thiện và đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới. Các nhóm ngành nổi bật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chủ yếu là đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội cho thấy sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với bộ mặt hiện đại hóa theo chiều rộng và chiều sâu của đô thị.

Hiện nay với định hướng và cấu trúc không gian đô thị trong giai đoạn mới, việc bổ sung đầu tư, cải tạo nâng cấp các dự án, hạ tầng đô thị trên địa bàn xã đang thực hiện vừa thể hiện sự quan tâm của địa phương trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, vừa là động thái cần thiết trong bối cảnh hiện tại.

- Về thương mại - dịch vụ:

Với lợi thế là khu vực trung tâm của vùng huyện Lộc Ninh (cũ) đồng thời có đường QL.13 đi dọc trục xương sống của xã, lĩnh vực thương mại – dịch vụ vẫn luôn là mũi nhọn kinh tế với đóng góp đáng kể trong cơ cấu kinh tế của địa phương, mạng lưới hệ thống thương mại – dịch vụ phân bố có cấu trúc cụ thể

trên địa bàn xã, theo đó các nhóm ngành thương mại và dịch vụ hoạt động chủ yếu xen kẽ giữa các khu dân cư, tuyến dân cư và nhóm ngành tiểu thủ công nghiệp sản xuất chủ yếu có mối liên hệ chặt chẽ với ngành chăn nuôi sản xuất nông nghiệp và phân bố trong các khu sản xuất nông nghiệp của xã.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

Xã Lộc Ninh với tổng diện tích tự nhiên khoảng 6.751,05 ha, trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp khoảng 5.600,08ha (chiếm 82,95% diện tích tự nhiên), Lĩnh vực sản nông nghiệp trên địa bàn xã tăng trưởng ổn định và ít đột biến đồng thời là một mũi nhọn trong cơ cấu nền kinh tế của xã. Theo đó:

Về sản xuất nông nghiệp, bên cạnh lúa nước là giống cây trồng chủ đạo của kinh tế nông nghiệp, các loại cây trồng chủ đạo mang đặc trưng thổ nhưỡng của khu vực Đông Nam Bộ như cà phê, điều, cao su, hồ tiêu được duy trì sản xuất và cho năng suất ổn định, tuy phải đối mặt với nguy cơ giảm năng suất do dịch bệnh và biến đổi khí hậu, nhưng công tác tuyên truyền, tập huấn bổ sung kiến thức nông nghiệp được chuẩn bị và triển khai kịp thời, do đó duy trì được sự ổn định trong lĩnh vực.

Về chăn nuôi, vẫn duy trì ổn định đàn gia súc, gia cầm trên mỗi hộ kinh doanh với các loại vật nuôi chủ đạo như gia cầm có 72.978 con, đàn heo có 2.844 con, bò có 623 con ngoài ra dê cũng là vật nuôi có giá trị kinh tế cao và rất được quan tâm, chăm sóc phủ rộng trên địa bàn xã với khoảng 1.013 con chủ yếu phân bố ở khu vực xã Lộc Thuận (cũ) vốn có nền kinh tế chủ đạo là nông nghiệp khoảng 882 con. Trong những năm qua công tác tuyên truyền, chăm sóc và tiêm chủng bệnh dại được địa phương quan tâm và triển khai trên khắp địa bàn xã nhằm chống lại các rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, những thất thoát vật nuôi tuy không thể tránh khỏi, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến sản lượng kinh tế của địa phương.

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo

- Mạng lưới trường lớp: Hiện nay, trên địa bàn xã có 02 trường THPT và 14 cơ sở giáo dục trực thuộc xã quản lý, bao gồm: 5 trường mầm non, (03 công lập; 02 ngoài công lập); 05 trường tiểu học; 3 trường trung học cơ sở (01 trường PTDTNT THCS) và 01 trường liên cấp TH&THCS Lộc Thuận. Mạng lưới trường lớp được phân bố tương đối hợp lý theo địa bàn dân cư, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân. Các trường học đều có địa điểm ổn định, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển đô thị.

- Quy mô học sinh, lớp học: Tổng số học sinh toàn xã là 6.171 em, với 204 lớp học, trong đó: Mầm non: 1.181em/51 lớp; Tiểu học: 2470em/89 lớp; Trung học cơ sở: 2520 em/64 lớp. Bình quân học sinh/lớp đạt khoảng 33 em/lớp, cơ bản phù hợp với quy định.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên: Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên là 404 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 32 người; Giáo viên: 372 người (bao gồm: GV TPTĐ). Toàn xã xã có 100% CBQL đạt chuẩn trình độ đào tạo. Số giáo viên chưa đạt chuẩn là 27 người (hiện đang đi học và đăng kí học nâng trình độ chuẩn theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP). Dự kiến đến hết năm 2030 có 100% CBQL, GV, NV đạt chuẩn trình độ đào tạo.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Các trường cơ bản có đủ các phòng chức năng như thư viện, phòng thiết bị, phòng tin học; tuy nhiên, một số phòng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 8/12, đạt 66.67%. (Trường mầm non Sao Mai; trường Tiểu học TT Lộc Ninh A, trường Tiểu học Lộc Thái A, trường Tiểu học Lộc Thái B, trường tiểu học Lộc Thuận B; THCS Lộc Ninh, THCS Lộc Thái, PTDTNT THCS Lộc Ninh). Hệ thống trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, nhưng chưa đồng bộ và còn thiếu ở một số hạng mục. Tổng số phòng học là 190 (Trong đó số phòng học kiên cố là 166 phòng, số phòng học bán kiên cố là 24 phòng)

- Chất lượng giáo dục và phổ cập: Xã Lộc Ninh đảm bảo điều kiện và đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đều đạt mức độ 3 (mức độ cao nhất), đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 năm 2025.

- Về hiện đại hóa giáo dục: 100% các trường học trên địa bàn đã được kết nối Internet, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý văn bản, hồ sơ học sinh. Các trường học được ưu tiên đầu tư trong các dự án chỉnh trang đô thị (vĩa hè, hệ thống chiếu sáng, thoát nước đồng bộ quanh khu vực trường học), đảm bảo cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp theo chuẩn văn minh đô thị.

Nhìn chung, công tác Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn xã Lộc Ninh đã có bước phát triển vượt bậc cả về quy mô lẫn chất lượng. Với hệ thống trường lớp kiên cố, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cao (66,67%) và kết quả phổ cập giáo dục đạt mức độ cao nhất, ngành giáo dục địa phương không chỉ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của một Phường mà còn đóng vai trò là động lực then chốt trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, sẵn sàng cho việc chuyển đổi sang mô hình quản lý chính quyền đô thị."

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng, nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn có xu hướng gia tăng cả về quy mô và chất lượng. Mạng lưới trường lớp hiện có cơ bản đáp ứng nhu cầu. Các cơ sở giáo dục đã tích cực triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy. Tỷ lệ trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đạt 75%. Việc chuyển đổi số trong giáo dục bước đầu đạt kết quả, song cần tiếp tục đầu tư đồng bộ hơn. Hệ thống cơ sở giáo dục cơ bản phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị. Quỹ đất dành cho giáo dục đã được xác định trong quy hoạch; tuy nhiên, việc mở rộng quỹ đất tại một số khu vực trung tâm còn gặp khó khăn. Hạ tầng giao thông kết nối đến các trường học tương đối thuận lợi, đảm bảo an toàn cho học sinh. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu để chuyển sang đơn vị hành chính phường. Các tiêu chí về quy mô, chất lượng, phổ cập giáo dục được đảm bảo; tuy nhiên, cần tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung nguồn lực để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển đô thị.

5.2. Y tế

- Về tổ chức bộ máy và mạng lưới y tế cơ sở: Trạm Y tế xã Lộc Ninh được thành lập theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 31/12/2025, trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh. Sau khi được thành lập, Trạm Y tế đã từng bước củng cố tổ chức, duy trì hoạt động ổn định và thực hiện cơ bản đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Trong thời gian qua, Trạm Y tế đã phát huy vai trò là cơ sở y tế tuyến đầu, trực tiếp triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh thông thường, quản lý sức khỏe cộng đồng và thực hiện các chương trình y tế trên địa bàn. Hiện nay, mạng lưới y tế cơ sở của xã gồm 01 Trạm Y tế chính tại Lộc Ninh và 01 điểm trạm. Việc duy trì hoạt động của cả trạm chính và điểm trạm đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận dịch vụ y tế, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe ở cơ sở.

- Về cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ hoạt động y tế: Cơ sở vật chất của Trạm Y tế xã và điểm trạm cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn. Cụ thể, Trạm Y tế Lộc Ninh có diện tích đất 2.320 m², diện tích nhà trạm 212 m², được bố trí 05 phòng chức năng gồm phòng cấp cứu, phòng khám sản, phòng sinh, phòng tiêm chủng và phòng hành chính. Điểm trạm Lộc Thuận có diện tích đất 1.364 m², diện tích nhà trạm 290 m², gồm 10 phòng chức năng như phòng cấp cứu, phòng sinh, phòng kế hoạch hóa gia đình, phòng hậu sản, phòng dược, phòng hành chính, phòng tiêm chủng, phòng khám chữa bệnh và 02 phòng lưu bệnh. Với quy mô như trên, hệ thống cơ sở vật chất hiện có đã hỗ trợ tương đối

tốt cho việc tổ chức các hoạt động chuyên môn, đặc biệt là công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tiêm chủng và điều trị ban đầu.

- Về trang thiết bị y tế: Trang thiết bị hiện có tại Trạm Y tế và điểm trạm cơ bản phục vụ được yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, tiêm chủng và triển khai các hoạt động chuyên môn thường xuyên. Nhờ đó, công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn vẫn được duy trì ổn định. Tuy nhiên, thực tế cho thấy trang thiết bị y tế vẫn còn thiếu, một số thiết bị chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới. Điều này phần nào ảnh hưởng đến khả năng mở rộng chất lượng dịch vụ, nhất là khi yêu cầu về tiêu chuẩn y tế đối với đơn vị hành chính cấp phường cao hơn so với cấp xã. Do đó, việc rà soát, bổ sung, đầu tư trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại hơn là nhiệm vụ cần thiết.

- Về nhân lực y tế: Tổng số cán bộ y tế hiện có là 18 người. Trong đó gồm 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 03 điều dưỡng, 04 hộ sinh, 04 dược sĩ, 01 kỹ thuật viên, 01 người phụ trách an toàn thực phẩm và 01 người phụ trách dân số. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tại địa phương, đảm bảo duy trì các hoạt động thường xuyên của Trạm Y tế và điểm trạm. Việc có bác sĩ làm việc tại trạm là điều kiện thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng khám, tư vấn, điều trị và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

- Về công tác khám chữa bệnh và quản lý sức khỏe nhân dân: Trong thời gian qua, công tác khám chữa bệnh tại địa phương được duy trì thường xuyên. Tổng số lượt khám chữa bệnh hằng năm đạt 1.510 lượt. Cùng với hoạt động khám chữa bệnh, công tác quản lý sức khỏe nhân dân được triển khai nghiêm túc. Việc theo dõi, quản lý sức khỏe đã góp phần hỗ trợ phát hiện sớm bệnh tật, tư vấn điều trị kịp thời và nâng cao ý thức phòng bệnh trong cộng đồng. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của y tế cơ sở, thể hiện vai trò chủ động trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân ngay từ tuyến đầu. Bên cạnh đó, hoạt động khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền tiếp tục được duy trì và từng bước phát triển. Việc kết hợp giữa y học cổ truyền với chăm sóc sức khỏe ban đầu đã góp phần đa dạng hóa các hình thức điều trị, đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn.

- Về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình: Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em luôn được địa phương quan tâm thực hiện. Các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, theo dõi thai kỳ, chăm sóc trước sinh và sau sinh được triển khai tương đối đầy đủ. Tỷ lệ chăm sóc trước sinh đạt 96%, tỷ lệ chăm sóc sau sinh đạt 99%, tỷ lệ sinh con tại cơ sở y tế đạt 100%. Kết quả này cho thấy người dân ngày càng quan tâm hơn đến việc tiếp cận các dịch vụ y tế an toàn, đồng thời phản ánh hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế

cơ sở trong việc bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Đối với trẻ em, công tác tiêm chủng được triển khai nghiêm túc, đảm bảo đầy đủ các mũi vắc xin phòng bệnh theo chương trình quy định. Việc thực hiện tốt tiêm chủng đã góp phần phòng ngừa hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, nâng cao thể trạng và sức khỏe trẻ em trên địa bàn.

- Về công tác phòng, chống dịch bệnh: Công tác phòng, chống dịch bệnh luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của ngành y tế địa phương. Đây là yếu tố quan trọng giúp duy trì miễn dịch cộng đồng, hạn chế nguy cơ bùng phát các bệnh truyền nhiễm. Trong thời gian qua, trên địa bàn xã không để xảy ra dịch bệnh lớn; công tác giám sát, xử lý dịch bệnh được thực hiện nghiêm túc, góp phần bảo vệ sức khỏe nhân dân và giữ vững ổn định đời sống xã hội.

- Về tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế: Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn xã đạt 100%, thể hiện sự quan tâm của địa phương trong việc đảm bảo an sinh xã hội và quyền lợi chăm sóc sức khỏe cho người dân. Việc toàn dân tham gia bảo hiểm y tế không chỉ giúp giảm gánh nặng chi phí khám chữa bệnh cho từng hộ gia đình mà còn tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ y tế một cách thuận lợi, bình đẳng và bền vững. Đây là một chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ y tế và là điều kiện thuận lợi để địa phương tiến tới hoàn thiện các tiêu chí theo yêu cầu xây dựng phường.

- Về các chỉ số sức khỏe cộng đồng: Các chỉ số về sức khỏe cộng đồng của xã cơ bản đạt kết quả tích cực. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở mức dưới 5%, cho thấy công tác chăm sóc dinh dưỡng, theo dõi tăng trưởng và bảo vệ sức khỏe trẻ em đã được thực hiện hiệu quả. Tỷ lệ sinh con tại cơ sở y tế đạt 100%; tỷ lệ chăm sóc trước sinh đạt 96%; tỷ lệ chăm sóc sau sinh đạt 99%; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%. Những kết quả nêu trên phản ánh chất lượng công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và sự phối hợp tương đối tốt giữa ngành y tế với các ban, ngành, đoàn thể trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân. Qua đó, đời sống sức khỏe cộng đồng trên địa bàn từng bước được cải thiện và nâng lên.

- Về công tác vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm: Công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn được chú trọng thực hiện. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh cũng đạt 100%. Đây là những điều kiện quan trọng góp phần phòng ngừa dịch bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo các tiêu chí về môi trường trong xây dựng đô thị. Đối với công tác an toàn thực phẩm, địa phương đã triển khai tương đối tốt các nội dung quản lý nhà nước theo quy định.

5.3. Văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao

- Công tác xây dựng và phát triển đời sống văn hóa trên địa bàn xã Lộc Ninh trong thời gian qua được quan tâm triển khai đồng bộ, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Toàn xã hiện có 29 thôn, trong đó 29/29 thôn được công nhận danh hiệu thôn văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa hằng năm đạt khoảng 98,5%. Công tác gia đình được chú trọng triển khai; các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện hiệu quả; duy trì các mô hình như Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc; công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân.

- Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư; toàn xã có 01 nhà văn hóa xã và 29/29 thôn có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đạt tỷ lệ 100%; một số nhà văn hóa thôn đã được nâng cấp, sửa chữa, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Hoạt động văn hóa, văn nghệ được duy trì thường xuyên, tổ chức vào các dịp lễ, tết, sự kiện chính trị của địa phương; duy trì 18 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường; hiện trên địa bàn xã có 08 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa (03 cơ sở karaoke, 05 cơ sở photocopy, in ấn); công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. Công tác quản lý di tích được quan tâm; trên địa bàn xã có 05 di tích đã được xếp hạng và 01 di tích trong danh mục kiểm kê; việc quản lý, bảo vệ di tích cơ bản được thực hiện tốt, tuy nhiên nhân sự trực tiếp trông coi còn hạn chế.

- Công tác thông tin, tuyên truyền trên địa bàn xã được triển khai kịp thời, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị và nhu cầu tiếp cận thông tin của Nhân dân. Hệ thống truyền thanh cơ sở được đầu tư đồng bộ với 53 cụm loa truyền thanh thông minh, phủ sóng đến 29/29 thôn, đạt tỷ lệ 100%; nội dung phát thanh được duy trì thường xuyên, bảo đảm thông tin thông suốt. Công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông được thực hiện đúng quy định; chủ động định hướng thông tin và kịp thời xử lý các thông tin sai sự thật trên không gian mạng.

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn xã tiếp tục phát triển, góp phần nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần của Nhân dân. Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt khoảng 18%; tỷ lệ gia đình thể thao đạt khoảng 18%. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục thể thao từng bước được đầu tư; toàn xã có 01 sân vận động (sân bóng đá 11 người, đường chạy và dụng cụ tập ngoài trời); 02 sân tennis, 01 sân bóng bàn, 01 sân bóng chuyền; có 08/29 thôn được trang bị dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; hầu hết các thôn có bố trí khu vực sân chơi, bãi tập phục vụ Nhân dân. Hằng

năm, xã tổ chức các giải thể thao như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, chạy việt dã; duy trì hoạt động của 18 câu lạc bộ thể dục thể thao quần chúng; tham gia đầy đủ các hội thao cấp trên và đạt một số thành tích, trong đó có Huy chương Vàng môn bóng bàn cấp tỉnh.

Căn cứ các tiêu chí về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao trong xây dựng đơn vị hành chính cấp phường, qua đánh giá thực trạng cho thấy xã Lộc Ninh cơ bản đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Trước hết, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, có hiệu quả, với 100% thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa và tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt trên 98%. Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao, các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy thông qua hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ quần chúng. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư tương đối đồng bộ; toàn xã có nhà văn hóa xã và 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên, gắn với các sự kiện chính trị, lễ, tết, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Trong lĩnh vực thông tin – truyền thông, hệ thống truyền thanh cơ sở được phủ sóng đến toàn bộ các thôn với mô hình truyền thanh thông minh; nội dung tuyên truyền được duy trì thường xuyên, kịp thời. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số bước đầu đạt kết quả tích cực thông qua việc vận hành Trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin đến người dân. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì và phát triển; các hoạt động thi đấu thể thao được tổ chức thường xuyên; hệ thống sân bãi, dụng cụ tập luyện từng bước được đầu tư, tạo điều kiện cho người dân tham gia rèn luyện sức khỏe.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn xã Lộc Ninh được tổ chức thực hiện theo các chương trình, kế hoạch của địa phương và quy định của pháp luật. Lực lượng lao động trên địa bàn tham gia vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, gắn với hoạt động của các khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Lao động chưa qua đào tạo: 3.440 người (18,6 %); Lao động qua đào tạo: 15.100 người (81.4%), gồm: Sơ cấp, đào tạo nghề: 6245 người, Trung cấp, cao đẳng: 4023 người, Đại học trở lên: 4832 người, thể hiện sự chuyển biến về chất lượng nguồn nhân lực. Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng công nghiệp và dịch vụ: Công nghiệp – xây dựng: Số lao động: 6850 người; Tỷ lệ: 36,9%. Thương mại – dịch vụ: Số lao động: 8250

người; Tỷ lệ: 44,4%. Nông, lâm, ngư nghiệp: Số lao động 3440 người; Tỷ lệ: 18,6%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại các đô thị trung tâm, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định, gắn với diện tích đất nông nghiệp còn lớn trên địa bàn. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa, đồng thời chịu tác động của việc thu hút đầu tư và mở rộng các khu công nghiệp trên địa bàn.

Công tác giải quyết việc làm được triển khai thông qua việc kết nối lao động với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn và các khu vực lân cận. Người lao động tham gia làm việc tại các khu công nghiệp, các công trình xây dựng, các cơ sở dịch vụ và các hoạt động sản xuất khác, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và điều kiện của người lao động.

Công tác chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm các chế độ, chính sách đối với các đối tượng thụ hưởng. Các đối tượng chính sách được quản lý, theo dõi và thực hiện chi trả chế độ theo quy định. Công tác bảo trợ xã hội được triển khai đối với các đối tượng theo quy định, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng khác thuộc diện bảo trợ xã hội. Các chế độ trợ cấp được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Công tác giảm nghèo được thực hiện trên địa bàn xã, hiện nay trên địa bàn không còn hộ nghèo theo chuẩn hiện hành. Các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân được triển khai theo kế hoạch của địa phương.

Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội được triển khai trên địa bàn theo quy định. Người dân tham gia các loại hình bảo hiểm theo điều kiện và quy định của pháp luật, gắn với việc bảo đảm an sinh xã hội.

Các hoạt động lao động, việc làm và an sinh xã hội được tổ chức thực hiện gắn với sự phát triển kinh tế của địa phương và các chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, bảo đảm thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động và các đối tượng trên địa bàn xã Lộc Ninh.

5.5. Công tác tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc

Dân số của xã Lộc Ninh là 31.484 người; trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 1.369 người, chiếm 4,35% dân số toàn xã. Các dân tộc cùng sinh sống gồm: Kinh, Tày, Nùng, Khmer, Xtiêng, Hoa, Cơ tu, Sán Dìu, Mông, Mường;

phân bố xen kẽ, ổn định, tập trung chủ yếu tại thôn Lộc Thuận 8 và thôn Lộc Thuận 9. Trên địa bàn xã có 03 cơ sở tín ngưỡng gồm: Đền Trần Hưng Đạo, Miếu Ngọc Lâm và Miếu Thôn 8 Lộc Thuận. Có 10 cơ sở tôn giáo được công nhận và 01 điểm sinh hoạt Tin lành chưa được công nhận; trong đó Phật giáo có 08 cơ sở với 08 chức sắc và 22 chức việc; Công giáo có 01 cơ sở với 01 chức sắc; Tin lành có 01 điểm sinh hoạt với 01 chức sắc.

Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn xã diễn ra bình thường, ổn định, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cơ sở tôn giáo trên địa bàn đã tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, từ thiện, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo hiếu học, trẻ em nhân dịp lễ, Tết, Trung thu, Vu Lan, Giáng sinh... góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và xây dựng đời sống văn hóa tại địa phương. Tình hình tôn giáo trên địa bàn ổn định, không phát sinh điểm nóng, không xảy ra vụ việc phức tạp; không có hoạt động tôn giáo trái pháp luật, không có trường hợp lợi dụng tôn giáo gây mất an ninh trật tự.

Ủy ban nhân dân xã thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện thường xuyên; qua đó nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân và các tổ chức tôn giáo. Chính quyền địa phương duy trì công tác theo dõi, nắm bắt tình hình; tổ chức kiểm tra định kỳ; hướng dẫn các cơ sở tôn giáo thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động tôn giáo đúng quy định. Mối quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo được duy trì tốt, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được duy trì thường xuyên; chính quyền địa phương chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời hướng dẫn và giải quyết các vấn đề phát sinh. Trên địa bàn không xảy ra điểm nóng, không phát sinh vụ việc phức tạp liên quan đến tôn giáo; không có hoạt động lợi dụng tôn giáo gây mất an ninh trật tự.

Công tác dân tộc trên địa bàn xã được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả; các chính sách dân tộc được thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng. Đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng cao; các chính sách về y tế, giáo dục, bảo hiểm, nước sinh hoạt, hỗ trợ sinh kế được đảm bảo. Hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc được đầu tư đồng bộ; 100% thôn có điện lưới

quốc gia; hệ thống giao thông được nhựa hóa, bê tông hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và sinh hoạt.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở

Dân cư phân bố trên địa bàn xã chịu sự chi phối của các điều kiện tự nhiên như: địa hình, sông, suối và quá trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt về cơ sở hạ tầng giao thông. Hệ thống nhà ở trên địa bàn trong những năm qua tương đối ổn định, không có sự phát triển đột biến. Hình thức nhà ở chủ yếu là nhà phố, nhà vườn. Mô hình nhà phố hình thành chủ yếu dọc tuyến Quốc lộ 13 và các tuyến đường nội bộ trung tâm xã. Tầng cao nhà ở phổ biến là 1 tầng và 2 tầng. Tỷ lệ nhà cao tầng thấp.

Hình thành và phát triển các khu dân cư tập trung dọc theo các trục đường giao thông chính tại khu vực trung tâm, chủ yếu là hình thức nhà phố xen lẫn nhà vườn.

Các loại hình nhà ở tại địa bàn được phân bổ thành 02 loại:

- Dạng nhà ô phố: bám theo các trục đường lớn như quốc lộ 13, đường 3/2, 7/4, đường Hùng Vương,...
- Dạng nhà vườn: phân bố dọc theo các tuyến đường phụ và rải rác trong các khu dân cư.

Nhìn chung nhà ở chưa được quản lý chặt chẽ, xây dựng tự phát, chất lượng thấp, thiếu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hình thức kiến trúc lai tạp,... làm mất vẻ mỹ quan của đô thị.

6.2. Công trình cơ quan hành chính

Khu trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc HĐND, UBND,...) được xây dựng kiên cố, vị trí nằm dọc theo tuyến đường QL13, đường 3/2 và đường Nguyễn Tất Thành nhằm tạo điều kiện tiếp cận thuận lợi cho người dân.

Đa số các công trình hành chính, dịch vụ công cộng được xây dựng mới hoặc được cải tạo kiên cố, khang trang với quy mô 1 – 3 tầng.

6.3. Công trình giáo dục

Hệ thống các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã bao gồm: 09 trường mẫu giáo (vị trí nằm trên các trục đường QL13, Nguyễn Tất Thành,...), 09 trường tiểu học (vị trí nằm trên đường Lê Hồng Phong, QL13,...), 02 trường THCS và 02 trường THPT, 02 trung tâm GDNN – GDTX.

Quy mô trường, lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư, xã hội hóa lĩnh vực giáo dục được chú trọng.

6.4. Công trình y tế

Ngành y tế của xã Lộc Ninh có nhiều chuyên biến tích cực: Công tác chăm sóc sức khỏe của người dân được quan tâm, sự nghiệp y tế được tăng cường cả về số lượng cán bộ y tế và cơ sở vật chất với quy mô như sau:

Công trình y tế: Trung tâm y tế khu vực Lộc Ninh, 04 điểm trạm y tế, Bệnh viện đa khoa Cao su Lộc Ninh;

Cơ sở bảo trợ xã hội: Trung tâm bảo trợ xã hội Bình Phước tại xã Lộc Ninh.

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Xã Lộc Ninh có truyền thống văn hóa cách mạng lâu đời, do đó hệ thống công trình văn hóa, di tích mang nhiều giá trị lịch sử đối với địa phương nói riêng và khu vực lân cận nói chung, trong tương lai việc phát triển đô thị cần đảm bảo gắn liền với gìn giữ, phát triển các bản sắc văn hóa này, hệ thống công trình văn hóa, thể dục- thể thao trên địa bàn xã bao gồm:

02 di tích lịch sử quốc gia: Sân bay quân sự Lộc Ninh; Trụ sở chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam (Nhà giao tế)

03 di tích lịch sử cấp tỉnh: Địa điểm chiến thắng Dốc 31; Khu di tích nơi thành lập sư đoàn 302; Địa điểm ngục quyền ném bom thảm sát thường dân tại Chợ Lộc Ninh.

01 di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật trong danh mục kiểm kê: Nhà máy chế biến Lộc Ninh.

Ngoài ra trên địa bàn hiện hữu 26 nhà văn hoá được xây dựng kiến cổ và có 01 sân quần vợt huyện Lộc Ninh (cũ).

03 di tích lịch sử cấp tỉnh: Địa điểm chiến thắng Dốc 31; Khu di tích nơi thành lập sư đoàn 302; Địa điểm ngục quyền ném bom thảm sát thường dân tại Chợ Lộc Ninh.

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Công trình thương mại dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trong xã. Tuy nhiên, trong tương lai cần bố trí công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị (bao gồm: chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các công trình thương mại, dịch vụ khác) để đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị.

Trên địa bàn hiện nay có 01 siêu thị hạng III trên khu hành chính diamond.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông

- Đường bộ:

Giao thông đối ngoại: Trục chính QL13 chạy dọc qua trung tâm xã với chiều dài 3,4km được định hướng quy hoạch hành lang bảo vệ đường bộ tính từ tim đường ra mỗi bên tuyến. Có tổng hành lang bảo vệ đường bộ là 57m, trong đó lộ giới quy hoạch 30m, bề rộng đất bảo trì và mương, ta – luy là 4m mỗi bên, hành lang an toàn đường bộ 13m mỗi bên (theo Quyết định số 06/2014/QĐ–UBND ngày 21/03/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ). Các tuyến trục áp nối vào đường trục xã dạng xương cá để tạo sự liên thông giữa các ấp với nhau.

Giao thông đối nội: Đường trục ấp, đường liên ấp được cứng hoá tối thiểu, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Mạng lưới đường phát triển dựa vào nền địa hình, độ dốc tối đa 7% và lộ giới đường từ 12–21m.

- Đường thủy nội địa (nếu có): Không.

7.2. Thủy lợi

Trên địa bàn xã hiện có 02 công trình thủy lợi: Đập Tôn Lê Chàm và hồ Bù Nâu do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai quản lý.

7.3. Cấp điện

Nguồn cấp điện cho xã là tuyến 22kV từ trạm biến áp 110/22kV Lộc Ninh.

Hệ thống cung cấp điện cho xã (trạm điện, hệ thống hạ thế, tình hình quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống,...) do ngành điện trực tiếp quản lý nên đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật và an toàn.

Điện lưới được phủ đến tận trung tâm các khu đông dân cư đạt 99% số hộ có điện sử dụng.

Đèn đường chiếu sáng công cộng được trang bị rộng khắp trên các trục đường chính nơi tập trung dân cư.

7.4. Cấp nước

Công trình đầu mối: NMN hồ Rừng Cẩm có công suất 2.000m³/ng, lấy nước hồ Rừng Cẩm. Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sinh hoạt: 31%. Hệ thống nước máy công cộng được đầu tư 12km.

- Trên địa bàn hiện nay có 01 trạm trung chuyển cấp nước tập trung do công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước quản lý, thực hiện việc cung cấp nước tập trung cho các hộ dân sinh sống dọc tuyến QL.13

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt: Xã đã xây dựng hệ thống thoát nước mặt dọc theo một số trục đường chính nội thị và hoàn thành hệ thống thoát nước chung ở khu vực trung tâm xã, tuy nhiên, chưa đủ để hình thành hệ thống thoát nước đồng bộ. Tại nhiều khu vực nước mưa vẫn thoát theo chế độ tự chảy.

Xã chưa có hệ thống thoát nước thải. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại mỗi công trình sau đó thải ra giếng thấm hoặc chảy tự nhiên.

- Thoát nước thải công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn xã chưa có nước thải công nghiệp.

- Xử lý chất thải rắn: Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

Công tác vệ sinh môi trường từng bước được cải thiện, bãi rác thải tập trung được đầu tư nâng cấp để đảm bảo chôn lấp theo quy trình, rác thải trong đô thị được thu gom và vận chuyển tập trung về bãi tập trung để chôn lấp và xử lý. Khoảng 90% lượng rác thải được thu gom.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng

Công tác quốc phòng trên địa bàn xã Lộc Ninh được tổ chức triển khai theo quy định, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống tổ chức lực lượng dân quân tự vệ được kiện toàn, bố trí theo quy định, thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng tại địa phương.

Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức tại các khu dân cư, tham gia thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch, bao gồm huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và tham gia các hoạt động bảo đảm quốc phòng trên địa bàn. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ được triển khai hằng năm theo kế hoạch, nội dung huấn luyện thực hiện theo chương trình quy định.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện theo quy trình, bảo đảm chỉ tiêu được giao. Việc tổ chức đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự được triển khai tại địa phương theo quy định. Các hoạt động khám tuyển, xét duyệt và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh được triển khai đến các đối tượng theo quy định, thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và tổ chức bồi

duỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh được lồng ghép trong các hoạt động tại địa phương.

Việc xây dựng khu vực phòng thủ được thực hiện gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống hạ tầng trên địa bàn. Các nội dung liên quan đến quốc phòng được triển khai trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương.

Công tác quản lý nhà nước về quốc phòng được thực hiện thông qua việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo quy định, gắn với hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Các nội dung về quốc phòng được thực hiện theo kế hoạch và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Lộc Ninh được tổ chức quản lý và thực hiện theo quy định. Lực lượng công an được bố trí theo mô hình công an chính quy, thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn.

Trên địa bàn đã triển khai hệ thống camera an ninh tại các khu vực trọng điểm, khu dân cư và các tuyến giao thông, phục vụ công tác theo dõi, quản lý và bảo đảm an ninh trật tự. Hệ thống camera được bố trí tại các vị trí phù hợp, hỗ trợ lực lượng chức năng trong việc giám sát tình hình an ninh trên địa bàn.

Các khu dân cư trên địa bàn đều có tổ an ninh trật tự hoạt động theo quy định, tham gia phối hợp với lực lượng công an trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Các tổ chức này được thành lập tại các khu dân cư, thực hiện nhiệm vụ theo phân công.

Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội được triển khai thông qua các hoạt động của lực lượng công an và các tổ chức tại cơ sở. Các vụ việc phát sinh được tiếp nhận, xử lý theo quy định của pháp luật. Các hoạt động tuần tra, kiểm soát được tổ chức tại các khu vực trên địa bàn.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được triển khai thông qua các hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm và tuyên truyền pháp luật về giao thông. Các hoạt động này được thực hiện tại các tuyến giao thông trên địa bàn, gắn với việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Công tác phòng cháy, chữa cháy được triển khai tại các khu dân cư và các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Các hoạt động kiểm tra, tuyên truyền và hướng dẫn phòng cháy, chữa cháy được thực hiện theo kế hoạch của lực lượng chức năng. Các phương tiện và điều kiện phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy được bố trí theo điều kiện thực tế.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an ninh trật tự được tổ chức tại các khu dân cư, thông qua các hoạt động của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể. Nội dung tuyên truyền bao gồm các quy định của pháp luật liên quan đến an ninh trật tự và các vấn đề tại địa phương.

Các hoạt động bảo đảm an ninh trật tự được triển khai gắn với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn, phục vụ việc duy trì trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

9.1. Đảng ủy

Đảng bộ xã Lộc Ninh được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức đảng của các đơn vị hành chính trước đây theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp cơ sở. Hiện nay, Đảng bộ xã có 51 tổ chức đảng trực thuộc với khoảng 1.466 đảng viên, được tổ chức tại các thôn, sóc, cơ quan, đơn vị và các khu vực trên địa bàn.

Các tổ chức đảng trực thuộc bao gồm các chi bộ tại khu dân cư và các chi bộ trong cơ quan, đơn vị, được bố trí phù hợp với địa bàn dân cư và tổ chức sản xuất, kinh doanh. Các chi bộ thực hiện sinh hoạt định kỳ theo quy định, triển khai các nội dung sinh hoạt gắn với nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã được kiện toàn theo quy định, thực hiện chức năng lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực của địa phương. Các đồng chí trong Ban Chấp hành được phân công phụ trách các lĩnh vực, địa bàn và tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ theo quy chế làm việc.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy được tổ chức theo quy định, bao gồm các bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, dân vận và các lĩnh vực khác. Các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Công tác sinh hoạt chi bộ được tổ chức theo định kỳ, nội dung sinh hoạt bao gồm việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. Các buổi sinh hoạt chi bộ được tổ chức tại các khu dân cư và các cơ quan, đơn vị.

Công tác phát triển đảng viên được thực hiện theo kế hoạch, thông qua việc tạo nguồn từ quần chúng ưu tú tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị và các tổ chức trên địa bàn. Việc kết nạp đảng viên được thực hiện theo quy trình, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Đảng.

Công tác quản lý đảng viên được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức đảng, bao gồm việc theo dõi, đánh giá, phân loại đảng viên theo quy định. Các nội dung liên quan đến quản lý đảng viên được triển khai thông qua sinh hoạt chi bộ và các hoạt động của tổ chức đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo chương trình, kế hoạch của Đảng ủy và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy. Các nội dung kiểm tra, giám sát được thực hiện đối với tổ chức đảng và đảng viên, bao gồm việc chấp hành các quy định của Đảng và việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của tổ chức đảng trên địa bàn được triển khai gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã Lộc Ninh được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo thẩm quyền. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân được tổ chức theo quy định, xem xét, thông qua các nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định, tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo quy định. Các hoạt động tiếp xúc cử tri được tổ chức tại các khu dân cư, phục vụ việc tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Ủy ban nhân dân xã được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn. Các thành viên Ủy ban nhân dân được phân công phụ trách các lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân được bố trí theo cơ cấu tổ chức, bao gồm các lĩnh vực kinh tế, tài chính, địa chính - xây dựng, văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác. Các bộ phận này thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo phân công.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã được tổ chức thông qua việc ban hành các văn bản quản lý, triển khai các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các nội dung quản lý nhà nước được triển khai tại các lĩnh vực trên địa bàn.

Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại bộ phận một cửa theo quy định. Các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho người dân theo quy trình, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính tại địa phương.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Lộc Ninh được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và triển khai các hoạt động tại địa phương. Các tổ chức thành viên của Mặt trận được bố trí tại địa phương, tham gia các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ.

Các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức khác, được tổ chức hoạt động tại các khu dân cư và các đơn vị trên địa bàn. Các tổ chức này triển khai các phong trào và các hoạt động theo kế hoạch.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức tại các khu dân cư, thông qua các chương trình vận động, các phong trào và các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động này gắn với việc vận động nhân dân tham gia các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Các tổ chức đoàn thể thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động và triển khai các chương trình, kế hoạch theo hướng dẫn của cấp trên. Các nội dung hoạt động được triển khai tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Đội ngũ cán bộ, công chức của xã Lộc Ninh được bố trí theo quy định sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính. Số lượng, cơ cấu cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Trong điều kiện quy mô dân số lớn, phạm vi quản lý rộng, khối lượng công việc tăng, đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ trên nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước tại địa phương.

VI. Đối với xã Xuân Lộc

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

- Xã Xuân Lộc thuộc tỉnh Đồng Nai, nằm trong khu vực có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông và liên kết vùng, là địa bàn có nhiều điều kiện phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đô thị, đặc biệt là phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch.

- Phía Bắc: Giáp xã Xuân Thành.

- Phía Nam: Giáp xã Xuân Phú.

- Phía Đông: Giáp xã Xuân Hòa.

- Phía Tây: Giáp phường Long Khánh, phường Bảo Vinh.

- Xã có diện tích tự nhiên 140,5 km², gồm 31 ấp, với dân số 101.485 người,

là địa bàn có quy mô dân số lớn trong khu vực, mật độ dân cư tương đối cao và có xu hướng gia tăng cơ học do quá trình đô thị hóa.

- Trên địa bàn xã có hệ thống giao thông tương đối đồng bộ, nhất là đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, Quốc lộ 1, đường sắt Bắc - Nam, các tuyến Tỉnh lộ (ĐT.763, ĐT.76, ĐT.766, ĐT.772)... kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông quan trọng của tỉnh và khu vực; đồng thời đang được đầu tư, nâng cấp gắn với các dự án phát triển đô thị, du lịch, đặc biệt là khu vực núi Chúa Chan và hồ Núi Le, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội.

- Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên như trên, Xuân Lộc có nhiều lợi thế trong phát triển đô thị, mở rộng không gian kinh tế, hình thành các khu chức năng đô thị theo quy hoạch, từng bước trở thành khu vực phát triển năng động của địa phương.

1.2. Vai trò, chức năng

Xã Xuân Lộc giữ vai trò là khu vực phát triển động lực, có vị trí quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa của địa phương, với các chức năng chủ yếu sau:

- Chức năng dân cư đô thị: Là địa bàn có quy mô dân số lớn, mật độ dân cư cao, nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị ngày càng tăng; đang hình thành các khu đô thị, dân cư tập trung, từng bước mang đặc trưng của đô thị theo hướng hiện đại.

- Chức năng thương mại - dịch vụ: Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển đa dạng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân; đóng vai trò là khu vực giao thương, trung chuyển hàng hóa trong khu vực, đặc biệt gắn với phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ.

- Chức năng sản xuất, tiểu thủ công nghiệp: Trên địa bàn có nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp.

- Chức năng hành chính - xã hội: Là địa bàn tập trung nhiều cơ quan, đơn vị, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa - thể thao và các tổ chức chính trị - xã hội; cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ Nhân dân, từng bước tiệm cận tiêu chí của đơn vị hành chính đô thị.

- Chức năng du lịch và phát triển đô thị: Với lợi thế có danh lam thắng cảnh núi Chúa Chan và định hướng triển khai các dự án lớn như khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí núi Chúa Chan, khu đô thị hồ Núi Le, Xuân Lộc có vai trò

quan trọng trong phát triển du lịch, dịch vụ và mở rộng không gian đô thị của tỉnh Đồng Nai.

- Vai trò trong phát triển đô thị: Theo định hướng quy hoạch của tỉnh Đồng Nai, khu vực Xuân Lộc là một trong những địa bàn có tiềm năng phát triển thành khu đô thị, góp phần mở rộng không gian đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Xuân Lộc thuộc vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với đô thị giáo dục khu vực phía Đông Nam của tỉnh; được định hướng phát triển theo mô hình kết hợp công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, gắn với đô thị hóa và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, Xuân Lộc nằm trong không gian phát triển cụm du lịch nông nghiệp và sinh thái của tỉnh, với các điểm nhấn quan trọng như núi Chứa Chan, hồ Núi Le, hồ Gia Măng..., góp phần hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, có khả năng liên kết vùng và thu hút du khách.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên

- Xã Xuân Lộc có tổng diện tích tự nhiên 140,5 km² (tương đương 14.050 ha), là địa bàn có quy mô diện tích lớn, không gian phát triển rộng. Toàn xã được chia thành 31 ấp, phân bố tương đối đồng đều.

- Với quỹ đất lớn, vị trí thuận lợi và định hướng phát triển đô thị, địa phương có nhiều điều kiện để mở rộng không gian đô thị, phát triển các khu dân cư, thương mại - dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng theo quy hoạch.

2.2. Cơ cấu các loại đất

- Đất nông nghiệp: Khoảng 12.074,13 ha, chiếm 85,94% diện tích tự nhiên, chiếm tỷ lệ chủ yếu trong cơ cấu sử dụng đất;

- Đất phi nông nghiệp: 1.868,92 ha, chiếm 13,30% diện tích tự nhiên, bao gồm đất ở, đất giao thông, đất công trình công cộng, đất thương mại - dịch vụ, sản xuất kinh doanh;

- Đất chưa sử dụng: 106,90 ha, chiếm 0,76% diện tích tự nhiên.

- Hiện nay, tỷ trọng đất phi nông nghiệp có xu hướng tăng nhanh, phù hợp với quá trình đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và định hướng phát triển lên phường.

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Dân số

- Xã Xuân Lộc có 21.779 hộ với 101.485 nhân khẩu; mật độ dân số khoảng 722 người/km².

- Dân cư phân bố tại 31 ấp, tập trung đông tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về giao thông, thương mại và dịch vụ. Quy mô dân số lớn, mật độ cao là đặc trưng điển hình của khu vực đang đô thị hóa, đáp ứng tiêu chuẩn về dân số của đơn vị hành chính cấp phường.

3.2. Cơ cấu lao động

- Cơ cấu lao động trên địa bàn chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ:

- + Lao động nông nghiệp: chiếm tỷ lệ 21,36%;
- + Lao động công nghiệp - xây dựng: chiếm tỷ lệ 32,81%;
- + Lao động thương mại - dịch vụ: chiếm tỷ lệ 45,83%.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ngày càng tăng, phản ánh rõ xu hướng phát triển đô thị và là điều kiện quan trọng để thành lập phường.

3.3. Thành phần dân cư (thành thị/nông thôn)

- Hiện nay, xã Xuân Lộc được tổ chức theo mô hình đơn vị hành chính nông thôn. Tuy nhiên:

- + Dân cư có xu hướng tập trung thành các khu đô thị, dân cư quy mô lớn;
- + Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp cao;
- + Lối sống, sinh hoạt mang đặc trưng đô thị ngày càng rõ nét.

- Có thể đánh giá, cơ cấu dân cư đã và đang chuyển dịch mạnh từ nông thôn sang đô thị, đáp ứng yêu cầu hình thành đơn vị hành chính cấp phường.

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Kinh tế xã Xuân Lộc tiếp tục tăng trưởng ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tổng giá trị sản xuất các ngành chủ yếu năm 2025:

- + Nông, lâm, thủy sản: 2.168 tỷ đồng;
- + Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 2.962 tỷ đồng;
- + Thương mại - dịch vụ: 21.384 tỷ đồng.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp; giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

- Thu nhập bình quân đầu người: 101,4 triệu đồng/người/năm;

- Tỷ lệ hộ nghèo: 0,27% (56 hộ), ở mức rất thấp;

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 78,64% (42.215/53.678 người), có xu hướng tăng nhanh.

- Các chỉ tiêu trên cho thấy nền kinh tế phát triển theo hướng đô thị, phù hợp với tiêu chí thành lập phường.

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

- + Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2025 đạt 2.962 tỷ đồng, với 712 cơ sở sản xuất, hoạt động đa dạng ngành nghề.

- + Các cơ sở sản xuất từng bước đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô, góp phần giải quyết việc làm và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hoạt động xây dựng phát triển mạnh, hạ tầng kỹ thuật và dân cư không ngừng được đầu tư, nâng cấp, tạo diện mạo đô thị ngày càng rõ nét.

- Về thương mại - dịch vụ:

- + Thương mại - dịch vụ là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 21.384 tỷ đồng.

- + Hệ thống chợ, cơ sở kinh doanh phát triển ổn định; hoạt động lưu thông hàng hóa sôi động, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân và khu vực lân cận. Đây là lĩnh vực giữ vai trò động lực trong phát triển kinh tế đô thị.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

- + Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được duy trì ổn định với giá trị năm 2025 đạt 2.168 tỷ đồng; diện tích sản xuất 11.367,27 ha.

- + Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng nâng cao giá trị; phát triển các sản phẩm chủ lực như hồ tiêu, xoài, thanh long, bưởi, ca cao... Chăn nuôi được kiểm soát tốt, không để xảy ra dịch bệnh lớn.

- + Kinh tế tập thể phát triển với 16 hợp tác xã, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất; chương trình OCOP đạt kết quả tích cực. Đồng thời, địa phương duy trì vững chắc danh hiệu nông thôn mới kiểu mẫu, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển đô thị bền vững.

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Xuân Lộc tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển toàn diện cả về quy mô và chất lượng. Toàn xã hiện có 27 trường học (gồm 05 trường mầm non công lập, 03 trường mầm non ngoài công lập, 10 trường tiểu học, 6 trường trung học cơ sở, 02 trường trung học phổ thông công lập, 01 trường TH-THCS-THPT ngoài công lập) và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và 12 cơ sở giáo dục mầm non độc lập. Trong đó, có 20/21 trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 95,24%; 02 trường trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia tỷ lệ 100%. Hệ thống trường lớp được bố trí tương đối hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư nâng cấp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì vững chắc; chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Công tác huy động học sinh ra lớp hàng năm đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Nhìn chung, lĩnh vực giáo dục - đào tạo phát triển ổn định, tạo nền tảng quan trọng trong nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của địa phương.

5.2. Y tế

- Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Xuân Lộc được quan tâm triển khai đồng bộ, từng bước đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng tăng của người dân.

- Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố với 05 điểm trạm y tế phân bố trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận các dịch vụ y tế ban đầu. Đội ngũ cán bộ y tế từng bước được kiện toàn, nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh được chủ động triển khai; thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình dịch tễ, kịp thời phát hiện và xử lý các ổ dịch, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên diện rộng.

- Hoạt động khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân được duy trì thường xuyên; công tác tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được thực hiện đầy đủ.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 95%, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

- Nhìn chung, hệ thống y tế cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phù hợp với tiêu chí phát triển đô thị trong giai đoạn tới.

5.3. Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

- Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn xã Xuân Lộc được quan tâm đầu tư, phát triển đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa theo hướng đô thị.

- Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, gồm: 01 Quảng trường, 01 Công viên, 01 Trung tâm hội nghị, 01 Trung tâm văn hóa và Thể thao, 04 Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng, 31 Nhà văn hóa ấp và 01 Nhà văn hóa dân tộc Châu Ro. Các công trình được khai thác, sử dụng hiệu quả, phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp, học tập cộng đồng và tổ chức các hoạt động chính trị - xã hội tại địa phương.

- Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên với nhiều hình thức phong phú; nội dung tập trung vào các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin - truyền thông được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền và phục vụ Nhân dân.

- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội truyền thống được duy trì và tổ chức định kỳ, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương, đặc biệt là giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Châu Ro.

- Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp; các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe được duy trì thường xuyên, thu hút đông đảo người dân tham gia, góp phần nâng cao thể chất và đời sống tinh thần của Nhân dân.

- Nhìn chung, lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục thể thao phát triển khá toàn diện, hệ thống thiết chế cơ sở được đầu tư đồng bộ, là nền tảng quan trọng để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội

- Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác giải quyết việc làm được quan tâm, hàng năm tạo việc làm cho khoảng 2.681 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85,02% (48.951 người/57.572 người). Các chính sách hỗ trợ vay vốn, đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm được thực hiện hiệu quả.

- Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,23%, đời sống Nhân dân ngày càng được cải thiện.

- Chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời; phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” được duy trì thường xuyên.

- Công tác bảo trợ xã hội, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm thực hiện, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

5.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

- Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Xuân Lộc được thực hiện đúng quy định của pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân được tôn trọng và bảo đảm.

- Trên địa bàn xã hiện có 05 loại hình tôn giáo gồm: Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài và Tứ ân hiếu nghĩa; với khoảng 36 cơ sở sinh hoạt tôn giáo hợp pháp, hơn 56.000 tín đồ, chiếm khoảng 53% dân số toàn xã. Các tổ chức tôn giáo hoạt động ổn định, tuân thủ quy định pháp luật, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động từ thiện, nhân đạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Riêng đối với Công giáo và Tin Lành, trên địa bàn có 07 giáo xứ và 02 chi hội Tin Lành, với tổng số gần 37.000 tín đồ, có ảnh hưởng lớn trong đời sống xã hội và sinh hoạt cộng đồng dân cư.

- Chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng quy định; kịp thời giải quyết các nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Về công tác dân tộc, xã Xuân Lộc có 1.107 hộ/4.841 khẩu đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống xen kẽ tại 31 ấp, tập trung đông tại các ấp Gia Hòa, Thọ Trung và Trung Sơn. Trên địa bàn có 02 làng dân tộc Chơ Ro tại ấp Thọ Trung và ấp Trung Sơn, còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc.

- Các chính sách dân tộc được triển khai đầy đủ, kịp thời; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng lên. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố.

- Nhìn chung, tình hình tôn giáo, tín ngưỡng và dân tộc trên địa bàn xã ổn định, đoàn kết, là yếu tố thuận lợi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đơn vị hành chính đô thị trong thời gian tới.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở

- Nhà ở của Nhân dân trên địa bàn xã Xuân Lộc phát triển ổn định, từng bước được kiên cố hóa. Tổng số nhà ở khoảng 21.807 căn; trong đó:

+ Nhà kiên cố: 21.807 căn (100%).

+ Nhà bán kiên cố: 0 căn (0%).

+ Nhà tạm, dột nát: 0 căn (0%).

- Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 21 m²/người.

- Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát được quan tâm thực hiện; việc phát triển nhà ở cơ bản phù hợp với quy hoạch, từng bước hình thành các khu dân cư tập trung, đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị.

6.2. Công trình cơ quan hành chính

- Hệ thống trụ sở cơ quan hành chính trên địa bàn xã Xuân Lộc được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân.

- Trên địa bàn xã hiện có:

+ 01 Trụ sở Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, diện tích khoảng 5.077,9 m².

+ 01 Trụ sở HĐND và UBND xã và 03 cơ quan chuyên môn, diện tích khoảng 7.467,60 m².

+ 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và Ban Chỉ huy Quân sự xã diện tích khoảng 4.355,3 m².

+ 01 Trụ sở Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Bảo tồn thiên nhiên núi Chúa Chan, diện tích khoảng 3.035,60 m².

- Đồng thời, trên địa bàn còn có nhiều cơ quan, đơn vị ngành dọc cấp trên đóng chân, góp phần nâng cao vai trò là trung tâm hành chính - dịch vụ của xã, gồm:

+ Thuế cơ sở 1 tỉnh Đồng Nai;

+ Thống kê cơ sở Xuân Lộc;

+ Hạt Kiểm lâm khu vực 2;

+ Điện lực Xuân Lộc;

+ Bưu điện khu vực Xuân Lộc;

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở Xuân Lộc;

+ Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc;

- + Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đồng Nai;
- + Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai;
- + Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai;
- + Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Xuân Lộc;
- + Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Xuân Lộc;
- + Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khu vực 10.

- Tổng diện tích đất xây dựng trụ sở hành chính khoảng: 19.936... m²; tổng diện tích sàn sử dụng khoảng: 17.084... m².

- Các trụ sở cơ quan, đơn vị cơ bản được xây dựng khang trang, có vị trí thuận lợi, được đầu tư trang thiết bị làm việc tương đối đầy đủ; hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống quản lý văn bản, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến được triển khai đồng bộ.

- Việc tập trung nhiều cơ quan hành chính, đơn vị ngành dọc trên địa bàn là điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời khẳng định vai trò là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, dịch vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển đơn vị hành chính đô thị trong thời gian tới.

6.3. Công trình giáo dục

- Hệ thống công trình giáo dục trên địa bàn xã Xuân Lộc được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa, từng bước hiện đại hóa, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhân dân, phù hợp với định hướng phát triển đô thị.

- Hiện toàn xã có 27 cơ sở giáo dục và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, với đầy đủ các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông. Mạng lưới trường lớp được phân bố hợp lý theo địa bàn dân cư; cơ sở vật chất các trường cơ bản bảo đảm, tỷ lệ phòng học kiên cố cao, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học. Hệ thống phòng chức năng, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Toàn xã hiện có:

- + 08 trường Mầm non (gồm 05 trường công lập, 03 trường ngoài công lập);
- + 10 trường Tiểu học;
- + 06 trường Trung học cơ sở;
- + 03 trường Trung học phổ thông (gồm 02 trường công lập, 01 trường ngoài công lập liên cấp TH-THCS-THPT);

+ 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

- Ngoài ra, trên địa bàn còn có 12 cơ sở giáo dục mầm non độc lập, góp phần đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của người dân.

- Tổng số: 27 trường học (chưa bao gồm các cơ sở mầm non độc lập). Trong đó:

+ Số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia: 20/21 trường (đạt tỷ lệ 95,24%). Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 03 trường;

+ Số trường trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia: 02/02 trường (đạt tỷ lệ 100%). Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 01 trường.

- Tổng số phòng học: 603 phòng.

+ Cấp mầm non: 118 phòng;

+ Cấp tiểu học: 270 phòng;

+ Cấp trung học cơ sở: 97 phòng;

+ Cấp trung học phổ thông: 118 phòng.

- Tổng số phòng hành chính và chức năng: 317 phòng.

+ Cấp mầm non: 54 phòng;

+ Cấp tiểu học: 118 phòng;

+ Cấp trung học cơ sở: 95 phòng;

+ Cấp trung học phổ thông: 50 phòng;

- Tổng số học sinh: 24.011 học sinh;

+ Cấp mầm non: 3.238 trẻ;

+ Cấp tiểu học: 9.273 học sinh;

+ Cấp trung học cơ sở: 7.217 học sinh;

+ Cấp trung học phổ thông: 4.283 học sinh.

- Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm thực hiện, tỷ lệ trường đạt chuẩn từng bước được nâng lên. Việc ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục.

- Hệ thống trường lớp được phân bố tương đối hợp lý trên địa bàn; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; chất lượng giáo dục không ngừng được nâng cao, góp phần quan trọng

trong phát triển nguồn nhân lực và đáp ứng tiêu chí hạ tầng xã hội của đơn vị hành chính cấp phường.

6.4. Công trình y tế

Trạm Y tế xã bảo đảm đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đội ngũ cán bộ thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn theo quy định. Tổng số cán bộ chuyên môn của Trạm Y tế là 48 người, gồm: 04 bác sĩ; 16 y sĩ; 01 dược sĩ đại học; 06 dược sĩ cao đẳng; 03 điều dưỡng đại học; 08 điều dưỡng cao đẳng; 05 hộ sinh cao đẳng và 05 cán bộ dân số.

Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố rộng khắp với nhân viên y tế tại 31/31 ấp; mỗi tổ nhân dân đều có nhân viên y tế và cộng tác viên dân số được đào tạo. Tổng số cộng tác viên dân số là 128 người, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và công tác dân số – kế hoạch hóa gia đình.

Trên địa bàn xã hiện có hệ thống y tế tương đối đồng bộ, bao gồm y tế công lập và y tế ngoài công lập, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Toàn xã có 03 phòng khám đa khoa và 13 phòng khám tư nhân, 121 quầy thuốc và 03 nhà thuốc đang hoạt động cùng đội ngũ y, bác sĩ có trình độ chuyên môn, đã góp phần chia sẻ áp lực với y tế công lập, đa dạng hóa loại hình dịch vụ và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân.

Ngoài ra trên địa bàn xã có Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc với quy mô 300 giường bệnh, đội ngũ 275 y, bác sĩ và nhân viên y tế, thực hiện chức năng khám, chữa bệnh, dự phòng và các dịch vụ y tế khác, góp phần nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong khu vực.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân luôn được quan tâm, đưa vào Nghị quyết của Đảng ủy và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương. Trạm Y tế xã thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh và quản lý sức khỏe cộng đồng. Hệ thống trang thiết bị y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyên môn và được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa, thay thế kịp thời.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, hiệu quả; thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện và xử lý dịch bệnh kịp thời, không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn. Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe Nhân dân xã xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống dịch bệnh ngay từ đầu năm; đồng thời thực hiện đầy đủ các Chương trình mục tiêu y tế, góp phần kiểm soát tốt dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm và tai nạn thương tích trên địa bàn.

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

- Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao gồm:
 - + 01 Quảng trường
 - + 01 Công viên
 - + 01 Trung tâm Hội nghị
 - + 01 Trung tâm Văn hóa và Thể thao (gồm sân vận động và Nhà thi đấu đa năng)
 - + 04 Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng
 - + 31 Nhà văn hóa ấp
 - + 01 Nhà văn hóa dân tộc Chơ Ro
- Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có:
 - + Sân thể thao (bóng đá, bóng chuyền, pickleball, cầu lông...): 65 sân (phân bố tại các ấp, trường học và khu dân cư).
 - + Điểm sinh hoạt cộng đồng khác: 130 điểm (khu vui chơi giải trí, điểm sinh hoạt thanh thiếu nhi, câu lạc bộ văn hóa - thể thao, điểm sinh hoạt người cao tuổi,...).
- Các công trình cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp, giao lưu cộng đồng và luyện tập thể dục thể thao của Nhân dân; góp phần nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng nếp sống văn minh, phù hợp với tiêu chí của đơn vị hành chính đô thị.

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

- Hệ thống thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Xuân Lộc phát triển khá đa dạng, từng bước hình thành các loại hình kinh doanh theo hướng đô thị, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của Nhân dân và khu vực lân cận.
- Hệ thống thương mại, dịch vụ gồm:
 - + 05 chợ truyền thống: Gia Ray, Xuân Lộc, Thọ Lộc, Xuân Thọ, Suối Cát
 - +... siêu thị, cửa hàng tiện lợi (các chuỗi bán lẻ hiện đại, cửa hàng tổng hợp...).
 - + 712 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.
 - +... cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ (hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp, cơ sở lưu trú, ăn uống, vận tải, dịch vụ tổng hợp...).
 - + Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt khoảng: 21.384 tỷ đồng/năm.
- Về du lịch:

+ Xuân Lộc có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tâm linh, đặc biệt gắn với danh lam thắng cảnh quốc gia núi Chứa Chan – một trong những điểm đến nổi bật của tỉnh Đồng Nai.

+ Một số dự án, điểm du lịch đang triển khai: Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí núi Chứa Chan (quy mô khoảng 107 ha); Dự án Khu đô thị hồ Núi Le (quy mô khoảng 250 ha); Các dự án phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch khu vực xung quanh núi Chứa Chan theo quy hoạch (tổng quy mô toàn khu khoảng 1.452 ha)

+ 15 điểm tham quan, cơ sở dịch vụ du lịch hiện hữu (khu tâm linh, điểm tham quan tự nhiên, dịch vụ ăn uống, lưu trú...).

+ 25 điểm lưu trú (gồm nhà nghỉ, khách sạn, homestay, cơ sở lưu trú du lịch khác).

+ Lượng khách du lịch ước đạt khoảng 250.000 - 300.000 lượt/năm, tập trung chủ yếu vào các dịp lễ, Tết và mùa cao điểm hành hương núi Chứa Chan.

+ Hạ tầng thương mại - dịch vụ - du lịch từng bước được đầu tư, mở rộng; các loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng, chất lượng được nâng cao, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, phù hợp với tiêu chí và định hướng phát triển đơn vị hành chính đô thị.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông

- Đường bộ:

+ Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Xuân Lộc cơ bản được hình thành, có sự kết nối với các tuyến giao thông quan trọng của tỉnh và khu vực như đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, Quốc lộ 1, các tuyến Tỉnh lộ (ĐT.763, ĐT.765, ĐT.766, ĐT.772), tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, đi lại và phát triển kinh tế - xã hội. Mạng lưới giao thông nội bộ từng bước được đầu tư, nâng cấp, nhiều tuyến đường liên ấp, trục chính được nhựa hóa, bê tông hóa.

- Để đáp ứng yêu cầu phát triển, cần tập trung đầu tư các tuyến giao thông trọng điểm, cụ thể:

+ Dự án đường quanh núi Chứa Chan: chiều dài khoảng 15,6 km, quy mô 6 làn xe (nền đường rộng 45m), tổng mức đầu tư khoảng 4.188 tỷ đồng.

+ Dự án đường ĐT.766: chiều dài khoảng 4,6 km, quy mô 6 làn xe, tổng mức đầu tư khoảng 1.235 tỷ đồng.

+ Dự án đường kết nối từ ĐT.763 đến đường quanh núi Chứa Chan, chiều dài khoảng 1,08 km, quy mô 6 làn xe, tổng mức đầu tư khoảng 290 tỷ đồng.

+ Dự án đường hồ Núi Le: kết nối từ ĐT.766 đến đường Trương Công Định, chiều dài khoảng 1,07 km, quy mô 4 làn xe, tổng mức đầu tư khoảng 159 tỷ đồng.

+ Dự án đường Ngô Đức Kế: kết nối từ ĐT.766 đến đường quanh núi Chứa Chan, chiều dài khoảng 1,06 km, quy mô 4 làn xe, tổng mức đầu tư khoảng 158 tỷ đồng.

- Các dự án trên có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành mạng lưới giao thông khung, kết nối liên vùng, giảm tải cho khu vực trung tâm, đồng thời tạo động lực phát triển đô thị, du lịch và thu hút đầu tư.

- Đường thủy nội địa: Trên địa bàn xã không có.

7.2. Thủy lợi

- Trên địa bàn xã có 02 công trình thủy lợi. Hồ Núi Le và hồ Gia Măng là công trình thủy lợi lớn. Trong đó, có công thủy thủy lợi hồ Gia Măng có 29,7 km kênh thủy lợi (10,2 kênh chính và 19,5 km Kênh nội đồng), công trình mới được xây dựng và hoạt động hiệu quả.

- Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng, chống thiên tai. Các tuyến kênh, mương nội đồng được đầu tư, cải tạo từng bước; 02 hồ thủy lợi điều tiết nước, khai thác hiệu quả phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

7.3. Cấp điện

- Hệ thống điện lưới quốc gia đã được đầu tư phủ khắp 31 ấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân. Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%.

- Lưới điện trung áp, hạ áp được nâng cấp, cải tạo định kỳ; chất lượng cung cấp điện từng bước được nâng cao. Trên địa bàn có các trạm biến áp phân phối, hệ thống đường dây trung - hạ thế đảm bảo cung cấp điện ổn định cho khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

7.4. Cấp nước

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn từng bước được đầu tư, mở rộng; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Nguồn nước được cung cấp từ hệ thống cấp nước tập trung và các nguồn nước hợp vệ sinh khác; từng bước mở rộng mạng lưới đường ống đến các khu dân cư.

- Công suất nhà máy nước, chiều dài mạng lưới: 15.000 m³/ngày/đêm.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt: Hệ thống thoát nước trên địa bàn chủ yếu là thoát nước tự nhiên kết hợp với các tuyến mương, cống thoát nước; một số khu vực đã được đầu tư hệ thống thoát nước kiên cố.

- Thoát nước thải công nghiệp: Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh cơ bản được xử lý cục bộ trước khi xả ra môi trường theo quy định; tuy nhiên chưa có hệ thống thu gom, xử lý tập trung.

- Số cơ sở có hệ thống xử lý đạt chuẩn: ...

- Xử lý chất thải rắn: Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được tổ chức thực hiện thường xuyên; tỷ lệ thu gom đạt 100%. Rác thải được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý tập trung theo quy định.

- Phong trào bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn từng bước được triển khai; ý thức của người dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển đô thị, cần tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải, xây dựng hệ thống quản lý môi trường đồng bộ, hiện đại.

- Nhìn chung, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã Xuân Lộc đã được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời cần tiếp tục nâng cấp, đồng bộ hóa theo tiêu chí đô thị để đáp ứng yêu cầu thành lập phường trong thời gian tới.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng

- Công tác quốc phòng trên địa bàn xã Xuân Lộc luôn được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc.

- Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được triển khai toàn diện, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, đặc biệt là công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Lực lượng Dân quân tự vệ được xây dựng đảm bảo về số lượng, chất lượng, tổ chức biên chế phù hợp; công tác huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị được duy trì thường xuyên, nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu.

- Hệ thống kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch phòng thủ được xây dựng, rà soát, bổ sung kịp thời; công tác xây dựng, quản lý và huy động lực lượng dự bị động viên được thực hiện chặt chẽ, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm

vụ trong mọi tình huống. Công tác chính sách hậu phương quân đội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang được quan tâm thực hiện tốt.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, ổn định. Các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; không để phát sinh “điểm nóng”, đảm bảo an ninh trong mọi tình huống.

- Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả; các loại tội phạm được kiềm chế; công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được tăng cường. Tình hình tai nạn giao thông được kiểm soát, từng bước kéo giảm.

- Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” tiếp tục được đẩy mạnh; lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở được củng cố, kiện toàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự.

- Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được quan tâm; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và phù hợp với định hướng phát triển đô thị khi thành lập phường.

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.1. Đảng ủy

- Đảng ủy xã Xuân Lộc được tổ chức, sắp xếp theo đúng quy định của Điều lệ Đảng và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy; đảm bảo vai trò lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị trên địa bàn.

- Hiện nay, Đảng ủy xã được kiện toàn với cơ cấu gồm Bí thư, các Phó Bí thư và các Ủy viên Ban Chấp hành; trong đó Bí thư Đảng ủy đồng thời giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tại địa phương.

- Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau sắp xếp.

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

- Hội đồng nhân dân xã được tổ chức đảm bảo theo quy định, gồm:

- + 01 Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm).
- + 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách.
- + 02 Ban của Hội đồng nhân dân (Trưởng ban kiêm nhiệm, 02 Phó Trưởng ban chuyên trách).

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân từng bước được nâng cao chất lượng, phát huy vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát việc thực hiện.

- Ủy ban nhân dân xã được tổ chức đảm bảo theo quy định, gồm: 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch (trong đó 01 Phó Chủ tịch UBND kiêm Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã).

- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã được tổ chức tương đối đầy đủ, gồm:

- + Văn phòng HĐND và UBND: 11/11 biên chế.
- + Phòng Kinh tế: 13/13 biên chế, có 03 người hoạt động không chuyên trách hỗ trợ.
- + Phòng Văn hóa - Xã hội: 09/11 biên chế, có 03 người hoạt động không chuyên trách hỗ trợ.
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công: 09/09 biên chế, có 04 người hoạt động không chuyên trách hỗ trợ.
- + Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Bảo tồn thiên nhiên núi Chúa Chan: 26/27 viên chức và 04 hợp đồng lao động.
- + Ban Chỉ huy Quân sự xã: 03/04 biên chế (hiện đang thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 Phó Chỉ huy trưởng còn thiếu).

- Tổ chức bộ máy UBND xã cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn; các vị trí còn thiếu được bố trí kiêm nhiệm hoặc điều động, biệt phái để đảm bảo hoạt động thông suốt.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh...) được kiện toàn, hoạt động theo đúng quy định.

- Các tổ chức đoàn thể đã phát huy tốt vai trò trong tập hợp, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể từng bước được nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã

- Căn cứ quyết định của UBND xã về việc giao biên chế năm 2026, tổng số biên chế được giao trên địa bàn trong năm 2026 là 135 biên chế, gồm:

- + 54 biên chế công chức;
- + 81 biên chế viên chức;
- + 19 người hoạt động không chuyên trách.

- Đến nay, đã bố trí 131/135 biên chế, trong đó: công chức: 50/54 biên chế (còn khuyết 04 biên chế); viên chức và người hoạt động không chuyên trách cơ bản được bố trí theo quy định.

- Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã có trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm cao, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân trong giai đoạn chuyển đổi lên phường.

VII. Đối với xã Nhơn Trạch

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Phía Bắc giáp: sông Đồng Nai và xã An Phước hướng ra cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây

Phía Nam giáp: xã Phước An

Phía Đông giáp: xã Long Thành hướng ra QL51 và cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, sân bay Quốc tế Long Thành

Phía Tây giáp: xã Đại Phước

Với hàng loạt công trình hạ tầng chiến lược đang và sắp hoàn thành, Nhơn Trạch được kỳ vọng sẽ trở thành trung tâm kết nối mới giữa Thành phố Hồ Chí Minh – Sân bay quốc tế Long Thành – Cảng Phước An, đóng vai trò then chốt trong hệ sinh thái kinh tế khu vực. Hiện nay, hàng loạt công trình giao thông trọng điểm đang được đầu tư mạnh mẽ: Đường 25C, Đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh, cao tốc Bến Lức – Long Thành, cùng với các cầu Cát Lái, Phước Khánh, Nhơn Trạch – Thủ Thiêm... đang từng bước hoàn thiện.

Khi các dự án này đi vào vận hành, Nhơn Trạch sẽ trở thành điểm giao thương chiến lược, giúp việc di chuyển, vận chuyển hàng hóa từ thành phố Hồ

Chí Minh – Đồng Nai – Bà Rịa Vũng Tàu trở nên nhanh chóng và thuận tiện hơn bao giờ hết.

Bên cạnh đó, dự án Cảng tổng hợp Phước An – một trong những cảng nước sâu lớn của khu vực – đang được triển khai đồng bộ, sẽ tạo bước đột phá trong phát triển logistics, kết nối trực tiếp với cụm cảng Cái Mép – Thị Vải và sân bay Long Thành.

Sự hội tụ giữa đường bộ, đường thủy và hàng không sẽ biến Nhơn Trạch thành “trục động lực kinh tế mới” của khu vực phía Nam.

Không chỉ có vị trí thuận lợi, Nhơn Trạch còn được thiên nhiên ưu đãi với địa hình cao ráo, không ngập úng, quỹ đất rộng và bằng phẳng – yếu tố quan trọng giúp phát triển đô thị, công nghiệp và hạ tầng bền vững.

Trong quy hoạch tổng thể, Nhơn Trạch được định hướng phát triển thành đô thị loại II, mang mô hình “đô thị công nghiệp – dịch vụ – sinh thái”.

Song song đó, các dự án khu dân cư, thương mại, nghỉ dưỡng cao cấp, khu đô thị mới dọc theo các trục đường lớn như 25B, 25C và Vành đai 3 đang được đẩy nhanh tiến độ, tạo diện mạo hiện đại, văn minh cho vùng đất này.

Khi sân bay Long Thành đi vào hoạt động, các cây cầu kết nối hoàn thành, và cảng Phước An chính thức khai thác, Nhơn Trạch sẽ không chỉ là vùng kinh tế năng động của Đồng Nai, mà còn là trung tâm phát triển mới của cả vùng Đông Nam Bộ – nơi hội tụ của thiên thời, địa lợi và nhân hòa.

1.2. Vai trò chức năng

Xã Nhơn Trạch (Đồng Nai) đóng vai trò là cửa ngõ giao thương chiến lược phía Tây Nam tỉnh, kết nối trực tiếp với thành phố Hồ Chí Minh và nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm. Chức năng chính bao gồm phát triển công nghiệp, dịch vụ logistics, là đô thị vệ tinh sân bay Long Thành và sở hữu tiềm năng du lịch sinh thái

Sở hữu vị trí "vàng" tiếp giáp thành phố Hồ Chí Minh qua sông Nhà Bè, sông Đồng Nai, nơi đây hội tụ các dự án trọng điểm như Đường Vành đai 3, cầu Nhơn Trạch - Thủ Thiêm, biến Nhơn Trạch thành trục động lực kinh tế quan trọng.

Nơi đây tập trung nhiều khu công nghiệp, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách địa phương và giải quyết việc làm.

Là đơn vị hành chính mới được sáp nhập, xã thực hiện chức năng quản lý, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo tồn, phát huy các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia

Định hướng trong thời gian tới, xã Nhơn Trạch tiếp tục đầu tư phát triển đô thị gắn với định hướng giao thông công cộng (mô hình TOD), phát triển mạnh mẽ thương mại, dịch vụ, du lịch theo hướng hiện đại, có giá trị gia tăng cao phục vụ phát triển đô thị công nghiệp, đô thị vệ tinh sân bay.

Nhơn Trạch đang đi đúng hướng khi vừa tận dụng lợi thế thiên nhiên, vừa chú trọng quy hoạch dài hạn và hạ tầng đồng bộ. Với nền tảng đất đai cao ráo, không ngập úng; vị trí tiếp giáp thành phố Hồ Chí Minh và các đầu mối giao thông lớn; cùng quyết tâm của chính quyền và sự đồng hành của doanh nghiệp, Nhơn Trạch đang dần hiện thực hóa giấc mơ trở thành “thành phố cửa ngõ phía Đông của thành phố Hồ Chí Minh” trong tương lai gần.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên: Xã Nhơn Trạch được hình thành từ việc sáp nhập 5 đơn vị cũ: Thị trấn Hiệp Phước, Xã Long Tân (huyện Nhơn Trạch), Xã Phú Thạnh, Xã Phú Hội, Xã Phước Thiện. thuộc địa bàn Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai cũ trước đây. Với diện tích tự nhiên 108,24 km²

2.2. Cơ cấu các loại đất

Tổng diện tích tự nhiên của xã Nhơn Trạch là 10.804,60 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 5.222,06 ha, chiếm 48,33%; diện tích đất phi nông nghiệp 5.542,79 ha, chiếm 51,30 % và diện tích đất chưa sử dụng 39,76 ha chiếm 0,37 %.

Bảng 01: Thống kê diện tích theo mục đích sử dụng

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	TTN	10.804,60	100
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	5.222,06	48,33
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	2.430,22	46,54
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.608,34	49,95
3	Đất lâm nghiệp	LNP	-	-
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	183,49	3,51

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-
6	Đất làm muối	LMU	-	-
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.542,79	51,30
1	Đất ở	OTC	919,72	16,59
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,10	0,15
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	467,02	8,43
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	115,83	2,09
4.1	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	5,46	4,71
4.2	<i>Đất xây dựng cơ sở xã hội</i>	DXH	-	-
4.3	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	2,82	2,43
4.4	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	82,78	71,46
4.5	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	DTT	22,41	19,35
4.6	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	DKH	-	-
4.7	<i>Đất xây dựng cơ sở môi trường</i>	DMT	-	-
4.8	<i>Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn</i>	DKT	-	-
4.9	<i>Đất xây dựng cơ sở ngoại giao</i>	DNG	-	-

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	2,35	2,05
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2.015,29	36,36
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	1.902,93	94,45
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	49,30	2,45
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	63,06	3,1
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.226,85	22,13
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	970,61	79,11
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	12,08	0,98
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	37,45	3,05
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,30	0,19
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,08	0,02
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	9,74	0,79

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,24	0,10
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	2,21	0,18
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	191,14	15,58
7	Đất tôn giáo	TON	8,36	0,15
8	Đất tín ngưỡng	TIN	5,84	0,11
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	16,42	0,30
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	759,36	13,70
10.1	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	759,36	100
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	39,76	0.37
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	39,76	100
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-

* Nhóm đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp 5.222,06 ha, chiếm 48,33 % tổng diện tích tự nhiên. Cơ cấu như sau:

- Đất trồng cây hằng năm: diện tích 2.430,22 ha, chiếm 46,54 % diện tích đất nông nghiệp.

- Đất trồng cây lâu năm: diện tích 2.608,34 ha, chiếm 49,95 % diện tích đất nông nghiệp.

- Đất lâm nghiệp: trên địa bàn xã không có loại đất này.

- Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích 183,49 ha, chiếm 3,51 % diện tích đất nông nghiệp, chủ yếu là diện tích nuôi thủy sản nước ngọt.

- Đất chăn nuôi tập trung: trên địa bàn xã không có loại đất này.

- Đất làm muối: trên địa bàn xã không có loại đất này.

- Đất nông nghiệp khác: trên địa bàn xã không có loại đất này.

* Nhóm đất phi nông nghiệp:

Tổng diện tích 5.542,79 ha, chiếm 51,30 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- Đất ở: diện tích 919,72 ha, chiếm 16,59 % diện tích đất phi nông nghiệp. Toàn bộ là đất ở nông thôn, phân bố tập trung ở khu vực trung tâm của xã, các tuyến đường giao thông chính của xã và đất ở thuộc các dự án trên địa bàn đã được các cơ quan có thẩm quyền giao đất và phê duyệt quy hoạch chi tiết.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích 8,10 ha, chiếm 0,15% diện tích đất phi nông nghiệp, là diện tích xây dựng các công trình: Trụ sở UBND và văn phòng làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã.

- Đất quốc phòng, an ninh: diện tích 467,02 ha, chiếm 8,43 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: diện tích 115,83 ha, chiếm 2,09 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

- + *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: diện tích 5,46 ha là diện tích của Trung tâm Văn hóa xã nhằm phục vụ nhu cầu về đời sống tinh thần của người dân. Chiếm 4,71% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

- + *Đất xây dựng cơ sở xã hội*: trên địa bàn xã không có loại đất này.

- + *Đất xây dựng cơ sở y tế*: diện tích 2,82 ha, là diện tích trạm y tế xã Chiếm 2,43% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: diện tích 82,78 ha, là diện tích các cơ sở giáo dục nhà nước trên địa bàn như: Trường THCS Hiệp Phước, Trường Tiểu học Hiệp Phước, Trường Mầm non Hiệp Phước, Trường mầm non Phú Thạnh, Trường THCS Phú Thạnh, Trường TH Phú Thạnh, Trường THPT Phước Thiện, trường THCS Phước Thiện, Trường Mẫu giáo Hoa Sen, Trường TH Long Tân... Chiếm 71,46% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*: diện tích 22,41 ha, là trung tâm văn hoá thể thao xã và đất thể dục thể thao trong các khu dân cư phát triển theo dự án.... Chiếm 19,35% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

+ *Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*: không có đất này trên địa bàn xã.

+ *Đất xây dựng cơ sở môi trường*: không có đất này trên địa bàn xã.

+ *Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn*: không có đất này trên địa bàn xã.

+ *Đất xây dựng cơ sở ngoại giao*: không có đất này trên địa bàn xã.

+ *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác*: 2,35 ha. Chiếm 2,05% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

- *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: diện tích 2.015,29 ha, chiếm 36,36 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể:

+ *Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp*: diện tích 1,902.93 ha, bao gồm diện tích các khu công nghiệp lớn trên địa bàn như: diện tích của các khu công nghiệp Nhơn Trạch I và KCN Nhơn Trạch III..., chiếm 94,45 % diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

+ *Đất thương mại, dịch vụ*: diện tích 49,30 ha, bao gồm diện tích của trạm xăng dầu và các công trình thương mại dịch vụ khác trên địa bàn xã, trong đó chủ yếu là đất thương mại dịch vụ tại khu vực các khu dân cư phát triển theo dự án..., chiếm 2,45 % diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

+ *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: diện tích 63,06 ha, bao gồm các cơ sở sản xuất, bến bãi, cảng, nhà kho được hình thành dọc sông, rạch lớn để tận dụng lợi thế về vị trí địa lý của xã, chiếm 3,1 % diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

+ *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*: không có đất này trên địa bàn xã.

- *Đất sử dụng vào mục đích công cộng*: diện tích 1.226,85 ha, chiếm 22,13 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể:

+ *Đất công trình giao thông*: diện tích 970,61 ha, đây là toàn bộ diện tích các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã, chiếm 79,11% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ *Đất công trình thủy lợi*: diện tích 12,08 ha, bao gồm các trạm bơm, kênh, mương rải rác trên địa bàn xã, chiếm 0,98% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ *Đất công trình cấp nước, thoát nước*: 37,45 ha, bao gồm các trạm bơm, trạm cấp nước Nhơn Trạch và các trạm cấp nước sinh hoạt nhỏ lẻ rải rác trên địa bàn xã, chiếm 3,05% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ *Đất công trình phòng, chống thiên tai*: không có đất này trên địa bàn xã.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên*: diện tích 2,30 ha là di tích đình Phước Thiện, chiếm 0,19% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ *Đất công trình xử lý chất thải*: diện tích 0,08 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ *Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng*: diện tích 9,74 ha là diện tích hành lang đường điện, và các trụ điện truyền tải điện cho các đường dây 110 KV, 220 KV, 500 KV phục vụ truyền tải điện năng trên địa bàn, chiếm 0,79% diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ *Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin*: diện tích 1.24 ha, là diện tích bưu điện xã, chiếm 0,1 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ *Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối*: diện tích 2,21 ha là diện tích xây dựng chợ phục vụ nhu cầu mua bán của người dân như: Chợ Phước Thiện, chợ Long Tân, chợ Hiệp Phước..., chiếm 0,18 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng*: diện tích 191.14 ha bao gồm công trình nhà văn hóa các ấp, các công trình dành cho các hoạt động vui chơi công cộng như công viên, cây xanh trong các khu dân cư, các công viên trong các khu dự án nhà ở trên địa bàn xã, chiếm 15,58 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

- *Đất tôn giáo*: diện tích 8,36 ha, chiếm 0,15 % đất phi nông nghiệp, với các công trình tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động trên địa bàn xã như: Chùa Quang Mỹ, Chùa Phước Quang, Chùa Ngọc Linh, Chùa Phước Hưng Cổ Tự, Chùa Long Hoa, Chùa Khánh Lâm, Chùa Hưng Thạnh tự, Chùa Phước Hưng tự, Chùa Long Hương, Chùa Bửu Hoa....

- Đất tín ngưỡng: diện tích 5,84 ha, chiếm 0,11 % đất phi nông nghiệp, với công trình tín ngưỡng dân gian như: Miếu, đình Phước Thiện...

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: diện tích 16,42 ha, chiếm 0,30 % đất phi nông nghiệp, gồm: đất nghĩa trang của các giáo xứ, nghĩa trang liệt sĩ.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: diện tích 759,36 ha, chiếm 13,70% đất phi nông nghiệp. Cụ thể: *Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: diện tích 759,36 ha, toàn bộ là đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối trên địa bàn xã. Chiếm 100% đất có mặt nước chuyên dùng.

- Đất phi nông nghiệp khác: không có đất này trên địa bàn xã.

* Đất chưa sử dụng:

Tổng diện tích: 39,76 ha, chiếm 0,37 % diện tích tự nhiên. Bao gồm:

+ Đất chưa sử dụng: Diện tích 39,76 ha đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê...

+ Các loại đất đồi núi chưa sử dụng (DCS), đất bằng chưa sử dụng (BCS) và đất có mặt nước chưa sử dụng (MCS): không có đất này trên địa bàn xã.

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Dân số: 156.798 người

3.2. Cơ cấu lao động: Cơ cấu lao động của xã đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ, phản ánh đúng thực trạng phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 111.000 người, với cơ cấu cụ thể: Lao động phi nông nghiệp: 97.154 người, chiếm tỷ lệ 87,53%. Lao động nông nghiệp: 13.846 người, chiếm tỷ lệ 12,47%.

3.3. Thành phần dân cư (thành thị/nông thôn): Tổng dân số của xã Nhơn Trạch là 156.798 người. Quá trình đô thị hóa đã tác động sâu sắc đến sự phân bố dân cư trên địa bàn, thể hiện qua cơ cấu như sau: Dân số khu vực đô thị: 85.916 người, chiếm tỷ lệ 54,79%, dân số khu vực nông thôn: 70.882 người, chiếm tỷ lệ 45,21%.

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế gồm: GRDP, cơ cấu ngành, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo, lao động phi nông nghiệp...

- Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn: 197.497.280 triệu đồng.

- Giá trị sản phẩm công nghiệp – xây dựng: 191.269.101 triệu đồng, chiếm 96,8% tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn.

- Thu nhập bình quân đầu người của xã trong 3 năm gần đây.
- + Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2023: 79,65 triệu đồng.
- + Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2024: 86,45 triệu đồng.
- + Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2025: 93,05 triệu đồng.
- Tỷ lệ hộ nghèo.
- + Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của xã năm 2023: 0,21%.
- + Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của xã năm 2024: 0,2%.
- + Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của xã năm 2025: 0,16%.
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 87.53%

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

+ Hiện nay trên địa bàn xã Nhơn Trạch có 5 Khu công nghiệp và 01 cụm công nghiệp thu hút 391 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 7.572,95 triệu USD, vốn thực hiện 5.658,32 triệu USD; 142 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 20.540,29 tỷ đồng, vốn thực hiện 13.061,15 tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 131.520 lao động (trong đó số lao động nước ngoài tại các KCN trên địa bàn xã Nhơn Trạch là 3.737 người).

+ Các dự án giao thông trọng điểm kết liên vùng và nội khu đã và đang triển khai trên địa bàn xã làm tăng khả năng kết nối tới các tỉnh trung tâm Đông Nam Bộ, theo đó việc giao thương với các khu công nghiệp lớn, các đô thị vệ tinh và thành phố Hồ Chí Minh dễ dàng hơn. Giao thông và liên kết vùng thuận tiện sẽ là “đòn bẩy” thúc đẩy kinh tế đưa Nhơn Trạch nhanh chóng trở thành thành phố vệ tinh mới xung quanh thành phố Hồ Chí Minh với trung tâm hạt nhân là Sân bay quốc tế Long Thành. Ngành xây dựng dự kiến tăng mạnh do trên địa bàn xã đang triển khai thi công xây dựng các công trình trọng điểm như: đường Vành đai 3, đường Tôn Đức Thắng (25B), đường Nguyễn Ái Quốc (25C), Mở rộng cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành Dầu Giây...

- Về thương mại - dịch vụ:

+ Địa bàn xã có nhiều nhà đầu tư với hơn 1151 doanh nghiệp và 6700 hộ kinh doanh đang hoạt động ổn định góp phần rất lớn và quan trọng vào tăng trưởng phát triển kinh tế, tạo việc làm, cải thiện đời sống nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội đối với tỉnh Đồng Nai nói chung và của xã Nhơn Trạch nói riêng. Hoạt động thương mại - dịch vụ của các doanh nghiệp, hộ tiểu thương

tiếp tục phát triển mạnh trong năm 2026 với các loại hình dịch vụ, sản xuất đa ngành nghề, đa quốc gia.

+ Trên địa bàn xã Nhơn Trạch hiện có 01 chợ đang hoạt động (chợ Phước Thiện – chợ Loại 3) và 01 chợ đang triển khai xây dựng (chợ Dân Xuân – chợ loại 2), 01 siêu thị go!; 10 cửa hàng Bách hóa Xanh; 03 cửa hàng Winmart; 02 siêu thị tiện lợi Maxidi, 01 siêu thị tiện lợi GOKU và các cửa hàng tiện ích khác đang hoạt động ổn định. Đối với hệ thống bán lẻ này cung cấp cho người dân đa kênh phân phối từ trực tiếp đến trực tuyến để cho người dân lựa chọn theo nhu cầu. Ngoài ra, còn có các hệ thống giao hàng nhanh của: Viettel, Bưu Điện, Giao hàng nhanh, giao hàng tiết kiệm...để phục vụ giao hàng cho người dân cũng như vận chuyển hàng hóa đến nhiều khu vực trong nước và quốc tế với hàng hóa phong phú, kênh phân phối đa dạng đáp ứng nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản

+ Tình hình sản xuất nông lâm nghiệp ổn định. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát tốt. Sản lượng lương thực đạt 97.565 tấn, năng suất đạt 65 tạ/ha.

+ Tổng đàn gia súc, gia cầm và vật nuôi toàn xã là 17.271 con. Trong đó: heo 124 con, trâu bò 1350 con, gia cầm 11.200 con, dê 39 con, chó mèo 4.558 con

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 6,88%.

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo

- Quy mô và mạng lưới trường lớp: Hiện nay, trên địa bàn xã có đầy đủ các cấp học từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông; hệ thống trường lớp được phân bố tương đối hợp lý; tổng số trường học là 28 trường và 49 Lớp mầm non độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, nhóm trẻ độc lập, trong đó:

+ Trường THPT: 02 trường (Trường THPT Phước Thiện và THPT Nguyễn Bình Khiêm)

+ Trường THCS: 05 trường (Trường THCS Hiệp Phước, THCS Phước thiện, THCS Phú Hội, THCS Long Tân, THCS Phú Thạnh)

+ Trường Tiểu học: 08 trường (Trường Tiểu học Phước Lai, tiểu học Hiệp Phước, Tiểu học Phước Thiện 1, Tiểu học Phước Thiện 2, Tiểu học Phước Thiện 3, Tiểu học Phú Hội, Tiểu học Long Tân, Tiểu học Phú Thạnh)

+ Trường Mầm non, mẫu giáo: 6 trường công lập (Trường Mầm non Phước Hiệp, Trường Mầm non Hiệp Phước, Trường Mầm non Phước Thiên, Trường Mầm non Nhơn Nghĩa, Trường Mầm non Hoa Sen, Trường Mầm non Phú Thạnh) và 7 trường tư thục (Trường Mẫu giáo Bông Sen, Trường Mầm non tư thục Thiên Thần Nhỏ, Trường MN Tư thục Sao Việt, Trường MN Tư thục Bình Minh, Trường MN Tư thục Ánh Bình Minh, Trường MN Tư thục Ngôi Nhà Trẻ Thơ, Trường MN Tư thục Ánh Dương) và 49 Lớp mầm non độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, nhóm trẻ độc lập.

- Quy mô lớp học và số lượng học sinh: 816 lớp với 28.937 học sinh

+ Mầm non: 235 lớp với 5859 trẻ.

+ Tiểu học: 331 lớp với 12.053 học sinh

+ THCS: 180 lớp với 7785 học sinh

+ THPT: 70 lớp với 3240 học sinh

- Cơ sở vật chất: Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có các phòng chức năng, đồ dùng thiết bị dạy học theo quy định.

+ bậc học mầm non: 235/235 phòng học kiên cố, đảm bảo diện tích tối thiểu 1,5m²/trẻ; 235/235 lớp đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu; 235/235 lớp đảm bảo công trình vệ sinh khép kín.

+ bậc học Tiểu học: 306/306 phòng học kiên cố; 306 phòng/ 330 lớp, tỉ lệ 0,93 phòng/lớp; tổng số phòng chức năng 67 phòng. Các trường đảm bảo sân chơi, bãi tập cho học sinh.

+ bậc học THCS: 151/151 phòng học kiên cố; 151 phòng/180 lớp đạt tỉ lệ 0,84 phòng/lớp; có 40/40 phòng chức năng, trang thiết bị dạy học theo tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT. Các trường đảm bảo sân chơi, bãi tập cho học sinh.

+ bậc học THPT: 57/57 phòng học, 21/21 phòng chức năng được xây dựng kiên cố, được trang bị thiết bị dạy học theo quy định.

- Chất lượng đội ngũ giáo viên:

+ bậc học Mầm non: có 167/172 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, tỉ lệ 97,09%. Số giáo viên chưa đạt chuẩn đang trong giai đoạn tham gia các lớp đào tạo nâng chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ bậc học Tiểu học: Tổng số giáo viên 424 giáo viên/330 lớp, đạt tỉ lệ 1,28 giáo viên/lớp; 423/424 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn nghề nghiệp, tỉ lệ 99,06%.

+ **Bậc THCS:** Tổng số giáo viên 301/301 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, tỉ lệ 100%.

+ **Bậc THPT:** Tổng số 125/125 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, tỉ lệ 100%.

- **Phổ cập giáo dục:**

+ **Phổ cập giáo dục mầm non:** xã Nhơn Trạch đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi với các chỉ tiêu: Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100%; trẻ học 2 buổi/ngày đạt 100%; trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

+ **Phổ cập giáo dục Tiểu học:** xã Nhơn Trạch đảm bảo tiêu chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 với các tiêu chí: tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; tỉ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98,8%.

+ **Phổ cập THCS:** xã Nhơn Trạch đảm bảo tiêu chuẩn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 với các tiêu chí: số thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt tỉ lệ 99,83%; Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, học nghề: 95,09%.

+ Xã Nhơn Trạch đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- **Xây dựng Trường đạt chuẩn Quốc gia:** Hiện nay, trên địa bàn xã có 6 trường Mầm non, 5 trường tiểu học, 5 trường THCS đạt chuẩn Quốc gia, tỉ lệ 84,2%.

5.2. Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn được đảm bảo; chất lượng khám, chữa bệnh và y đức của đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế từng bước được nâng cao. Xã đã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Nguồn nhân lực y tế được quan tâm đào tạo, thu hút thường xuyên; đến nay, 100% trạm y tế và các điểm trạm đều có bác sĩ phục vụ. Tỷ lệ giường bệnh đạt 16,0 giường/vạn dân (tăng 2,0 giường/vạn dân so với năm 2020), tỷ lệ bác sĩ đạt 5,0 bác sĩ/vạn dân (tăng 1,4 bác sĩ/vạn dân so với năm 2020).

Hiện nay, trên địa bàn xã có 06 phòng khám đa khoa, 24 phòng khám chuyên khoa, 07 phòng khám y học cổ truyền, 07 cơ sở dịch vụ y tế và 217 cơ sở hành nghề dược. Trung tâm Y tế khu vực đóng trên địa bàn xã được đầu tư đầy đủ các phòng chức năng và trang thiết bị hiện đại như máy nội soi, máy siêu âm màu, máy X-quang, máy CT Scanner, thiết bị đo kiểm môi trường, máy xét nghiệm,... tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chẩn đoán, điều trị bệnh và phòng, chống dịch.

Cơ sở vật chất y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp: đã xây mới các điểm trạm y tế Phước Thiện, Long Tân, Hiệp Phước; sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã Nhơn Trạch (trụ sở chính) và điểm trạm y tế Phú Thạnh; đồng thời thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các trạm y tế và điểm y tế trên địa bàn. Các trạm được trang bị cơ bản các thiết bị như máy siêu âm, máy điện tim, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Hệ thống y tế tư nhân cũng góp phần hỗ trợ, bổ sung cho hệ thống y tế nhà nước trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả; các dịch bệnh nguy hiểm được phát hiện và khống chế kịp thời. Các chương trình y tế quốc gia, phòng, chống bệnh xã hội được triển khai thường xuyên, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch hằng năm; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin hằng năm đạt trên 95%.

Công tác dân số và chăm sóc trẻ em được chú trọng thực hiện; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,95%. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn 4,6%, suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn 5,7%.

Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95% vào năm 2025.

Công tác quản lý nhà nước về y tế, quản lý hành nghề y, dược tư nhân và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm từng bước được củng cố, hoàn thiện.

5.3. Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Xã Nhơn Trạch được thành lập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai năm 2025, trên cơ sở hợp nhất, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hiệp Phước, và các xã Long Tân, Phú Thạnh, Phước Thiện, Phú Hội (huyện Nhơn Trạch cũ) thành tên gọi mới là xã Nhơn Trạch

Hiện nay hệ thống thiết chế văn hóa trên địa bàn xã Nhơn Trạch có 01 Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao xã, 05 Trung tâm Văn hoá Thể thao – Học tập cộng đồng và 19 Nhà văn hoá ấp

Các thiết chế văn hoá- thể thao cơ sở trên địa bàn xã vẫn duy trì hoạt động ổn định. Nhà văn hoá ấp cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập, vui chơi, giải trí và luyện tập thể thao và người dân.

Tuy nhiên một số Nhà văn hoá chưa đủ chuẩn diện tích là 300m² (theo Bộ Văn hoá Thể thao quy định) như: ấp 3 (xã Phú Thạnh cũ) diện tích 261m²; ấp Phú Mỹ 1 diện tích 135m², ấp Phú Mỹ 2 diện tích 110m²(xã Phú Hội Cũ); ấp Phước Hiệp diện tích 200m² và 02 ấp chưa có Nhà Văn hoá: ấp 2 Phú Thạnh và

ấp Mỹ Khoan Hiệp Phước (cũ) hiện đang sinh hoạt chung Trung tâm Văn hoá Thể thao và Học tập cộng đồng, các trang thiết bị chưa được đầu tư đồng bộ.

Địa phương đã chủ động triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên; bàn hành kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng thiết chế văn hoá- thể thao. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng được duy trì thường xuyên; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đạt nhiều kết quả tích cực.

Thực hiện Kế hoạch số 74/KH-BCĐ ngày 09/5/2025 của Ban chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” về việc triển khai thực hiện Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, Thiết chế văn hoá, thể thao thuộc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trực thuộc UBND cấp xã;

Thực hiện Văn bản số 932/SVHTTDL-VH ngày 19/8/2025 của Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn triển khai, thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã gồm các nội dung: Các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã; phong trào thi đua yêu nước, các chuyên đề học tập và làm theo tám gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Cải cách hành chính trên địa bàn xã, tuyên truyền biển đảo, thực hành tiết kiệm, phòng chống lụt bão, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông và công tác phòng cháy chữa cháy; phòng chống dịch bệnh; các hoạt động Chào mừng Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ xã Nhơn Trạch lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, công tác chuyển đổi số....;

Thực hiện công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm, các sự kiện chính trị địa phương.

Thực hiện những nhiệm vụ đột xuất của Đảng ủy, UBND xã; ngoài ra phối kết hợp với các ban, ngành, đoàn thể...tổ chức tốt công tác tuyên truyền của địa phương.

Các hoạt động thông tin, truyền truyền qua Trang thông tin điện tử xã và panô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, thông qua hệ thống loa đài truyền thanh; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội diễn

Phối hợp tổ chức các hoạt động học tập cộng đồng như tuyên truyền phòng chống bệnh sốt xuất huyết, bệnh dịch tay, chân, miệng, bệnh dịch tả lợn Châu phi, dịch cúm gia cầm... các lớp chuyên đề về kỹ năng phòng, chống đuối nước

học sinh, về phòng chống bạo lực trẻ em và bạo lực học đường, về luật phòng chống tai hại của thuốc lá...

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội

* Lao động:

Xã Nhơn Trạch tập trung 06 khu công nghiệp với 533 doanh nghiệp đang hoạt động ổn định, giải quyết việc làm cho trên 130.000 công nhân đang làm việc trên địa bàn. Bên cạnh đó, xã có 01 cụm công nghiệp với 33 dự án, có 21 dự án đang hoạt động, giải quyết việc làm cho gần 1.800 lao động.

Về lao động, Nhơn Trạch có lực lượng lao động dồi dào, tổng số lao động trong độ tuổi chiếm 61,55% dân số toàn huyện, trong đó 65% được đào tạo nghề. Cơ cấu lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm phần lớn. Số lượng lao động ngành nông nghiệp ổn định, lao động tăng trưởng nhanh vào ngành công nghiệp và dịch vụ.

Trong giai đoạn 2020 – 2025, đã giải quyết việc làm cho trên 10.864 lao động, tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng cho địa phương, tỷ lệ thất nghiệp ổn định ở mức dưới 2%. Thực hiện tốt các chương trình giải quyết việc làm và triển khai kịp thời, đồng bộ các chính sách an sinh xã hội; giải quyết việc làm cho người lao động, người lao động trên địa bàn huyện có việc làm, thu nhập ổn định. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng lên.

Song song đó thường xuyên hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện tốt chế độ tiền lương - tiền công, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện, cải thiện điều kiện làm việc, xây dựng tốt mối quan hệ lao động lành mạnh giữa người sử dụng lao động và người lao động, góp phần hạn chế các tranh chấp lao động tập thể có nguy cơ dẫn đến đình công, lãng công trên địa bàn huyện.

Nhơn Trạch là địa bàn chuyển đổi nhanh cơ cấu lao động phi nông nghiệp, tập trung nhiều khu công nghiệp và lực lượng lao động từ bên ngoài. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập của phần lớn dân cư, người lao động tại chỗ còn thấp, trong khi thu hút lực lượng lao động bên ngoài chủ yếu. Lực lượng lao động nhiều nhưng lao động chất lượng cao còn hạn chế nên cũng gây khó khăn cho giải quyết việc làm.

Thực hiện các giải pháp thu hút lao động vào các doanh nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh để giải quyết lao động chưa có việc làm, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ sở dạy nghề mở rộng các

hình thức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho thanh niên. Cùng với thu hút lao động (tăng cơ học), sẽ tập trung giải quyết việc làm cho lực lượng lao động tại chỗ, đặc biệt là lao động nông nghiệp bị thu hồi đất cho xây dựng các công trình phi nông nghiệp, phát triển đô thị. Động lực tăng số lượng lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động trong giai đoạn từ nay đến 2030 vẫn là khu vực công nghiệp – xây dựng và khu vực dịch vụ; khu vực nông nghiệp sẽ giảm mạnh tỷ trọng trong cơ cấu lao động xã hội để tập trung cho đẩy mạnh cơ giới hoá, hiện đại hoá, tăng bình quân đất nông nghiệp, qua đó tăng nhanh năng suất lao động nông nghiệp.

* Công tác người có công: Trên địa bàn xã hiện có 193 người có công, thân nhân người có công hưởng trợ cấp thường xuyên và 652 trường hợp thờ cúng liệt sĩ, thân nhân liệt sĩ; thờ cúng MVNAH 120 người; người hoạt động kháng chiến (hưởng chế độ 1 lần) 48 người.

Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên:

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ ưu đãi đối với người có công CM (đợt 1) năm 2026 và Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 v/v phân bổ kinh phí có mục tiêu từ ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách hỗ trợ tết nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo NQ số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai. UBND xã Nhơn Trạch đã ban hành Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 v/v Phê duyệt phân bổ kinh phí bổ sung cho Phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện các chế độ chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng trên địa bàn xã. Đến nay, Phòng Văn hóa - Xã hội xã đã bám sát dự toán thực hiện hoàn thành việc chi trả trợ cấp tháng 01+02/2026 cho các đối tượng người công CM trên địa bàn xã, đồng thời rà soát lập danh sách chi trả tháng 3/2026 để tiếp tục thực hiện trợ cấp cho các đối tượng trên theo quy định.

Công tác lập dự toán, quyết toán theo quy định: Thực hiện hướng dẫn của Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Phòng Văn hóa – xã hội đã tham mưu xây dựng dự toán và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định.

Trong thời gian qua, công tác chăm lo cho người có công luôn được các cấp chính quyền địa phương quan tâm. Các chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước. Công tác quản lý, chi trả chế độ cơ bản được thực hiện đảm bảo, góp phần ổn định đời sống cho các đối tượng chính sách. Tuy nhiên, do số lượng đối tượng đông, địa bàn rộng, đối tượng đa dạng, nhiều nhóm chính sách khác nhau, nhu cầu hỗ trợ về đời sống, chăm sóc sức khỏe, cũng như công tác tri ân,

đền ơn đáp nghĩa vẫn còn đặt ra nhiều yêu cầu đối với địa phương trong thời gian tới.

* Công tác Bảo trợ xã hội: Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã là: 3.092 đối tượng, trong đó: Trẻ em từ 4 đến 16 tuổi: 09 đối tượng, Trẻ em từ 16 đến 22 tuổi: 10 đối tượng, Hưu trí xã hội: 1626 đối tượng, Người khuyết tật: 965 đối tượng, NQ 09 HĐND: 22 đối tượng, Hộ gia đình nuôi dưỡng: 460 hộ.

5.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Công tác dân tộc:

Trên địa bàn hiện có 403 người thuộc các dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 0,26% tổng dân số, với 15 thành phần dân tộc khác nhau như: Hoa, Khmer, Nùng, Mường, Tày, Chăm, Sán Dìu, Thổ, Thái, Gia Rai, Dao, M'ông, Sán Chay, Sán Chỉ,...

Các dân tộc thiểu số sinh sống phân tán, không hình thành khu dân cư tập trung, chủ yếu hòa nhập cùng cộng đồng người Kinh; trên địa bàn không có khu vực đặc thù về dân tộc thiểu số và miền núi. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định, không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo trong nhóm đối tượng này; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững.

Công tác chăm lo, phát triển nguồn nhân lực trong đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện.

Công tác tôn giáo, tín ngưỡng:

Trên địa bàn có hệ thống cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phong phú, gồm 38 cơ sở tín ngưỡng dân gian (12 đình, 16 miếu/miếu, 05 nhà võ, 04 nhà bia, 01 đình Ông), trong đó có 02 cơ sở được xếp hạng di tích cấp tỉnh; cùng với đó là 20 cơ sở tôn giáo (10 chùa, 01 tịnh xá, 01 tịnh độ; 02 giáo xứ; 04 hội thánh tin lành; 02 cao đài, 01 tịnh thất, 01 đền thờ phật mẫu).

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được triển khai đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy định pháp luật. Các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng, chức sắc, chức việc và tín đồ trên địa bàn luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động xã hội tại địa phương.

Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra ổn định, đúng quy định; ngoài các dịp lễ, Tết truyền thống, các tổ chức tôn giáo đều tổ chức sinh hoạt, lễ nghi theo chương trình đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, góp phần giữ

vững ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo nền tảng thuận lợi trong quá trình xây dựng, phát triển địa phương theo định hướng đô thị hóa, tiến tới thành lập phường.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở

6.2. Công trình cơ quan hành chính:

Hiện nay trung tâm hành chính xã Nhơn Trạch được tổ chức thống nhất, kế thừa nguyên trạng trung tâm hành chính huyện Nhơn Trạch trước đây, tập trung toàn bộ Trụ sở làm việc Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Trung tâm phục vụ hành chính công...

6.3. Công trình giáo dục:

- Hệ Cao đẳng: cơ sở 2 Trường CĐ Công nghệ cao Đồng Nai.
- Hệ Trung học phổ thông: 02 trường.
- Hệ Trung học cơ sở: 05 trường.
- Hệ Tiểu học: 08 trường.
- Hệ Mầm non, mẫu giáo: 13 trường (06 trường công lập, 7 trường tư thục)

6.4. Công trình y tế:

Hệ thống công trình y tế trên địa bàn xã được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hiện nay, cơ sở y tế công lập gồm 01 trạm y tế chính (đặt tại cơ sở Phú Hội cũ) và 04 điểm trạm y tế trực thuộc.

Trong đó, đã xây mới 03 điểm trạm y tế tại Long Tân, Hiệp Phước và Phước Thiện đưa vào hoạt động từ năm 2025, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân. Bên cạnh đó, điểm trạm y tế Phú Thạnh và trạm y tế chính cũng đã được sửa chữa, nâng cấp nhằm cải thiện điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phục vụ tốt hơn công tác khám, chữa bệnh.

Song song với hệ thống y tế công lập, mạng lưới y tế tư nhân trên địa bàn cũng phát triển, hiện có 05 phòng khám đa khoa và 24 phòng khám chuyên khoa, góp phần chia sẻ áp lực với hệ thống y tế nhà nước, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng đa dạng của người dân.

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Có 01 Trung tâm Văn hoá thông tin và thể thao xã, hệ thống trang thiết bị được đầu tư tương đối đầy đủ, có xe chuyên dùng để tổ chức các hội thi, hội

diễn, liên hoan hội nghị,... có 01 nhà thi đấu đa năng, 02 sân tennis để tổ chức các giải thể dục thể thao.

Có 05 Trung tâm VHTT-HTCĐ

Có 13/19 Nhà văn hoá ấp đều đạt chuẩn theo quy định (04 NVH chưa đủ chuẩn 300m², 02 ấp chưa có NVH)

Cán bộ quản lý Trung tâm VHTT&TT 14 người

Cán bộ quản lý các Nhà văn hoá ấp 19 người

Kết quả hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao:

+ Đối với thiết chế văn hoá cấp xã:

- Xây dựng các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân Bính Ngọ 2026.

- Tham gia các hội thi, hội diễn do tỉnh tổ chức.

- Lưu trữ và bảo quản các loại sách báo tại thư viện. Duy trì và phát huy số lượng bạn đọc. Tham mưu luân chuyển sách đến các cơ sở có nhu cầu.

- Tổ chức Đại hội Thể dục, thể thao xã Nhơn Trạch lần thứ I năm 2025.

- Hướng dẫn các ấp thực hiện quy ước, hương ước, bình xét gia đình văn hoá

- 100% các ấp tổ chức “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”.

+ Đối với Nhà văn hoá ấp:

Các nhà Văn hóa ấp đã xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động năm 2025.

- Người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, nơi tổ chức các cuộc hội, họp và tuyên truyền cho nhân dân

Có các bộ dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, các trò chơi cho trẻ em tham gia vui chơi giải trí, có các lớp múa Aerobic...

* Các công trình thể thao trên địa bàn xã:

- Sân bóng đá 11 người: 02 sân

- Sân bóng đá cỏ nhân tạo 7 người: 12 sân

- Sân bóng đá cỏ nhân tạo 5 người: 15 sân

- Sân cầu long: 32 sân

- Sân bóng chuyền: 21 sân

- Hồ bơi: 04

- Khu vui chơi thiếu nhi: 16 khu

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông:

- Đường bộ: Hiện nay, UBND xã Nhơn Trạch đang quản lý 314 tuyến đường bộ với tổng chiều dài 127,224km, trong đó bao gồm: 69 tuyến đường xã với tổng chiều dài khoảng 51,603km (trong đó 49,213km mặt đường bê tông nhựa, 2,390km mặt đường cấp phối, bề rộng phần xe chạy từ 5m-30m) và 241 tuyến đường thôn với tổng chiều dài khoảng 74,016km (trong đó 55,365km mặt đường BTXM, 18,651km mặt đường bê tông nhựa, bề rộng đường từ 3m-6m); 04 tuyến đường trục chính nội đồng có chiều dài 1,605km (trong đó 1,405km mặt đường BTXM và 0,2km mặt đường cấp phối, bề rộng đường từ 4m-5m).

Đồng thời, trên các tuyến đường thôn xã đang quản lý có 15 cây cầu BTCT có chiều dài nhịp trên 6m (cầu ngắn nhất là 1 nhịp dài 6m, dài nhất là 75m với 3 nhịp), tải trọng thiết kế cầu là 5T, được xây dựng từ những năm 2001-2005.

+ Cấp tỉnh quản lý:

- Đường ĐT 769B: từ Cát Lái đến Quốc lộ 51B, là tuyến đường cấp 3 có tổng chiều dài khoảng 28,657km, bề rộng mặt đường từ 11m-13m, đang sử dụng bình thường.

- Đường Trần Phú: từ đường Nguyễn Văn Cừ đến cao tốc Long Thành – Dầu Giây, có chiều dài khoảng 7,04km là tuyến đường cấp 1, đang sử dụng bình thường.

- Đường 769C (Tôn Đức Thắng -25B): từ đường Quách Thị Trang đến Quốc lộ 51 có tổng chiều dài khoảng 14,972km, trong đó gồm 9,33km đường cấp 3, 0,96km đường cấp 1 và 4,682km đường cấp 4). Hiện nay tuyến đường đang được nâng cấp toàn tuyến với lộ giới 80m gồm phần đường chính có phần đường xe chạy rộng 24m và phần đường song hành có phần đường xe chạy rộng 10m mỗi bên, dự kiến đến 30/6/2026 hoàn thành thông xe toàn tuyến và kết nối vào sân bay Long Thành.

- Đường Vành đai 3 - Thành phố Hồ chí Minh đoạn qua tỉnh Đồng Nai có tổng chiều dài khoảng 11,26km. Hiện nay dự án thành phần 1A đã hoàn thành thông xe kỹ thuật 5km đường cao tốc từ nút giao đường 25B đến cầu Nhơn Trạch và kết nối vào cao tốc Long Thành – Dầu Giây. Dự án thành phần 3 dài hơn 11km có điểm đầu giao với đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, điểm cuối giao với Mố B thuộc cầu Nhơn Trạch (gồm 5km cao tốc và đường song

hành). Tính đến đầu năm 2026, dự án đã hoàn thành 100% đắp nền đường, 3/5km mặt đường chính và đang khẩn trương thi công phần đường song hành để hoàn thành toàn bộ dự án đúng thời hạn vào khoảng tháng 5/2026.

- Đường thủy nội địa:

+ Tuyến đường thủy nội địa trên đại bàn xã gồm 54 tuyến, với tổng chiều dài 195km.

+ Về cảng thủy nội địa: 05 bến thủy nội địa và 02 cảng thủy nội địa

7.2. Thủy lợi:

Hiện UBND xã đang có 06 công trình bờ bao và kênh tiêu thực hiện lấy nước tưới tiêu, chủ động phục vụ tốt cho hoạt động nông nghiệp tại địa phương.

7.3. Cấp điện: Tổng chiều dài đường dây điện trên địa bàn xã là 314,6km, trong đó:

+ Đường dây trung thế: 166,2km.

+ Đường dây hạ thế: 148,4km.

+ Trạm biến áp: 225 trạm.

7.4. Cấp nước

Tổng số tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã là: 264 tuyến bao gồm tuyến đường ống chính (đường cấp nước lớn) và đường ống nhánh với tổng chiều dài tuyến ống gần 143.959m, kinh phí đầu tư khoảng 106.787 tỷ đồng, trong đó: Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn 95% (19.419/20.441 hộ), tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch (nước máy) tập trung: 65,6% (13.410/20.441 hộ).

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp: Có 02 KCN đang hoạt động, đã thực hiện hạ tầng thu gom, thoát nước thải. Các KCN đã đầu tư và vận hành HTXL nước thải để xử lý nước thải trong KCN.

- Xử lý chất thải rắn: Tỷ lệ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đạt 73%

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt đạt 100%

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 100%

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt 100%

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng

- Công tác quốc phòng trên địa bàn xã Nhơn Trạch luôn được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc.

- Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được triển khai toàn diện, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, đặc biệt là công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Lực lượng Dân quân tự vệ được xây dựng đảm bảo về số lượng, chất lượng, tổ chức biên chế phù hợp; công tác huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị được duy trì thường xuyên, nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu.

- Hệ thống kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch phòng thủ được xây dựng, rà soát, bổ sung kịp thời; công tác xây dựng, quản lý và huy động lực lượng dự bị động viên được thực hiện chặt chẽ, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống. Công tác chính sách hậu phương quân đội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang được quan tâm thực hiện tốt.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, ổn định. Các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; không để phát sinh “điểm nóng”, đảm bảo an ninh trong mọi tình huống.

- Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả; các loại tội phạm được kiểm chế; công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được tăng cường. Tình hình tai nạn giao thông được kiểm soát, từng bước kéo giảm.

- Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” tiếp tục được đẩy mạnh; lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở được củng cố, kiện toàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự.

- Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được quan tâm; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và phù hợp với định hướng phát triển đô thị khi thành lập phường.

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.1. Đảng ủy

- Đảng ủy xã Nhơn Trạch được tổ chức, sắp xếp theo đúng quy định của Điều lệ Đảng và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy; đảm bảo vai trò lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị trên địa bàn.

- Hiện nay, Đảng ủy xã được kiện toàn với cơ cấu gồm Bí thư, các Phó Bí thư và các Ủy viên Ban Chấp hành; trong đó Bí thư Đảng ủy đồng thời giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tại địa phương.

- Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau sắp xếp.

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

- Hội đồng nhân dân xã được tổ chức đảm bảo theo quy định, gồm:

+ 01 Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm).

+ 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách.

+ 02 Ban của Hội đồng nhân dân (Trưởng ban kiêm nhiệm, 02 Phó Trưởng ban chuyên trách).

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân từng bước được nâng cao chất lượng, phát huy vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát việc thực hiện.

- Ủy ban nhân dân xã được tổ chức đảm bảo theo quy định, gồm: 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch (trong đó 01 Phó Chủ tịch UBND kiêm Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã).

- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã được tổ chức tương đối đầy đủ, gồm:

+ Văn phòng HĐND và UBND.

+ Phòng Kinh tế.

+ Phòng Văn hóa - Xã hội.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

+ Ban Chỉ huy Quân sự xã.

- Tổ chức bộ máy UBND xã cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn; các vị trí còn thiếu được bố trí kiêm nhiệm hoặc điều động, biệt phái để đảm bảo hoạt động thông suốt.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh...) được kiện toàn, hoạt động theo đúng quy định.

- Các tổ chức đoàn thể đã phát huy tốt vai trò trong tập hợp, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể từng bước được nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã

- Căn cứ quyết định của UBND xã về việc giao biên chế năm 2026, tổng số biên chế được giao trên địa bàn trong năm 2026 theo quy định của cấp trên giao.

- Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã có trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm cao, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân trong giai đoạn chuyển đổi lên phường.

VIII. Đối với xã Tân Khai

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã nằm ở khu vực phía Tây Bắc của tỉnh Đồng Nai, có vị trí địa lý tương đối thuận lợi trong kết nối giao thông và liên kết phát triển vùng, cụ thể như sau: Phía Đông giáp xã Tân Quan; Phía Nam giáp phường Minh Hưng (tỉnh Đồng Nai) và xã Minh Thạnh (thành phố Hồ Chí Minh); Phía Tây giáp xã Tân Hòa (tỉnh Tây Ninh); Phía Bắc giáp phường Bình Long và xã Minh Đức.

Xã Tân Khai có vị trí là khu vực cửa ngõ phía Tây Bắc của tỉnh Đồng Nai, nằm trong vùng chuyển tiếp giữa các khu vực phát triển công nghiệp - đô thị và khu vực nông nghiệp, đồng thời có vai trò kết nối với các địa phương lân cận. Địa bàn xã có các tuyến giao thông quan trọng đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, thương mại, vận chuyển hàng hóa và thu hút đầu tư.

Về địa giới hành chính, xã Tân Khai tiếp giáp với nhiều đơn vị hành chính trong và ngoài tỉnh, hình thành không gian phát triển mở, có khả năng liên kết đa chiều. Vị trí địa lý này có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức không gian

đô thị, phân bố dân cư, phát triển các khu chức năng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo định hướng quy hoạch.

Xã Tân Khai có diện tích tự nhiên khoảng 161,79 km², là một trong những đơn vị hành chính có quy mô diện tích lớn của tỉnh Đồng Nai. Quy mô diện tích lớn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí không gian phát triển đô thị, hình thành các khu chức năng như khu dân cư, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng xã hội. Đồng thời, cũng đặt ra yêu cầu cao trong công tác quản lý nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, xây dựng và bảo vệ môi trường.

Nhìn chung, vị trí địa lý và địa giới hành chính của xã Tân Khai có nhiều thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh tăng cường liên kết vùng và phát triển đô thị theo định hướng của tỉnh Đồng Nai.

1.2. Vai trò, chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh) và theo dự kiến Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khai đến năm 2050, khu vực Tân Khai được xác định là khu vực phát triển đô thị mới, gắn với phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ và hệ thống hạ tầng đồng bộ.

Toàn bộ địa bàn xã nằm trong phạm vi quy hoạch đô thị mới Tân Khai, được định hướng phát triển theo mô hình đô thị công nghiệp - dịch vụ, với các khu chức năng chính như khu trung tâm hành chính, khu dân cư, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn với quy mô lớn, định hướng tiếp tục mở rộng là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế và hình thành không gian đô thị.

Bên cạnh đó, xã Tân Khai là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, với sự gia tăng dân số cơ học, sự phát triển của các khu dân cư tập trung và các hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng đa dạng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng cao, từng bước khẳng định vai trò của địa phương trong phát triển kinh tế của tỉnh.

Trong tổng thể không gian phát triển của tỉnh Đồng Nai, xã Tân Khai có vai trò là khu vực động lực phát triển của khu vực phía Tây, là đầu mối kết nối giữa các khu công nghiệp, khu dân cư và các vùng lân cận; đồng thời góp phần thúc đẩy liên kết vùng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Với những đặc điểm nêu trên, xã Tân Khai không chỉ là một đơn vị hành chính nông thôn mà đã và đang đảm nhận các chức năng của một đơn vị hành

chính đô thị, với yêu cầu ngày càng cao về quản lý, điều hành và cung ứng dịch vụ công.

Do đó, việc tổ chức lại đơn vị hành chính từ xã thành phường là phù hợp với vị trí, vai trò, chức năng và định hướng phát triển của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên

Xã Tân Khai có tổng diện tích tự nhiên 161,79 km², là một trong những đơn vị hành chính có diện tích lớn của tỉnh Đồng Nai, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức không gian phát triển đa dạng, bao gồm các khu vực dân cư hiện hữu, khu vực sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp và các khu vực quy hoạch phát triển đô thị.

Diện tích tự nhiên của xã phân bố trên không gian rộng, gắn với nhiều loại hình sử dụng đất khác nhau, đòi hỏi công tác quản lý nhà nước phải được tổ chức đồng bộ, thống nhất và phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển.

Theo dự kiến Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khai đến năm 2050, toàn bộ địa bàn xã nằm trong phạm vi phát triển đô thị, được định hướng tổ chức thành các khu chức năng như khu trung tâm hành chính, khu dân cư, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Đây là cơ sở quan trọng để xem xét chuyển đổi mô hình đơn vị hành chính từ xã sang phường trong giai đoạn tới.

2.2. Cơ cấu sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn xã Tân Khai hiện nay phản ánh đặc điểm của một đơn vị hành chính đang trong quá trình chuyển dịch từ khu vực nông thôn sang đô thị, với tỷ trọng đất nông nghiệp còn chiếm ưu thế nhưng quỹ đất phi nông nghiệp đã và đang tăng lên rõ rệt.

Theo số liệu quy hoạch và thống kê hiện trạng: Đất nông nghiệp: 13.792,34 ha, chiếm khoảng 85,25% tổng diện tích tự nhiên; Đất phi nông nghiệp: 2.387,06 ha, chiếm khoảng 14,75% tổng diện tích tự nhiên.

Trong nhóm đất phi nông nghiệp, đã hình thành các loại đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đô thị, bao gồm đất ở, đất sản xuất kinh doanh, đất công trình công cộng và đất hạ tầng kỹ thuật: Đất sản xuất, kinh doanh: khoảng 946,73 ha, tập trung chủ yếu tại các khu công nghiệp và các khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; Đất công trình công cộng: khoảng 616,84 ha, bao gồm đất dành cho các công trình giáo dục, y tế, văn hóa và các công trình phục vụ lợi ích

công cộng; Đất ở: khoảng 204,56 ha, phân bố tại các khu dân cư hiện hữu và các khu vực phát triển dân cư.

Cơ cấu sử dụng đất nêu trên cho thấy mặc dù đất nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ lớn, nhưng đất phi nông nghiệp đã hình thành tương đối rõ nét, đặc biệt là đất phục vụ phát triển công nghiệp và dịch vụ, tạo nền tảng quan trọng cho quá trình đô thị hóa trên địa bàn.

2.3. Hiện trạng phân bố sử dụng đất theo không gian

Trên địa bàn xã Tân Khai, đất nông nghiệp phân bố chủ yếu tại các khu vực ngoài trung tâm, gần với các khu vực sản xuất truyền thống và các vùng đất nông nghiệp tập trung.

Trong khi đó, đất phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm, dọc theo các tuyến giao thông chính và các khu công nghiệp. Các khu công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong quỹ đất phi nông nghiệp, đóng vai trò là khu vực phát triển sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư và lao động.

Các khu dân cư hiện hữu được phân bố xen kẽ với các khu vực sản xuất, chủ yếu dọc theo các trục giao thông, hình thành các cụm dân cư với mật độ khác nhau. Xu hướng phân bố này cho thấy sự chuyển dịch từ mô hình phân tán của khu vực nông thôn sang mô hình tập trung hơn, gắn với phát triển công nghiệp và đô thị.

2.4. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất

Trong những năm gần đây, cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn xã Tân Khai có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng giảm dần diện tích đất nông nghiệp, tăng dần diện tích đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất phục vụ phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật.

Quá trình chuyển dịch này gắn với việc triển khai các dự án đầu tư, phát triển các khu công nghiệp, mở rộng các khu dân cư và xây dựng hệ thống hạ tầng. Theo định hướng quy hoạch, trong thời gian tới, diện tích đất phi nông nghiệp sẽ tiếp tục được mở rộng để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.5. Định hướng sử dụng đất theo quy hoạch

Theo Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khai đến năm 2050, cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn sẽ được điều chỉnh theo hướng tăng tỷ trọng đất xây dựng đô

thị, bao gồm đất ở, đất công trình công cộng, đất giao thông, đất cây xanh và các loại đất phục vụ hạ tầng kỹ thuật.

Các khu vực đất nông nghiệp sẽ được chuyển đổi từng bước sang các mục đích sử dụng khác phù hợp với quy hoạch, đặc biệt là phát triển khu công nghiệp, khu đô thị mới và các công trình hạ tầng.

Việc phân bổ quỹ đất theo quy hoạch nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, đồng thời tạo cơ sở cho phát triển đô thị đồng bộ, hiện đại, phù hợp với định hướng xây dựng phường Tân Khai trong giai đoạn tới.

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Quy mô và mật độ dân số

Theo số liệu cập nhật dữ liệu dân cư của xã Tân Khai đến ngày 22/03/2026 là 39.147 người; với diện tích tự nhiên khoảng 161,79 km², mật độ dân số trung bình đạt khoảng 242 người/km².

Xã Tân Khai là đơn vị hành chính có quy mô dân số tương đối lớn, gắn với phạm vi diện tích rộng và sự phát triển của các khu công nghiệp, khu dân cư và các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Quy mô dân số này là một trong những yếu tố quan trọng phản ánh tính chất đô thị và làm cơ sở để tổ chức đơn vị hành chính phù hợp.

Theo định hướng Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khai đến năm 2050, quy mô dân số tiếp tục tăng trong thời gian tới, dự báo:

- Đến năm 2030: khoảng 45.000 – 46.000 người;
- Đến năm 2050: khoảng 61.900 người.

Sự gia tăng dân số gắn với quá trình phát triển công nghiệp, đô thị và thu hút lao động đến sinh sống, làm việc trên địa bàn.

3.2. Biến động dân số

Dân số trên địa bàn xã Tân Khai có xu hướng tăng qua các năm, bao gồm cả tăng tự nhiên và tăng cơ học, trong đó tăng cơ học chiếm tỷ trọng đáng kể.

Sự gia tăng dân số cơ học chủ yếu do quá trình phát triển các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, thu hút lực lượng lao động từ các địa phương khác đến làm việc và sinh sống.

Dân số tăng nhanh tập trung chủ yếu tại các khu vực trung tâm, khu vực gần các khu công nghiệp và dọc theo các tuyến giao thông chính, từng bước hình thành các khu dân cư tập trung với mật độ cao hơn so với các khu vực nông nghiệp truyền thống.

Quá trình gia tăng dân số gắn với đô thị hóa đã làm thay đổi đặc điểm dân cư, từ phân tán sang tập trung, đồng thời làm gia tăng nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các dịch vụ công trên địa bàn.

3.3. Phân bố dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Tân Khai hiện được phân bố tại các ấp, khu dân cư, với đặc điểm phân bố không đồng đều giữa các khu vực.

Các khu dân cư tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm, dọc theo các tuyến giao thông chính và khu vực lân cận các khu công nghiệp, nơi có điều kiện thuận lợi về việc làm, hạ tầng và dịch vụ.

Các khu vực gần khu công nghiệp (Minh Hưng - Sikico, Tân Khai II...) có mật độ dân cư cao do thu hút lao động đến sinh sống và làm việc. Trong khi đó, các khu vực sản xuất nông nghiệp có mật độ dân cư thấp hơn, phân bố theo mô hình truyền thống của khu vực nông thôn.

Sự phân bố dân cư hiện nay thể hiện rõ xu hướng chuyển dịch từ mô hình phân tán sang mô hình tập trung, gắn với các trục phát triển kinh tế và hệ thống hạ tầng giao thông.

3.4. Cơ cấu lao động

Lực lượng lao động trên địa bàn xã Tân Khai chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, tham gia vào các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của địa phương.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp hiện đạt khoảng 71,2%, tập trung chủ yếu tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể, gắn với diện tích đất nông nghiệp còn lớn trên địa bàn.

3.5. Thành phần dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Tân Khai bao gồm dân cư tại chỗ và dân cư đến từ các địa phương khác. Thành phần dân cư đa dạng, gồm người lao động trong các khu công nghiệp, người sản xuất nông nghiệp và các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ.

Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng **5,02%** tổng dân số. Các nhóm dân cư sinh sống xen kẽ, tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội và đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.

Quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa đã làm thay đổi cơ cấu dân cư theo hướng tăng nhanh dân số lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, đồng thời hình thành các khu dân cư tập trung gắn với khu công nghiệp và khu vực trung tâm.

3.6. Xu hướng phát triển dân số và lao động

Theo định hướng quy hoạch và tình hình phát triển thực tế, dân số của xã Tân Khai sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, gắn với quá trình phát triển công nghiệp, đô thị và thu hút đầu tư.

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp, giảm dần lao động nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển đô thị công nghiệp - dịch vụ.

Việc gia tăng dân số và chuyển dịch cơ cấu lao động đặt ra yêu cầu phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị trong giai đoạn tiếp theo.

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Kinh tế xã Tân Khai duy trì tốc độ tăng trưởng khá, từng bước khẳng định vai trò là khu vực phát triển năng động của tỉnh Đồng Nai.

Theo số liệu thống kê, tổng giá trị sản phẩm theo giá cố định 2010 trên địa bàn đạt khoảng 3.088 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 12,8%/năm, phản ánh xu hướng phát triển ổn định và bền vững.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, cụ thể:

- Công nghiệp - xây dựng: khoảng 1.691 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế;
- Thương mại - dịch vụ: khoảng 300 tỷ đồng;
- Nông nghiệp: khoảng 1.087 tỷ đồng.

Cơ cấu này cho thấy khu vực công nghiệp - xây dựng giữ vai trò chủ đạo, gắn với sự hình thành và phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn có các khu công nghiệp với tổng diện tích trên 800 ha (Minh Hưng - Sikico, Tân Khai II...), đã và đang thu hút các dự án đầu tư, góp phần tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo định hướng quy

hoạch, quy mô khu công nghiệp tiếp tục được mở rộng lên khoảng 1.000 ha, tạo động lực phát triển trong thời gian tới.

Khu vực thương mại - dịch vụ và công nghiệp từng bước phát triển, với khoảng 323 doanh nghiệp và khoảng 1635 hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hoạt động trong các lĩnh vực buôn bán, dịch vụ ăn uống, vận tải, cung ứng vật tư và các loại hình dịch vụ khác, phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, giá trị sản phẩm theo giá cố định 2010 đạt khoảng 1.087 tỷ đồng, tiếp tục được duy trì trên diện tích đất nông nghiệp 13.792,34 ha, chiếm khoảng 85,25% tổng diện tích tự nhiên. Hoạt động sản xuất nông nghiệp gắn với các mô hình sản xuất và xây dựng thương hiệu sản phẩm, trên địa bàn có từ 04 đến 07 sản phẩm OCOP đã được công nhận.

Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 86,45 triệu đồng/người/năm; trên địa bàn không còn hộ nghèo theo chuẩn hiện hành, phản ánh mức sống của người dân từng bước được nâng cao.

Cơ cấu lao động gắn với cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch rõ nét; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 71,2%, tập trung tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và hoạt động dịch vụ.

Thu ngân sách trên địa bàn được thực hiện theo dự toán, bảo đảm cân đối chi ngân sách, phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhìn chung, các hoạt động kinh tế trên địa bàn xã Tân Khai được triển khai trong mối quan hệ gắn kết giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, chịu tác động mạnh của quá trình đô thị hóa và thu hút đầu tư, góp phần hình thành cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị.

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của xã Tân Khai, với giá trị sản phẩm theo giá cố định 2010 đạt khoảng 1.691 tỷ đồng.

Trên địa bàn đã hình thành các khu công nghiệp với tổng diện tích trên 800 ha, thu hút các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Các khu công nghiệp được bố trí theo quy hoạch, gắn với hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất công nghiệp và thu hút đầu tư.

Theo định hướng quy hoạch, khu công nghiệp tiếp tục được mở rộng với quy mô khoảng 1.000 ha, tạo dư địa phát triển trong giai đoạn tới.

Hoạt động xây dựng diễn ra tại các khu dân cư, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng và các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh. Việc đầu tư xây dựng gắn với quá trình đô thị hóa, nhu cầu sử dụng đất và phát triển kinh tế trên địa bàn.

- Về thương mại - dịch vụ

Lĩnh vực thương mại - dịch vụ có bước phát triển, với giá trị sản phẩm theo giá cố định 2010 đạt khoảng 300 tỷ đồng.

Trên địa bàn có khoảng 323 doanh nghiệp và khoảng 1635 hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hoạt động trong các lĩnh vực buôn bán, dịch vụ ăn uống, vận tải, cung ứng vật tư và các loại hình dịch vụ khác.

Các hoạt động thương mại, dịch vụ tập trung tại khu dân cư, dọc theo các tuyến giao thông chính và khu vực gần các khu công nghiệp, phục vụ nhu cầu của người dân và người lao động.

Các loại hình dịch vụ như vận tải, ăn uống, sửa chữa, tài chính, ngân hàng... từng bước được hình thành và phát triển, góp phần đa dạng hóa hoạt động kinh tế trên địa bàn.

Sự phát triển của lĩnh vực thương mại - dịch vụ gắn liền với sự gia tăng dân số, đặc biệt là dân số cơ học do thu hút lao động đến làm việc tại các khu công nghiệp.

- Về sản xuất nông - lâm nghiệp

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được duy trì, gắn với quỹ đất nông nghiệp hiện có 13.792,34 ha, chiếm khoảng 85,25% tổng diện tích tự nhiên.

Giá trị sản phẩm theo giá cố định 2010 nông nghiệp đạt khoảng 1.087 tỷ đồng, bao gồm các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và các hình thức sản xuất nông nghiệp khác.

Hoạt động trồng trọt được triển khai ổn định; chăn nuôi được duy trì với các mô hình hộ gia đình và trang trại; công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện theo quy định.

Địa phương đã có 07 sản phẩm OCOP nông nghiệp có giá trị, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm theo giá cố định 2010 và thu nhập cho người dân.

Hiện trên địa bàn có 08 hợp tác xã và 06 tổ hợp tác, tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực liên quan.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và quản lý công trình thủy lợi được triển khai theo quy định, bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp được tổ chức trong điều kiện quỹ đất còn lớn, đồng thời chịu tác động của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và định hướng phát triển đô thị trong thời gian tới.

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Tân Khai được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân trên địa bàn. Hệ thống cơ sở giáo dục tiếp tục được duy trì, ổn định; cơ sở vật chất trường, lớp từng bước được đầu tư, nâng cấp; chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên.

Trên địa bàn xã có 12 cơ sở giáo dục (trong đó có 01 trường THPT, 10 trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Mầm non công lập và 01 cơ sở giáo dục mầm non tư thục). Có 07/11 trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, chiếm tỷ lệ 63,63%.

Công tác huy động học sinh trong độ tuổi đến trường được thực hiện theo kế hoạch; hoạt động chuyên môn, giảng dạy, quản lý giáo dục được triển khai theo quy định của ngành. Cùng với đó, việc đầu tư hoàn thiện trường lớp, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển dân số và nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn.

Nhìn chung, lĩnh vực giáo dục và đào tạo của xã Tân Khai cơ bản ổn định, từng bước phát triển về quy mô và chất lượng, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và định hướng đô thị hóa của địa phương.

5.2. Y tế

Trên địa bàn xã có 01 Trung tâm Y tế khu vực và 01 Trạm Y tế xã (Trạm chính và hai điểm trạm) và có 01 phòng khám tư nhân (phòng khám Tâm Long). Tổng số đội ngũ viên chức, người lao động y tế: 14 viên chức và 59 cộng tác viên dân số, y tế. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Tân Khai được duy trì và triển khai tương đối hiệu quả. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và thực hiện các chương trình y tế theo quy định.

Theo chỉ tiêu năm 2026, xã Tân Khai phấn đấu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% và duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Đây là cơ sở cho

thấy công tác y tế của địa phương đã có nền tảng tương đối tốt, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

Công tác phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và các chương trình y tế cộng đồng tiếp tục được triển khai theo kế hoạch. Các hoạt động tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh được thực hiện thường xuyên.

Nhìn chung, hệ thống y tế trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; chất lượng dịch vụ y tế từng bước được nâng cao, phù hợp với yêu cầu phát triển của xã trong giai đoạn hiện nay.

5.3. Văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao

Hiện nay trên địa bàn xã có 23 công trình văn hóa – thể thao gồm: 01 trung tâm văn hóa – thể thao, 01 trung tâm văn hóa – thể thao cấp xã cũ (Đồng Nơ), 21 nhà văn hóa thôn ấp.

Trên địa bàn xã có 01 di tích cấp Quốc gia “Địa điểm: chiến thắng chốt chặn Tàu Ô, 01 di tích cấp tỉnh “Đình thần Tân Khai”.

Hiện nay, các thiết chế văn hóa thể thao cơ bản đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí, rèn luyện, tập luyện thể dục thể thao cho người dân.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” tiếp tục được duy trì, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng được tổ chức tại khu dân cư, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tăng cường đoàn kết cộng đồng và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn xã Tân Khai được thực hiện gắn với quá trình phát triển kinh tế của địa phương, đặc biệt là sự phát triển của công nghiệp, xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 70%; cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động nông nghiệp, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp hiện đạt khoảng 55% – 60%, phản ánh xu hướng chuyển dịch lao động phù hợp với quá trình đô thị hóa của địa phương.

Công tác giải quyết việc làm được triển khai thông qua việc phát triển sản xuất, kinh doanh, các khu công nghiệp, cơ sở dịch vụ và kết nối nhu cầu lao động với doanh nghiệp trên địa bàn. Hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ ngày càng mở rộng đã tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Công tác chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng xã hội khác được thực hiện theo quy định. Các chế độ, chính sách được chi trả, quản lý và thực hiện kịp thời, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Đối với công tác giảm nghèo, theo báo cáo năm 2025, sau sáp nhập trên địa bàn xã có 06 hộ nghèo, 13 hộ cận nghèo; qua rà soát, 06 hộ nghèo đủ điều kiện thoát nghèo, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã. Đồng thời, trong báo cáo đánh giá tiêu chuẩn định hướng thành phường, tỷ lệ hộ nghèo của xã là 0%. Đây là kết quả tích cực, thể hiện hiệu quả của công tác giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn.

Nhìn chung, lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội của xã Tân Khai được triển khai tương đối đồng bộ, gắn với mục tiêu nâng cao thu nhập, ổn định đời sống và bảo đảm an sinh xã hội cho Nhân dân.

5.5. Công tác tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc

Công tác tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Tân Khai được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra ổn định, phù hợp với phong tục, tập quán và đời sống tinh thần của người dân địa phương.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được thực hiện gắn với việc theo dõi, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện sinh hoạt tôn giáo theo đúng quy định; đồng thời lồng ghép với công tác dân vận, tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đối với công tác dân tộc, trên địa bàn xã Tân Khai có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, chiếm khoảng 5,02% tổng dân số. Đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn.

Các chính sách dân tộc, an sinh xã hội, giáo dục, y tế và hỗ trợ phát triển kinh tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai theo quy định, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Nhìn chung, công tác tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc trên địa bàn xã Tân Khai được thực hiện ổn định, đúng quy định, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phục vụ mục tiêu phát triển chung của địa phương.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã Tân Khai chủ yếu là nhà ở riêng lẻ của người dân, phân bố tại các khu dân cư hiện hữu, dọc theo các tuyến giao thông chính và tại các khu vực dân cư tập trung trên địa bàn. Quá trình hình thành và phát triển nhà ở gắn với lịch sử cư trú lâu dài của người dân địa phương, đồng thời chịu tác động của quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp và đô thị hóa.

Cùng với sự phát triển của các khu công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh và gia tăng dân số cơ học, nhu cầu về nhà ở trên địa bàn có xu hướng tăng. Một số khu vực gần trung tâm xã, gần khu công nghiệp và dọc các trục giao thông chính đã hình thành các cụm dân cư tập trung với mật độ cao hơn so với các khu vực nông nghiệp truyền thống.

Việc phát triển nhà ở trên địa bàn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất và quy hoạch phát triển đô thị. Theo số liệu hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất ở của xã khoảng 204,56 ha, là quỹ đất quan trọng phục vụ nhu cầu bố trí dân cư hiện hữu và phát triển khu dân cư trong thời gian tới.

Nhìn chung, hệ thống nhà ở trên địa bàn xã Tân Khai cơ bản đáp ứng nhu cầu cư trú của người dân; đồng thời, quá trình phát triển nhà ở cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục quản lý chặt chẽ về đất đai, trật tự xây dựng và tổ chức không gian dân cư phù hợp với quy hoạch đô thị mới.

6.2. Công trình cơ quan hành chính

Trên địa bàn xã Tân Khai hiện có hệ thống công trình cơ quan hành chính phục vụ hoạt động của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Các công trình này được kế thừa, sử dụng sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Khu vực trung tâm hành chính của xã là nơi bố trí trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các bộ phận chuyên môn. Đây là nơi tổ chức hoạt động chỉ đạo, điều hành, tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính và triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Theo định hướng quy hoạch đô thị mới Tân Khai, khu vực trung tâm hành chính tiếp tục được xác định là khu trung tâm tổng hợp, nơi bố trí các công trình hành chính, công trình dịch vụ công và các công trình hạ tầng xã hội phục vụ dân cư; việc tiếp tục sử dụng và từng bước hoàn thiện khu trung tâm hành chính hiện có là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Nhìn chung, hệ thống công trình cơ quan hành chính trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương; là nền tảng quan trọng để tổ chức và nâng cấp thành trung tâm hành chính phường trong giai đoạn tới.

6.3. Công trình giáo dục

Hệ thống công trình giáo dục trên địa bàn xã Tân Khai được bố trí phục vụ nhu cầu học tập của học sinh các cấp học, cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học của địa phương.

Theo chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026 của Đảng bộ xã, trên địa bàn hiện có 10 trường học, phấn đấu đến cuối năm 2026 có thêm 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Trường THCS Tân Khai), nâng tổng số lên 07/10 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 70%.

Các cơ sở giáo dục được phân bố tại các khu vực dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Cơ sở vật chất trường lớp từng bước được đầu tư, cải tạo, nâng cấp; hệ thống phòng học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ được duy trì phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

Việc phát triển hệ thống công trình giáo dục gắn với phân bố dân cư, nhu cầu học tập của người dân và định hướng phát triển đô thị của địa phương. Đây là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm tiêu chí hạ tầng xã hội trong quá trình xây dựng phường.

6.4. Công trình y tế

Trên địa bàn xã Tân Khai hiện có hệ thống công trình y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh ban đầu và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, duy trì hoạt động theo quy định của ngành y tế.

Theo chỉ tiêu năm 2026, xã Tân Khai phấn đấu tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% và duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Điều này cho thấy hệ thống y tế trên địa bàn hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Các cơ sở y tế trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng và triển khai các chương trình y tế theo kế hoạch. Hoạt động y tế được tổ chức gắn với nhu cầu dân cư và sự phát triển của địa phương.

Nhìn chung, hạ tầng y tế của xã Tân Khai cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, là một trong những thành tố quan trọng của hạ tầng xã hội phục vụ quá trình phát triển đô thị và xây dựng phường trong thời gian tới.

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hệ thống công trình văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn xã Tân Khai được bố trí tại các khu dân cư, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp cộng đồng và rèn luyện thể chất của người dân.

Các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, khu sinh hoạt văn hóa tại khu dân cư được duy trì, sử dụng để tổ chức các hoạt động hội họp, tuyên truyền, sinh hoạt cộng đồng, văn hóa, văn nghệ và các phong trào ở cơ sở.

Hoạt động thể dục - thể thao quần chúng được tổ chức gắn với các thiết chế văn hóa và khu dân cư, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và tăng cường đoàn kết cộng đồng.

Theo Báo cáo chính trị của Đảng bộ xã, một trong những định hướng quan trọng là phát huy truyền thống văn hóa, con người vùng đất Tân Khai, quyết tâm xây dựng địa phương ngày càng văn minh, giàu đẹp. Đây là cơ sở để tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hạ tầng văn hóa - thể thao phù hợp với định hướng phát triển đô thị văn minh.

Nhìn chung, hệ thống công trình văn hóa, thể dục - thể thao của xã Tân Khai cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, từng bước phục vụ tốt hơn đời sống tinh thần của Nhân dân trong điều kiện phát triển mới.

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Trên địa bàn xã Tân Khai đã hình thành hệ thống công trình thương mại - dịch vụ gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng của người dân. Các công trình, cơ sở này phân bố chủ yếu tại khu vực trung tâm, dọc theo các tuyến giao thông chính và tại các khu dân cư tập trung.

Theo số liệu hiện trạng, trên địa bàn có khoảng 480 cơ sở sản xuất, kinh doanh và khoảng 300 hộ kinh doanh cá thể, hoạt động trong các lĩnh vực buôn bán hàng hóa, dịch vụ ăn uống, vận tải, cung ứng vật tư và các loại hình dịch vụ khác. Đây là nền tảng quan trọng cho việc hình thành và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ phục vụ dân cư và người lao động trên địa bàn.

Hệ thống các điểm kinh doanh, cửa hàng, cơ sở dịch vụ, chợ và điểm mua bán hàng hóa cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa và tiêu dùng của người dân địa phương, đồng thời phục vụ nhu cầu của lực lượng lao động làm việc tại các khu công nghiệp.

Đối với lĩnh vực du lịch, trong các tài liệu, báo cáo và hồ sơ quy hoạch đã cung cấp chưa xác định các công trình du lịch cụ thể trên địa bàn xã Tân Khai.

Vì vậy, nội dung hạ tầng du lịch hiện chưa hình thành rõ nét và sẽ tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung trong quá trình phát triển sau này.

Nhìn chung, hệ thống công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Tân Khai đã từng bước hình thành, phát triển theo nhu cầu thực tế của địa phương; là cơ sở để tiếp tục mở rộng, nâng cấp theo định hướng phát triển đô thị công nghiệp - dịch vụ trong thời gian tới.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Tân Khai được hình thành tương đối đồng bộ, giữ vai trò quan trọng trong kết nối các khu dân cư, khu sản xuất, khu công nghiệp và các khu vực chức năng trên địa bàn.

Xã Tân Khai có vị trí thuận lợi về giao thông, trên địa bàn có các trục giao thông quan trọng đi qua, trong đó nổi bật là Quốc lộ 13, cùng với các tuyến ĐT.756C, ĐT.752B và hệ thống giao thông liên xã, liên khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, vận chuyển hàng hóa và kết nối vùng.

Bên cạnh mạng lưới giao thông đối ngoại, hệ thống giao thông nội bộ trên địa bàn bao gồm các tuyến đường trục chính của xã, đường liên ấp, đường khu dân cư và các tuyến phục vụ sản xuất. Các tuyến đường này từng bước được đầu tư, nâng cấp, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, vận chuyển hàng hóa, nông sản và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Theo báo cáo năm 2025, địa phương thường xuyên chỉ đạo kiểm tra chất lượng các công trình giao thông đã và đang đầu tư; rà soát biến báo giao thông, đèn tín hiệu và phối hợp sửa chữa các vị trí hư hỏng do mưa lũ gây ra, xử lý các vướng mắc phát sinh trên địa bàn.

Theo định hướng Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khai đến năm 2050, hệ thống giao thông của xã tiếp tục được tổ chức theo mạng lưới giao thông đô thị, gồm giao thông đối ngoại và giao thông nội bộ; bảo đảm kết nối hiệu quả giữa khu trung tâm hành chính, khu dân cư, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ và các khu vực phát triển mới trên địa bàn.

Nhìn chung, hệ thống giao thông của xã Tân Khai cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển hiện tại, đồng thời là nền tảng quan trọng để tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông theo định hướng phát triển đô thị trong thời gian tới.

7.2. Thủy lợi

Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã Tân Khai được quản lý, khai thác và sử dụng phục vụ chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp, điều tiết nguồn nước và phòng, chống thiên tai.

Địa phương thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn; chủ động kiểm tra mức độ an toàn hồ, đập trước mùa mưa lũ; theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai và tổ chức xử lý các tình huống phát sinh có ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống Nhân dân.

Theo báo cáo năm 2025, xã Tân Khai đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị hồ chứa trong công tác quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi; đồng thời xử lý kịp thời các tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn. Trong năm, địa phương đã đề xuất hỗ trợ sửa chữa 04 hệ thống công thoát nước bị hư hỏng, sạt lở với tổng kinh phí 10,3 tỷ đồng, và đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương hỗ trợ.

Nhìn chung, hệ thống thủy lợi của xã cơ bản phục vụ yêu cầu sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai; tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển đô thị, cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp đồng bộ các công trình thủy lợi, thoát nước và hạ tầng liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

7.3. Cấp điện

Hệ thống cấp điện trên địa bàn xã Tân Khai được đầu tư, quản lý và vận hành theo mạng lưới điện quốc gia, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân, doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Theo báo cáo năm 2025, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt khoảng 99,43%, bảo đảm nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn. Hệ thống lưới điện được bố trí trên toàn địa bàn, phục vụ khu dân cư, khu sản xuất, khu công nghiệp và các công trình hạ tầng xã hội.

Việc cung cấp điện được thực hiện tương đối ổn định, góp phần phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ, đời sống dân cư và các hoạt động kinh tế - xã hội khác.

Theo định hướng quy hoạch đô thị mới Tân Khai, hệ thống cấp điện tiếp tục được đầu tư, phát triển phù hợp với phân khu sử dụng đất, quy mô dân số, sự mở rộng không gian đô thị và nhu cầu phát triển công nghiệp - dịch vụ trong giai đoạn tới.

Nhìn chung, hạ tầng cấp điện của xã Tân Khai cơ bản bảo đảm yêu cầu hiện tại và có khả năng tiếp tục mở rộng, nâng cấp phục vụ mục tiêu phát triển đô thị.

7.4. Cấp nước

Hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Tân Khai hiện được hình thành từ nguồn cấp nước tập trung và nguồn nước do người dân tự khai thác, phục vụ nhu cầu sinh hoạt và một phần nhu cầu sản xuất.

Theo báo cáo năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong khi tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 30,2%, đạt 100,7% chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Điều này cho thấy việc tiếp cận nước sạch của người dân đã có chuyển biến, nhưng tỷ lệ sử dụng nước sạch tập trung vẫn còn ở mức chưa cao.

Hiện nay, tại một số khu vực dân cư đã được đầu tư hệ thống cấp nước tập trung, tuy nhiên nhiều khu vực vẫn sử dụng nguồn nước tự khai thác phục vụ sinh hoạt. Trong bối cảnh phát triển đô thị, nhu cầu mở rộng hệ thống cấp nước sạch, nâng cao tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch là yêu cầu cần thiết.

Theo chỉ tiêu năm 2026, địa phương tiếp tục phấn đấu duy trì 100% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và có 32% dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn.

Nhìn chung, hệ thống cấp nước trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hiện nay; tuy nhiên, cần tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước sạch theo định hướng quy hoạch và yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước và công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Tân Khai được tổ chức thực hiện theo điều kiện hạ tầng hiện có, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Đối với nước mưa và nước thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước hiện nay chủ yếu là các tuyến thoát nước tự nhiên, rãnh thoát nước và một số công trình thoát nước cục bộ tại khu dân cư và dọc các tuyến giao thông. Hệ thống này từng bước được đầu tư, sửa chữa, nhưng chưa đồng bộ theo tiêu chuẩn đô thị.

Đối với nước thải công nghiệp, các khu công nghiệp trên địa bàn thực hiện thu gom, xử lý theo hệ thống xử lý nước thải riêng trong phạm vi dự án, bảo đảm theo quy định về bảo vệ môi trường.

Về công tác vệ sinh môi trường, hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được triển khai trên địa bàn, góp phần duy trì vệ sinh môi

trường khu dân cư. Theo chỉ tiêu năm 2026, xã Tân Khai phân đầu tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 73,6%.

Công tác bảo vệ môi trường được thực hiện gắn với tuyên truyền, vận động người dân tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, xử lý chất thải, bảo vệ cảnh quan tại khu dân cư và nơi công cộng.

Nhìn chung, hệ thống thoát nước và công tác vệ sinh môi trường của xã Tân Khai cơ bản đáp ứng yêu cầu hiện tại; tuy nhiên, để đáp ứng mục tiêu phát triển đô thị trong thời gian tới, cần tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn và các công trình hạ tầng môi trường theo định hướng quy hoạch.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng

Công tác quốc phòng trên địa bàn xã Tân Khai được triển khai nghiêm túc, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh và bảo đảm yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ đi vào chiều sâu, vững chắc.

Ngay sau khi xã Tân Khai chính thức đi vào hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn. Làm tốt công tác chuẩn bị, tổ chức thành công cuộc diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ năm 2025. Qua đó, nâng cao vai trò của cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể đối với công tác quân sự, quốc phòng địa phương.

Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được triển khai theo đúng quy định. Theo chỉ tiêu năm 2026 xã Tân Khai hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân; hoàn thành bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng đạt 100% chỉ tiêu theo kế hoạch. Đây là cơ sở quan trọng tăng cường củng cố quốc phòng địa phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Cùng với đó, lực lượng dân quân tiếp tục được củng cố, kiện toàn; công tác đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự được triển khai theo quy định. Các nhiệm vụ về huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và phối hợp giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn được thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

Nhìn chung, công tác quốc phòng của xã Tân Khai được triển khai đồng bộ, gắn với yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ địa bàn trong tình hình hiện nay.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

Trong những năm qua, Đảng ủy, UBND xã quan tâm, chỉ đạo lực lượng Công an xã chủ trì, phối hợp các ban, ngành, đoàn thể triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Việc phân công trách nhiệm được thực hiện rõ ràng, cụ thể theo từng lĩnh vực công tác, từng địa bàn, từng cán bộ phụ trách; đồng thời gắn trách nhiệm người đứng đầu trong công tác tham mưu, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện. Qua đó, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã Tân Khai cơ bản được giữ vững ổn định, không phát sinh các vụ việc xâm phạm an ninh quốc gia hoặc hình thành các “điểm nóng” về ANTT. Hàng năm, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông được kéo giảm, không để hình thành các băng, nhóm tội phạm, tụ điểm tệ nạn xã hội hoạt động phức tạp, gây bức xúc trong dư luận quần chúng Nhân dân, góp phần tạo môi trường trong sạch, lành mạnh, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

9.1. Đảng ủy

Đảng bộ xã Tân Khai được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức đảng của thị trấn Tân Khai, xã Tân Hiệp và xã Đồng Nơ theo chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã. Sau khi thành lập, Đảng bộ xã đã nhanh chóng được kiện toàn tổ chức, bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực của địa phương.

Hiện nay, Đảng bộ xã có 37 tổ chức đảng trực thuộc với khoảng 850 đảng viên, được tổ chức tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị và các khu vực trên địa bàn. Các tổ chức đảng được bố trí phù hợp với địa bàn quản lý và đặc điểm dân cư, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị ở cơ sở.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã được kiện toàn theo quy định, thực hiện chức năng lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị. Các đồng chí trong Ban Chấp hành được phân công phụ trách lĩnh vực, địa bàn và các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ theo quy chế làm việc.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy được tổ chức theo quy định, bao gồm các lĩnh vực tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, dân vận... bảo đảm tham mưu kịp thời, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy.

Công tác xây dựng Đảng được triển khai toàn diện, trong đó công tác sinh hoạt chi bộ được duy trì nền nếp; công tác phát triển đảng viên, quản lý đảng viên, kiểm tra, giám sát được thực hiện theo quy định. Các hoạt động của tổ chức đảng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị tại địa phương.

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Hội đồng nhân dân xã Tân Khai được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo thẩm quyền.

Các kỳ họp Hội đồng nhân dân được tổ chức theo quy định, xem xét, thông qua các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nội dung quan trọng khác của địa phương. Hoạt động tiếp xúc cử tri được thực hiện định kỳ, tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp nhận, phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Ủy ban nhân dân xã Tân Khai được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn. Các thành viên Ủy ban nhân dân được phân công phụ trách từng lĩnh vực, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã được bố trí theo cơ cấu tổ chức, bao gồm các lĩnh vực kinh tế, tài chính, địa chính - xây dựng, văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

Hoạt động quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện thông qua việc ban hành các văn bản quản lý, tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác cải cách hành chính được quan tâm thực hiện; việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại bộ phận một cửa, bảo đảm đúng quy trình, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tân Khai được tổ chức theo quy định, thực hiện chức năng tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia giám sát và phản biện xã hội, góp phần xây dựng chính quyền vững mạnh.

Các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức khác được tổ chức và hoạt động trên địa bàn, triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động và các chương trình công tác theo kế hoạch.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

Các hoạt động được triển khai tại khu dân cư, cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư, góp phần phát huy vai trò của Nhân dân trong phát triển địa phương.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Đội ngũ cán bộ, công chức xã Tân Khai được bố trí theo quy định sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Trong điều kiện xã có quy mô diện tích lớn, dân số đông, phạm vi quản lý rộng và tốc độ phát triển nhanh, khối lượng công việc của đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng tăng, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng, đô thị, dân cư, an sinh xã hội và cải cách hành chính.

Đội ngũ cán bộ, công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực quản lý nhà nước; từng bước nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới.

Nhìn chung, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của xã Tân Khai cơ bản ổn định, hoạt động theo quy định, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn; đồng thời, trong bối cảnh phát triển đô thị, yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là hết sức cần thiết để đáp ứng yêu cầu quản lý trong thời gian tới.

IX. Đối với xã Dầu Giây

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Dầu Giây được thành lập trên cơ sở sáp nhập địa giới hành chính và tổ chức bộ máy của các xã Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Lộ 25 và thị trấn Dầu Giây theo Nghị Quyết số 1662/NQ-UBTVQH15, được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025 và chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương từ ngày 01/7/2025. Xã có 17 ấp, diện tích đất tự nhiên 98,87km², dân số 70.264

người; đồng bào có đạo chiếm trên 71%; có 18 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc kinh chiếm 91,97%. Xã Dầu Giây nằm ở phía Nam của tỉnh Đồng Nai, có ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: giáp phường Bình Lộc và phường Xuân Lập;
- Phía Bắc: giáp xã Gia Kiệm và xã Bàu Hàm;
- Phía Tây: giáp xã Hưng Thịnh;
- Phía Nam: giáp xã Bình An và xã Xuân Quế.

1.2. Vai trò chức năng

Xã Dầu Giây thuộc tỉnh Đồng Nai, có vị trí địa lý thuận lợi, là địa bàn có vai trò quan trọng trong kết nối giao thông, giao thương và phát triển công nghiệp - dịch vụ của khu vực. Địa bàn có lợi thế trong liên kết vùng, tiếp giáp các khu vực phát triển năng động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội, khu vực trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của đô thị Dầu Giây. Là địa bàn tập trung phát triển công nghiệp và dịch vụ, xã đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Đồng thời, xã Dầu Giây có vị trí thuận lợi trong kết nối giao thông liên vùng, gắn với các đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa và khu vực Long Thành. Xã giữ vai trò là khu vực trung chuyển, phát triển logistics và kho vận phục vụ sản xuất công nghiệp. Bên cạnh đó, đây là khu vực hạt nhân phát triển không gian đô thị, góp phần giãn dân và hình thành các khu dân cư tập trung. Đồng thời, xã là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ phục vụ nhu cầu dân sinh và sản xuất. Với các lợi thế nêu trên, xã Dầu Giây giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đô thị và định hướng thành lập phường trong thời gian tới.

Xã Dầu Giây có vai trò và vị trí thuận lợi để thu hút, đầu tư phát triển theo định hướng đô thị với những yếu tố:

- + Nằm trên hành lang các tuyến giao thông lớn của quốc gia: QL.20 (kết nối 2 tỉnh Đồng Nai – Lâm Đồng); QL.1 (hành lang kinh tế Bắc Nam kết nối các đô thị trọng điểm và với vùng thành phố Hồ Chí Minh).
- + Tiếp giáp và tiếp cận trực tiếp với các đô thị động lực của tỉnh (Biên Hòa và Long Khánh); nằm trong vùng phát triển đô thị của tỉnh và tiếp cận thuận tiện với các khu vực động lực của vùng và quốc gia (cảng hàng không quốc tế Long Thành, thành phố Hồ Chí Minh...)

+ Khu vực đã được quản lý đầu tư một phần theo định hướng đô thị (thị trấn Dầu Giây trước đây là đô thị loại V; là trung tâm hành chính chính trị, trung tâm tổng hợp của huyện Thống Nhất cũ).

+ Kết cấu hạ tầng khung đã được đầu tư cơ bản cả về số lượng và chất lượng (Hạ tầng xã hội: hệ thống văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục; Hạ tầng kinh tế: Khu công nghiệp Dầu Giây đã hình thành và hoạt động; Hạ tầng kỹ thuật: giao thông đô thị, cấp điện, cấp nước....).

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên: 98,86 km²

2.2. Cơ cấu các loại đất

Tổng diện tích tự nhiên của xã Dầu Giây là 9.886,42 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 8.150,13 ha, chiếm 82,44%; diện tích đất phi nông nghiệp 1.682,98 ha, chiếm 17,02% và 53,31 ha nhóm đất chưa sử dụng, chiếm 0,54%.

Bảng 01: Thống kê diện tích theo mục đích sử dụng

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	TTN	9.886,42	100
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	8.150,13	82,44
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	1.228,56	15,07
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.757,53	82,91
3	Đất lâm nghiệp	LNP	-	-
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,09	0,20
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	37,47	0,46
6	Đất làm muối	LMU	-	-
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	110,48	1,36
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	1.682,98	17,02

STT	Mục đích sử dụng	MÃ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	OTC	554,06	32,92
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,99	0,95
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	12,82	0,76
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	64,09	3,81
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	396,53	23,56
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	503,49	29,92
7	Đất tôn giáo	TON	15,75	0,94
8	Đất tín ngưỡng	TIN	1,22	0,07
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	19,00	1,13
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	100,04	5,94
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	53,31	0,54
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	53,31	100,00
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-

2.1.1. Nhóm đất nông nghiệp.

Diện tích đất nông nghiệp 8.150,13 ha, chiếm 82,44 % tổng diện tích tự nhiên. Cơ cấu như sau:

- Đất trồng cây hằng năm: Diện tích 1.228,56 ha, chiếm 15,07 % diện tích

đất nông nghiệp

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 6.757,53 ha, chiếm 82,91 % diện tích đất nông nghiệp.

- Đất lâm nghiệp: Trên địa bàn xã không có loại đất này.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 16,09 ha, chiếm 0,20 % diện tích đất nông nghiệp, chủ yếu là diện tích nuôi cá nước ngọt.

- Đất chăn nuôi tập trung: Diện tích 37,47 ha, chiếm 0,46 % diện tích đất nông nghiệp.

- Đất làm muối: trên địa bàn xã không có loại đất này.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích 110,48 ha, chiếm 1,36 % diện tích đất nông nghiệp.

2.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích 1.682,98 ha, chiếm 17,02 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- Đất ở: Diện tích 554,06 ha, chiếm 32,92 % diện tích đất phi nông nghiệp. Toàn bộ là đất ở tại nông thôn tập trung chủ yếu ở các trục đường chính trong xã, ngoài ra còn một số hộ sống rải rác trong nương rẫy để thuận tiện cho việc sản xuất nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích 15,99 ha, chiếm 0,95 % diện tích đất phi nông nghiệp, là diện tích xây dựng các công trình: Trụ sở UBND và văn phòng làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã.

- Đất quốc phòng, an ninh: diện tích 12,82 ha, chiếm 0,76 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: diện tích 64,09 ha, chiếm 3,81 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: diện tích 22,02 ha, gồm các công trình trung tâm văn hóa, học tập cộng đồng nhằm phục vụ nhu cầu về đời sống tinh thần của người dân.

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: diện tích 0,19 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: diện tích 3,97 ha, là diện tích các trạm y tế và các cơ sở khám chữa bệnh khác nhằm đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: diện tích 36,28 ha, là diện tích các cơ sở giáo dục nhà nước trên địa bàn xã như: Trường mầm non, Trường Tiểu học, Trường THCS,...

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao: diện tích 0,54 ha gồm các sân vận động, trung tâm thể dục thể thao trên địa bàn xã.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: diện tích 1,08 ha.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: diện tích 396,53 ha, chiếm 23,56 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể:

+ Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp: diện tích 351,02 ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ: diện tích 20,99 ha,

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích 24,52 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: diện tích 503,49 ha, chiếm 29,92 % diện tích đất phi nông nghiệp, cụ thể:

+ Đất công trình giao thông: diện tích 462,09 ha, chiếm đa số diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng, gồm các tuyến đường lớn và các tuyến đường nội bộ phục vụ dân sinh.

+ Đất công trình thủy lợi: diện tích 12,85 ha.

+ Đất công trình cấp nước, thoát nước: diện tích 0,88 ha.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: diện tích 9,60 ha.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: diện tích 1,58 ha.

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: diện tích 0,57 ha.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: diện tích 3,06 ha chủ yếu là chợ truyền thống phục vụ nhu cầu mua bán hàng ngày của người dân.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: diện tích 12,87 ha bao gồm sân vận động Đồng Nai và các sân bóng nhỏ lẻ phục vụ nhu cầu thể thao của người dân.

- Đất tôn giáo: diện tích 15,75 ha, chiếm 0,94 % đất phi nông nghiệp, với các công trình tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động trên địa bàn.

- Đất tín ngưỡng: diện tích 1,22 ha, chiếm 0,07 % đất phi nông nghiệp, là diện tích của các đình, miếu trên địa bàn xã phục vụ các mục đích tín ngưỡng

dân gian, do cộng đồng dân cư quản lý và sử dụng.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: diện tích 19,00 ha, chiếm 1,13 % đất phi nông nghiệp, là diện tích của các khu nghĩa trang trên địa bàn xã...

- Đất có mặt nước chuyên dùng: diện tích 100,04 ha, chiếm 5,94 % đất phi nông nghiệp.

- Đất phi nông nghiệp khác: trên địa bàn xã không có loại đất này.

2.1.3. Nhóm đất chưa sử dụng:

Tổng diện tích: 53,31 ha, chiếm 0,54% diện tích tự nhiên. Toàn bộ là đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê.

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Dân số 70.264 người

3.2. Cơ cấu lao động: Lao động tại xã Dầu Giây chuyển dịch từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp tăng nhờ việc chuyển đổi nghề nghiệp cho nông dân, sự phát triển của khu công nghiệp Dầu Giây dẫn đến một bộ phận lớn lao động thay đổi theo. Qua rà soát tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của xã Dầu Giây đạt từ 75% trở lên trên tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn. Lao động nông, lâm thủy sản còn khoảng 25%.

3.3. Thành phần dân cư (thành thị/nông thôn): Dân số toàn xã Dầu Giây là: 70.264 người. Dân số có đặc điểm dân cư thành thị trên địa bàn xã Dầu Giây là 36.564 người, chiếm 52,04% tổng dân số toàn xã (36.564 người/70.264 người).

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế gồm: GRDP, cơ cấu ngành, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo, lao động phi nông nghiệp...

- Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn: 12.677.178 triệu đồng.

- Giá trị sản phẩm công nghiệp – xây dựng: 8.340 triệu đồng, chiếm 83% tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn.

- Thu nhập bình quân đầu người của xã trong 3 năm gần đây.

- + Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2023: 86,6 triệu đồng.

- + Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2024: 89,5 triệu đồng.

- + Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2025: 92,4 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của huyện (cũ) năm 2023: 0,2%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của huyện (cũ) năm 2024: 0,2%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của xã năm 2025: 0,16%.

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

Hiện nay trên địa bàn có 111 cơ sở sản xuất công nghiệp đang hoạt động ổn định, đáp ứng sản phẩm, hàng hóa phục vụ nhân dân trên địa bàn xã cũng như cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Trên địa bàn xã Dầu Giây được quy hoạch 02 khu công nghiệp (KCN Dầu Giây, KCN Dầu Giây giai đoạn 2) và 02 cụm công nghiệp (CCN Hưng Lộc, CCN Lộ 25). KCN Dầu Giây diện tích hơn 330ha, đã đi vào hoạt động thu hút 29 doanh nghiệp thứ cấp thuê đất để sản xuất, tỷ lệ lấp đầy trên 92%. KCN Dầu Giây giai đoạn 2 có diện tích 145ha đang được Ban quản lý Khu công nghiệp triển khai lập Quy hoạch chi tiết xây dựng để mời gọi nhà đầu tư; CCN Hưng Lộc có diện tích 22,94 đã được phê duyệt Quy hoạch 1/500, hiện nay chủ đầu tư đang triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật; CCN Lộ 25 đã được phê duyệt vào danh mục CCN của tỉnh. Hiện nay đang mời gọi nhà đầu tư.

- Về thương mại - dịch vụ: Xã Dầu Giây có vị trí thuận lợi về kết nối giao thông do nằm trên tuyến đường Quốc lộ 1A, Quốc lộ 20; gần nút giao các tuyến cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Dầu Giây - Phan Thiết, Dầu Giây – Tân Phú tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại, dịch vụ của xã phát triển. Hiện nay, trên địa bàn có Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây, 06 chợ truyền thống; 03 cửa hàng tiện lợi và hơn khoảng 2.000 hộ kinh doanh hoạt động đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân trên địa bàn.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

Giá trị sản xuất Nông Lâm thủy sản giảm dần về cơ cấu giá trị ngành; quy mô sản xuất nông - lâm - thủy sản thu hẹp dần, chuyển dịch sang các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ có giá trị cao hơn, cụ thể: cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ: 16,9 % và hiện đang giảm dần xuống dưới 10% (kết quả cuối năm 2025 giá trị ngành nông nghiệp là: 2.151.090 triệu đồng trên tổng giá trị thu nhập toàn xã: 12.677.178 triệu đồng trong tổng GDRP của toàn xã).

Sản xuất nông nghiệp đang dần ổn định và phát triển theo hướng tăng giá trị hàng hóa nông nghiệp; phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn như: cà phê, điều, tiêu, ca cao và cây ăn quả... đồng thời đẩy mạnh nghề chăn nuôi gia súc gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

Trồng trọt: Trong sản xuất nông nghiệp đã có sự đầu tư về giống, phân bón, đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp nhằm thâm canh tăng năng suất cây trồng, nâng cao hiệu quả trong sản xuất. Diện tích gieo trồng cây hàng năm (cây mì, cây bắp, cây mía), cây công nghiệp (cacao, tiêu, điều,...) và cây ăn quả.

Chăn nuôi: Bên cạnh sản xuất nông nghiệp tình hình phát triển chăn nuôi chủ yếu là heo và bò trong các năm qua có bước chuyển biến rõ rệt. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh và giá cả không ổn định, nhưng số đàn gia súc, gia cầm vẫn duy trì và phát triển ổn định. Giá trị sản xuất hàng năm đều tăng, đáp ứng nhu cầu cải thiện đời sống của nhân dân trong xã, nâng cao kinh tế gia đình.

Thủy sản: Nghề nuôi trồng thủy sản trên địa bàn cũng có chiều hướng phát triển, góp phần tạo công việc cho người lao động nâng cao nguồn thu nhập và ổn định cuộc sống cho người dân.

Nhìn chung, trong những năm qua ngành nông nghiệp của xã đã có sự phát triển ổn định theo hướng thâm canh, áp dụng việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất và sản lượng, đem lại hiệu quả kinh tế và thu nhập cho nông dân.

Lĩnh vực chăn nuôi còn gặp nhiều thách thức do chưa đáp ứng được yêu cầu về môi trường, dịch bệnh đe dọa ảnh hưởng đến cơ cấu ngành nông nghiệp. Quy hoạch chăn nuôi giai đoạn 2025-2030 chưa phù hợp với tình hình sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Dầu Giây tiếp tục được quan tâm đầu tư, mạng lưới trường lớp được bố trí tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân và phù hợp với quy mô dân số, tốc độ đô thị hóa của địa phương.

Hiện nay, mạng lưới trường lớp trên địa bàn xã Dầu Giây cơ bản đầy đủ, phân bố tương đối hợp lý theo các cấp học, đáp ứng nhu cầu học tập trước mắt của nhân dân. Quy mô trường lớp, số lượng học sinh các cấp học ổn định; tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đầu cấp và tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS tiếp

tục học THPT đạt mức cao, cho thấy công tác duy trì sĩ số và phổ cập giáo dục được thực hiện hiệu quả. Toàn xã hiện không có trường tổ chức học ca 3, nhiều trường đã triển khai dạy học 2 buổi/ngày, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Năm học 2025-2026, trên địa bàn xã Dầu Giây có 19 trường công lập (trong đó Mầm non: 08 trường, Tiểu học: 06 trường, THCS: 02 trường, TH&THCS: 03 trường), 16 lớp mầm non, mẫu giáo độc lập tư thục; hiện tại có đủ mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn xã sau sáp nhập. Toàn xã có 330 lớp/11.906 học sinh (Trong đó Mầm non 70 lớp/1.884 HS, Tiểu học: 161 lớp/5.721 HS, THCS 99 lớp/4.301 HS); cán bộ quản lý là 41 người, giáo viên là 556 người và nhân viên là 85 người.

Ngoài ra, xã còn có 01 trường THPT với 1.605 học sinh và 01 Trung tâm GDNN-GDTX. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia đạt 89.5%, vượt chỉ tiêu NQ (89%).

- Về Kiểm định chất lượng: 19/19 trường đạt KĐCL từ mức độ 1 trở lên (trong đó đạt mức độ 1: 01 trường, đạt mức độ 2: 13 trường, đạt mức độ 3: 05 trường).

- Về Chuẩn quốc gia: 17/19 trường đạt chuẩn quốc gia từ mức độ 1 trở lên (trong đó đạt mức độ 1: 12 trường, đạt mức độ 2: 05 trường).

5.2. Y tế

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Dầu Giây tiếp tục được quan tâm. Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 Trung tâm Y tế khu vực Thống Nhất, 01 Trạm Y tế xã và 03 điểm Trạm Y tế. Trạm Y tế xã hiện có 40 viên chức, trong đó Bác sỹ: 04 (03 bác sỹ đa khoa và 01 bác sỹ đông y); Y sỹ đa khoa: 08; Y sỹ YHCT: 05; Nữ hộ sinh: 04; Điều dưỡng: 06; Dược sỹ: 05; Dân số viên: 06, 01 kế toán, 01 kỹ sư thực phẩm. Mạng lưới y tế ấp gồm 17 nhân viên đảm bảo độ bao phủ tại các địa bàn.

Trạm y tế đảm bảo đủ 14 phòng chức năng, có vườn thuốc nam mẫu với trên 40 loại cây thuốc theo nhóm bệnh. Hệ thống y tế tư nhân phát triển mạnh với 02 phòng khám đa khoa lớn cùng mạng lưới các phòng khám chuyên khoa và cơ sở dược.

Mạng lưới y tế cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng, chống dịch bệnh và thực hiện các chương trình y tế cộng đồng. Nhìn chung, hệ thống y tế trên địa bàn được bố trí tương đối đồng bộ, đáp ứng cơ bản nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, phù hợp với quy mô dân số.

5.3. Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn xã Dầu Giây luôn được quan tâm chỉ đạo và ưu tiên phát triển, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của địa phương.

- Kế thừa là trung tâm của huyện Thống Nhất cũ, từ khi được thành lập đến nay xã Dầu Giây tiếp tục tăng cường, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, giáo dục giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống, đặc biệt là cho thế hệ trẻ, thông qua các phương tiện truyền thông cơ sở, tờ rơi và các hoạt động ngoại khóa tại trường học. Một trong những kết quả nổi bật là ý thức văn hóa của Nhân dân được nâng lên rõ rệt, qua công tác tuyên truyền sâu rộng, người dân đã hình thành thói quen tiếp cận thông tin văn hóa một cách chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng. Tư tưởng “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội” ngày càng được thể hiện qua hành động cụ thể như: Ứng xử văn minh, xây dựng gia đình hạnh phúc, quan tâm gìn giữ cảnh quan môi trường, tự giác tuân thủ quy định địa phương.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đi vào thực chất, thể hiện qua tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 99,5% (năm 2025 vượt 1,5% so với chỉ tiêu là 98%), 17/17 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa đạt 100%. Các ấp đã có chuyên biến mạnh về đoàn kết cộng đồng, xây dựng nếp sống văn minh trong cưới, tang, lễ hội, giảm tối đa các hủ tục và hành vi phản cảm.

- Đến nay, 100% các ấp đã thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung hương ước - quy ước theo đúng Nghị định 61/2023/NĐ-CP. Trên địa bàn xã có 17/17 ấp có quy ước đảm bảo các quy định của văn bản dưới luật và đang áp dụng phù hợp với thực tế của ấp, tổ nhân dân, phát huy vai trò tự quản của cộng đồng.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại Nhà Văn hóa xã và các ấp trong các dịp lễ, sự kiện lớn của đất nước và địa phương đã khuyến khích người dân chủ động tham gia và phát huy năng lực sáng tạo, hoạt động của Đội văn nghệ của cấp xã và đội văn nghệ của các ấp thường xuyên luyện tập các tiết mục sẵn sàng tham gia các chương trình góp vui cho các đại hội, hội nghị tổng kết sơ kết của các ban ngành, đoàn thể. Phối hợp các trường học tổ chức các đêm văn nghệ, các ban ngành đoàn thể, khu phố tổ chức các chương trình văn nghệ góp vui trong các dịp tổ chức các hội nghị; các câu lạc bộ thể dục thể thao được duy trì hoạt động thường xuyên như: Bóng đá, Yoga, Lân sư rồng, Võ cổ truyền, Dưỡng sinh, Xe đạp,...thông qua hoạt động của các câu lạc bộ này nhằm phát hiện các nhân tố có triển vọng đưa vào đội tuyển tham gia các giải do huyện, tỉnh tổ chức như: bộ môn bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, việt dã, cờ tướng, cờ vua, kéo co, nhảy bao bố, đẩy gậy...). Hiện có 40% số

người dân tập luyện TDTT thường xuyên và 35% hộ đạt chuẩn gia đình thể thao. Bên cạnh các môn truyền thống như bóng đá, võ thuật cổ truyền, địa phương đang phát triển mạnh các bộ môn mới, hợp thời đại như: Bóng chuyền hơi nữ, Cầu lông, và đặc biệt là Pickleball. Duy trì các giải giao lưu bóng đá, trò chơi dân gian vào các dịp lễ hội, góp phần nâng cao sức khỏe và sự gắn kết cộng đồng.

- Trên địa bàn xã có 03 di tích lịch sử cấp tỉnh (Đình Hưng Lộc và Đình Dầu Giây và Vườn Cao su Dầu Giây) luôn được quan tâm, duy tu và bảo tồn hiệu quả.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục được duy trì và phát triển; các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được tổ chức thường xuyên, nhất là vào các dịp lễ, tết, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương. Hằng năm, địa phương thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội diễn và các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan, góp phần nâng cao nhận thức, tạo không khí phấn khởi trong Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng ngày càng phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo người dân tham gia. Tỷ lệ người dân tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thường xuyên Các giải thi đấu thể thao quần chúng, các hoạt động giao lưu thể thao được tổ chức thường xuyên với nhiều nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng, qua đó góp phần rèn luyện sức khỏe, tăng cường đoàn kết cộng đồng và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của Nhân dân.

Công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai thường xuyên, kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, thương binh và xã hội, nhất là việc thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng trên địa bàn xã Dầu Giây luôn được quan tâm chỉ đạo, triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và giữ vững ổn định chính trị - xã hội tại địa phương.

Đối với lĩnh vực bảo trợ xã hội, Ủy ban nhân dân xã đã tập trung rà soát, quản lý và chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội

đúng quy định; phối hợp cập nhật tăng, giảm đối tượng kịp thời; thực hiện cơ bản đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất. Đến nay, trên địa bàn xã Dầu Giây có 2.708 người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng. Đây là nhóm đối tượng chủ yếu gồm người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người thuộc diện bảo trợ xã hội khác theo quy định hiện hành.

Công tác tiếp nhận, xét duyệt, lập hồ sơ, quản lý đối tượng từng bước đi vào nền nếp; việc chi trả trợ cấp cơ bản được thực hiện đúng thời gian, đúng đối tượng, hạn chế tình trạng chậm, sót hoặc chi trả không đúng chế độ. Bên cạnh đó, địa phương cũng quan tâm lồng ghép các chính sách hỗ trợ về bảo hiểm y tế, mai táng phí, trợ giúp đột xuất khi gặp rủi ro, thiên tai, bệnh tật, góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng yếu thế trong cộng đồng.

Đối với lĩnh vực Người có công, Ủy ban nhân dân xã đã tập trung rà soát, quản lý và chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng cho các đối tượng đúng quy định; phối hợp cập nhật tăng, giảm đối tượng kịp thời; thực hiện cơ bản đầy đủ các chính sách ưu đãi cho người có công với cách mạng. Hiện nay, trên địa bàn xã Dầu Giây có 226 người có công và thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng, với tổng kinh phí chi trả khoảng 900 triệu đồng/tháng, 478 đối tượng hưởng trợ cấp 01 lần. Ngoài ra, có 211 đối tượng đang hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hằng năm.

Địa phương hiện có 01 Đền thờ Liệt sĩ và 01 nhà bia ghi danh các anh hùng liệt sĩ là nơi thực hiện công tác quản lý, chăm sóc, tổ chức các hoạt động tri ân, tưởng niệm, giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn xã.

Trong thời gian qua, dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, công tác “Đền ơn đáp nghĩa” và chăm lo gia đình chính sách được triển khai thường xuyên, hiệu quả. Các chế độ, chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng, đúng quy định; đồng thời địa phương tích cực huy động các nguồn lực xã hội, phát huy vai trò của cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng.

5.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

Công tác tôn giáo, tín ngưỡng và dân tộc trên địa bàn xã Dầu Giây luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo được triển khai kịp thời, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn.

Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn cơ bản diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật; các cơ sở tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động nhân đạo, từ thiện và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Phật giáo: Có 12 cơ sở thờ tự được nhà nước công nhận, gồm: Chùa Huệ Viễn, Chùa Phổ Duyên, Chùa Phổ Minh, Chùa Hưng Lâm, Chùa Khánh Lâm, Chùa Tịnh Quang, Chùa Long An, Chùa Bảo Huệ, Chùa Nhất Pháp, Niệm Phật đường Quan Thế Âm, Thiền viện Nguyên Không, Ban quản trị Chùa Trí Tịnh với 12 vị trụ trì khoảng 15.962 tín đồ Phật tử.

Công giáo: có 11 cơ sở được nhà nước công nhận, gồm: Giáo xứ Hưng Bình, Giáo xứ Dầu Giây, Giáo xứ Xuân Đức, Giáo xứ Hưng Lộc, Giáo xứ Minh Hòa, Giáo xứ Minh Tín, Giáo xứ Xuân Long, Giáo xứ Xuân Linh, Tu hội Têrêxa Hải đồng Giêsu – cộng đoàn Minh Hòa, Cộng đoàn Xuân Long, Cộng đoàn Xuân Linh, Tu viện Mân côi Đa Minh với 8 chức sắc và khoảng 29.385 tín đồ, có 2 cơ sở chưa được nhà nước công nhận là Dòng tu Mến thánh Giá Vò Vập, Cộng đoàn Xuân Linh.

Tin lành: có 2 cơ sở được nhà nước công nhận gồm: Chi hội tin Lành Dầu Giây, Chi hội Tin Lành Lộ 25, với hơn 485 tín đồ, có 1 Điểm nhóm Tin lành Baptis Liên Hiệp chưa được nhà nước công nhận, nhưng hệ phái này được hoạt động theo chỉ thị 01 của Chính phủ.

Cao Đài: Có 2 cơ sở được nhà nước công nhận gồm: Họ đạo Cao đài Dầu Giây, Họ đạo Cao đài Hưng Lộc, có 2 cai quản và hơn 1.475 đạo hữu

Ngoài ra còn có các cơ sở thờ tự tín ngưỡng dân gian như: Miếu Âm hồn địa xứ Dầu Giây, Đình làng Dầu Giây, Đền Cờn, Miếu ngũ hành Nương Nương, Đền Đông Cuôn, Đền Ông Y, Miếu Âm Hồn, Miếu Bà Chúa Xứ, Đình Làng 97, Đình Hưng Lộc, Miếu Bà, Miếu bà Hưng Nghĩa, Miếu 52, Miếu người Hoa, Miếu Cây Trường, Miếu Sơn Lâm Bà Bà, Miếu thờ thổ Thần, Đình Thần, Miếu Ông Công, Miếu Ông Hổ, Miếu Án Thủ.

- Về Dân tộc

Tình hình hoạt động vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã cơ bản ổn định, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số được triển khai kịp thời, đúng đối tượng. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; công tác vận động quần chúng tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” đạt kết quả tích cực.

Trên địa bàn xã Dầu Giây hiện nay có 18 thành phần dân tộc ít người như: (Thái, Sán diu, Khơ me, Châu ro, Chăm, Tày, Hoa, Nùng, Mường) trong đó có 1.451 hộ, 5.212 khẩu, chiếm tỷ lệ 0,72% dân số toàn xã.

Trên địa bàn xã có 06 người uy tín trong đồng bào dân tộc, trong đó có 02 người uy tín là đảng viên. Người uy tín am hiểu phong tục, tập quán, nắm được tâm tư nguyện vọng của mọi người trong cộng đồng cùng với kinh nghiệm thực tế, đã trực tiếp thuyết phục, hòa giải kịp thời, thấu tình, đạt lý nhiều vụ việc trong thời gian qua tại cộng đồng, không để xảy ra “điểm nóng” góp phần giữ bình yên cho nhân dân trên địa bàn. Nguồn thu nhập chính của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, lao động làm thuê và kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện; các chính sách dân tộc, an sinh xã hội, hỗ trợ sản xuất, giáo dục, y tế được địa phương quan tâm thực hiện.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã phân bố không đều, đông nhất ở khu vực khu trung tâm hành chính cũ và dọc tuyến đường QL20, QL1A và ĐT.769, còn lại phân bố rải rác theo các khu ấp và các tuyến giao thông nông thôn. Đến nay, trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát. Tổng số nhà ở kiên cố là 15.490 căn/15.490 căn đạt tỷ lệ 100% theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

6.2. Công trình cơ quan hành chính

Trung tâm hành chính xã Dầu Giây được tiếp quản và sử dụng từ trụ sở các cơ quan hành chính huyện Thống Nhất cũ, bao gồm 11 trụ sở/98.500m²; Các trụ sở này được đầu tư xây dựng và cải tạo sửa chữa định kỳ nên cơ bản đáp ứng nhu cầu cho một chính quyền thân thiện và hiện đại.

6.3. Công trình giáo dục

Giáo dục và đào tạo là lĩnh vực được địa phương quan tâm đầu tư, với hệ thống cơ sở giáo dục tương đối đồng bộ, phân bố phù hợp theo nhu cầu dân cư, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn. Trong những năm qua, mạng lưới trường lớp từng bước được củng cố, cơ sở vật chất được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa của địa phương.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn là..... ha. Trên địa bàn hiện có hệ thống các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục nghề

nghiệp – Giáo dục thường xuyên đang hoạt động, phục vụ nhu cầu học tập của con em Nhân dân trong và ngoài địa bàn.

6.4. Công trình y tế

Hệ thống cơ sở y tế trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân, nhất là nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu và chăm sóc sức khỏe thường xuyên tại cơ sở. Trong những năm qua, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh ban đầu và thực hiện các chương trình y tế quốc gia luôn được quan tâm triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, chủ động phòng ngừa dịch bệnh và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế trên địa bàn là... ha, bao gồm trung tâm y tế, trạm y tế và các cơ sở khám, chữa bệnh khác đang hoạt động. Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 Trung tâm Y tế khu vực Thống Nhất, 01 Trạm Y tế xã và 03 điểm Trạm Y tế, cơ bản bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu và phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân trên địa bàn.

Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu hiện tại, hệ thống y tế của địa phương còn có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm điều kiện hạ tầng xã hội khi dân số tiếp tục tăng và quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh hơn trong thời gian tới. Do đó, đây là một trong những lĩnh vực cần tiếp tục được đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực phục vụ để phù hợp với yêu cầu quản lý và phục vụ dân cư đô thị khi thành lập phường.

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Hạ tầng văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn xã Dầu Giây được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí, rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Các công trình, cơ sở văn hóa - thể thao không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt thường xuyên của người dân mà còn là nơi tổ chức các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Trụ sở Đài Truyền thanh với tổng diện tích đất là 9.414m². Trong đó diện tích xây dựng các phòng làm việc và các phòng chức năng là 329m².

- Trụ sở Thể dục - thể thao với tổng diện tích đất là 88.195m². Trong đó diện tích xây dựng các hạng mục bao gồm: Nhà thi đấu đa năng, Nhà điều hành, các phòng làm việc và các phòng chức năng, sân vận động (sân bóng đá, đường pic), sân bóng chuyền và sân bóng rổ, với tổng diện tích xây dựng là 28.414m².

- Trụ sở Văn hóa với tổng diện tích đất là 9.000m². Trong đó diện tích xây dựng Hội trường, các phòng làm việc và các phòng chức năng là 515m².

- 100% ấp có Nhà Văn hóa được sử dụng thường xuyên cho các hoạt động cộng đồng. 100% các ấp đều có cụm thiết chế văn hóa - thể thao ấp hoạt động ổn định.

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã phát triển tương đối ổn định, từng bước mở rộng về quy mô và đa dạng về loại hình, góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, sản xuất, giao thương hàng hóa và phục vụ đời sống dân cư. Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông thuận lợi, dân cư tập trung ngày càng đông và sự phát triển của công nghiệp - xây dựng trên địa bàn, lĩnh vực thương mại - dịch vụ có điều kiện phát triển mạnh, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương.

Trên địa bàn xã Dầu Giây có 01 chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Dầu Giây diện tích khoảng 02ha với 216 ô vực chuyên mua bán rau, củ, quả của người dân địa phương và các khu vực lân cận đồng thời kết hợp phục vụ cho khách tham quan, du lịch. Bên cạnh đó, dự án chợ Đầu mối Nông sản Dầu Giây giai đoạn 2 với diện tích 48ha đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và sẽ sớm đi vào hoạt động, đây là một trong những chợ đầu mối có diện tích lớn nhất khu vực Đông Nam Bộ.

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông

- Đường bộ: Trên địa bàn xã có 123,42km đường giao thông, trong đó có: 23,88km đường xã và 99,54km đường ấp, ngõ xóm; Đường xã đã được nhựa hóa đạt chuẩn 23,88km/23,88km đạt tỷ lệ 100%; Đường ấp, ngõ xóm đã được bê tông và cứng hóa 99,54km/99,54km đạt tỷ lệ 100%.

- Đường thủy nội địa (nếu có): Trên địa bàn xã Dầu Giây không có hệ thống đường thủy nội địa.

7.2. Thủy lợi:

Hiện nay, trên địa bàn xã có 05 công trình đập thủy lợi nhỏ và 02 hệ thống mương tiêu thoát nước. Trong đó, 04 công trình đang hoạt động hiệu quả (Cầu Máng, Ông Nhì, Ông Sinh, Suối Mủ), 01 công trình không còn khai thác (Ông Công). Ngoài ra, có 01 đập dâng phục vụ cánh đồng 78A, 78B đã hoàn thành nhưng chưa được bàn giao, chưa đưa vào sử dụng

7.3. Cấp điện

Đến nay, trên địa bàn toàn xã có 142,94km đường dây trung thế; 204,86km đường dây hạ thế và 301 trạm biến áp đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất và phát triển công nghiệp trên địa bàn xã. Số hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia 15.808/15.808 hộ đạt tỷ lệ 100%.

7.4. Cấp nước

Khu trung tâm xã và các khu vực dân cư tập trung đã được đầu tư hệ thống nước sạch từ Nhà máy nước Gia Tân và Trạm cấp nước tập trung xã Lộ 25, số hộ dân sử dụng nước sạch tập trung trên địa bàn toàn xã là 1.0297/15.808 hộ đạt tỷ lệ 65,14%.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt

Khu vực trung tâm Thị trấn sử dụng hệ thống thoát nước mưa chung, tự chảy. Nước mưa thoát theo hệ thống mương công và đổ ra lưu vực sông Nhạn và sông Thao. Mạng lưới chủ yếu là mương đan, cống hộp bê tông cốt thép, kết hợp với một số rãnh hở trong khu dân cư.

Khu vực ngoại thị: Nước mưa chủ yếu tự chảy theo địa hình tự nhiên ra các kênh rạch, suối khe tự thủy. Các trục quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện có các kênh hở, tuy nhiên hệ thống kết nối chưa hoàn chỉnh, chưa được đầu tư đồng bộ nên nhiều đoạn xuống cấp và bồi lắng, dẫn đến ngập úng, gây ngập úng cục bộ và ảnh hưởng tới môi trường.

- Thoát nước thải công nghiệp

Nước thải công nghiệp, chế xuất, phụ trợ: Hiện nay KCN đã xây dựng trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 2.000 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt loại B QCVN14/BTNM.

Nước thải y tế: Bệnh viện Dầu Giây hiện đã có hệ thống xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài. Các trung tâm y tế trong khu vực nước thải chủ yếu chỉ xử lý bằng bể tự hoại cục bộ.

- Xử lý chất thải rắn

Hiện nay, trên địa bàn xã Dầu Giây phát sinh khoảng 50 tấn/ngày chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và chuyển giao trực tiếp về Khu xử lý chất thải Quang Trung xử lý bằng phương pháp compost, tỷ lệ chôn lấp rác tro dưới 15%. Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 100%. Tỷ lệ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đạt 80%.

Tỷ lệ chất thải y tế, chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%.

Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 100%.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương trên địa bàn xã Dầu Giây được duy trì thường xuyên, nền nếp, bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Lực lượng quân sự xã thực hiện nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; công tác quản lý quân số, vũ khí, trang bị kỹ thuật được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh trên địa bàn.

Địa phương thường xuyên phối hợp với lực lượng Công an và các ngành chức năng trong công tác nắm tình hình, nhất là các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, khiếu kiện đất đai, tôn giáo, dân tộc, qua đó kịp thời tham mưu xử lý, không để phát sinh điểm nóng, vụ việc phức tạp kéo dài. Công tác tuần tra, kiểm soát địa bàn được duy trì thường xuyên, góp phần giữ vững ổn định địa bàn, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân tiếp tục được quan tâm thực hiện; địa phương chủ động nắm chắc tình hình, dự báo, phòng ngừa và xử lý kịp thời các tình huống có thể ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Đồng thời, bảo đảm tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương, góp phần củng cố khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

Quốc phòng: Thời gian qua công tác Quốc phòng địa phương trên địa bàn xã luôn được quan tâm triển khai và tổ chức thực hiện đồng bộ có chiều sâu bảo đảm xây dựng LLVT xã vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới; Công tác xây dựng, huấn luyện, SSCĐ của lực lượng DQTV, DBĐV, công tác tuyển quân, công tác GDQP-AN luôn đạt và vượt chỉ tiêu được giao. Việc xây dựng thể trận Quốc phòng toàn dân, công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ xã luôn bảo đảm đúng quy trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội gắn với quốc phòng hiện nay của địa phương, góp phần xây dựng thể trận QSQP vững mạnh trong tình hình mới tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã Dầu Giây cơ bản ổn định, được giữ vững; các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc, nông thôn, kinh tế được theo dõi, nắm chắc và xử lý kịp thời, không để phát sinh vụ việc phức tạp.

Trên địa bàn xã có nhiều thành phần dân tộc thiểu số cùng sinh sống; tình hình liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định, đời sống vật chất và tinh thần từng bước được nâng lên, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố.

Tình hình an ninh, trật tự khu vực nông thôn trên địa bàn cơ bản ổn định; các vụ việc phát sinh được địa phương quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời, không để hình thành điểm nóng.

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được triển khai thường xuyên; lực lượng chức năng chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp quản lý địa bàn, quản lý đối tượng, tăng cường tuần tra, kiểm soát, phòng ngừa và xử lý vi phạm. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định địa bàn.

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng của xã được kiện toàn theo đúng quy định, bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện. Cụ thể: Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc như Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy. Bên cạnh đó, Trung tâm Chính trị xã Dầu Giây giữ vai trò quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tổng số cán bộ, công chức Đảng ủy hiện có 41 cán bộ, công chức, trong đó: Văn phòng Đảng ủy là 11 người (gồm Bí thư và Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy); Ban Xây dựng Đảng là 9 người; Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy là 05 người. Trung tâm Chính trị xã hiện có 04 cán bộ, viên chức. Cơ quan ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã là 12 người.

Về trình độ chuyên môn: 6 cán bộ, công chức có trình độ Thạc sĩ (đạt 14,63%), 35 cán bộ, công chức có trình độ Đại học (đạt 85,37%).

Về lý luận chính trị: Trình độ cử nhân, cao cấp 18 người (đạt tỷ lệ 43,90%), Trung cấp là 22 người (đạt tỷ lệ 53,66%); Sơ cấp là 01 người (đạt tỷ lệ 2,44%).

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

- Bộ máy Hội đồng nhân dân xã được tổ chức gồm Thường trực HĐND và 02 Ban chuyên trách là Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội, thực hiện chức năng giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng tại địa phương.

- Bộ máy Ủy ban nhân dân xã được tổ chức với 03 phòng chuyên môn gồm: Văn phòng HĐND-UBND, Phòng Kinh tế và Phòng Văn hóa - Xã hội; đồng thời có Trung tâm Phục vụ Hành chính công nhằm nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, UBND xã quản lý 21 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, bao gồm Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, Trạm Y tế và 19 đơn vị trường học, góp phần đảm bảo cung ứng các dịch vụ công thiết yếu.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được tổ chức với Ban Thường trực gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Các Phó Chủ tịch đồng thời là người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã như: Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh. Mỗi tổ chức đều có cơ cấu lãnh đạo và đội ngũ cán bộ chuyên trách, đảm bảo triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế Ủy ban Mặt trận Tổ quốc gồm 12 biên chế (công chức). Trong đó: Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã: 01 người; Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị xã hội xã: 4 người. Chuyên viên: 7, trong đó: Chuyên viên chuyên trách: 5 người; Chuyên viên kiêm Phó chủ tịch các tổ chức chính trị xã hội xã: 2 người (Hội Liên hiệp phụ nữ xã và Hội Nông dân xã). Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 01 người (tỷ lệ 8,33%); Đại học: 11 người (tỷ lệ 91,67%). Về lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 4 người (tỷ lệ 33,33%); Trung cấp: 8 người (tỷ lệ 66,67%); Sơ cấp và chưa qua đào tạo: 0.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Đội ngũ cán bộ, công chức của xã cơ bản được bố trí đầy đủ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tổng số cán bộ công chức của UBND xã đang thực hiện 70 người/ 79 chỉ tiêu biên chế công chức, trong đó: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã bố trí 24 người/ 26 chỉ tiêu biên chế; Phòng Văn hóa - Xã hội: 17 người/ 22 chỉ tiêu biên chế; Phòng Kinh tế: 22 người/24 chỉ tiêu biên chế; Trung tâm phục vụ hành chính công: 07 người/ 07 chỉ tiêu biên chế.

Về trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 16 người (tỷ lệ 22,85%); Đại học: 54 người (tỷ lệ 77,15%).

Về lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp: 12 người (tỷ lệ 17,14%); Trung cấp: 45 người (tỷ lệ 64,28%), Sơ cấp và chưa qua đào tạo: 13 người (tỷ lệ 18,58%).

Nhìn chung, cơ cấu tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của xã Dầu Giây hiện nay được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với quy định và

yêu cầu thực tiễn. Trình độ chuyên môn và lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ ngày càng được nâng cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành bộ máy hành chính trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là trong điều kiện phát triển lên phường.

Trong thời gian tới, để đáp ứng yêu cầu phát triển và mục tiêu nâng cấp lên phường, xã Dầu Giây sẽ tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

X. Đối với xã Đồng Phú

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Đồng Phú được thành lập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xã có vị trí địa lý rất thuận lợi, là địa bàn có tính chiến lược trong đảm bảo Quốc phòng – An ninh và phát triển kinh tế trong tiểu vùng của tỉnh; với vị trí địa lý nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Đồng Nai, phía Nam giáp với xã Phước Thành và xã Phú Giáo của Thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông giáp xã Tân Lợi, phía Bắc giáp phường Bình Phước và xã Nhan Bích.

1.2. Vai trò chức năng

Với vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và là cửa ngõ đi các tỉnh Tây Nguyên theo trục đường chính ĐT-741 chạy dọc theo trung tâm xã, tạo nên tuyến giao thông huyết mạch trong lưu thông hàng hóa và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Bên cạnh đó, xã Đồng Phú đang được tỉnh quan tâm đầu tư hệ thống giao thông kết nối tương đối đồng bộ, gồm các tuyến kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài; các tuyến kết nối từ đường ĐT-741 với đường Đồng Phú - Bình Dương và Khu công nghiệp Đông Nam Đồng Phú (tuyến số 1, số 2, số 3, số 4), cùng tuyến kết nối từ ĐT-741 với Khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng (tuyến số 5). Đây là những công trình có ý nghĩa quan trọng trong mở rộng không gian phát triển, tăng cường kết nối và tạo động lực cho quá trình đô thị hóa của địa phương.

Bên cạnh đó, với diện tích tự nhiên lớn (138,66 km²), dân số đông và được thiên nhiên ưu đãi với nhiều cảnh quan đẹp; trong đó phải kể đến hồ Bà Mụ (Bàu Cọp) và hồ Suối Giai với tổng diện tích mặt nước hơn 500 ha chạy dọc trung tâm xã, vừa tạo điểm nhấn cho cảnh quan tự nhiên, vừa điều hòa khí hậu và mở ra tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Bên cạnh đó, với diện tích tự nhiên lớn (138,66km²), dân số đông, lại được thiên nhiên ưu đãi với nhiều cảnh quan đẹp; trong đó phải kể đến hồ Bà Mụ (Bàu Cọp) và hồ Suối Giai với tổng diện tích mặt nước hơn 500ha chạy dọc trung tâm

xã vừa tạo điểm nhấn cho cảnh quan tự nhiên, vừa điều hòa khí hậu và mở ra tiềm năng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng rất lớn.

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên của xã Đồng Phú là 138,66 km²; trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 11.363,59 ha, chiếm 81,95%; diện tích đất phi nông nghiệp là 2.502,25 ha, chiếm 18,05% và diện tích đất chưa sử dụng là 0,33 ha, chiếm 0,001%.

2.2. Cơ cấu các loại đất

Bảng thống kê diện tích theo mục đích sử dụng

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	13.866,18	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	11.363,59	81,95
1	Đất trồng cây hằng năm	120,70	0,87
2	Đất trồng cây lâu năm	11.123,12	80,22
3	Đất lâm nghiệp	0,00	-
4	Đất nuôi trồng thủy sản	35,15	0,25
5	Đất chăn nuôi tập trung	69,44	0,50
6	Đất làm muối	0,00	-
7	Đất nông nghiệp khác	15,19	0,11
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	2.502,25	18,05
1	Đất ở	409,58	2,95
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	23,82	0,17
3	Đất quốc phòng, an ninh	102,95	0,74
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	56,28	0,41
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	604,89	4,36
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	956,70	6,90
7	Đất tôn giáo	6,73	0,05
8	Đất tín ngưỡng	0,10	0,00
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	12,70	0,09
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	328,50	2,37
11	Đất phi nông nghiệp khác	0,00	0,00
III	Nhóm đất chưa sử dụng	0,33	0,00
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	-	-
2	Đất bằng chưa sử dụng	0,33	0,001
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	-	-
4	Núi đá không có rừng cây	-	-

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	-	-

3. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.1. Dân số:

Tính đến ngày 22/3/2026, xã Đồng Phú có 9.333 hộ với 39.213 người.

+ Tỷ lệ dân số thành thị/nông thôn: 19.850/39.213 người, chiếm 50,62% (dân số thành thị tính theo số dân khu vực thị trấn Tân Phú cũ).

+ Tỷ lệ dân số thành thị/ nông thôn: 19850/39213 người, chiếm 50,62% (dân số thành thị tính theo số dân khu vực thị trấn Tân Phú cũ).

3.2. Cơ cấu lao động: có sự chuyển dịch mạnh từ nông nghiệp sang các lĩnh vực phi nông nghiệp

Những năm gần đây, xã Đồng Phú đã chú trọng phát triển nguồn nhân lực gắn với nhu cầu của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; đồng thời quan tâm đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển dịch việc làm và nâng dần tỷ lệ lao động qua đào tạo. Đây là cơ sở quan trọng để đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển của một đơn vị hành chính đô thị sau khi thành lập phường.

Hiện nay, trên địa bàn xã Đồng Phú có 02 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định: Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú với diện tích 189 ha (đang tiếp tục mở rộng giai đoạn 2 với quy mô 317 ha); Khu công nghiệp Nam Đồng Phú với diện tích 69 ha (đang tiếp tục mở rộng giai đoạn 2 với diện tích 480 ha). Bên cạnh đó, xã Đồng Phú còn có 04 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định, gồm: Cụm công nghiệp Hà My với diện tích 10 ha; Cụm công nghiệp Tân Tiến 1, Tân Tiến 2 với diện tích 105 ha; Cụm công nghiệp Tân Phú 1 với diện tích 49 ha. Đây là cơ sở quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động tại địa phương.

Cùng với lợi thế về các khu, cụm công nghiệp, xã Đồng Phú còn có 03 chợ, 01 siêu thị Co.opmart, 02 cửa hàng Điện máy Xanh, 03 cửa hàng Bách hóa Xanh, 03 cửa hàng Thế giới Di động cùng nhiều loại hình kinh doanh, dịch vụ khác.

Vì thế, trong thời gian gần đây, sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp vào lĩnh vực phi nông nghiệp chuyển biến mạnh mẽ, hiện nay tỷ lệ lao động ở các ngành phi nông nghiệp chiếm khoảng 72%.

4. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế gồm:

- Chỉ tiêu phát triển kinh tế của xã Đồng Phú được xem xét thông qua tốc độ tăng giá trị sản xuất, cơ cấu kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và tỷ lệ hộ nghèo. Qua rà soát cho thấy cơ cấu kinh tế của địa phương chuyển dịch rõ theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và

dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; đây là dấu hiệu quan trọng cho thấy Đồng Phú đã hình thành ngày càng rõ đặc trưng của khu vực đô thị.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động và gia tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong thời gian qua đã tác động tích cực đến đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; đồng thời tạo thêm dư địa để địa phương tiếp tục phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp và chỉnh trang đô thị theo quy hoạch.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều): tổng số hộ nghèo của xã Đồng Phú hiện nay và của 03 địa phương trước khi sáp nhập chỉ còn 01 hộ, chiếm tỷ lệ 0,01%; tổng số hộ cận nghèo là 13 hộ với 47 khẩu. Đây là cơ sở cho thấy công tác an sinh xã hội của địa phương được quan tâm thực hiện khá tốt, góp phần giữ vững ổn định xã hội trong quá trình phát triển đô thị.

4.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

- Về công nghiệp - xây dựng:

+ Trong thời gian qua, lĩnh vực công nghiệp – xây dựng trên địa bàn xã có bước phát triển khá, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng Công nghiệp – Xây dựng, Dịch vụ, giảm dần tỷ trọng Nông nghiệp.

Đặc biệt, trong thời gian qua, tỉnh Bình Phước (cũ) và tỉnh Đồng Nai mới đã quan tâm đầu tư nhiều công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn xã Đồng Phú như: tuyến kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài; tuyến đường xuyên tâm; 05 tuyến kết nối từ đường ĐT-741 với đường Đồng Phú - Bình Dương và Khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng. Những công trình này vừa tạo diện mạo khang trang, vừa tăng cường khả năng kết nối để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa của địa phương.

Bên cạnh đó, xã tập trung nguồn lực duy tu, sửa chữa, chỉnh trang đô thị và đầu tư xây dựng một số tuyến đường do xã quản lý, góp phần hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng không gian đô thị.

- Về công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển khá nhanh và ổn định với 02 khu công nghiệp và 04 cụm công nghiệp với tổng diện tích gần 500ha đã đi vào hoạt động ổn định thu hút nhiều công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước vào đầu tư. Đã góp phần đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tăng nhanh tốc độ đô thị hóa.

- Về thương mại - dịch vụ: Trong những năm gần đây, lĩnh vực thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực, hiện nay có khoảng 5.000 hộ đăng ký kinh doanh buôn bán cá thể và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Với lợi thế xã có 03 Chợ hoạt động rất hiệu quả cùng với hệ thống của hàng buôn bán nhỏ lẻ dọc 2 bên trục đường chính đã thu hút một lượng tiêu thương khá

đồng đảo, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và phát triển kinh tế tại địa phương.

- Về sản xuất nông - lâm - thủy sản

- Sản xuất nông nghiệp ổn định, công tác tổ chức sản xuất được triển khai thực hiện hiệu quả. Công tác phòng trừ dịch sâu, bệnh hại trên cây trồng và công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được thực hiện đầy đủ, kịp thời, không để bùng phát dịch bệnh;

Tuy nhiên, xã chưa có quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chưa có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo

- Về quy mô trường lớp: Hệ thống mạng lưới trường, lớp trên địa bàn xã được bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện dân cư và định hướng phát triển địa phương.

Xã quản lý 10 trường, gồm: 3 trường Mầm non, 3 trường Tiểu học và 4 trường THCS; trong đó có 8/10 trường đạt chuẩn quốc gia.

5.2. Y tế

- Xã có 01 Trạm Y tế (trực thuộc xa), 1 trung tâm y tế trực thuộc Sơ Y tế và 1 Bệnh viện Hoàn Mỹ. Tỷ lệ bác sĩ/1 vạn dân và các chỉ tiêu về Y tế đều đạt

5.3. Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

- Về đời sống văn hóa: Lãnh đạo xã luôn quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo các ấp tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích, tác dụng của việc xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng khu dân cư văn hóa góp phần hạn chế và đẩy lùi các tệ nạn xã hội;

- Về thiết chế văn hóa: Xã có 01 Trung tâm Văn hóa – Thể thao, 03 sân vận động; 06 Nhà thi đấu đa năng (trong đó có 04 Nhà thi đấu đa năng thuộc trường học), 20 Nhà văn hóa thôn, 01 thư viện, 01 Đài truyền thanh với 54 cụm loa không dây.

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã có 15 biên chế, gồm 1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc và 13 nhân viên, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay;

Xã có Trang thông tin điện tử của xã thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác lãnh đạo, điều hành của chính quyền địa phương.

5.4. Lao động - Thương binh và Xã hội

Trong những năm qua, công tác Lao động – Thương binh và Xã hội trên địa bàn xã luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần

của nhân dân, giữ vững ổn định xã hội và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

- Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng + Công tác chăm lo đối với người có công với cách mạng luôn được địa phương quan tâm thực hiện. Hiện nay, trên địa bàn xã có 162 đối tượng người có công và thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng (128 người có công với cách mạng; 34 thân nhân người có công với cách mạng); 72 người có công hưởng trợ cấp một lần; chi trợ cấp ưu đãi tháng 3/2026 cho 200 người có công và thân nhân người có công với số tiền 649 triệu đồng.

- Công tác bảo trợ xã hội + Trong thời gian qua, việc triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn xã luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo sát sao. Các ban, ngành, đoàn thể đã phối hợp chặt chẽ trong tổ chức thực hiện, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. + Công tác thực hiện chính sách được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định. Các trường hợp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh được xem xét, hỗ trợ kịp thời. Đồng thời, địa phương chú trọng tăng cường công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng yếu thế trong xã hội. + Hiện nay, trên địa bàn xã có tổng số 1.310 đối tượng đang hưởng trợ giúp xã hội, hưu trí xã hội, trong tháng 03 năm 2025, xã đã thực hiện chi trả trợ cấp 895,93 triệu đồng. Nhìn chung, các chính sách trợ giúp xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn xã được triển khai đồng bộ, kịp thời, đúng quy định; góp phần ổn định đời sống Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. - Công tác lao động việc làm + Phối hợp với các cơ quan cấp trên tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Lao động tham gia làm việc tại các khu, cụm công nghiệp ngày càng tăng. + Công tác tuyên truyền pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động cho các cơ sở và người lao động được thực hiện thường xuyên. Các cơ sở sản xuất kinh doanh chấp hành tương đối tốt quy định về an toàn lao động. Không có vụ tai nạn lao động nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn.

5.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng, dân tộc

- Về tôn giáo: Trên địa bàn có 09 cơ sở tôn giáo thuộc 02 tôn giáo lớn (Phật giáo và Thiên chúa giáo) đang hoạt động theo đúng quy định của pháp luật:

+ Phật giáo: Có 05 cơ sở, gồm 4 Chùa và 01 tịnh xá có tổng số tín đồ, phật tử khoảng 2.300 người.

+ Công giáo: Có 04 cơ sở, gồm 02 giáo xứ và 02 giáo họ tới tổng số chuawcs sắc, giáo dân khoảng 3.500 người.

Nhìn chung tôn giáo trên địa bàn xã hoạt động rất ổn định, theo đúng quy định của pháp luật.

- Về Dân tộc: Trên địa bàn xã hiện nay có 188 hộ với 637 khẩu (chiếm 1,6% dân số), chủ yếu là dân tộc Khơ me, Tày Nùng, Dao, Hoa...

Nhìn chung đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tập trung

lao động sản xuất, ổn định cuộc sống, có nhiều hộ trở thành hộ khá trong cộng đồng dân cư.

6. Hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Nhà ở

- Hiện trạng nhà ở trên địa bàn xã phân bố không đều, cơ bản tập trung cao tại khu vực thị trấn Tân Phú và khu vực trung tâm xã Tân Tiến, Tân Lập cũ và dọc 2 bên tuyến đường ĐT-741; khu vực chợ và các tuyến đường liên xã. Nhà ở chủ yếu được xây riêng lẻ, kết cấu gạch, bê tông, mái lợp Tol hoặc ngói được xây dựng khá kiên cố, đảm bảo công năng sử dụng; một số hộ dân có điều kiện thì xây dựng kiên cố, khang trang hơn. Xã chưa có các khu chung cư, nhà ở xã hội hay dãy phố liền kề.

- Hiện nay, hầu hết nhà ở trên địa bàn xã đều đạt chuẩn của Bộ Xây dựng, chỉ còn một vài hộ dân có nhà xây dựng đã lâu, bị xuống cấp, cần sửa chữa, xã đã lập danh sách và lập phương án vận động để hỗ trợ người dân sửa chữa đảm bảo an toàn trong mùa mưa.

- Về nhà ở công vụ: Trên địa bàn có 02 căn nhà ở công vụ đang sử dụng nằm trong khuôn viên trụ sở Đảng ủy và UBND xã.

6.2. Công trình cơ quan hành chính

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Đồng Phú đã tiến hành rà soát, bố trí lại hệ thống trụ sở cơ quan hành chính theo hướng tập trung, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới. Hiện nay, trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND và các tổ chức chính trị - xã hội được bố trí tại các công trình kiên cố, có quy mô phù hợp, bảo đảm điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức và phục vụ nhân dân (nhờ sử dụng Trụ sở của Huyện ủy, UBND huyện và các phòng, ban chuyên môn của huyện Đồng Phú trước đây) nên cơ sở vật chất khá đầy đủ và ổn định.

Trụ sở UBND xã và các phòng, ban chuyên môn được đặt tại vị trí trung tâm, thuận lợi cho giao dịch hành chính; Trung tâm Phục vụ hành chính công được tổ chức riêng biệt, bảo đảm thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Bên cạnh đó, các cơ quan như Ban Chỉ huy Quân sự, Công an, Trung tâm Chính trị, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã đều được bố trí trụ sở làm việc ổn định, phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

Hệ thống trụ sở sau sáp nhập cơ bản được tận dụng từ cơ sở vật chất hiện có của cấp huyện và các đơn vị cũ, bảo đảm tiêu chuẩn về diện tích, kết cấu, hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, công nghệ thông tin), đáp ứng yêu cầu hoạt động thường xuyên và lâu dài. Các trụ sở dôi dư được bố trí sử dụng hợp lý vào mục đích công cộng hoặc giao đơn vị quản lý, khai thác theo đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

6.3. Công trình giáo dục

- Hệ thống công trình giáo dục của xã Đồng Phú khá đầy đủ cả 3 cấp (Mầm non, Tiểu học, THCS), ngoài ra trên địa bàn xã còn 01 trường THPT với quy

mô hơn 1.000 học sinh, 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên với quy mô hơn 200 học sinh, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục tại địa phương.

T T	Tên trường	Diện tích	Đạt chuẩn mức độ
		(m ²)	
A	Mầm non		
1	Trường mầm non Tân Phú	19.559,4	Mức độ I
2	Trường mầm non Tân Tiến	11.624	Mức độ I
3	Trường Mầm non Tân Lập	22.765,2	Mức độ I
B	Tiểu học		
1	Trường tiểu học Tân Phú	29.099	Mức độ I
2	Trường tiểu học Tân Tiến	15.239,9	Phá chuẩn do HS đông
3	Trường Tiểu học Tân Lập	30.131,2	Phá chuẩn do HS đông
C	Trung học cơ sở		
1	Trường THCS Tân Phú	25.295,7	Mức độ I
2	Trường THCS Tân Tiến	17.081,5	Mức độ II
3	Trường THCS Tân Lập	9.353	Mức độ I
4	Trường PTDTNT-THCS Đồng Phú	23.702	Mức độ I
D	Phổ thông trung học		
1	Trường THPT Đồng Phú	39.989,3	Dự kiến tháng 4/2026 làm hs công nhận lại chuẩn
2	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 16	19.100	Mức độ II

Lĩnh vực giáo dục tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học. Các dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được triển khai thực hiện. Hệ thống trường, lớp các cấp học được rà soát, sắp xếp lại đảm bảo hợp lý, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đến trường của con em trên địa bàn. Đến nay, toàn xã có tỷ lệ trường

chuẩn quốc gia là 8/10 trường, đạt 80%, dự kiến năm 2026 tiếp tục đề nghị công nhận đạt chuẩn 01 trường, nâng mức đạt chuẩn lên 90% (Riêng trường Tiểu học Tân Phú do quy mô lớp học và tổng số học sinh vượt quá so với quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo nên không thể đạt chuẩn, xã đang đề nghị đưa vào quy hoạch để tách thành 02 trường để đảm bảo theo quy định).

6.4. Công trình y tế

- Trên địa bàn xã Đồng Phú hiện nay có 03 Trạm Y tế cấp xã cũ trước đây, trong đó: Trạm Y tế thị trấn Tân Phú được sử dụng để làm điểm chích ngừa cho bà mẹ, trẻ em; điểm Trạm Y tế xã Tân Tiến được sử dụng làm trụ sở chính của Trạm Y tế xã sau sắp xếp, điểm Trạm Y tế xã Tân Lập được sử dụng làm điểm trạm thứ 2 để phục vụ cho người dân ở khu vực xã Tân Lập và Khu Công nghiệp Nam Đồng Phú.

STT	Tên công trình	Quy mô diện tích (m ²)	Đạt chuẩn quốc gia
1	Điểm Trạm Y tế thị trấn Tân Phú	- Diện tích khuôn viên 1.748m ² ; - Diện tích sử dụng: 301m ² (30/03/2026 bỏ điểm TYT này)	Đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030, áp dụng cho các xã, phường, thị trấn (Theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Trưởng bộ Y tế)
2	Điểm Trạm Y tế xã Tân Tiến	- Diện tích khuôn viên: 2.096 m ² ; - Diện tích sử dụng: 463 m ² .	
3	Điểm Trạm Y tế xã Tân Lập	- Diện tích khuôn viên: 1.250 m ² ; - Diện tích sử dụng: 316 m ² .	

6.5. Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

- Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao đầy đủ và đảm bảo cho các hoạt động:

Bảng thống kê các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã

TT	Tên công trình	Diện tích
		(m ²)
A	Văn hóa	
	Thư viện	500
	Nhà văn hóa 20 thôn	18.500
	Trung tâm văn hóa TDTT xã	18.000
	Đài truyền thanh	8000

B	Thể thao	
	Nhà thi đấu trung tâm xã	5000
	Nhà thi đấu Tân Lập	2000
	Nhà thi đấu 4 trường THCS	5000
	Sân vận động xã (Trung tâm)	35.000
	Sân vận động xã Tân Tiến cũ	11.000
	Sân vận động xã Tân Lập cũ	9000
	Sân Tennis trung tâm (02 sân)	1000
C	Công viên	
	Khu hoa viên tượng đài	20000
	Hoa viên quân sự	2000
	Công viên Tân Liên	2000

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tiếp tục được triển khai và thực hiện có hiệu quả mang lại nhiều đổi thay cả về nhận thức lẫn hành động của người dân. Nhiều phong trào, hoạt động xây dựng mô hình văn hóa ở cơ sở tiếp tục được triển khai đạt kết quả tốt. Hoạt động lễ hội truyền thống được duy trì, tiếp tục bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa truyền thống, khơi dậy những phong tục tập quán tốt đẹp. Xã thường xuyên Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ nhân dân mang lại không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân. Công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực văn hóa và thông tin được chú trọng, công tác kiểm tra được tăng cường, góp phần làm cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông ổn định, trật tự hơn.

- Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao, sân chơi, bãi tập, dụng cụ luyện tập, nhà tập luyện, thi đấu các môn thể thao được quan tâm, tu sửa, nâng cấp, xây dựng mới và chuẩn hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe nâng cao thể chất, xây dựng nếp sống lành mạnh của người dân theo hướng hiện đại và năng động.

6.6. Công trình thương mại - dịch vụ - du lịch

- Mạng lưới thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Đồng Phú khá phong phú và đa dạng, tuy nhiên quy mô còn nhỏ lẻ, thiếu tập trung, một số hạng mục đã xuống cấp...

Bảng thống kê hiện trạng cơ sở thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã

STT	Tên công trình	Diện tích (m ²)	Địa điểm
1	Chợ Đồng Phú	10000	Thị trấn Tân Phú (cũ)

2	Chợ Tân Tiến	5000	Xã Tân Tiến (cũ)
3	Chợ Tân Lập	3000	Xã Tân Lập (cũ)
4	Siêu thị Coop Mart	5000	Thị trấn Tân Phú (cũ)
5	Bách hóa Tân Phú	300	Thị trấn Tân Phú (cũ)
6	Bách hóa xanh Tân Tiến	400	Xã Tân Tiến (cũ)
7	Bách hóa xanh Tân Lập	400	Xã Tân Lập (cũ)
8	Thế giới di động Tân Phú	300	Thị trấn Tân Phú (cũ)
9	Thế giới di động	300	Thị trấn Tân Phú (cũ)
10	Điện máy xanh	1000	Xã Tân Tiến (cũ)

7. Hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Giao thông

- Đường bộ: Xã Đồng Phú có vị trí giao thông thuận lợi với trục đường chính là ĐT-741 chạy dọc trung tâm xã với chiều dài khoảng 13,5km, cùng với đó là các tuyến đường kết nối (số 1, 2, 3, 4) từ ĐT-741 vào đường Đồng Phú – Bình Dương và khu công nghiệp Đồng Nam Đồng Phú, đường số 5 kết nối từ ĐT-741 với khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng, bên cạnh đó, tỉnh đang đầu tư xây dựng tuyến kết nối các khu Công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài chạy song song với đường ĐT-741 sát với bờ hồ Suối Giai và tuyến đường Xuyên tâm nối từ xã Đồng Tâm qua Tân Lợi đi qua Đồng Phú và nối với xã Phú Giáo của thành phố Hồ Chí Minh. Đây là những tuyến giao thất huyết mạch, nối liên xã Đồng Phú với thành phố Hồ Chí Minh và các xã trong khu vực có dự địa phát triển lớn như xã Nha Bích, phường Bình Phước, xã Tân Lợi, phường Đồng Xoài...

Bên cạnh đó xã còn có một hệ thống đường liên thôn, đường nội bộ được đầu tư khá đồng bộ, đảm bảo đi lại và vận chuyển, lưu thông hàng hóa rất thuận tiện. Hiện nay hệ thống đường liên thôn của xã với tổng chiều dài hơn 50km đều đã được nhựa hóa theo chương trình Nông thôn mới và Nông thôn mới nâng cao. Với hơn 160 tuyến đường tổ dân cư với tổng chiều dài hơn 50km đã được bê tông hóa và nhựa hóa 100% (trong đó có 10% được nhựa hóa theo tiêu chuẩn đường đô thị).

7.2. Thủy lợi

Xã Đồng Phú có 02 hồ thủy lợi: Hồ Bà Mụ (Bàu Cọp) với tổng diện tích mặt nước khoảng 150ha; hồ Suối Giai với tổng diện tích mặt nước hơn 400ha trải dài theo trung tâm xã, được phục vụ cho việc tưới tiêu hàng năm của người dân và cung cấp nước sinh hoạt cho 02 nhà máy cung cấp nước sạch của xã. Hiện nay 02 hồ này do Công ty TNHH MTV thủy Lợi thuộc UBND tỉnh quản lý.

7.3. Cấp điện

Nguồn cấp điện: Xã Đồng Phú được cấp điện từ lưới điện quốc gia, thông qua hệ thống điện của tỉnh Bình Phước (cũ) và tỉnh Đồng Nai (hiện nay). Nguồn điện tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân trên toàn xã.

Mạng lưới truyền tải và phân phối điện trên địa bàn xã Đồng Phú có đầy đủ từ đường dây 500KV, 110KV, 35KV, 22kV và lưới điện hạ thế đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ, hiện nay hơn 99,7% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia trong sinh hoạt và sản xuất.

7.4. Cấp nước

Trên địa bàn toàn xã có 03 nhà máy cấp nước sạch tập trung với tổng công suất lên tới 11.000m³/ngày đêm (bao gồm: Công ty cấp thoát nước Bình Phước có nhà máy tại phường Bình Phước với công suất thiết kế 6.000m³/ngày đêm; Công ty cấp nước DPD tại thị trấn Tân Phú với công suất 4000m³/ngày đêm; Nhà máy nước Tân Lập với công suất thiết kế 1000m³/ngày đêm) với tổng chiều dài các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã là 80 Km, trong đó Công ty cấp thoát nước Bình Phước được phân vùng cấp cho các khu, cụm công nghiệp và Nhân dân thôn Bàu Ké (thị trấn Tân Phú cũ); Công ty DPD được phân vùng cấp nước trên địa bàn thị trấn Tân Phú và xã Tân Tiến, nhà máy nước Tân Lập được phân vùng cấp nước trên địa bàn xã Tân Lập và xã Tân Tiến. Do việc phân vùng cấp nước trước đây bị chùng chéo nên việc cấp nước sạch trên địa bàn xã còn gặp nhiều khó khăn.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung. Riêng Chợ Tân Tiến có thiết kế hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhưng chưa đạt yêu cầu; chỉ có Nhà máy chế biến mủ cao su của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú có đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải của nhà máy chế biến và các nhà máy trong khu công nghiệp Nam Đồng Phú đảm bảo chất lượng trước khi thải ra môi trường.

Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú đã đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý nước thải công nghiệp theo đúng quy định.

- Xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khoảng 4.500 tấn/ năm đã được thu gom và xử lý đạt trên 100%.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trên địa bàn 500 tấn/ năm, được thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Các cơ sở/doanh nghiệp trên địa bàn xã đã thực hiện hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định; thu gom, xử lý 100% chất thải nguy hại.

- Chất thải y tế phát sinh trên địa bàn xã đều được các cơ sở Y tế thu gom và xử lý theo đúng quy định.

8. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

8.1. Quốc phòng

Trong thời gian qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế – xã hội, tình hình quốc phòng – an ninh trên địa bàn cơ bản được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đề án thành lập phường.

Hiện nay Ban Chỉ huy quân sự xã đã thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy theo đề án quân nhân chính quy, đảm bảo đi vào hoạt động ổn định; công tác kiện toàn, xây dựng lực lượng được chú trọng, công tác động viên, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao, việc trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì thường xuyên.

Lực lượng Dân quân thường trực được xây dựng đủ biên chế, trong đó có 03 Tiểu đội thường trực tại đơn vị và 01 tiểu đội Thường trực tại Khu công nghiệp, ngoài ra còn có 01 Trung đội Dân quân cơ động thường xuyên phối hợp tuần tra, kiểm soát, đảm bảo giữ gìn ANCT, TTANXH trên địa bàn.

8.2. An ninh và trật tự an toàn xã hội

Trong năm qua, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn luôn giữ vững ổn định, không xảy ra đột xuất, bất ngờ, các mục tiêu trọng điểm được đảm bảo an toàn; tội phạm, TNXH, cháy nổ, tai nạn giao thông được kiềm chế và làm giảm qua các năm... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đảm bảo, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT tiếp tục có những chuyển biến tích cực, thu hút nhiều quần chúng nhân dân tham gia; lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được củng cố, kiện toàn; có một số mô hình phát huy được vai trò tự quản, tự phòng của nhân dân ngay tại cộng đồng dân cư (tổ liên gia PCCC, tổ tự quản về ANTT, nhóm Zalo kết nối bình yên...). Triển khai thực hiện tốt các kế hoạch chuyên đề đấu tranh tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy và tệ nạn xã hội, kế hoạch chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội, xây dựng xã hội an toàn giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; công tác tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, điều tra, xử lý tội phạm đã đạt được kết quả cao, không để xảy ra oan sai, bức cung, nhục hình; việc thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số trong công tác đảm bảo an ninh trật tự được thực hiện mạnh mẽ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

Tổng biên chế của Lực lượng Công an xã là 38 đồng chí, trong đó có 01 Trưởng, 05 cấp phó; bên cạnh đó xã còn có 22 Tổ An ninh cơ sở với 67 đồng chí, thường xuyên tuần tra, kiểm soát, đảm bảo ANCT, TTANXH tại địa phương.

9. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.1. Đảng ủy

Đảng bộ xã Đồng Phú được thành lập theo Quyết định số 2329-QĐ/TU ngày 16/6/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị hành chính cũ gồm: thị trấn Tân Phú, xã Tân Tiến và xã Tân Lập.

Toàn Đảng bộ có 41 tổ chức đảng gồm: 03 đảng bộ cơ sở và 38 chi bộ cơ sở (trong đó có 20 Chi bộ thôn) với 1.120 đảng viên.

Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã hiện có 30/33 đồng chí (khuyết 03 đồng chí: 01 Trưởng Trạm Y tế; 02 Bí thư Chi bộ thôn); Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã có 11/11 đồng chí; Thường trực Đảng ủy xã có 03/03 đồng chí (bao gồm: Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch Hội Đồng nhân dân xã, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã, Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã có 04/5 đồng chí (khuyết 01 đồng chí do nghỉ chế độ).

Đảng ủy xã có 03 cơ quan tham mưu, giúp việc (gồm: Văn phòng Đảng ủy xã, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy xã, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã) và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đảng ủy xã (Trung tâm chính trị).

9.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Căn cứ Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh về việc chỉ định đại biểu HĐND huyện Đồng Phú nhiệm kỳ 2021 - 2026 làm đại biểu HĐND xã Đồng Phú khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh về việc chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng các Ban của HĐND xã Đồng Phú khóa I, nhiệm kỳ 2021– 2026, trên cơ sở đó HĐND xã Đồng Phú có 96 đại biểu trong đó: Chủ tịch HĐND xã là Bí thư Đảng ủy xã, 1 Phó Chủ tịch là Ủy viên BTV Đảng ủy xã, 1 Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội là Trưởng Ban Xây dựng Đảng, 01 Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy và 02 phó Ban là đảng ủy viên.

Ủy ban nhân dân xã gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân. Hiện UBND xã có 03 cơ quan chuyên môn, 01 tổ chức hành chính và 11 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Vị trí việc làm: Hiện nay, 19 cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ tổ chức thực hiện. Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm được triển khai trên cơ sở bám sát các quy định của cấp trên, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, đơn vị; qua đó làm cơ sở quan trọng cho công tác quản lý, sử dụng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Sau khi được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc; bước đầu phát huy hiệu quả trong việc phân công nhiệm vụ, nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể: gồm cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và 05 tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Công đoàn).

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã gồm 1 Chủ tịch và 5 phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đồng thời là Chủ tịch phụ nữ, hội nông dân, cựu chiến binh và đoàn Thanh niên, Chủ tịch Công đoàn.

9.4. Cán bộ, công chức cấp xã

- Tổng số cán bộ, công chức của xã Đồng Phú là 115 người, hiện tại có 106 người; trong đó: khối Đảng, MTTQ và các đoàn thể có 41/48 người; khối chính quyền có 65/67 người.

Đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay cơ bản bảo đảm theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm.

B. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN ĐỂ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: LONG THÀNH, NHƠN TRẠCH, TRẢNG BOM, XUÂN LỘC, DẦU GIÂY, TÂN PHÚ, TRỊ AN, ĐỒNG PHÚ, TÂN KHAI, LỘC NINH THUỘC TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Phụ lục đánh giá tiêu chuẩn thành lập 10 phường theo Điều 5 Nghị quyết 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Phần thứ ba PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

I. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

1. Phương án thành lập phường Trảng Bom

Thành lập phường Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 68,77 km² và quy mô dân số 95.502 người của xã Trảng Bom.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Trảng Bom.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Trảng Bom.

Việc thành lập phường Trảng Bom trên cơ sở nguyên trạng xã Trảng Bom bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

2. Phương án thành lập phường Long Thành

Thành lập phường Long Thành thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 130,12 km² và quy mô dân số 95.992 người của xã Long Thành.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Long Thành.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Long Thành.

Việc thành lập phường Long Thành trên cơ sở nguyên trạng xã Long Thành bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

3. Phương án thành lập phường Trị An

Thành lập phường Trị An thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 660,47 km² và quy mô dân số 51.757 người của xã Trị An.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Trị An.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Trị An.

Việc thành lập phường Trị An trên cơ sở nguyên trạng xã Trị An bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

4. Phương án thành lập phường Nhơn Trạch

Thành lập phường Nhơn Trạch thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 108.04 km² và quy mô dân số 156.798 người của xã Nhơn Trạch.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Nhơn Trạch.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Nhơn Trạch.

Việc thành lập phường Nhơn Trạch trên cơ sở nguyên trạng xã Nhơn Trạch bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

5. Phương án thành lập phường Tân Khai

Thành lập phường Tân Khai thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 161,79 km² và quy mô dân số 39.147 người của xã Tân Khai.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Tân Khai.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Tân Khai.

Việc thành lập phường Tân Khai trên cơ sở nguyên trạng xã Tân Khai bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

6. Phương án thành lập phường Xuân Lộc

Thành lập phường Xuân Lộc thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 140,5 km² và quy mô dân số 101.485 người của xã Xuân Lộc.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Xuân Lộc.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Xuân Lộc.

Việc thành lập phường Xuân Lộc trên cơ sở nguyên trạng xã Xuân Lộc bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

7. Phương án thành lập phường Tân Phú

Thành lập phường Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 105,8 km² và quy mô dân số 77.025 người của xã Tân Phú.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Tân Phú.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Tân Phú.

Việc thành lập phường Tân Phú trên cơ sở nguyên trạng xã Tân Phú bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

8. Phương án thành lập phường Lộc Ninh

Thành lập phường Lộc Ninh thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 67,51 km² và quy mô dân số 31.484 người của xã Lộc Ninh.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Lộc Ninh.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Lộc Ninh.

Việc thành lập phường Lộc Ninh trên cơ sở nguyên trạng xã Lộc Ninh bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

9. Phương án thành lập phường Dầu Giây

Thành lập phường Dầu Giây thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 98,86 km² và quy mô dân số 72.004 người của xã Dầu Giây.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Dầu Giây.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Dầu Giây.

Việc thành lập phường Dầu Giây trên cơ sở nguyên trạng xã Dầu Giây bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

10. Phương án thành lập phường Đồng Phú

Thành lập phường Đồng Phú thuộc tỉnh Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 138,66 km² và quy mô dân số 39.213 người của xã Đồng Phú.

Tên gọi đơn vị hành chính sau thành lập: Phường Đồng Phú.

Địa giới hành chính: Giữ nguyên theo địa giới hành chính hiện hữu của xã Đồng Phú.

Việc thành lập phường Đồng Phú trên cơ sở nguyên trạng xã Đồng Phú bảo đảm ổn định địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, quản lý đất đai, đầu tư phát triển hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng

thời phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương và của tỉnh Đồng Nai.

II. KẾT QUẢ SAU THÀNH LẬP

Như vậy, sau khi thành lập 10 phường, tỉnh Đồng Nai không thay đổi về diện tích tự nhiên, dân số và số lượng đơn vị hành chính cấp xã; chỉ thay đổi cơ cấu loại hình đơn vị hành chính, giảm 10 xã và tăng 10 phường. Cụ thể, tỉnh Đồng Nai có 95 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 62 xã và 33 phường.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

I. KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tích cực

Thành lập các phường sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại và nhất là dịch vụ; tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, phát huy hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại, mở rộng khả năng tiêu thụ hàng hóa và tăng cường thu hút đầu tư trong nước, nước ngoài.

Việc thành lập phường cũng sẽ tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương và của toàn tỉnh. Quá trình hình thành, phát triển đô thị không chỉ gắn với phát triển công nghiệp mà còn gắn chặt với phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường nội thị, tăng cường kết nối với khu vực ngoại thị, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, lưu thông hàng hóa và nâng cao mức sống của Nhân dân.

Sau khi thành lập phường, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ tiếp tục được quan tâm đầu tư đồng bộ, nhất là các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục và thiết chế văn hóa. Qua đó, Nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Đồng thời, quá trình phát triển đô thị cũng tạo điều kiện cho giao lưu, tiếp biến văn hóa, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa xã hội của địa phương.

2. Hạn chế

Bên cạnh những tác động tích cực, việc thành lập phường cũng đặt ra một số khó khăn, thách thức. Lực lượng lao động nhập cư chủ yếu là lao động giản đơn, chưa qua đào tạo, trong khi môi trường kinh tế đô thị đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp và tính kỷ luật lao động cao hơn. Gia tăng dân số cơ học tạo sức ép lên việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, xử lý chất thải và môi trường sống. Một số khu dân cư phát triển nhanh trong khi hạ tầng chưa theo kịp cũng có thể làm gia tăng nguy cơ ùn tắc, tai nạn giao thông và quá tải dịch vụ xã hội. Ngoài ra, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn sẽ phải thực hiện việc điều chỉnh thông tin địa chỉ cho phù hợp sau khi đơn vị hành chính được thành lập.

II. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

1. Tích cực

Thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số là yêu cầu của quá trình đô thị hóa trên địa bàn; về cơ bản không tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống Nhân dân, công tác bảo đảm vệ sinh môi trường, quản lý đất đai; đồng thời không làm phát sinh tăng biên chế. Tổ chức chính quyền đô thị ở phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác quản lý nhà nước về xây dựng, đô thị và quản lý quy hoạch thống nhất.

2. Hạn chế

Việc chuyển từ mô hình chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị có thể khiến đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã bước đầu gặp khó khăn trong tiếp cận chức năng, nhiệm vụ mới. Vì vậy, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

III. TÁC ĐỘNG VỀ ĐẤT ĐAI VÀ MÔI TRƯỜNG

Quá trình xây dựng và phát triển các phường mới sau khi thành lập sẽ tạo diện mạo mới cho các địa phương, gắn với công nghiệp hóa, gia tăng quy mô, mật độ dân số và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, quá trình này cũng tạo áp lực nhất định lên môi trường đô thị. Mức độ tác động phụ thuộc vào tốc độ phát triển kinh tế và hiệu quả thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của từng phường sau khi được thành lập.

Sự phát triển nhanh của các ngành công nghiệp có thể làm gia tăng khí thải, bụi, rác thải, nước thải, qua đó tác động đến chất lượng môi trường không khí, đất và nước. Cùng với quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế, tăng quy mô dân số, tăng thu nhập, khối lượng chất thải rắn từ công nghiệp, xây dựng, thương

mại, cơ sở y tế và hộ gia đình cũng tăng theo. Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, nguy cơ ô nhiễm môi trường sẽ gia tăng.

Dân số tăng nhanh do gia tăng cơ học từ hoạt động công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn sẽ kéo theo nhiều vấn đề cần giải quyết như nhà ở, dịch vụ, thông tin, giáo dục, y tế, hạ tầng kỹ thuật, việc làm và môi trường. Đồng thời, số lượng phương tiện giao thông cá nhân tăng nhanh cũng có thể làm gia tăng khói bụi, áp lực lên hạ tầng và ô nhiễm môi trường không khí.

Ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm có thể phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau như nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt; cùng với đó, một số ao, hồ chứa có nguy cơ bị san lấp để phục vụ xây dựng công trình hạ tầng. Vì vậy, sau khi thành lập phường, cần định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, giải quyết đồng bộ các vấn đề về môi trường, tài nguyên, kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa nhanh và nhu cầu sử dụng đất cho công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng lên sẽ làm diện tích đất nông nghiệp giảm dần, tác động đến sinh kế của một bộ phận người dân. Do đó, cần xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ; chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng hàng hóa, sinh thái, bền vững; đồng thời khuyến khích phát triển ngành nghề phi nông nghiệp để giải quyết việc làm hiệu quả cho khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn.

IV. TÁC ĐỘNG ĐẾN KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ, CẢNH QUAN

Việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã hiện hữu sẽ tạo điều kiện để tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại và có bản sắc; khắc phục dần tình trạng phát triển phân tán, thiếu thống nhất trong quản lý không gian xây dựng ở một số khu vực. Khi mô hình quản lý đô thị được xác lập rõ hơn, công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang các trục đường chính, trung tâm hành chính, khu dân cư, không gian công cộng và hệ thống cây xanh sẽ có điều kiện triển khai chặt chẽ, hiệu quả hơn.

Việc chuyển đổi từ xã sang phường cũng tạo cơ sở pháp lý và thực tiễn để từng bước đầu tư, hoàn thiện các yếu tố nhận diện đô thị như quảng trường, công viên, vườn hoa, tuyến phố văn minh, hệ thống chiếu sáng, biển hiệu, kiến trúc công trình công cộng, các điểm nhấn không gian và cảnh quan dọc các trục giao thông, sông, suối, hồ, khu trung tâm. Qua đó, diện mạo các địa phương sẽ có chuyển biến rõ nét, góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống, nâng tầm hình ảnh đô thị và tăng sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư, người dân và du khách.

Tuy nhiên, quá trình phát triển đô thị sau khi thành lập phường cũng đặt ra yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ kiến trúc, cảnh quan để tránh phát sinh tình trạng xây dựng thiếu đồng bộ, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, thu hẹp không gian công cộng, suy giảm diện tích cây xanh hoặc hình thành các khu dân cư tự phát làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Vì vậy, sau khi thành lập phường, cần tăng cường quản lý quy hoạch, quản lý cấp phép xây dựng, tổ chức chỉnh trang đô thị theo quy hoạch được duyệt; đồng thời ưu tiên đầu tư các không gian xanh, công trình công cộng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và thiết chế văn hóa nhằm bảo đảm phát triển kiến trúc đô thị hài hòa, bền vững, phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Đồng Nai.

V. TÁC ĐỘNG VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Tích cực

Việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy nhà nước từ xã thành phường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nói chung, trong đó có quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh. Cùng với yêu cầu quản lý đô thị chặt chẽ hơn, công tác giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội sẽ được tăng cường; kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần và ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân được nâng lên, qua đó góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quốc phòng - an ninh và giảm thiểu tai nạn giao thông.

2. Hạn chế

Sau khi phường được thành lập, lưu lượng người nước ngoài và người từ địa phương khác đến hợp tác, làm ăn, sinh sống, làm việc trên địa bàn có thể tăng cao, đòi hỏi lực lượng chức năng phải tăng cường quản lý cư trú, lưu trú, bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh thông tin và an toàn cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn. Bên cạnh đó, quá trình thu hút đầu tư, triển khai dự án, thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng có thể tác động đến một bộ phận Nhân dân; do đó cần chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh liên quan đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Hệ thống giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện tăng, các khu công cộng và cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phát triển nhiều hơn; vì vậy, lực lượng chức năng phải tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, trật tự công cộng, quản lý hành chính đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự như cầm đồ, nhà nghỉ, nhà hàng, khách sạn, massage, karaoke, ...

VI. TÁC ĐỘNG VỀ KINH PHÍ

Với vị trí và tiềm năng kinh tế của mình, khi trở thành phường, các địa phương sẽ có điều kiện thuận lợi hơn để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Sau khi thành lập, cần tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông, cải tạo, chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch, từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng và huy động hiệu quả các nguồn lực sẵn có của địa phương. Đồng thời, việc thành lập phường cũng phát sinh nhu cầu kinh phí để mua sắm trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền đô thị.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, rộng khắp.

Bảo đảm thu ngân sách đạt dự toán được giao và sử dụng ngân sách đúng mục đích, hiệu quả.

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại - dịch vụ; nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã; gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường.

Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai và quản lý đô thị.

Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, sửa chữa, nâng cấp các tuyến giao thông; đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện kỷ cương, trật tự trong xây dựng và quản lý đô thị.

Tập trung giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội như đào tạo nghề cho lao động, tạo việc làm, giảm nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp; chăm lo đối tượng chính sách, người có công, trẻ em nghèo, mồ côi, khuyết tật; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và chủ động phòng, chống dịch bệnh.

Đầu tư phát triển các dịch vụ văn hóa lành mạnh, các hoạt động thể dục, thể thao, nhất là theo hình thức xã hội hóa, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng đời sống tinh thần của Nhân dân; phòng, chống hiệu quả các tệ nạn xã hội và hoạt động ảnh hưởng xấu đến môi trường văn hóa; đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, thường xuyên và rộng khắp.

Phát huy dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là trong lĩnh vực thu, chi ngân sách; kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội.

II. MỘT SỐ MỤC TIÊU CỤ THỂ

Huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững; nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa - xã hội; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; giải quyết việc làm; phát triển giáo dục - đào tạo; tăng cường quốc phòng - an ninh; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian tới.

1. Kinh tế

Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu; tiếp tục thu hút đầu tư có chọn lọc vào các dự án công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghệ xanh, thân thiện với môi trường, các ngành có giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh và công nghiệp hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng mới thay thế dần vật liệu truyền thống, phục vụ nhu cầu của ngành xây dựng.

Đẩy mạnh xây dựng và triển khai các chương trình ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số vào phát triển kinh tế - xã hội; đa dạng hóa các loại hình kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân ở các ngành, lĩnh vực; phát triển đội ngũ doanh nghiệp có tiềm lực, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Phát triển các hoạt động thương mại, đặc biệt là mạng lưới phân phối bán lẻ nội địa theo hướng hiện đại, văn minh; phát triển dịch vụ vận tải công cộng, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, tín dụng, logistics và các dịch vụ hỗ trợ công nghiệp; phát triển thị trường bất động sản, nhất là nhà ở và văn phòng cho thuê phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị.

Phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, an toàn, hiện đại; tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

2. Công tác địa chính - nhà đất, xây dựng cơ bản công trình công cộng

- Tăng cường hoạt động của Tổ quản lý trật tự đô thị trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về xây dựng, san lấp mặt bằng, quản lý đất công theo đúng quy định.

- Tập trung giải quyết các hồ sơ khiếu nại, tranh chấp trong lĩnh vực đất đai; xử lý dứt điểm hồ sơ đăng ký còn tồn đọng; đồng thời rà soát, xét duyệt hồ sơ đăng ký bổ sung và hoàn thiện hồ sơ thuộc diện tranh chấp để chuyên cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, tiếp tục phối hợp với các ngành cấp trên triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2026.

3. Y tế - dân số kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục thực hiện các chương trình y tế quốc gia; tuyên truyền, vận động Nhân dân phòng, chống dịch bệnh; chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện vệ sinh môi trường, xử lý rác thải; tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh, trường học nhằm bảo đảm sức khỏe cho Nhân dân.

Tăng cường công tác truyền thông dân số, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm chỉ tiêu tăng dân số tự nhiên hằng năm; quan tâm thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em, vận động xây dựng quỹ bảo vệ, chăm sóc trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật.

4. Về giáo dục đào tạo

Nâng cao tỷ lệ huy động học sinh ra lớp, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tiếp tục quan tâm phát triển sự nghiệp giáo dục; duy trì công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; bảo đảm đội ngũ giáo viên đạt chuẩn; chú trọng giáo dục đạo đức học sinh, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập học đường.

5. Văn hóa xã hội - thông tin thể thao

- Tăng cường công tác tuyên truyền ý nghĩa lịch sử, giáo dục truyền thống cách mạng ở địa phương, các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện tốt việc bảo tồn các di tích văn hóa lịch sử, góp phần giữ gìn truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc. Duy trì và phát triển các phong trào thể dục thể thao.

- Vận động toàn dân ngăn chặn, bài trừ các loại tệ nạn xã hội gắn với việc phát động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa và toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở dịch vụ văn hóa không lành mạnh và chấn chỉnh dịch vụ thông tin quảng cáo.

- Thường xuyên rà soát hệ thống loa của đài truyền thanh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phát thanh.

6. Hoạt động nội chính

6.1. Tổ chức chính quyền

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các phường nhằm nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân; tăng cường năng lực bộ máy hành chính; thực hiện hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông hiện đại”; từng bước nâng cấp nơi làm việc, trang thiết bị cần thiết và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động công vụ nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

6.2. Công tác giữ gìn an ninh trật tự

- Tiếp tục triển khai các phương án bảo đảm an ninh, trật tự; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, không để phát sinh các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

- Tăng cường quản lý địa bàn dân cư, nhân khẩu, hộ khẩu, người Việt Nam ở nước ngoài về cư trú; quản lý, giáo dục các loại đối tượng; quản lý chặt chẽ các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và các điểm nhà trọ cho thuê; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, vận động Nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm; bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện Luật dân quân tự vệ, đồng thời tập trung củng cố, xây dựng lực lượng dân quân và nâng cao hơn nữa về nhận thức trách nhiệm và hiệu quả hoạt động.

6.3. Tư pháp

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nhất là trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, trật tự xã hội và xử lý vi phạm hành chính; tập trung giải quyết đơn thư tranh chấp, khiếu nại của Nhân dân theo đúng quy định.

III. VỀ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của 10 phường sau khi thành lập cơ bản được kế thừa từ bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các xã hiện

có; đồng thời được sắp xếp, bố trí lại một số chức danh cho phù hợp với tính chất đơn vị hành chính đô thị. Trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy, sẽ chú trọng bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân 10 phường, sẽ tổ chức bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường và các chuyên đề liên quan đến quản lý đô thị, xây dựng nhằm phát huy tốt hơn vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

IV. LỘ TRÌNH, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CÁC TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ HIỆN CÒN CHƯA ĐẠT

Việc thành lập 10 phường trên cơ sở nguyên trạng các xã nêu trên là bước đi cần thiết, phù hợp với yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và định hướng phát triển đô thị của tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, đối với một số tiêu chuẩn đô thị hiện còn chưa đạt hoặc đạt chưa bền vững, tỉnh sẽ tập trung triển khai lộ trình khắc phục theo hướng rõ nhiệm vụ, rõ cơ quan chủ trì, rõ nguồn lực và rõ mốc thời gian thực hiện, bảo đảm đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Trước hết, tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch có liên quan; xác định rõ các khu vực ưu tiên đầu tư, chỉnh trang, phát triển mới; quản lý chặt chẽ không gian kiến trúc, cảnh quan, chỉ giới xây dựng, tầng cao, mật độ xây dựng và hạ tầng kỹ thuật khung để bảo đảm phát triển đô thị đúng định hướng, tránh đầu tư manh mún, chồng chéo.

Đồng thời, tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư hoàn thiện các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu, nhất là hệ thống giao thông đô thị, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, công trình công cộng, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, hạ tầng số và các thiết chế phục vụ dân sinh. Quá trình đầu tư được thực hiện theo thứ tự ưu tiên, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và gắn với đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách.

Cùng với đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị; kiện toàn bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về đất đai, xây dựng, môi trường và trật tự đô thị; phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và sự đồng thuận, tham gia của Nhân dân trong quá trình xây dựng, chỉnh trang và phát triển đô thị.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sẽ tập trung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể để từng bước khắc phục các tiêu chuẩn đô thị còn chưa đạt; định kỳ đánh giá tiến độ thực hiện, kịp thời điều chỉnh giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, phấn đấu hoàn thiện đầy

đủ các tiêu chuẩn theo quy định, tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và phát triển Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong giai đoạn tới.

Phần thứ năm **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

I. Kết luận

Việc thành lập các phường: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Xuân Lộc, Dầu Giây, Tân Phú, Trị An, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và yêu cầu phát triển của tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là việc chuyển đổi loại hình đơn vị hành chính, mà còn là bước sắp xếp lại không gian quản lý và tổ chức mô hình quản trị phù hợp hơn với quá trình đô thị hóa đang diễn ra ngày càng rõ trên các địa bàn nêu trên.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên, mức độ đô thị hóa, điều kiện kết cấu hạ tầng, định hướng quy hoạch và yêu cầu quản lý nhà nước, có đủ căn cứ để xác định việc thành lập các phường nêu trên là có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn; đáp ứng yêu cầu tổ chức quản lý phù hợp hơn, chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn đối với các địa bàn đã và đang hình thành ngày càng rõ đặc trưng đô thị.

Việc thành lập các phường sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; bảo đảm tốt hơn yêu cầu quản lý dân cư, đất đai, xây dựng, trật tự đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để tiếp tục huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, chỉnh trang không gian đô thị và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

Đối với những tiêu chuẩn đô thị hiện còn chưa đạt hoặc cần tiếp tục hoàn thiện, Đề án đã nhận diện rõ nội dung, xác định lộ trình và đề ra giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Việc này vừa bảo đảm tính khả thi của Đề án, vừa tạo cơ sở để tổ chức thực hiện đồng bộ, tránh tư tưởng nóng vội, hình thức hoặc dàn trải nguồn lực.

Từ những căn cứ nêu trên, có thể khẳng định việc thành lập các phường: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Xuân Lộc, Dầu Giây, Tân Phú, Trị An, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh là phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng định hướng phát triển của tỉnh và đủ cơ sở để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

II. Kiến nghị

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét, chấp thuận Đề án thành lập các phường: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Xuân Lộc, Dầu Giây, Tân Phú, Trị An, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh thuộc tỉnh Đồng Nai để làm cơ sở tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ, đúng quy định; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển đô thị và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân trên địa bàn.

Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sẽ tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện chặt chẽ, bảo đảm ổn định tổ chức bộ máy, không làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân; đồng thời tiếp tục tập trung nguồn lực để hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị còn chưa đạt, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang kiến trúc, cảnh quan đô thị và nâng cao chất lượng quản lý trên địa bàn các phường mới.

Trên đây là Đề án thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Xuân Lộc, Dầu Giây, Tân Phú, Trị An, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh thuộc tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2026

PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP 10 PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Đề án số: -ĐA/TU ngày tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: LONG THÀNH, NHƠN TRẠCH, TRĂNG BOM

TT	TIÊU CHÍ	Long Thành		Nhơn Trạch		Trăng Bom	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số (từ 21.000 người trở lên)	95.992 người	Đạt	156.839 người	Đạt	95.502 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (từ 5,5 km ² trở lên)	130,12 km ²	Đạt	108,046 km ²	Đạt	68,77 km ²	Đạt
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt

TT	TIÊU CHÍ	Long Thành		Nhơn Trạch		Trảng Bom	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính (từ 50% trở lên)	50,21%	Đạt	32%	Đạt	50,24%	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội						
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương ($\geq 100\%$)	100,85%	Đạt	176,43%	Đạt	102,42%	Đạt
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP (70%)	73,07%	Đạt	81%	Đạt	93,96%	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ($\geq 70\%$)	85%	Đạt	91%	Đạt	75%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh trong 03 năm gần nhất (86 triệu đồng/người)	93,05 triệu đồng/người	Đạt	97,51 triệu đồng/người	Đạt	94 triệu đồng/người	Đạt

TT	TIÊU CHÍ	Long Thành		Nhơn Trạch		Trảng Bom	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh trong 03 năm gần nhất (0,28%/năm)	0,19%	Đạt	0,08%	Đạt	0,07%	Đạt

II. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: DẦU GIÂY, XUÂN LỘC, TÂN PHÚ

TTT	TIÊU CHÍ	Dầu Giây		Xuân Lộc		Tân Phú	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số (từ 21.000 người trở lên)	72.004	Đạt	101.485 người	Đạt	77.025 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (từ 5,5 km ² trở lên)	98,86km	Đạt	140,5 km ²	Đạt	105,8 km ²	Đạt
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Là trung tâm, cấp tiểu vùng trong tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tiểu Vùng Phía Đông của tỉnh	Đạt

TTT	TIÊU CHÍ	Dầu Giây		Xuân Lộc		Tân Phú	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của ĐVHC (từ 50% trở lên)	50,30%	Đạt	54,24	Đạt	50,13%	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội						
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương ($\geq 100\%$)	100%	Đạt	103,54%	Đạt	100%	Đạt
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP (70%)	83%	Đạt	91,82%	Đạt	72,51%	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ($\geq 70\%$)	75%	Đạt	78,64%	Đạt	71,27%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh trong 03 năm gần nhất (86 triệu đồng/người)	92,4 triệu đồng/người	Đạt	101,4 triệu đồng/người	Đạt	86 triệu đồng/người	Đạt
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo	0,16%	Đạt	0,23%	Đạt	0,23%	Đạt

TTT	TIÊU CHÍ	Dầu Giây		Xuân Lộc		Tân Phú	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
	của tỉnh trong 03 năm gần nhất (0,28%/năm)						

III. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: TRỊ AN, ĐỒNG PHÚ, TÂN KHAI, LỘC NINH

TT	TIÊU CHÍ	Trị An		Đồng Phú		Tân Khai		Lộc Ninh	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số (từ 21.000 người trở lên)	51.757 người	Đạt	39.216	Đạt	39.147 người	Đạt	32.291	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (từ 5,5 km ² trở lên)	660,47 km ²	Đạt	138,66km ²	Đạt	161,79 km ²	Đạt	67,51 km ²	Đạt
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt

TT	TIÊU CHÍ	Trị An		Đồng Phú		Tân Khai		Lộc Ninh	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của ĐVHC (từ 50% trở lên)	62,75%	Đạt	50,6%	Đạt	50,48%	Đạt	50,09%	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội								
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương ($\geq 100\%$)	131%	Đạt	100%	Đạt	156%	Đạt	103,5%	Đạt
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP ($\geq 70\%$)	71,79%	Đạt	93%	Đạt	71%	Đạt	70,14%	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ($\geq 70\%$)	71%	Đạt	72,3%	Đạt	71,2%	Đạt	72%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh	87 triệu đồng/người	Đạt	91,68 triệu đồng/người	Đạt	86,45 triệu đồng/người	Đạt	89,31 triệu đồng/người	Đạt

TT	TIÊU CHÍ	Trị An		Đồng Phú		Tân Khai		Lộc Ninh	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
	trong 03 năm gần nhất (86 triệu đồng/người)								
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh trong 03 năm gần nhất (0,28%/năm)	0%	Đạt	0,01%	Đạt	0%	Đạt	0%	Đạt